

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

BÙI THỊ VÂN ANH

**ĐẶC ĐIỂM GIAO TIẾP
CỦA NGƯỜI NGHỈ HƯU Ở HÀ NỘI**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ TÂM LÝ HỌC

HÀ NỘI - 2013

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

BÙI THỊ VÂN ANH

**ĐẶC ĐIỂM GIAO TIẾP
CỦA NGƯỜI NGHỈ HƯU Ở HÀ NỘI**

Chuyên ngành: Tâm lý học chuyên ngành

Mã số: 62 31 80 05

LUẬN ÁN TIẾN SĨ TÂM LÝ HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

1. GS. TS. TRẦN HỮU LUYẾN

2. TS. NGUYỄN THỊ HOA

HÀ NỘI - 2013

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các dữ liệu và kết quả nêu trong luận án là trung thực và chưa từng công bố trong bất kỳ công trình nghiên cứu nào khác.

Tác giả luận án

Bùi Thị Vân Anh

.

MỤC LỤC

Trang

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU	
DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ, SƠ ĐỒ	
MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN NGHIÊN CỨU ĐẶC ĐIỂM GIAO TIẾP CỦA NGƯỜI NGHỈ HƯU Ở HÀ NỘI	6
1.1. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU ĐẶC ĐIỂM GIAO TIẾP CỦA NGƯỜI NGHỈ HƯU	6
1.1.1. Những nghiên cứu nước ngoài	26
1.1.2. Những nghiên cứu trong nước	35
1.2. LÝ LUẬN VỀ ĐẶC ĐIỂM GIAO TIẾP CỦA NGƯỜI NGHỈ HƯU	35
1.2.1. Khái niệm giao tiếp	35
1.2.2. Các cấu thành của giao tiếp	38
1.2.3. Người nghỉ hưu	45
1.2.4. Đặc điểm giao tiếp của người nghỉ hưu	53
1.2.5. Đặc điểm giao tiếp của người nghỉ hưu ở Hà Nội	62
1.2.6. Các yếu tố tác động đến đặc điểm giao tiếp của người nghỉ hưu ở Hà Nội	65
CHƯƠNG 2: TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU ĐẶC ĐIỂM GIAO TIẾP CỦA NGƯỜI NGHỈ HƯU Ở HÀ NỘI	71
2.1. TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU	71
2.1.1. Khách thể và địa bàn nghiên cứu	71
2.1.2. Các giai đoạn nghiên cứu	73
2.2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU LÝ LUẬN	77
2.2.1. Mục đích của nghiên cứu lý luận	77
2.2.2. Nội dung nghiên cứu lý luận	77
2.2.3. Phương pháp nghiên cứu lý luận	78
2.3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU THỰC TIỄN	78
2.3.1. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi	78
2.3.2. Phương pháp chuyên gia	82
2.3.3. Phương pháp phỏng vấn sâu cá nhân	82
2.3.4. Phương pháp quan sát	83
2.3.5. Phương pháp phân tích sản phẩm hoạt động	83
2.3.6. Phương pháp nghiên cứu trường hợp	84

2.3.7. Phương pháp xử lý số liệu bằng thống kê toán học	84
CHƯƠNG 3: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU THỰC TIỄN ĐẶC ĐIỂM GIAO TIẾP CỦA NGƯỜI NGHỈ HƯU Ở HÀ NỘI	90
3.1.THỰC TRẠNG ĐẶC ĐIỂM GIAO TIẾP CỦA NGƯỜI NGHỈ HƯU Ở HÀ NỘI	90
3.1.1.Thực trạng chung đặc điểm giao tiếp của người nghỉ hưu ở Hà Nội	90
3.1.2. Thực trạng đặc điểm nhu cầu giao tiếp của người nghỉ hưu ở Hà Nội	91
3.1.3. Thực trạng đặc điểm đối tượng giao tiếp của người nghỉ hưu ở Hà Nội	100
3.1.4. Thực trạng đặc điểm nội dung giao tiếp của người nghỉ hưu ở Hà Nội	110
3.1.5. Thực trạng đặc điểm hình thức giao tiếp của người nghỉ hưu ở Hà Nội	119
3.2.MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐẶC ĐIỂM GIAO TIẾP CỦA NGƯỜI NGHỈ HƯU Ở HÀ NỘI VỚI MỘT SỐ YẾU TỐ CÁ NHÂN VÀ XÃ HỘI	129
3.2.1.Mối tương quan giữa đặc điểm giao tiếp của người nghỉ hưu ở Hà Nội với các yếu tố cá nhân	129
3.2.2. Mối tương quan giữa đặc điểm giao tiếp của người nghỉ hưu ở Hà Nội với các yếu tố xã hội	134
3.2.3. Mức độ tác động của các yếu tố đến đặc điểm giao tiếp của người nghỉ hưu ở Hà Nội	138
3.3. ĐẶC ĐIỂM GIAO TIẾP CỦA NGƯỜI NGHỈ HƯU Ở HÀ NỘI QUA NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP	141
3.4. MỘT SỐ BIỆN PHÁP TÂM LÝ TĂNG CƯỜNG GIAO TIẾP CHO NGƯỜI NGHỈ HƯU Ở HÀ NỘI	158
3.4.1. Biện pháp tăng cường giao tiếp cho người nghỉ hưu qua nhận thức	158
3.4.2. Biện pháp cải thiện mối quan hệ trong gia đình	159
3.4.3.Biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức xã hội dành cho người nghỉ hưu	160
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	162
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ	167
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	168
PHỤ LỤC	175
MỤC LỤC CỦA PHỤ LỤC	176

DANH MỤC CHỮ CÁI VIẾT TẮT

Stt	Các chữ viết tắt	Xin đọc là
1.	ĐTB	Điểm trung bình
2.	ĐLC	Độ lệch chuẩn
3.	ĐTGT	Đối tượng giao tiếp
4.	GĐ	Gia đình
5.	GT	Giao tiếp
6.	HĐ	Hoạt động
7.	NNH	Người nghỉ hưu
8.	NC	Nhu cầu
9.	NCGT	Nhu cầu giao tiếp
10.	NCT	Người cao tuổi
11.	TĐ	Trao đổi
12.	XH	Xã hội

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

	Trang
Bảng 2.1. Một số đặc điểm của khách thể nghiên cứu.....	71
Bảng 3.1: Thực trạng chung về đặc điểm giao tiếp của người nghỉ hưu ở Hà Nội.....	90
Bảng 3.2. Các biểu hiện về nhu cầu giao tiếp của người nghỉ hưu ở Hà Nội.....	92
Bảng 3.3. Đối tượng giao tiếp của người nghỉ hưu ở Hà Nội.....	101
Bảng 3.4: Các biểu hiện nội dung giao tiếp của người nghỉ hưu ở Hà Nội	111
Bảng 3.5. Hình thức giao tiếp của người nghỉ hưu ở Hà Nội.....	120
Bảng 3.6: Cảm nhận của người nghỉ hưu ở Hà Nội về vai trò, vị thế của họ trong gia đình, xã hội.....	130
Bảng 3.7: Tự nhận xét của người nghỉ hưu ở Hà Nội về tính cách hướng nội, hướng ngoại của bản thân.....	132
Bảng 3.8: Các biểu hiện về mối quan hệ trong gia đình người nghỉ hưu ở Hà Nội ..	135
Bảng 3.9. Mức độ tác động của các yếu tố chủ quan và khách quan đến đặc điểm giao tiếp của người nghỉ hưu ở Hà Nội.....	138

DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ, BIỂU ĐỒ

	Trang
Biểu đồ 3.1. Nhu cầu giao tiếp của người nghỉ hưu ở Hà Nội.....	92
Biểu đồ 3.2. Đối tượng giao tiếp của người nghỉ hưu ở Hà Nội	100
Biểu đồ 3.3. Nội dung giao tiếp của người nghỉ hưu ở Hà Nội	110
Biểu đồ 3.4. Hình thức giao tiếp của người nghỉ hưu ở Hà Nội	119

MỞ ĐẦU

1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

1.1. Giao tiếp có vai trò đặc biệt quan trọng đối với tiến trình phát triển của lịch sử xã hội, cũng như quá trình hình thành và phát triển của từng nhân cách. Giao tiếp là nhu cầu không thể thiếu được của con người, cùng với hoạt động, giao tiếp đã trở thành một phương thức tồn tại xã hội của con người. K.Marx đã chỉ ra rằng: “Sự phát triển của mỗi cá nhân được quy định bởi sự phát triển của tất cả các cá nhân khác mà nó giao lưu một cách trực tiếp và gián tiếp với họ”[53; 183].

1.2. Người nghỉ hưu là lớp người đã có nhiều cống hiến cho xã hội, tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong cuộc sống. Người nghỉ hưu giữ một vai trò vô cùng quan trọng trong gia đình, xã hội nên việc quan tâm, chăm sóc đời sống vật chất, tinh thần, tiếp tục phát huy vai trò của họ không những thể hiện tình cảm, đạo lý, truyền thống mà còn có ý nghĩa giáo dục cho lớp trẻ hiện nay. Đó cũng là trách nhiệm của Nhà nước và của toàn xã hội.

Đối với người nghỉ hưu, sự thay đổi căn bản hoạt động, vị trí và vai trò xã hội đã làm ảnh hưởng đáng kể đến cuộc sống của họ nói chung, giao tiếp nói riêng. Từ chỗ tham gia hoạt động chuyên môn hàng ngày, có điều kiện tiếp xúc với nhiều người chuyển sang trạng thái nghỉ ngơi, môi trường hoạt động bị thu hẹp, quan hệ xã hội và giao tiếp chính thức giảm đi, thay vào đó là các giao tiếp không chính thức. Phạm vi, đối tượng, nội dung giao tiếp của người nghỉ hưu có sự thay đổi khiến cho cuộc sống của họ có nhiều biến động... Nhiều người không thích nghi được với giai đoạn mới của cuộc sống đã rơi vào trạng thái stress, rối loạn tâm thần, gây tác động xấu đến tâm lý, sức khỏe và cuộc sống của bản thân cũng như những người thân trong gia đình họ. Chính vì vậy, việc đi sâu nghiên cứu những đặc điểm giao tiếp của người nghỉ hưu để có thể hiểu sâu hơn về giao tiếp nói riêng, đời sống tâm lý của họ nói chung và đưa ra các biện pháp hỗ trợ giúp người nghỉ hưu điều chỉnh hoạt động, giao tiếp để họ thích nghi tốt hơn với cuộc sống mới là việc làm có ý nghĩa về mặt thực tiễn cũng như lý luận.

1.3. Ở Việt Nam trước đây, do nhiều nguyên nhân như chiến tranh, đói nghèo... trong một thời gian dài, vấn đề người cao tuổi cũng như người nghỉ hưu ít được chú ý tới. Những năm gần đây, vấn đề này đã được Đảng và Nhà nước quan tâm, chú ý. Một số Viện nghiên cứu, tổ chức, cơ quan đã quan tâm, nghiên cứu đến người cao tuổi như: Viện Bảo vệ sức khỏe người cao tuổi (Bộ Y Tế), Viện xã hội học, Báo Người cao tuổi... Nội dung của các nghiên cứu chủ yếu đề cập đến vấn đề chăm sóc sức khỏe thể

chất cũng như tinh thần cho người cao tuổi. Một số cơ quan đã phối hợp mở các cuộc điều tra xã hội học về người cao tuổi nhằm đưa ra một hệ thống an sinh xã hội đảm bảo cuộc sống cho người cao tuổi. Nhìn chung còn thiếu những công trình tiếp cận về giao tiếp của người nghỉ hưu từ góc độ khoa học tâm lý.

Xuất phát từ những lý do trên, chúng tôi lựa chọn đề tài nghiên cứu: “Đặc điểm giao tiếp của người nghỉ hưu ở Hà Nội”.

2. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU

Chỉ ra đặc điểm giao tiếp của người nghỉ hưu ở Hà Nội, đề xuất một số biện pháp tâm lý tăng cường giao tiếp cho người nghỉ hưu.

3. ĐỐI TƯỢNG VÀ KHÁCH THỂ NGHIÊN CỨU

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Biểu hiện đặc điểm giao tiếp của người nghỉ hưu ở Hà Nội.

3.2. Khách thể nghiên cứu

Khách thể nghiên cứu gồm: 305 người nghỉ hưu hiện đang sống ở Hà Nội.

4. GIẢ THUYẾT KHOA HỌC

4.1. Do sự thay đổi hoạt động nên nhu cầu, đối tượng, nội dung, hình thức giao tiếp của người nghỉ hưu cũng có sự thay đổi. Nhu cầu GT của người nghỉ hưu không cao, người nghỉ hưu chủ yếu giao tiếp với người thân trong gia đình, nội dung giao tiếp chủ yếu về các vấn đề sức khỏe, các vấn đề trong cuộc sống gia đình, cá nhân, hình thức giao tiếp phong phú.

4.2. Có nhiều yếu tố tác động đến đặc điểm GT của người nghỉ hưu ở Hà Nội, trong đó, sự cảm nhận của người nghỉ hưu về vị thế, vai trò XH sau khi nghỉ hưu, mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình người nghỉ hưu, cách thức tổ chức hoạt động của các tổ chức XH dành cho người nghỉ hưu ở cụm dân cư hiện nay, tính cách (hướng nội, hướng ngoại) của người nghỉ hưu là những yếu tố chi phối mạnh mẽ đến đặc điểm GT của người nghỉ hưu ở Hà Nội.

5. NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU

5.1. Xây dựng cơ sở lý luận nghiên cứu GT của người nghỉ hưu như khái niệm GT, đặc điểm GT của người nghỉ hưu, các cấu thành của giao tiếp, biểu hiện, tiêu chí xem xét và các yếu tố ảnh hưởng đến đặc điểm GT của người nghỉ hưu ở Hà Nội.

5.2. Làm rõ thực trạng đặc điểm GT và những yếu tố ảnh hưởng đến đặc điểm GT của người nghỉ hưu ở Hà Nội.

5.3. Đề xuất một số biện pháp tâm lý tăng cường giao tiếp cho người nghỉ hưu ở Hà Nội.

6. GIỚI HẠN NGHIÊN CỨU

6.1. Giới hạn nội dung nghiên cứu

- Luận án chỉ tập trung tìm hiểu về những khía cạnh cơ bản trong GT của người nghỉ hưu ở Hà Nội như: Đặc điểm nhu cầu GT, đặc điểm đối tượng GT, đặc điểm nội dung GT, đặc điểm hình thức GT.

- Chỉ lựa chọn một số yếu tố ảnh hưởng đến GT của người nghỉ hưu, đó là các yếu tố cá nhân (tính cách, cảm nhận của người nghỉ hưu về vị thế, vai trò của họ trong GD và XH khi nghỉ hưu), các yếu tố XH (mối quan hệ trong GD người nghỉ hưu, cách thức tổ chức hoạt động của các tổ chức XH dành cho người nghỉ hưu ở cụm dân cư hiện nay).

- Do người nghỉ hưu ít có hoạt động chung, nên chỉ đề xuất biện pháp và xem xét qua nghiên cứu trường hợp, chứ không làm thực nghiệm về tính khả thi của biện pháp đề xuất.

6.2. Giới hạn về khách thể nghiên cứu

Luận án nghiên cứu 305 khách thể là công chức, viên chức, công nhân nghỉ hưu ở Hà Nội. Đây là những người nghỉ hưu hoàn toàn khỏe mạnh cả về thể chất và tinh thần.

6.3. Giới hạn địa bàn nghiên cứu

Chỉ nghiên cứu người nghỉ hưu trên địa bàn thành phố Hà Nội. Các đặc điểm địa lý, kinh tế, XH các vùng miền như là một biến số độc lập ảnh hưởng đến đặc điểm GT của người nghỉ hưu không được đặt ra trong nghiên cứu này.

7. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

7.1. Phương pháp tiếp cận

- *Phương pháp tiếp cận liên ngành tâm lý học XH và tâm lý học cá nhân*: Giao tiếp được các ngành tâm lý học xã hội, công tác xã hội và tâm lý học cá nhân nghiên cứu, do đó đặc điểm giao tiếp của NNH cần được xem xét theo tiếp cận liên ngành các khoa học này.

- *Phương pháp tiếp cận hoạt động và GT*: Với tính chất là một cá nhân, chủ thể nào cũng có NCGT, nhu cầu XH đầu tiên có ở con người. GT có mặt trong mọi hoạt động của con người. GT và hoạt động xác lập và vận hành các quan hệ người – người, hiện thực hóa các quan hệ XH giữa chủ thể này với chủ thể khác. Do đó, muốn tìm hiểu

đặc điểm GT của người nghỉ hưu phải nghiên cứu thông qua các hoạt động thực tiễn của họ trong GD, XH và trong mối quan hệ của họ với những người khác.

- *Phương pháp tiếp cận phát triển và hệ thống*: Con người là một thực thể XH, GT của con người chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố khác nhau, trong đó có các yếu tố tâm lý cá nhân và yếu tố tâm lý XH. Do đó, GT của người nghỉ hưu phải được xem xét như là kết quả tác động của nhiều yếu tố và giá trị nhân cách của từng người. Luận án nghiên cứu đặc điểm GT của người nghỉ hưu dựa trên mối quan hệ của một số yếu tố như yếu tố cá nhân và yếu tố XH.

Về hưu là một bước trong quá trình phát triển của đời người. Khi hoạt động của người nghỉ hưu thay đổi (về phạm vi, tính chất...) dẫn đến những thay đổi về tâm lý của họ, trong đó có GT. GT của người nghỉ hưu có thể xem như một bước phát triển mới trong cuộc đời của người nghỉ hưu.

7.2. Các phương pháp nghiên cứu cụ thể

7.2.1. Nhóm các phương pháp nghiên cứu lý luận

7.2.1.1. Phương pháp nghiên cứu văn bản, tài liệu

7.2.1.2. Phương pháp chuyên gia

7.2.2. Nhóm các phương pháp nghiên cứu thực tiễn

7.2.2.1. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi

7.2.2.2. Phương pháp phỏng vấn sâu

7.2.2.3. Phương pháp quan sát

7.2.2.4. Phương pháp phân tích sản phẩm hoạt động

7.2.2.5. Phương pháp nghiên cứu trường hợp

7.2.2.6. Phương pháp xử lý số liệu bằng thống kê toán học.

8. ĐÓNG GÓP MỚI CỦA LUẬN ÁN

8.1. Đóng góp về mặt lý luận

Làm rõ lý luận về GT, đặc điểm GT, đặc điểm GT của người nghỉ hưu và các cấu thành như: nhu cầu giao tiếp (NCGT), đối tượng GT, nội dung GT, hình thức GT, tiêu chí và một số yếu tố cá nhân và XH tác động đến đặc điểm GT của người nghỉ hưu cũng như quan điểm lý luận về việc đề xuất các biện pháp tâm lý tăng cường giao tiếp cho người nghỉ hưu ở Hà Nội. Những kết quả này góp phần bổ sung thêm lý luận về GT nói chung và GT của người nghỉ hưu nói riêng.

8.2. Đóng góp về mặt thực tiễn

Đã xác định được rõ đặc điểm GT của người nghỉ hưu ở Hà Nội là có NCGT cao, đối tượng GT chủ yếu với người thân trong gia đình và bạn bè là những người quen biết cũ, có tính cách, sở thích phù hợp, nội dung GT chủ yếu về vấn đề sức khỏe, họ hàng, quê hương, tâm linh, cuộc sống GD, cá nhân, hình thức GT khá phong phú.

Các yếu tố tâm lý cá nhân và XH ảnh hưởng đến GT của người nghỉ hưu ở Hà Nội ở các mức độ khác nhau. Trong đó, cảm nhận của người nghỉ hưu về vai trò, vị thế của họ trong GD và XH là yếu tố có ảnh hưởng mạnh nhất đến hình thức GT của người nghỉ hưu, mối quan hệ trong GD là yếu tố có ảnh hưởng mạnh nhất đến nội dung GT, nhu cầu GT của người nghỉ hưu, cách thức tổ chức hoạt động của các tổ chức XH dành cho người nghỉ hưu ở cụm dân cư hiện nay là yếu tố có ảnh hưởng mạnh nhất đến đối tượng GT của người nghỉ hưu.

Nghiên cứu đã đề xuất một số biện pháp tâm lý tăng cường GT cho người nghỉ hưu ở Hà Nội thông qua nhận thức, cải thiện mối quan hệ trong GD, nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức XH dành cho người nghỉ hưu ở cụm dân cư.

Những kết quả lý luận và thực tiễn của đề tài có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các nhà hoạch định chính sách xã hội ở Việt Nam (đặc biệt là những chính sách về an sinh xã hội và những chính sách về người nghỉ hưu) cũng như việc chăm sóc người nghỉ hưu ở nước ta hiện nay.

9. CẤU TRÚC CỦA LUẬN ÁN

Luận án ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Kiến nghị, Danh mục Tài liệu tham khảo và Phụ lục về tài liệu nghiên cứu, gồm 3 chương sau:

- Chương 1: Cơ sở lý luận nghiên cứu đặc điểm giao tiếp của người nghỉ hưu ở Hà Nội
- Chương 2: Tổ chức thực hiện và phương pháp nghiên cứu đặc điểm giao tiếp của người nghỉ hưu ở Hà Nội
- Chương 3: Kết quả nghiên cứu thực tiễn về đặc điểm giao tiếp của người nghỉ hưu ở Hà Nội

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN NGHIÊN CỨU

ĐẶC ĐIỂM GIAO TIẾP CỦA NGƯỜI NGHỈ HƯU

Ở HÀ NỘI

1.1. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU ĐẶC ĐIỂM GIAO TIẾP CỦA NGƯỜI NGHỈ HƯU

1.1.1. NHỮNG NGHIÊN CỨU NƯỚC NGOÀI

1.1.1.1 Nghiên cứu về giao tiếp

Giao tiếp là vấn đề được nhiều tác giả nghiên cứu khoa học nói chung và tâm lý học nói riêng quan tâm.

Theo các nhà sử học, mối quan tâm đáng kể về GT được đưa ra trong Kinh thánh và vai trò của nó trong cuộc sống con người được diễn tả đầu tiên vào thế kỷ 15 trước Công nguyên [dẫn theo 58 ;45]

Aristote (385-322 TCN) và thầy giáo của mình là Platon (427-347 TCN) tập trung tìm hiểu GT sớm. Cả hai đều coi GT một mặt là một nghệ thuật hay một kỹ năng để thực hành, mặt khác là một lĩnh vực nghiên cứu [dẫn theo 58;45].

Thế kỷ XIX có nhiều nhà triết học đề cập đến vấn đề GT như Hegel (1770 - 1831); Feuerbach(1804 - 1872); K.Marx (1818 - 1883).[2; 161].

Trong một thời gian dài, GT chưa được nghiên cứu dưới góc độ khoa học tâm lý. Chỉ đến thế kỉ XX, GT mới được các nhà tâm lý học thật sự quan tâm. Hiện nay, có thể xếp những công trình nghiên cứu GT theo những hướng sau:

a) Hướng nghiên cứu coi giao tiếp là quá trình truyền thông tin

Hướng nghiên cứu này xuất hiện vào giữa thế kỷ XX trong lĩnh vực liên ngành của điều khiển học, lý thuyết thông tin và lý thuyết hệ thống với tâm lý học. Những nhà khoa học theo hướng này là N.Wiener (1948), C.Senen (1949), Moles (1971). Moles (1971) cho rằng GT là lý luận về các hệ thống phức hợp tự kiểm soát. Theo ông thông tin không chỉ bao gồm ngôn ngữ nói và viết mà còn cả các mã và tín hiệu; GT là một quá trình phát và nhận tin; trao đổi thông tin có thể diễn ra trực tiếp hoặc gián tiếp.

Quá trình GT có thể mô tả bằng quá trình truyền tin qua bộ mã hóa thông tin, bộ phát thông tin, môi trường truyền thông tin, bộ nhận thông tin, bộ giải mã và quá trình

phản hồi. Thông tin nhận được có thể bị biến đổi do nhiễu hoặc/ và do giải mã không tương thích với mã hóa. Người nhận thông tin có thể dùng phản hồi để nhận được thông tin chính xác hơn.

Việc gạt bỏ các yếu tố tâm lý cá nhân, văn hóa, XH ra khỏi quá trình GT của quan điểm truyền thông tin đã làm đơn giản hóa quá trình GT, giúp các nhà nghiên cứu đi sâu vào khía cạnh trao đổi thông tin nhưng lại làm cho việc lí giải sự biến dạng thông tin trở nên khó khăn, vì yếu tố nhận thức, động cơ, NC của cá nhân cũng như phẩm chất tâm lý của họ cũng góp phần vào cơ chế lọc tin (gồm cảm nhận, suy diễn, chọn lựa, mã hóa và giải mã). Ngoài ra, nếu xem xét GT như quá trình truyền thông tin thì chúng ta đã đánh mất một tính chất quan trọng nhất của GT là đặc trưng XH của nó.

b) Hướng coi giao tiếp là một dạng, một loại hình của hoạt động

Hướng nghiên cứu này do A.N.Leonchev khởi xướng vào thập kỷ 30 của thế kỉ XX. Theo quan điểm của A.N.Leonchev, đôi khi trong thực tế chỉ có thể coi GT là điều kiện của hoạt động hoặc khía cạnh của hoạt động. Những nhà tâm lý học Liên Xô đã theo hướng này như: G.M Andreeva, A.A. Bodalev, P.IaGalperin...

Theo A.N.Leonchev, “Hoạt động là một quá trình thực hiện sự chuyển hóa lẫn nhau giữa hai cực chủ thể - khách thể” [dẫn theo 18;93]. Kết quả của hoạt động là khách thể (đối tượng) được cải tạo, tâm lý của chủ thể có sự thay đổi.

Vào những năm 70 của thế kỷ XX, dựa trên quan điểm của A.N.Leonchev, A.A. Leonchev xem GT như là một dạng của hoạt động. Ông cho rằng, cũng như những dạng hoạt động khác, GT nhằm đạt được những mục đích xác định, đồng thời do những động cơ nhất định thúc đẩy, GT được diễn ra nhờ các phương tiện ngôn ngữ, phi ngôn ngữ. Ông đưa ra định nghĩa về GT: “*GT là một hệ thống những quá trình có mục đích, có động cơ bảo đảm sự tương tác giữa người này với người khác trong hoạt động tập thể, thực hiện các quan hệ XH và nhân cách, các hoạt động tâm lý và sử dụng những phương tiện đặc thù, trước hết là ngôn ngữ*” [dẫn theo 20; 345].

A.A.Leonchev cho rằng GT là hoạt động XH [dẫn theo 20; 364] và được chia thành hai kiểu cơ bản: GT định hướng – đối tượng và GT “thuần túy” [dẫn theo 20; 356 – 357]. GT “thuần túy” phân thành GT định hướng XH và GT định hướng nhân cách. GT định hướng nhân cách lại được phân thành hai kiểu: GT nói và hoạt động giao tiếp hình thức.

A.A. Leonchev cho rằng: “Đối tượng của GT không phải là một con người hay một số người cụ thể, mà hoặc là một tương tác (trong GT định hướng XH, đối tượng trực tiếp cũng có thể là những quan hệ XH) hoặc là những quan hệ qua lại tâm lý giữa người này với người khác. Chủ thể là tính cộng đồng (trong tất cả các kiểu GT định hướng XH) [dẫn theo 20; 361]. A.A.Leonchev đã đưa ra định nghĩa riêng cho chủ thể và đối tượng cho từng GT nói trên [dẫn theo 20; 360 – 361].

Trong GT định hướng – đối tượng, chủ thể và đối tượng của GT vẫn được giữ nguyên như trong các loại hình hoạt động khác. Trong GT định hướng XH, đối tượng của GT không phải là một con người hay một số người cụ thể mà là một tương tác còn chủ thể của GT là cộng đồng (tập thể hay một nhóm người) [dẫn theo 20; 354 – 355, 358 – 359]. Trong GT định hướng nhân cách, chủ thể của GT nói – cũng như chủ thể của GT định hướng XH – là nhóm (nhóm người) và đối tượng của GT nói này là tương tác; chủ thể của GT hình thức là một trong những người tham gia GT trong cương vị “thủ lĩnh” và đối tượng của kiểu GT hình thức này là quan hệ qua lại tâm lý giữa người này với người khác [dẫn theo 20; 360 – 361].

Như vậy, theo quan điểm của A.A.Leonchev, không có tiêu chí chung trong việc xác định chủ thể và khách thể cho GT mà phải phân loại GT để xác định chủ thể và khách thể cụ thể cho từng trường hợp.

c) Hướng coi giao tiếp là phạm trù tương đối độc lập với phạm trù hoạt động

Thập kỷ 70 của thế kỷ XX, B.Ph.Lomov khởi xướng quan điểm coi GT là một phạm trù tương đối độc lập với hoạt động. Theo Lomov, GT là một quá trình đa chiều đồng chủ thể. Hoạt động và GT khác nhau về ý nghĩa XH của chúng. Bất kỳ một hoạt động nào cũng hướng đến cải tạo khách thể. Còn GT bảo đảm tổ chức mọi người cho hoạt động chung, bảo đảm sự liên hệ qua lại của mọi người. “Kết quả của GT không phải là đối tượng được cải tạo (vật chất hoặc lý tưởng) mà là quan hệ với một người khác, với những người khác” [dẫn theo 20; 377]. Như vậy, kết quả của GT còn bao gồm cả việc cải tạo quan hệ giữa các bên tham gia GT. Kết quả này ở những cá nhân khác nhau rất khác nhau về số lượng cũng như chất lượng [dẫn theo 36;378].

GT và hoạt động tuy “khác nhau về chất” nhưng “gắn bó mật thiết với nhau” [dẫn theo 36; 378]. “Chúng chuyển tiếp và chuyển hóa từ mặt này vào mặt kia” [dẫn theo 36; 382]. “GT có thể đóng vai trò là tiền đề, điều kiện, là yếu tố bên ngoài và bên trong của hoạt động và ngược lại” [dẫn theo 36; 383]. Một trong những đặc trưng của GT là

truyền tin. Nhưng sự truyền tin này là sự trao đổi các phản ánh tâm lý “tư liệu được truyền cho người khác vẫn còn lưu lại ở người đã truyền thông tin” [dẫn theo 36; 391].

Cũng theo Lomov, loại hình GT không có vai trò nhất quán trong quan điểm hoạt động. GT lúc thì đóng vai một loại hình hoạt động, lúc lại chỉ giữ vai trò của một hành động hoặc điều kiện hay khía cạnh của hoạt động. Ông cho rằng, trong một vài dạng hoạt động với tư cách là các phương tiện và các phương thức của hoạt động, các phương tiện và các phương thức của GT đã được sử dụng, mà chính hoạt động được xây dựng theo các quy luật của GT (ví dụ, hoạt động của nhà sư phạm, giảng viên). Trong những trường hợp khác (trong số đó có các hoạt động thực tiễn có các đối tượng) được sử dụng với tư cách là các phương tiện và các phương thức của GT và ở đây GT được xây dựng theo các quy luật của hoạt động (ví dụ hoạt động biểu tình, tuần hành, biểu diễn trên sân khấu) [dẫn theo 36; 383].

B.Ph.Lomov không đối lập hoạt động và GT. Theo Lomov, những yếu tố quy định GT là: Môi trường, phương thức và động thái của GT được xác định bởi những chức năng XH mà con người đang ở trong đó, bởi vị trí của họ trong hệ thống các quan hệ XH (mà trước hết là quan hệ sản xuất), bởi những chuẩn mực đạo đức và pháp lý, bởi các thiết chế XH...[dẫn theo 36; 370].

Lomov cũng cho rằng, kết quả GT “liên quan đến tất cả các cá nhân tham gia GT nhưng ở những cá nhân khác nhau chúng có thể khác nhau về số lượng và chất lượng” [dẫn theo 36; 378]. “Đôi khi thậm chí chỉ một thời gian GT ngắn ngủi với người này hoặc người khác (hoặc nhóm người) có ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý cá nhân (chẳng hạn ảnh hưởng đến động cơ) nhiều hơn rất nhiều so với sự thực hiện lâu dài một hoạt động có đối tượng nào đó của người đó. [dẫn theo 36; 382]

Như vậy, khi coi GT là phạm trù tương đối độc lập với hoạt động, B.Ph.Lomov đã xác định vai trò, đối tượng, động cơ, chiều hướng tác động và kết quả của GT như một loại hình hoạt động. Đồng thời, ông cũng mở ra lĩnh vực nghiên cứu mới cho GT. Đó là tương tác liên nhân cách (tương tác đồng chủ thể) thông qua GT.

Trong luận án này chúng tôi chọn quan điểm của A. A. Leonchev coi GT là một dạng của hoạt động làm tư tưởng chỉ đạo và có kế thừa quan điểm của B.Ph.Lomov về tính đa chiều, đồng chủ thể của GT. Chúng tôi nhất trí rằng: Hoạt động là quy luật chung nhất của tâm lý học người. GT là một dạng hoạt động phản ánh mối quan hệ chủ thể - chủ thể. Hoạt động có đối tượng phản ánh mối quan hệ chủ thể - khách thể. Hai

khái niệm này ngang bằng nhau và có quan hệ gắn bó khăng khít với nhau trong phạm trù hoạt động, là hai mặt thống nhất của cuộc sống con người, của sự phát triển tâm lý.

1.1.1.2. Nghiên cứu về giao tiếp của người nghỉ hưu

Ở nước ngoài các vấn đề về người cao tuổi (NCT) nói chung, NNH nói riêng rất được quan tâm nghiên cứu.

Ở Mỹ, từ năm 1992, hai năm một lần Viện lão khoa Quốc Gia, Viện sức khỏe Quốc gia, Cơ quan các dịch vụ chăm sóc sức khỏe và con người Mỹ đã tiến hành nghiên cứu về sức khỏe và vấn đề nghỉ hưu ở Mỹ (HRS - Health and Retirement Study). Nghiên cứu được tiến hành trên hơn 20,000 người cao tuổi từ 52 trở lên, đại diện cho sự đa dạng về hoàn cảnh kinh tế, sắc tộc, sức khỏe... và những khía cạnh khác của cuộc sống. HRS thu thập dữ liệu nhằm: Giải thích tình trạng trước khi nghỉ hưu và những hệ quả sau khi nghỉ hưu; Tình trạng sức khỏe và hoạt động; GD của NNH; Xem xét mối quan hệ giữa sức khỏe, thu nhập và của cải theo thời gian; Xem xét những khuôn mẫu về chu kỳ tích lũy và tiêu dùng của cải; Điều chỉnh sự mất khả năng lao động; Xem xét việc hòa lẫn và phân bổ các nguồn lực kinh tế, GD và chương trình ảnh hưởng như thế nào đến những kết quả chủ yếu, bao gồm nghỉ hưu, “tiêu tiền tiết kiệm”, suy giảm sức khỏe và thể chế hóa. HRS đã vẽ nên một bức tranh chi tiết về NNH ở Mỹ, giúp chúng ta biết về sức khỏe thể chất và tinh thần, mức độ bảo hiểm, tình hình tài chính, hệ thống hỗ trợ GD, vị thế công việc và kế hoạch nghỉ hưu của NNH ở Mỹ [82].

Ở Châu Âu cũng có khảo sát về sức khỏe, sự già hóa và nghỉ hưu (SHARE). Đây là một cơ sở dữ liệu nhiều chiều và xuyên quốc gia về sức khỏe, vị thế kinh tế-XH và mạng lưới GD và XH của hơn 45,000 người độ tuổi từ 52 trở lên. Từ năm 2004, đã có hơn 11 nước Châu Âu tham gia nghiên cứu này. SHARE hòa hợp với nghiên cứu về sức khỏe và nghỉ hưu (HRS) ở Mỹ và nghiên cứu về sự già hóa theo chiều dọc (ELSA) ở Anh. Các nghiên cứu ở các nước như Nhật Bản (2007), Hàn Quốc, Trung Quốc (2008) và Ấn Độ (2010) cũng theo hình mẫu này. Dữ liệu được thu thập bao gồm các biến số sức khỏe, đặc điểm sinh học, tâm lý, kinh tế và sự hỗ trợ XH. Đây là nguồn thông tin giá trị cho việc hoạch định chính sách ở châu Âu, nơi có tỷ lệ dân số già cao nhất thế giới[85].

Từ những nghiên cứu kể trên ở Châu Âu và Mỹ, đã có một nghiên cứu tổng hợp, so sánh về cuộc sống của NNH ở Anh và Mỹ[63].

Bên cạnh những nghiên cứu quy mô, tổng thể nêu trên còn có những nghiên cứu riêng biệt của nhiều nhà khoa học về cuộc sống của NNH ở các nước khác nhau[57];[59]; [61];[65];[74]; [76]; [77].

Có thể thấy, các nghiên cứu về NNH ở nước ngoài gần đây rất quan tâm đến vấn đề sức khỏe, khả năng tiếp tục lao động, các hoạt động và trải nghiệm tâm lý của NNH, sự chuẩn bị tâm lý, tài chính để thích ứng với cuộc sống sau khi nghỉ hưu, chế độ an sinh XH đối với NNH... Có thể phân chia các nghiên cứu về GT của NNH thành hướng chủ yếu sau đây:

a) Những nghiên cứu về nhu cầu giao tiếp của người nghỉ hưu

Người cao tuổi nói chung, NNH nói riêng là nhóm đa dạng với những thái độ và nguyện vọng rất khác nhau. Tuy nhiên qua nghiên cứu, có thể thấy, các tác giả đã đề cập đến một số điểm chung nổi lên khi nghiên cứu về NCGT của NNH là:

** Nhu cầu tiếp tục tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động tình nguyện khi nghỉ hưu*

Các nghiên cứu cho thấy, NNH tham gia các hoạt động tình nguyện vì một số lý do như muốn khẳng định bản thân với cộng đồng, mong muốn được giúp đỡ người khác và sở thích được gặp mọi người. Họ luôn tìm kiếm một tuổi già năng động mà trong đó họ có thể tiếp tục tham gia vào XH. Tuy nhiên cách thức mà người già chọn để tham gia vào XH là khác nhau và có thể thay đổi theo thời gian.

Nghiên cứu HRS về nghỉ hưu ở Mỹ cho thấy, khi nghỉ hưu những NNH ngày càng hứng thú với những cơ hội làm việc bán thời gian và những hoạt động giữ họ luôn bận rộn ở tuổi già. Những người từ 60-69 tuổi tham gia vào công việc tình nguyện nhiều nhất (cứ 3 người thì có 1 người làm) và công việc tình nguyện đi liền với duy trì sức khỏe tốt. Tuổi càng cao thì số người tình nguyện càng giảm, nhưng trong số những người tình nguyện, người càng cao tuổi thì tình nguyện càng nhiều giờ [82].

Nghiên cứu về NNH ở Châu Âu (SHARE) cũng cho kết quả tương tự. Theo nghiên cứu này, NNH ở châu Âu vẫn hữu ích theo nhiều cách khác nhau, đáng chú ý nhất là tham gia các công việc tình nguyện. Việc tình nguyện phụ thuộc vào các nguồn

lực cá nhân cũng như trình độ giáo dục hay sức khỏe. Hoạt động tình nguyện cũng là một yếu tố quan trọng giúp cho tuổi già khỏe mạnh (và ngược lại), đây cũng được cho là nhân tố quan trọng trong sự hài lòng với cuộc sống sau nghỉ hưu[85].

Ann Bowling (2004) phân tích chất lượng cuộc sống nhìn từ những quan điểm của người già ở Anh. Nghiên cứu cũng cho thấy, nhiều NCT đề cập đến việc “luôn bận rộn” có liên quan tới tình trạng hạnh phúc về tâm lý. Điều này nổi lên khi hầu hết họ đề cao giá trị của các hoạt động XH liên quan đến chất lượng cuộc sống của họ, bao gồm các hoạt động tương hỗ như tình nguyện và giúp đỡ người khác, điều này làm cho họ cảm thấy mình có giá trị [57].

Nghiên cứu của Weiss (2005) phát hiện ra rằng, các hoạt động sau nghỉ hưu của nam giới và nữ giới có khác nhau. Nam giới thường chọn những hoạt động cho phép họ thể hiện một số kỹ năng hoặc sự cạnh tranh, như là vai trò quản lý trong các tổ chức tình nguyện hoặc chơi gôn. Phụ nữ chọn những hoạt động đem lại lợi ích cho người khác như làm việc cho các tổ chức giúp đỡ cộng đồng [60; 38].

Có thể nói, các nghiên cứu đều cho thấy, đối với NNH việc tiếp tục tham gia các hoạt động XH sau nghỉ hưu, hoà nhập với cuộc sống XH là một trong những yếu tố giúp họ thoải mái về mặt tâm lý, hài lòng hơn khi nghỉ hưu.

** Nhu cầu nhận được sự quan tâm, chia sẻ của người thân và giao tiếp với người thân, bạn bè*

Nghiên cứu của Robert C. Atchley (2000) cho thấy, người già luôn có NC nhận được sự quan tâm, chăm sóc của người thân trong GD. Những người nhận được đầy đủ sự quan tâm từ các yếu tố kể trên có một cuộc sống hạnh phúc hơn những người không được như thế. Cho dù tác động đó là tích cực hay tiêu cực thì GD cũng đóng vai trò quan trọng trong giai đoạn con người bước sang tuổi già [72; 227].

Bên cạnh GD, NNH còn cần có và nhận được sự quan tâm, giúp đỡ từ bạn bè và sự trợ giúp từ XH, trong đó sự giúp đỡ của bạn bè là rất cần thiết đối với những người sống độc thân và sự trợ giúp từ XH là tổng thể các mối quan hệ mà NNH cần đến để đáp ứng những nhu cầu XH, tâm lý và thể chất của mình [72; 228]. Nghiên cứu chỉ ra rằng bản thân việc nghỉ hưu không có ảnh hưởng xấu đến sức khỏe thể chất và tinh thần của NNH, nếu có là do những nguyên nhân khác như mối quan hệ GD, XH, môi trường sống... [72; 225 - 260].

Về các hoạt động và lối sống, giai đoạn tuổi già thường mang đến cho con người những khó khăn và bất lợi trong sinh hoạt khi sức khỏe suy giảm cả về thể chất và tinh thần. Atchley (2000) đề xuất một số hoạt động phù hợp với tuổi già: tụ tập nhóm những người cùng độ tuổi và sở thích, làm các công việc nhà, chăm sóc con cháu [72; 275].

Nghiên cứu của James A. Thorson (2008) về NCT ở Anh cũng cho thấy, NCT luôn cần có những người thân để chia sẻ, có thể là bạn bè hoặc người thân trong GD. Những người có nhiều mối quan hệ thân thiết (không nhất thiết là về mặt thể chất) thường có cuộc sống thoải mái hơn và sức khỏe tốt hơn những người có ít mối quan hệ XH. Điều gợi ý là sự hiện diện của một mối quan hệ thân mật có tác dụng như là tấm đệm chống lại những ảnh hưởng của sự biệt lập. Có vẻ như là những người sống biệt lập thường dễ bị tổn thương, những người luôn sống một mình không cảm nhận được sự thay đổi khi họ già đi. Tóm lại, việc mất đi sự tương tác gây ra vấn đề. Những người có ít nhất một mối quan hệ gần gũi, thân thiết với một người khác thường cảm thấy tốt hơn, bởi vì người bạn tâm tình giống như ánh nắng xua đi mát mát XH. Có một người bạn tâm tình cũng tốt như việc có nhiều mối quan hệ. Những người duy trì mối quan hệ tâm tình ít có khả năng bị trầm cảm [66; 76].

Trong một nghiên cứu khác, tác giả Zahava Gabriel và Ann Bowling (2005) phân tích chất lượng cuộc sống nhìn từ những quan điểm của người già ở Anh và phân tích chất lượng cuộc sống đối với phụ nữ cao tuổi. Các phát hiện cho thấy phụ nữ cao tuổi có NC có tiếng nói để chia sẻ lòng nhiệt tình và kinh nghiệm của mình, sự phân biệt tuổi tác đối với phụ nữ tại nơi làm việc dường như nghiêm trọng hơn đối với nam giới, hầu hết phụ nữ đều coi trọng GD, họ thiếu sự tư vấn cần thiết và chưa có nhiều cơ hội được bày tỏ hết nguyện vọng của mình.[57].

Một nghiên cứu khác năm 2006 của trường Đại học Chicago trên 3000 NNH ở Mỹ đã đưa ra kết quả sau: Những điều được coi là quan trọng nhất đối với NNH là hoạt động với GD, hoạt động với bạn bè, đọc sách, giải trí, luyện tập, rèn luyện, du lịch, nâng cao kiến thức, kỹ năng, làm công việc nhà, quan tâm sức khỏe, dịch vụ cộng đồng, các sở thích, hoạt động cộng đồng, tôn giáo, nghệ thuật, chăm sóc các cháu [76].

Kết quả một nghiên cứu của Thomas Glass (2008), qua theo dõi dữ liệu của 2.812 người cao tuổi ở Mỹ trên 65 tuổi trong khoảng 12 năm cho thấy, tình trạng suy giảm trí nhớ đã tăng lên gần gấp đôi ở những người sống lẻ loi so với những người có mối liên hệ thường xuyên với bạn bè, người thân, với tổ chức, tôn giáo hoặc tham gia đều đặn

các sinh hoạt giao tiếp xã hội. Nói chung, những hình thức hoạt động này chỉ có ý nghĩa rất nhỏ về mặt thể lực, không đủ để thay thế cho các phương pháp thể dục. Tuy nhiên, nó có giá trị tốt trên sức khỏe và tuổi thọ ngang với vận động thể lực. Do đó, thay vì đi bộ trong vườn, tập thể dục trên máy tập ở nhà, hiệu quả sẽ được nhân đôi nếu người cao tuổi tham gia các sinh hoạt thể dục, vận động mang tính cộng đồng ở các câu lạc bộ dưỡng sinh, công viên, sân vận động để cùng tập luyện, vận động, vui chơi và chia sẻ. Theo Glass : “Những người ít hoạt động thường xem việc vận động là một thách thức hoặc khó khăn, sẽ cảm thấy dễ chịu hơn khi vận động là cơ hội để gặp gỡ và giao tiếp với những người khác”. Các nhà khoa học lý giải, khi về già, cơ thể phản ứng mạnh hơn và phục hồi chậm hơn đối với các biến cố gây stress. Điều này làm cho các quá trình hư hoại xảy ra nhanh hơn trên các cơ quan tim, phổi, thận và cả bộ não. Trong khi những cảm xúc tiêu cực kéo dài có thể làm cho khí huyết ngưng trệ, rối loạn hoạt động nội tiết, giảm sức đề kháng, thì ngược lại, cảm giác được bảo vệ, được chia sẻ bên cạnh bạn bè, người thân sẽ tạo ra những đáp ứng thư giãn giúp giảm nhịp tim, điều hòa huyết áp và tăng cường hệ miễn dịch. BS. Dean Ornish là một nhà nghiên cứu về tim mạch người Mỹ, đã viết: “Tách lìa tình thân gia đình và bạn bè là đầu mối cho mọi thứ bệnh từ ung thư, bệnh tim đến ung nhọt và nhiễm độc”[87].

Như vậy, đối với NCT nói chung, NNH nói riêng, sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, tâm sự của người thân trong GD là một trong những nhân tố có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với cuộc sống của họ. Khi NCT được thoả mãn NC quan tâm, chăm sóc này sẽ giúp họ sống vui và khoẻ mạnh hơn.

** Nhu cầu về hoạt động tôn giáo*

Nghiên cứu của Robert C. Atchley (2000) cho thấy, việc tham gia vào các tổ chức cộng đồng có xu hướng đạt cao nhất ở tuổi trung niên và trong giai đoạn sau của cuộc đời. Những vấn đề về đi lại, sức khỏe kém và thiếu tiền là những nhân tố chính cản trở sự tham gia của NCT vào các hoạt động tôn giáo. Theo kết quả nghiên cứu, có sự suy giảm số NCT tham gia những hoạt động này sau tuổi 60, phụ nữ và người Mỹ gốc Phi là những người tham gia nhiều hơn.[72; 307]. Các thực hành tôn giáo không chính thức như đọc kinh, cầu nguyện và thiền trở nên quan trọng hơn khi tuổi tác tăng lên và đặc biệt quan trọng đối với những NCT bị tàn tật.

Nghiên cứu cũng cho thấy, hơn 90% người trưởng thành bày tỏ một sự yêu thích liên quan đến tôn giáo và một tỷ lệ lớn NCT tin rằng niềm tin của họ lớn mạnh hơn theo

thời gian. Theo tác giả, sự tham gia tôn giáo có tổ chức và tín ngưỡng chủ quan đều có vẻ có ảnh hưởng tích cực đến sức khỏe thể chất, tinh thần và tuổi thọ. Những người gia nhập các tôn giáo cấm thuốc lá, rượu và ma túy có xu hướng khỏe mạnh hơn và sống lâu hơn những người khác. Khi con người già đi, cả việc tham gia tôn giáo tín ngưỡng chính thức và phi chính thức đều đi liền với sức khỏe tốt hơn và sự thỏa mãn về cuộc sống. Nhìn chung, mức độ tính chất tôn giáo chủ quan càng lớn thì con người càng có sức khỏe và cuộc sống chủ quan tốt hơn. Tín ngưỡng càng cao thì biểu hiện lo lắng, sợ hãi cái chết và sự cô đơn càng giảm. Những người sùng đạo cũng đương đầu với nỗi đau buồn tốt hơn. Các niềm tin và định hướng tôn giáo là nguồn lực phổ biến để đối phó với những khía cạnh tiêu cực của cuộc sống, đặc biệt là trong giai đoạn sau của cuộc đời. Vấn đề càng nghiêm trọng thì khả năng sử dụng tôn giáo để đương đầu với nó càng cao. Tuy nhiên, sự sùng đạo cũng có thể là sự thích nghi không tốt nếu nó cô lập người già khỏi những người khác [72].

Các chuyên gia ở Đại học North Carolina Chapel Hill, Mỹ (NCH) (2012) phát hiện thấy, việc đi lễ nhà thờ, viếng thăm chùa chiền, nhất là hát các ca khúc tôn giáo có tác dụng tích cực trong việc thư giãn, làm giảm stress ở nhóm NCT [86]. Jill Hamilton, chủ trì nghiên cứu trên cho hay, việc hát các ca khúc tôn giáo đã giúp NCT bày tỏ niềm tin, sự kỳ vọng vào thế giới tâm linh, vui đi những nỗi lo thường nhật. Kết luận trên được dựa vào nghiên cứu dài kỳ ở 65 người Mỹ gốc Phi cao tuổi sống ở vùng Đông Nam nước Mỹ, trong đó có 5 loại ca khúc tôn giáo được quan tâm nghiên cứu, nhất là những ca khúc trong ngày Lễ Tạ ơn, nội dung ca ngợi Chúa, người đã mang đến nhiều điều tốt lành cho nhân loại chúng sinh. Phần lớn những người tham gia nghiên cứu cho hay khi họ đi lễ nhà thờ và hát những ca khúc này đã làm cho họ nhớ lại thời thơ ấu, những quãng thời gian đẹp đẽ của cuộc đời, nhớ về quê hương, cha mẹ, tổ tiên và cuối cùng giúp họ giảm căng thẳng, tâm thần trở nên khoan khoái. Những người duy trì cuộc sống vận động, ưa hoạt động thể thao thì khi hát các ca khúc này lại càng phát huy tác dụng.

Phát hiện trên cho thấy không chỉ có ăn uống, luyện tập mà cuộc sống GT cộng đồng và thực hành tín ngưỡng cũng có tác dụng tích cực, việc làm này cần phân biệt với những hoạt động mê tín dị đoan vụ lợi.

Có thể thấy, đối với nhiều NCT các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng giúp họ giải toả căng thẳng, có niềm tin và động lực trong cuộc sống, giúp họ sống khoẻ và sống vui hơn.

Tổng hợp các kết quả nghiên cứu trên cho thấy, một số NCGT nổi lên ở NNH là NC tiếp tục tham gia các hoạt động XH, NC nhận được sự quan tâm, chia sẻ của người thân và GT với người thân, bạn bè, NC tham gia các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng.

b) Nghiên cứu về đối tượng giao tiếp của người nghỉ hưu

**** Người cao tuổi và các mối quan hệ trong gia đình***

GD là chỗ dựa lớn nhất cho người già trong những năm cuối đời, đặc biệt là khi sức khỏe suy giảm. Tuổi già là giai đoạn cuối của đời sống con người nên cần rất nhiều sự quan tâm của những thành viên khác trong GD (nhất là của vợ hoặc chồng) để NCT cảm thấy có được niềm hạnh phúc thật sự. Sự quan tâm có thể được biểu hiện bằng những cử chỉ nhỏ nhỏ, sự thông cảm, biết lắng nghe, biết chia sẻ, có sự đồng cảm, biết kiên nhẫn. Nếu các thành viên trong GD thể hiện được những biểu hiện như trên thì NCT sẽ cảm thấy sống vui vẻ, hạnh phúc và cảm thấy mình có ích [66; 95].

Các nghiên cứu về đời sống tâm lý và vai trò của NCT trong GD cũng đã cho thấy, các mối quan hệ trong GD là một trong những nhân tố có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với cuộc sống của NCT. NCT có mối quan hệ tốt với các thành viên trong GD là một trong những yếu tố làm tăng chất lượng cuộc sống của họ. Những người có nhiều mối quan hệ thân thiết (không nhất thiết là về mặt thể chất) thường có cuộc sống thoải mái hơn và sức khỏe tốt hơn những người có ít mối quan hệ XH [66; 76].

Theo các nghiên cứu khác của các nhà tâm lý học Mỹ, GT GD thường tăng lên sau khi nghỉ hưu. Trong nghiên cứu của Weiss (2005), một người đàn ông và vợ của ông ta sẽ nói chuyện trong khi đang đọc báo vào buổi sáng và phát triển mối quan hệ của họ xa hơn mà không có áp lực từ việc phải đi làm [62; 46].

Nghiên cứu của Altergott (1988) về NNH ở Anh cũng cho thấy, sau khi nghỉ hưu, ngoài các hoạt động như ngủ, xem tivi, tham gia các hoạt động tôn giáo... hầu hết nam giới trên 65 tuổi dành phần lớn thời gian để tương tác với người bạn đời của mình, nhưng hầu hết phụ nữ trên 65 tuổi lại sống trong cảnh hiu quạnh, bởi vì họ thường có nguy cơ góa bụa do nam giới có tuổi thọ trung bình thấp hơn phụ nữ, và bởi vì nam giới thường có xu hướng cưới những phụ nữ trẻ hơn.[57].

Nghiên cứu khác của nhà tâm lý học Anh Alan Walker (2004) cho thấy, theo quan điểm của những người già ở Anh, một trong các yếu tố XH đóng vai trò quan trọng trong việc đánh giá chất lượng cuộc sống là: thường xuyên gặp gỡ GD, có mối quan hệ tốt với họ hàng, nhận được sự giúp đỡ của con cái và họ hàng, quan hệ tốt với hàng xóm láng giềng và được giúp đỡ khi cần thiết, sự vui tươi về tâm lý và vẻ bề ngoài, luôn làm cho bản thân bận rộn với những hoạt động và sở thích của mình [56].

Nghiên cứu về sự điều chỉnh lại trong việc nghỉ hưu của SunAmerica là một cuộc thăm dò dư luận ở Mỹ được thực hiện bởi Harris Interactive với các cuộc phỏng vấn qua điện thoại trong quý hai của năm 2011 trên một mẫu toàn quốc 1001 người trưởng thành tuổi từ 55 trở lên, kết quả nghiên cứu cho thấy, gia đình và các mối quan hệ là trung tâm trong các giá trị của người Mỹ, và những thời điểm khó khăn như hiện nay do suy thoái kinh tế đem gia đình lại gần nhau hơn. Khi được hỏi về những khác biệt mà cuộc suy thoái tạo ra trong cuộc sống, 85% nói rằng bây giờ họ hiểu rõ hơn tầm quan trọng của những mối quan hệ chất lượng với bạn bè và gia đình của họ [90].

Ngoài mối quan hệ giữa vợ chồng thì các tác giả cũng đi sâu nghiên cứu các mối quan hệ giữa bố mẹ và con cái, giữa ông bà và cháu chắt. Năm 2000, tác giả Martin Pinquart trong công trình nghiên cứu của mình đã nhận định, NCT không thích sống chung với con cái khi con cái đã trưởng thành và họ xác định sống trong những hộ GD tách biệt là một cách để duy trì sự độc lập, ủng hộ những mối quan hệ tự nguyện, làm giảm thiểu xung đột giữa các thế hệ và đó chính là một điểm rất khác biệt đối với tập tục và thói quen của các GD ở Châu Á [70].

Trong nghiên cứu của SHARE về NNH ở Châu Âu cho thấy, ở những nước mà con cái sống gần cha mẹ (với khoảng cách không quá 25km, cha mẹ và con cái không cùng sống trong một ngôi nhà) thì cha mẹ và con cái thường xuyên liên lạc với nhau (ít nhất là hàng tuần). Số trường hợp cha mẹ và con cái ít liên lạc với nhau cũng ở mức thấp [85].

Một nghiên cứu so sánh của H.E Bracey (1998) về sự khác biệt văn hoá trong GT của NCT ở Mỹ và Anh cho thấy một bức tranh diễn tả về mối quan hệ với các con cháu, với hàng xóm, bạn bè của NCT ở Anh và Mỹ. Theo kết quả nghiên cứu, trong mối quan hệ với con cái của cả người Anh và Mỹ, sự giúp đỡ và đồng hành mà con cái đối với cha mẹ và ngược lại bị ảnh hưởng rõ rệt bởi khoảng cách gần hay xa mà con cái

sống cùng bố mẹ. Con cái càng sống gần cha mẹ thì họ càng giúp đỡ cha mẹ nhiều hơn những lúc cần [63; 37]. Ở Anh cha mẹ thường xuyên qua lại thăm con cái hơn là ở Mỹ, nơi con cái chủ yếu đến thăm cha mẹ. Trong quan hệ với các cháu, NCT ở Anh và Mỹ đều cho rằng các cháu nên đến thăm ông bà, và thế hệ trẻ ngày nay dường như thiếu ý thức về nghĩa vụ, sự kính trọng [63; 77].

Tóm lại, các nghiên cứu đã cho thấy, khi nghỉ hưu, NNH dành rất nhiều thời gian của họ để tương tác với người thân trong GD. Việc thường xuyên được GT với người thân là một trong những yếu tố quan trọng giúp NNH cảm thấy hạnh phúc.

** Người cao tuổi và các mối quan hệ bạn bè*

Bên cạnh GD thì NNH rất cần có các mối quan hệ bạn bè, quan hệ bạn bè là một trong những nguyên nhân khiến họ cảm thấy hài lòng và hạnh phúc.

Nghiên cứu năm 1976 của Chebanov I.F (Liên Xô cũ) về “Những thay đổi trong điều kiện và lối sống của những nông trang viên về hưu trong những năm chính quyền Xô Viết ở Môngđavi” cho thấy: Nhìn chung phạm vi GT của những NNH ở thành phố cũng như nông thôn mỗi năm một hẹp hơn và trách nhiệm của XH phải quan tâm đến vấn đề đơn độc ở tuổi già. Tại những thành phố lớn, nơi chỗ làm việc thường có thể nằm rất xa chỗ ở, vì thế mối quan hệ nghề nghiệp, XH và bạn bè bị giảm đi rõ rệt khi chuyển sang tình trạng hưu. Có thể, chính sự thay đổi quá đột ngột nhịp độ và lối sống là nguyên nhân chủ yếu gây ra các bệnh tim mạch vào những năm đầu sau khi về hưu. [11; 69]

Nghiên cứu trong hai năm 1977 – 1978 của Viện Hàn Lâm khoa học Liên Xô (cũ) về một số đặc điểm về lối sống của các nhóm dân thuộc các lứa tuổi khác nhau, trong đó có NNH đã cho thấy, cùng với việc về hưu, mức độ tham gia công tác XH cũng giảm dần đi. Nghiên cứu cũng cho thấy, trình độ chuyên môn của những người được hỏi ý kiến cũng ảnh hưởng đến mức tham gia hoạt động XH: Chuyên môn thấp thì mức độ tham gia hoạt động XH cũng thấp. Phụ nữ tham gia công tác XH tích cực hơn nam giới [11; 85].

Năm 2000, nghiên cứu của nhà tâm lý học người Đức Martin Pinquart cho thấy, NCT cảm thấy vui vẻ khi sống trong mối quan hệ bạn bè vì họ có cùng nhóm tuổi và thường chia sẻ những đặc điểm cá nhân, các kinh nghiệm và phong cách sống. Hơn nữa, họ luôn đem đến nguồn vui cho nhau, thường xuyên giao lưu và cùng nhau nghĩ về quá

khứ tốt đẹp. Trong nghiên cứu so sánh với mối quan hệ trong GD, Martin Pinquart đã đưa ra bốn lý do để chứng minh quan hệ với bạn bè làm cho NCT cảm thấy hạnh phúc hơn, đó là: tình bạn là mối quan hệ tự nguyện; bạn bè là các thành viên cùng nhóm tuổi và có cùng những đặc điểm cá nhân, các kinh nghiệm quần thể và phong cách sống; bạn bè có cùng nguồn vui, cùng mối giao lưu và có cùng “thời xưa tốt đẹp”; mối quan hệ bạn bè luôn có chất lượng cao vì NNH thường có khuynh hướng không duy trì các mối quan hệ không phù hợp [70].

Trong nghiên cứu của Ann Bowling (2004) cũng cho thấy, phần lớn NCT ở Anh cho rằng có mối quan hệ tốt với hàng xóm góp phần vào chất lượng cuộc sống tốt đẹp. Thay vì có GD sống ở gần, những người hàng xóm có thể đảm nhiệm vai trò giữ gìn an ninh. Điều này bao gồm cả sự yên tâm rằng luôn có ai đó dõi theo họ và ai đó sẽ giúp đỡ họ khi cần thiết. Mối quan hệ với hàng xóm bao gồm cả việc trao đổi sự giúp đỡ thực chất như là cho đi nhờ xe đến bác sĩ và giúp đỡ khi mua sắm cũng được đánh giá cao. Mọi người nói một cách tích cực về tuổi già với những người hàng xóm bên cạnh[57].

Nghiên cứu so sánh của H.E Bracey (1998) cũng cho thấy, do ảnh hưởng của văn hoá, lối sống nên trong quan hệ với hàng xóm, người Anh và người Mỹ có khác nhau. Người Anh có lối sống độc lập và ít quan tâm đến những người sống xung quanh mình [63; 48]. Người Mỹ thậm chí không có gì để làm với hàng xóm của mình [63; 49]. Trong một số trường hợp đặc biệt NNH có thể kết bạn với hàng xóm khi họ hiểu rõ về nhau và có mối quan hệ thoải mái.

Quan hệ với bạn bè, trong khi NNH ở Mỹ thường được họ hàng viếng thăm thì ở Anh các cuộc thăm hỏi của bạn bè nhiều hơn, những người sống đơn thân ở Mỹ nhận được ít hơn các cuộc thăm viếng của bạn bè [63; 85]. Bạn bè chủ yếu nói chuyện và giúp đỡ nhau những khi cần. Về NC kết bạn khi nghỉ hưu, chỉ 6% số người được hỏi ở Anh so với ¼ số người được hỏi ở Mỹ nói rằng họ muốn có thêm bạn bè [63; 94]. Người Anh chủ yếu kết bạn với hàng xóm, với những người tình cờ gặp gỡ trên đường, trong các cửa hàng trong khi người Mỹ kết bạn thông qua các mối quan hệ GD hoặc bạn bè [63; 103].

Arnold Rose (1998) đã nghiên cứu về văn hóa thế hệ, cho rằng NCT có xu hướng thích tiếp xúc với những người cùng tuổi hơn là những người thuộc thế hệ trẻ hơn, họ

thường cảm thấy khó khăn khi tiếp xúc với bất kỳ cá nhân khác không cùng độ tuổi. Do đó, NCT có xu hướng tham gia ngày càng gia tăng vào những lĩnh vực đặc thù như cộng đồng hưu trí, các nhà dưỡng lão và sự tăng nhanh các dịch vụ XH dành cho NCT. Nghiên cứu cũng chỉ ra một trong những đặc điểm tâm lý của NCT: đó là NCT có xu hướng thích GT với những người cùng nhóm qua những cộng đồng hưu trí, nhà dưỡng lão... do ảnh hưởng của một số yếu tố XH, nhân khẩu học và thành kiến XH [dẫn theo 40; 18].

Như vậy, các nghiên cứu cho thấy, mối quan hệ bạn bè có ý nghĩa tích cực trong cuộc sống của NCT, góp phần làm cho đời sống tâm lý của họ thêm phong phú và giúp cho họ đạt được cuộc sống hài lòng và mãn nguyện hơn. Các nghiên cứu cũng đã cho thấy sự khác biệt trong lối sống của NCT ở các nước khác nhau.

**Người cao tuổi tham gia sinh hoạt trong các tổ chức xã hội*

Nghiên cứu của nhà tâm lý học Mỹ Norman Abeles (1997) cho thấy, việc tham gia vào các tổ chức cộng đồng đối với người Mỹ có xu hướng đạt cao nhất ở tuổi trung niên và trong giai đoạn sau của cuộc đời. Những vấn đề về đi lại, sức khỏe kém và thiếu tiền là những nhân tố chính cản trở sự tham gia của NCT. Các nhóm tôn giáo là những tổ chức tự nguyện cộng đồng mà người trung niên hoặc cao tuổi tham gia nhiều nhất. Các nhà thờ thông thường chào đón sự tham gia của người già, nhưng hầu như không làm gì để thúc đẩy sự tham gia này. Ngoài các nhà thờ, không có loại hình tổ chức tự nguyện nào khác có được sự tham gia của một phần ba số người trung niên hoặc cao tuổi. Những NCT tham gia vào các hoạt động chính trị ở địa phương trong nhiều năm luôn thấy rằng các kỹ năng và kinh nghiệm của họ giúp họ giải quyết tốt sự liên quan về chính trị, nhưng sự tham gia chính trị vẫn giảm sút sau tuổi 70. Công việc tình nguyện của NCT đã mở rộng một cách sâu sắc trong thập niên trước, mặc dù sự lan tỏa rộng khắp của nó vẫn chưa được biết chính xác như thế nào.

Nghiên cứu cũng cho thấy, khi con người già đi, họ có xu hướng rời khỏi các hoạt động mang tính chất nghĩa vụ để đến với các hoạt động theo ý mình, từ các hoạt động bên ngoài ngôi nhà đến các hoạt động trong ngôi nhà, và từ các hoạt động XH tới các hoạt động một mình. Sự dịch chuyển chung này có thể tạo nên sự linh hoạt và tự do cho cá nhân, nếu đó là những gì cá nhân muốn, trong hầu hết các trường hợp thì điều này đúng[69].

Một nghiên cứu tiến hành trên 2.761 NCT ở Mỹ từ 65 tuổi trở lên trong vòng 13 năm do Thomas Glass và cộng sự ở trường Đại học Y tế cộng đồng Harvard thực hiện đã cho thấy, các hoạt động xã hội, vui chơi không liên quan đến vận động thể lực, cũng có giá trị làm chậm sự lão hóa và hạ thấp các nguy cơ bệnh tật hoặc tử vong ngang với các hình thức vận động thân thể. Các hoạt động xã hội bao gồm những hình thức đi ra ngoài sinh hoạt giao tiếp với cộng đồng như: đi nhà thờ, đi quán ăn, đi mua sắm, đi xem phim, tham dự các sự kiện thể thao, chơi cờ, nấu ăn, hoạt động từ thiện. Những nhà nghiên cứu thuộc Trường Đại học Harvard đã báo cáo trên tạp chí *British Medical Journal*: “Trong số những người cao tuổi kém năng động thì những người thường tham gia các hoạt động giao tiếp sống lâu hơn những người không tham gia những hoạt động này”[87].

Tổng hợp các kết quả nghiên cứu trên cho thấy, khi nghỉ hưu, các quan hệ đồng nghiệp bị giảm đi, NNH dành nhiều thời gian để GT với các thành viên GD và duy trì các mối quan hệ bạn bè. Bên cạnh đó, họ còn tham gia các hoạt động XH tùy theo tình hình sức khỏe, chuyên môn, khả năng tài chính của mỗi người. Hoạt động trong các tổ chức xã hội được đề cập đến ở NNH chủ yếu là đi lễ nhà thờ. Có thể nhận thấy, những nghiên cứu về giao tiếp của người nghỉ hưu trong các tổ chức xã hội chưa được nhiều tác giả quan tâm nghiên cứu.

c) Nghiên cứu về hình thức giao tiếp của người nghỉ hưu

Nhà nghiên cứu về NCT Guillemard (1993) đã phân loại 5 hình thức nghỉ hưu:

- Hình thức 1: Rút lui – suy giảm tối đa hoạt động XH. Đây là giai đoạn “trầm lắng” kéo dài.

- Hình thức 2: Nghỉ hưu giai đoạn thứ 3 – những hoạt động nghề nghiệp nhường chỗ cho những hoạt động sáng tạo (sáng tạo nghệ thuật, các sở thích) và sự cải thiện văn hóa. Khái niệm này được sử dụng phổ biến ở Pháp. Cuộc đời có ba giai đoạn: thời niên thiếu, trưởng thành và giai đoạn thứ 3. Với mỗi giai đoạn, một chương mới tích cực của cuộc sống có thể bắt đầu.

- Hình thức 3: Nghỉ hưu an nhàn – tập trung vào các hoạt động giải trí (các kỳ nghỉ, chuyến đi tới các viện bảo tàng, phòng trưng bày, rạp hát), nhấn mạnh vào việc tiêu dùng.

- Hình thức 4: Nghỉ hưu phản kháng – xuất phát từ các nhà hoạt động chính trị, phần lớn thời gian dành cho việc tập hợp NCT đấu tranh vì quyền lợi của NNH.

- Hình thức 5: Nghỉ hưu chấp thuận – chấp nhận các giá trị truyền thống của việc nghỉ hưu, dành phần lớn thời gian trong ngày cho truyền hình và các hình thức truyền thông đa phương tiện khác [73; 175].

Theo Guillemard, những người có nền tảng nghề nghiệp chuyên môn tốt thường thuộc nhóm 2 và 3. Những người thuộc tầng lớp lao động chiếm phần đông trong các nhóm còn lại. Một cuộc thăm dò dư luận của Viện Gallup (Mỹ) tiết lộ rằng 8 trong số 10 người trưởng thành ở mọi độ tuổi được hỏi nghĩ rằng đối với họ thời gian đang trôi đi quá nhanh. Theo cuộc thăm dò, nhiều người Mỹ đều mong muốn rằng họ có thêm thời gian cho việc luyện tập và tái tạo bản thân, như là tập thể dục thẩm mỹ, đi săn, đi câu, chơi tennis, đánh gôn (47%), dành thời gian dành cho các sở thích cá nhân (47%), đọc sách (45%), dành thời gian cho GD (41%), suy nghĩ hoặc thiền (30%). Có thêm thời gian, hầu hết người Mỹ sẽ nghỉ ngơi, du lịch, làm việc xung quanh nhà hoặc vườn, hoặc quay trở lại trường học [73; 177].

Nghiên cứu của Jon F. Nussbaum, Justine Couplan (2004) về GT và sự già hóa có mô tả việc sử dụng những phương tiện truyền thông của NCT. Người già ở Anh dành nhiều thời gian để xem ti vi hơn người những người khác và có thể xem ti vi 6 tiếng một ngày vì họ có nhiều thời gian rảnh rỗi hơn [67; 425]. Việc sử dụng đài giảm dần theo độ tuổi. NCT có tỷ lệ nghe các chương trình về tôn giáo không nhiều hơn các lứa tuổi khác [67; 431]. Người Mỹ dành gần 3 tiếng mỗi tuần để đọc. Nhìn chung, thời gian đọc sách và tạp chí tăng lên cùng với tuổi. Thông thường, phụ nữ đọc nhiều hơn nam giới, người giàu đọc nhiều hơn người nghèo, người tốt nghiệp đại học đọc nhiều hơn những người chỉ tốt nghiệp phổ thông. Đọc sách là hoạt động NCT dành thời gian nhiều thứ 3 sau xem ti vi và hòa nhập XH [67; 432]. NCT thực ra có thể sử dụng Internet theo những cách đầy ý nghĩa: tương tác XH, thu nhận thông tin và giải trí [67; 438]. NCT không xuất hiện thường xuyên trên truyền hình, nhưng khi họ xuất hiện, họ chiếm một nửa thời lượng chương trình so với những nhóm tuổi khác [67; 440].

Theo Micheal J Leitner (2004), những nghiên cứu gần đây ở Mỹ cho thấy, hầu hết NCT sống trong cộng đồng, tuy nhiên số lượng NCT sống một mình ở Mỹ đang tăng nhanh, dẫn đến các vấn đề cô đơn và trầm cảm, có tỷ lệ tự tử cao ở nam giới cao tuổi

[68;11]. Sự nghỉ ngơi, giải trí có thể giúp giảm bớt những vấn đề như cô đơn và trầm cảm. NCT ở Mỹ thường xem ti vi và đọc báo nhiều hơn tham gia vào các hình thức giải trí năng động: đạp xe, tập thể dục, chạy bộ... [68; 17]. NCT thường tránh xa các hoạt động giải trí vì họ tin vào những hậu quả của chứng đột quỵ.

Nghiên cứu so sánh về NNH ở Anh và Mỹ cho thấy, các hoạt động khác của NNH diễn ra trong nhà là: đọc sách báo, nghe đài, xem ti vi, xem kịch, nuôi thú (chó, mèo, các loại chim...). [63; 141-145]. Đường phố như là một phần quan trọng của môi trường sống. Đây là nơi NNH dành phần lớn thời gian trong ngày của mình đi lại, gặp gỡ, chuyện trò với mọi người. NNH ở Mỹ thường đến thăm họ hàng để duy trì mối quan hệ GD hơn là người Anh. NNH ở Anh đi thăm bạn bè nhiều gấp hai lần người Mỹ (43% so với 20%)[63; 204-209]. Số NNH ở Anh tham gia các câu lạc bộ dành cho NCT nhiều hơn NNH ở Mỹ. Ngoài ra còn có hình thức các câu lạc bộ XH mở, có rất ít NNH tại Anh tham gia nhưng số lượng này ở Mỹ là rất lớn. Các buổi gặp mặt của công đoàn hay hội những người hưu trí được quan tâm ở mức trung bình ở cả hai nước. NNH ở Anh đi nhà thờ thường xuyên (một tuần một lần) hơn ở Mỹ [63; 220-226].

Tổng hợp các nghiên cứu trên nhận thấy, bên cạnh việc GT với người thân, bạn bè, NNH thường sử dụng các phương tiện truyền thông như xem tivi, đọc sách báo, sử dụng internet, điều này giúp họ tiếp tục tương tác với XH, thu nhận thông tin và giải trí.

d) Nghiên cứu về nội dung giao tiếp của người nghỉ hưu

Nghiên cứu về GT và sự già hoá, Jon F. Nussbaum và Justine Couplan (2004) cho thấy những người già quan tâm và hiểu biết nhiều về chính trị hơn thế hệ trẻ và có xu hướng theo dõi tin tức nhiều hơn [67; 388].

Một số lượng ngày càng tăng NCT đang chuyển sang sử dụng Internet như một phương tiện để phát triển các mối quan hệ mới và duy trì các mối quan hệ giữa các thành viên trong GD và những người bạn, những người có thể xa cách nhau về mặt địa lý [67; 500]. Ở một khía cạnh khác, hoạt động phổ biến nhất của người già sử dụng internet là gửi thư điện tử và sử dụng Internet như một công cụ tìm kiếm, chủ yếu là tìm kiếm thông tin về các sở thích, sức khỏe và tin tức. Furlong (1998) thấy rằng các thành viên tham gia trang web có tên SeniorNet thấy hứng thú với cơ hội gặp gỡ những người có cùng mối quan tâm và chia sẻ không chỉ thông tin mà còn có sự GT về các vấn đề tình cảm và XH liên quan một cách cụ thể đến NCT. Các thành viên của SeniorNet

cũng cho biết họ tham gia vào các mối quan hệ đồng hành với sự bao quanh của những mối quan tâm được chia sẻ cùng nhau, trong đó có những vấn đề liên quan đến sức khỏe. Một cuộc khảo sát cũng cho thấy các thành viên của trang web này (những người 50 tuổi trở lên) sử dụng Internet chủ yếu như một phương tiện để giữ liên lạc với GD, bạn bè và tiếp cận thông tin về các chủ đề quan tâm khác nhau. Hầu hết mọi người nói rằng họ sử dụng Internet (bao gồm cả trang web này) khoảng 10 đến 19 giờ mỗi ngày và hầu hết những người này là phụ nữ. [67; 502]. Ở đây người ta cũng tìm kiếm sự hỗ trợ về mặt XH với những tin nhắn đăng lên để thảo luận về những chủ đề khác nhau. Nhiều người nói rằng họ coi các thành viên khác trong nhóm như “GD thay thế” và họ thấy dễ dàng hơn khi thảo luận một số chủ đề nhạy cảm (như chăm sóc cho người bạn đời, than vãn về các thành viên trong GD, sự khích lệ, cảm thông ...) với những người bạn trên mạng so với bạn thân hay các thành viên trong GD [67; 503]. Ngoài ra còn có nhiều trang web khác dành cho NCT. Ngày càng có nhiều NCT tìm đến các trang web về các sở thích có thể hình dung được hơn là về những vấn đề liên quan đến tuổi tác, ngay cả đối với những trang web về sức khỏe cũng có những nội dung thu hút mọi người ở nhiều nhóm tuổi khác nhau [67; 503].

Ở một khía cạnh khác, các nhà nghiên cứu tâm lý học phương Tây cũng tập trung vào nghiên cứu GT của những NCT phải chăm sóc ở trong các nhà dưỡng lão hay bệnh viện. Nghiên cứu cho thấy, trong việc nói chuyện liên quan đến nhiệm vụ chăm sóc giữa các y tá và bệnh nhân thì những mệnh lệnh liên quan đến việc chăm sóc là “hình thức chủ yếu của giao tiếp”. Thêm vào đó, Seers (1986) phát hiện ra rằng 64% tương tác giữa y tá và người già ở một khu điều trị dành cho NCT là có liên quan đến nhiệm vụ. Well (1980) thấy rằng 75% các GT giữa y tá và bệnh nhân ở các khu vực điều trị dài ngày dành cho người già diễn ra trong khi các y tá đang làm nhiệm vụ chăm sóc thể chất, và tất cả các cuộc nói chuyện tập trung vào nhiệm vụ này. Wells chia việc nói chuyện giữa các y tá và bệnh nhân thành nói chuyện theo thể thức và nói chuyện cá nhân. Bà thấy rằng hơn 50% số cuộc nói chuyện là theo thể thức, khoảng 25% là tổng hợp của hai loại và còn lại là nói chuyện cá nhân. [66; 493- 494].

Một kết quả khác của nghiên cứu về sự điều chỉnh lại trong việc nghỉ hưu của SunAmerica (2011) cho thấy, suy thoái kinh tế cũng làm tăng các nghĩa vụ và sự phụ thuộc lẫn nhau về tài chính. Các gia đình ngày càng có nhiều cuộc thảo luận mở liên

quan đến nhu cầu tài chính và một phần ba người tham gia nghiên cứu (33%) nói rằng có nhiều áp lực và xung đột tài chính trong gia đình do suy thoái [90].

Trong nghiên cứu của Ebersole và Hess “Hướng tới tuổi già khoẻ mạnh” (2012) tập trung vào việc đưa ra những gợi ý, đưa ra các cách thức, phương pháp tiếp cận để những y tá thường xuyên gần gũi, có trách nhiệm chăm sóc NCT (ở bệnh viện, các trung tâm dưỡng lão) GT với NCT hiệu quả hơn. Theo các tác giả, những NCT thường hồi tưởng về quá khứ, họ thường kể cho chúng ta những câu chuyện rất phong phú về cuộc đời của họ. Lắng nghe những câu chuyện về cuộc đời của họ là một phần quan trọng trong GT. Lắng nghe ký ức và các câu chuyện cuộc đời đòi hỏi thời gian, sự kiên nhẫn và một niềm tin rằng câu chuyện và người kể có giá trị và ý nghĩa. Sự chia sẻ một phần của một người nào đó khi họ có thể không còn ai để chia sẻ. Các ký ức cá nhân được dành nhiều hơn cho những người kiên nhẫn chờ đợi họ thổ lộ và trân trọng những ký ức đó. Câu chuyện cuộc đời được xây dựng dựa trên sự hồi tưởng lại, ghi chép lại, ôn lại hoặc là thông qua các tự truyện đã có sự thu hút rất lớn đối với những người nghiên cứu về NCT trong ¼ thế kỷ qua. Khi chúng ta còn trẻ thì điều quan trọng đối với sức khoẻ thể chất và tinh thần của chúng ta là tiến về phía trước và định hướng cho tương lai. Đến một độ tuổi nào đó điều quan trọng hơn là nhìn lại, nói chuyện thông qua những kinh nghiệm của mình. Hồi tưởng và làm cho tất cả những điều đó trở nên có ý nghĩa và kết thúc với cảm giác hài lòng về cuộc đời mình đã sống. Đây là một công việc quan trọng và một nhiệm vụ chính trong quá trình phát triển của NCT mà Erik Erikson (1963) đã gọi là tự phát triển tâm lý bản thân và chống lại tâm lý bi quan. Tự phát triển tâm lý bản thân toàn vẹn (cái tôi toàn vẹn) đạt được khi một người chấp nhận cả những thắng lợi và thất bại của cuộc đời, bình tâm và hài lòng với cuộc đời mà mình đã sống [75; 19].

Tóm lại, các nghiên cứu đã cho thấy, đối với NCT nói chung, bên cạnh xu hướng hồi tưởng về quá khứ họ cũng rất quan tâm đến các vấn đề của cuộc sống thường ngày như các vấn đề chính trị, XH, các mối quan tâm về sức khoẻ, tình hình tài chính, các tin tức, sở thích... và chia sẻ tâm tư, tình cảm với người khác.

Như vậy, các nhà tâm lý học phương Tây đã rất quan tâm và đề cập một cách cụ thể, sâu sắc, có hệ thống đến cuộc sống của NCT nói chung, NNH nói riêng cũng như quan hệ GT của họ. Những nghiên cứu đã cho thấy thực trạng sự thay đổi cuộc sống sau

nghỉ hưu cũng như các vấn đề khác nhau trong cuộc sống của NNH. Có thể nhận thấy, GT trong GD là một lĩnh vực rất được các nhà khoa học nước ngoài quan tâm còn nghiên cứu về GT của NNH trong các tổ chức ít được đề cập đến.

1.1.2. NHỮNG NGHIÊN CỨU TRONG NƯỚC

1.1.2.1. Nghiên cứu về giao tiếp

Ở Việt Nam, vấn đề GT mới được nghiên cứu từ cuối những năm 70 của thế kỷ XX. Việc nghiên cứu GT phát triển mạnh vào hai thập niên 80, 90 của thế kỷ này. Càng về cuối thế kỷ, những công trình nghiên cứu về GT càng có ý nghĩa thực tiễn và mang tính ứng dụng rõ rệt, đặc biệt là đối với khoa học giáo dục.

Có thể kể đến những hướng nghiên cứu về GT ở Việt Nam như sau:

a) Hướng nghiên cứu lý luận về giao tiếp

Có thể kể đến một số công trình nghiên cứu của các nhà tâm lý học Việt Nam về GT như: Phạm Minh Hạc (2002): “Tuyển tập Tâm lý học”[19]; Lê Thị Bùng (2005) với: “GT ứng xử tuổi trăng tròn” [4]; Trần Trọng Thủy, Nguyễn Sinh Huy với: “Nhập môn khoa học GT”(2006) [46]; Ngô Công Hoàn (1992) với “Một số vấn đề GT sư phạm”[23]; Hoàng Anh, Đỗ Thị Châu, Nguyễn Thạc (2007): “Hoạt động – GT – Nhân cách”[2]; Hoàng Thị Bích Ngọc (2004) với “GT và GT của phạm nhân” [39]; Nguyễn Văn Đồng (2009) với “Tâm lý học GT”[13].

Nhìn chung, các nghiên cứu này chủ yếu có tính chất lý luận về GT như khái niệm GT, bản chất, chức năng, phân loại GT, về mối quan hệ giữa hoạt động và GT, về vai trò của GT đối với sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức về nhân cách nghề nghiệp; về hoạt động – GT với việc nâng cao chất lượng giáo dục.

b) Hướng nghiên cứu ứng dụng trong một số lĩnh vực hoạt động, nghề nghiệp

Bên cạnh những công trình nghiên cứu lý luận chung về GT, nhiều tác giả đi sâu nghiên cứu về kỹ năng GT trong một số lĩnh vực hoạt động, nghề nghiệp như GT trong quản lý, GT trong kinh doanh, du lịch và kỹ năng GT sư phạm. Có thể kể đến các tác giả: Ngô Công Hoàn (1997): “Tâm lý học XH trong quản lý”[24]; Nguyễn Đình Tấn, Lê Ngọc Hùng (2004): XH học hành chính nghiên cứu GT và dư luận XH trong cải cách hành chính Nhà nước[44]; Thái Trí Dũng (2003): “Kỹ năng GT và thương lượng trong kinh doanh”[9]và rất nhiều sách dịch về ứng dụng của GT trong đời sống sinh hoạt và kinh doanh.

Vấn đề GT còn được đề cập nghiên cứu trong một số luận án Tiến sỹ: Nghiên cứu của Nguyễn Liên Châu (2000) về “Một số đặc điểm GT của Hiệu trưởng trường Tiểu học”[5]. Nghiên cứu của Trần Thị Thanh Hà (2006) về “Một số kỹ năng GT trong vận động quần chúng của Chủ tịch Hội phụ nữ cấp cơ sở”[16].Nghiên cứu của Phùng Thị Hằng (2007) về “Một số đặc điểm GT của học sinh trung học phổ thông dân tộc Tày, Nùng”[21]. Nghiên cứu của Nguyễn Văn Đồng (2007) về “Một số đặc điểm GT ngoài giảng đường của sinh viên”[12]; Hoàng Thị Bích Ngọc (2002) về “Đặc điểm GT của phạm nhân bị kết án phạt tù về các tội ít nghiêm trọng”[38].

Có thể thấy, các nghiên cứu trên đã đề cập đến các đặc điểm của GT ở các đối tượng, nghề nghiệp khác nhau và chưa có công trình nghiên cứu nào về đặc điểm GT của NNH.

1.1.2.2. Nghiên cứu về giao tiếp của người nghỉ hưu

Ở Việt Nam, vấn đề NNH bắt đầu được nghiên cứu từ những năm 80 của thế kỷ XX. Mở đầu là nghiên cứu của các nhà y khoa và XH học như nghiên cứu về tuổi già ở Việt Nam [78]. Đến thập niên 90 của thế kỷ này, đánh dấu sự quan tâm đặc biệt đối với NCT (ra đời chương trình phát thanh dành cho NCT, báo NCT ra đời năm 1995...). Một số chương trình nghiên cứu về NCT (trong đó có NNH) đã được thực hiện bởi các nhà XH học. Do thực tế đòi hỏi, thời gian gần đây, nhiều cơ quan, tổ chức XH, các nhà khoa học đã lưu tâm đi vào nghiên cứu vấn đề NCT và NNH như Bộ Y tế, Bộ Lao động – Thương binh và XH... Năm 2005 – 2006, Ủy ban Dân số, GD và Trẻ em đã tiến hành triển khai đề tài “Nghiên cứu một số đặc trưng của NCT Việt Nam và đánh giá mô hình chăm sóc NCT đang áp dụng”[79]. Đề tài tập trung phân tích, đánh giá các đặc trưng cơ bản về NCT ở Việt Nam, điều kiện kinh tế, điều kiện XH, NC chăm sóc sức khỏe, đặc điểm về nguyện vọng, tâm lý của NCT, trên cơ sở đó kiến nghị với Đảng và Nhà nước về chế độ, chính sách, chăm sóc sức khỏe đối với NCT. Gần đây nhất, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phối hợp cùng Trung ương Hội NNH Việt Nam, Viện nghiên cứu Y – XH học và Công ty Nghiên cứu và Tư vấn Đông Dương tổ chức cuộc “Điều tra quốc gia về NCT Việt Nam” (VNAS)[80]. VNAS thu thập số liệu từ tháng 10 - 12/2011 tại 12 tỉnh, thành phố đại diện cho 6 vùng sinh thái của Việt Nam. Hơn 4.000 người đại diện cho nhóm dân số cận cao tuổi và cao tuổi (từ 50 tuổi trở lên) đã được phỏng vấn trong cuộc điều tra này. Số liệu điều tra mô tả các đặc điểm kinh tế, XH, tình

hình sức khỏe, xu hướng bệnh tật, đời sống vật chất, tinh thần, NC chăm sóc và được chăm sóc cũng như việc tiếp cận với các chế độ an sinh XH và dịch vụ y tế của NCT Việt Nam.

Có thể kể đến một số hướng nghiên cứu về GT của NNH như sau:

a) Hướng nghiên cứu về nhu cầu giao tiếp của người cao tuổi

Nghiên cứu của Lê Hà (1990) “Vài nét về đời sống tâm lý của người già” cho thấy khoảng 80% NNH băn khoăn nhiều về vấn đề làm sao để dễ hòa nhập với môi trường mới? Làm gì để có thu nhập? Nền kinh tế thị trường gây nhiều khó khăn đối với NCT, nhất là những NCT cô đơn. NNH có nguyện vọng được làm việc, được tiếp tục cống hiến cho XH phù hợp với hoàn cảnh và khả năng của mình [54].

Nghiên cứu của Nguyễn Đức Truyền (1993) “Tâm thức và hành động ở người già trong đời sống GD và XH” cho thấy, NCT ở nông thôn luôn có NC gần gũi, chia sẻ tình cảm với các con cháu, đây là NC quan trọng hàng đầu đối với NCT. Bên cạnh đó NCT còn có NC củng cố mối quan hệ gần bó họ hàng, thân tộc [55; 104].

Nghiên cứu của Phí Văn Ba (1994) về “NCT trong các cộng đồng nông thôn” đã chỉ ra NC thiết yếu của NCT là sự cân bằng về mặt tâm lý và tình cảm trong các mối quan hệ GD và XH [55].

Nghiên cứu năm 1996 của Viện XH học về “NCT ở đồng bằng Sông Hồng” cho thấy, đối với NCT, NC chăm sóc sức khỏe và động viên tinh thần được đặt lên hàng đầu (80,3% NCT có NC này). Bên cạnh đó, khi có vấn đề rắc rối trong cuộc sống cần chia sẻ họ rất muốn vợ/ chồng, con cái lắng nghe họ nói. Phần lớn NCT đều mong muốn đóng góp sức mình để giảm bớt khó khăn cho GD và XH [54].

Nghiên cứu của Bộ lao động – Thương binh XH (1999) cho thấy, NCT có những nguyện vọng: Mong muốn được quan tâm, chăm sóc (39%); Mong muốn được bổ sung chế độ chính sách (25%); Mong muốn được tạo thêm việc làm (22%); Mong muốn được tôn trọng (9%); Muốn được sống trong các cơ sở nuôi dưỡng tập trung (5%)[3; 50].

Nghiên cứu của Nguyễn Phương Lan (2000) về “Tiếp cận văn hóa NCT” cho thấy, NCT có một số NC văn hoá như: NC GT văn hoá, NC hoàn thiện và bảo toàn nhân cách, NC tâm linh, NC sáng tạo và thưởng thức nghệ thuật. NCGT văn hoá ở NCT bao gồm: GT với tự nhiên và thế giới xung quanh, GT với thần linh, với lực lượng siêu nhiên, GT với XH và con người.

Theo tác giả, hiện nay khi cuộc sống hiện đại hơn, tần số GT trong GD ngày càng giảm đi và càng ít có sự cảm thông giữa các thế hệ. Các thế hệ trong GD khó tìm được tiếng nói chung và để tránh va chạm, người ta lại càng giảm bớt đối thoại với nhau hơn.

Ngoài quan hệ GD và họ hàng, NCT còn có NC liên hệ với bên ngoài thông qua GT với các cá nhân và XH, nhưng thực tế hiện nay, ở đô thị, quan hệ tiếp xúc láng giềng đang bị mai một đi, con người sống tù túng trong những căn hộ biệt lập, khép kín, khiến cho GT XH của họ càng bị thiếu hụt [29; 117- 125].

Nghiên cứu của Hoàng Mộc Lan (2006) “Động cơ tiếp tục hoạt động lao động của NNH ở Hà Nội” cho thấy NNH luôn có NC được làm việc, tiếp tục cống hiến cho GD và XH phù hợp với sức khỏe và điều kiện của từng người, hơn 52% NNH vẫn muốn tiếp tục duy trì lao động nghề nghiệp do lương hưu thấp, thói quen làm việc và mong muốn GT với mọi người trong cơ quan, cơ sở mà họ đã sống, gắn bó nhiều năm [28]. Cũng trong một nghiên cứu khác của tác giả về “Đời sống tinh thần của NCT ở Việt Nam hiện nay” cho thấy một số NC nổi bật ở NCT hiện nay là: NC việc làm, thu nhập, NC lao động, sức khỏe và NC quan hệ XH, NC được quan tâm, tôn trọng [83].

Nghiên cứu của Đặng Vũ Cảnh Linh (2009) “NCT và các mô hình chăm sóc NCT ở Việt Nam” cho thấy những NC nổi lên ở NCT hiện nay là NC chăm sóc sức khỏe, NC GT với xóm giềng, NC nói chuyện với con cháu, NC GT với bạn bè cũ, NC được dạy dỗ con cháu, NC được đi đây đó, NC tham gia sinh hoạt các câu lạc bộ. Một số NC khác, thấp hơn của NNH như NC tham gia công tác XH ở địa phương, NC tiếp tục được lao động, làm việc, NC tâm linh, NC tham gia các lớp học cho NCT, NC được chăm sóc con cháu, NC được kết bạn, sống gần những NCT, NC tham gia công tác nhân đạo, từ thiện và NC được làm công việc mình yêu thích [35; 121-122].

Nghiên cứu của Trần Hoàng Thị Diễm Ngọc (2010) về “Tâm trạng của người mới về hưu trên địa bàn Hà Nội” cho thấy những yếu tố trong cuộc sống khiến NNH cảm thấy hạnh phúc là: Sống chung với con cái một cách vui vẻ; Nề nếp của GD đáng tự hào; Được vợ/ chồng, con cái quan tâm; Không khí GD luôn ấm cúng, hòa thuận; Được con cháu chăm sóc cả lúc khỏe mạnh lẫn khi đau ốm; Được con cháu gần gũi, thăm hỏi; Được con cháu tôn trọng và hỏi ý kiến mọi việc; Vợ/ chồng không thờ ơ với những niềm vui và nỗi buồn của mình; Con cháu học hành đến nơi đến chốn; Kinh tế GD ổn định. Điều này cho thấy, đối với NNH, con cái giữ một vị trí vô cùng quan trọng trong cảm nhận về niềm vui và niềm hạnh phúc của họ. Niềm vui của người già không phải

bất nguồn từ điều kiện kinh tế mà chính là sự quan tâm, chăm sóc của người thân trong GD [40].

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu đã đề cập đến những NC cơ bản của NCT nói chung, NNH nói riêng. Các nghiên cứu đã cho thấy một số NC GT nổi lên ở NCT là NC được gần gũi, chia sẻ tình cảm với các con cháu và người thân trong GD, NC được con cháu tôn trọng, động viên tinh thần, lắng nghe ý kiến, NC chăm sóc sức khỏe, NC hoà nhập để tiếp tục được làm việc, được cống hiến cho GD và XH.

b) Hướng nghiên cứu về đối tượng giao tiếp của người cao tuổi

Nghiên cứu của Phùng Tố Hạnh (1991) “GT XH và GD ở NCT” cho thấy GT của NCT chủ yếu tập trung vào các mối quan hệ GD và bè bạn – những nhóm phi chính thức hơn là những nhóm chính thức (các tổ chức XH). Việc tham gia vào các tổ chức XH của người già có xu hướng giảm, các hình thức hoạt động nghèo nàn. Nghiên cứu cũng cho thấy, ở nơi nào có sự hỗ trợ của chính quyền địa phương thì ở đó số người già tham gia các tổ chức XH sẽ tăng [55; 120].

Nghiên cứu của Dương Chí Thiện (1999) về “Sự tham gia hoạt động XH của NCT ở đồng bằng sông Hồng” cho thấy, tỷ lệ NCT tham gia vào các hoạt động XH ở các tổ chức phi chính thức cao hơn rất nhiều so với các tổ chức chính thức. NCT ở khu vực đô thị thường có tỷ lệ tham gia các hoạt động XH cao hơn NCT ở nông thôn trong hầu hết các tổ chức chính thức như Đảng, Chính quyền, Hội thợ, Hội Cựu chiến binh... Ngược lại, trong những hình thức tổ chức phi chính thức như đám cưới, hỏi, đám tang, đám giỗ, lễ chùa, lễ mừng thọ và các hình thức GT các hội tại cộng đồng như thăm hỏi hàng xóm, bạn bè... thì NCT nông thôn lại có tỷ lệ tham gia cao hơn NCT ở đô thị. Các cụ ông thường tham gia vào các hoạt động XH nhiều hơn các cụ bà. NCT có đời sống và thu nhập cao thường có tỷ lệ tham gia các hoạt động XH cao hơn NCT có đời sống và thu nhập thấp hơn. NCT có trình độ học vấn cao có tỷ lệ tham gia các hoạt động XH nhiều hơn NCT có trình độ học vấn thấp, tình trạng sức khỏe kém [54].

Nghiên cứu của Nguyễn Hải Hữu (1999) cho thấy đa số NNH cảm thấy cuộc sống tinh thần thoải mái hơn khi làm việc, chỉ có 20% cảm thấy có cuộc sống nghèo nàn hơn so với trước. GT của NNH co lại trong phạm vi GD, thân tộc nhiều hơn. Các hoạt động XH rộng lớn, mang tính cộng đồng, làng, xã còn rất nghèo nàn [3].

Nghiên cứu của Bộ Lao động – Thương binh XH (1999) về NCT Việt Nam cho thấy, GT của NCT co lại trong phạm vi GD, thân tộc nhiều hơn. Đối tượng NCT thường tâm sự là: Thường tâm sự với con trai (45%); Tâm sự với vợ/ chồng (35%);

Tâm sự với con gái (25%); Tâm sự với con dâu, con rể (15%); Tâm sự với bạn già (10%); Tâm sự với hàng xóm (8%) [3; 53 - 54].

Nghiên cứu của Nguyễn Phương Lan (2000) về “Tiếp cận văn hóa NCT” có đề cập đến đời sống tâm lý, tình cảm cũng như NC của NCT ở đô thị hiện nay. Theo tác giả, quan hệ láng giềng ở đô thị bị thiếu hụt do đó GT của NCT cũng như NNH bị bó hẹp trong phạm vi GD [29].

Nghiên cứu của Bé Quỳnh Nga (2000) “NCT ở miền Trung và Nam Bộ Việt Nam năm 2000 – Phác thảo từ một số kết quả nghiên cứu định tính” cho thấy ở miền Nam các đoàn thể làm công tác từ thiện rất phát triển và số lượng các cụ bà tham gia Hội NNH và tham gia hoạt động từ thiện nhiều hơn các cụ ông. Nghiên cứu này đã phân nào cho thấy sự tích cực của NCT (trong đó có NNH) trong việc tham gia các công tác XH [37].

Nghiên cứu của Lê Ngọc Lân, Nguyễn Hữu Minh, Trần Quý Long (2011) về “Quan hệ giữa NCT và con cháu trong GD” cho thấy những khi vui, buồn 30,4% NCT thường trò chuyện, tâm sự với vợ hoặc chồng của mình; 28,3% tâm sự, trò chuyện với con (con trai, gái, con dâu). Có 13,2% tâm sự với bạn bè, hàng xóm; 6,9% tâm sự với các cháu. Giữa NCT thành thị và nông thôn hầu như không có sự khác biệt [30; 68].

Như vậy, các nghiên cứu đã đề cập một cách khá cụ thể đến đối tượng GT của NNH. Từ các kết quả nghiên cứu cho thấy, GT của NNH bao gồm GT GD và GT XH (thông qua các nhóm chính thức và phi chính thức). Đối tượng GT chính của NNH là các thành viên trong GD(vợ/ chồng, các con cháu). Một số yếu tố như giới tính, trình độ học vấn có ảnh hưởng đến GT của NNH.

c) Hướng nghiên cứu về nội dung giao tiếp của người cao tuổi

Đối với vấn đề nội dung GT của NNH, hầu như chưa có nghiên cứu nào đề cập đến một cách cụ thể, chỉ có những đề cập lẻ tẻ, xen lẫn trong các nghiên cứu về tâm lý NCT. Có thể kể đến một số nghiên cứu sau:

Nghiên cứu về đặc điểm tâm lý NCT và vai trò GD, cộng đồng đối với cuộc sống của NCT cho thấy, đặc điểm tâm lý của NCT là nuối tiếc tuổi trẻ, hay hoài cổ. Họ thường nhắc đến quá khứ nhiều hơn hiện tại, rất tự hào về kinh nghiệm sống đã qua của mình. Họ nhạy bén với cái mới, cái hiện tại, với sự biến động của lịch sử, các sự kiện xảy ra hàng ngày [88].

Tác giả Thiện Nhân (2003) cho rằng đối với NCT, vấn đề quan tâm đến tâm linh, việc thờ cúng tổ tiên là quan trọng [41;7-8].

Nghiên cứu của Phạm Khắc Chương (2006) về văn hoá ứng xử trong GD cho thấy, đối với NNH, họ vẫn thích đọc sách báo, tìm hiểu các vấn đề thời sự, chính sách và tham gia các hoạt động văn hoá, vui chơi, hội hè có ý nghĩa giáo dục phong tục, tập quán truyền thống tích cực của cộng đồng. Trong cuộc sống hàng ngày NCT đặt vấn đề giáo dục đạo đức quan trọng hơn tri thức, họ thường xuyên gần gũi với con cháu, bằng lời ru, chuyện kể dân gian, cao dao, tục ngữ... đầy ắp ý nghĩa nhân văn, đạo lý ở đời về hiếu thảo, trách nhiệm, vinh nhục, thiện ác.. Trong suy nghĩ và hành động họ đều muốn con cháu xa lánh những hành vi độc ác, bất nhân đối với người khác và “tích thiện” trong cuộc sống đời thường. Suốt cả cuộc đời mình NCT đã góp nhặt, tích lũy được một số kinh nghiệm chủ quan của cá nhân về một lĩnh vực nào đó, do đó họ rất muốn truyền lại cho con cháu [6; 72].

Nghiên cứu của Đặng Vũ Cảnh Linh (2009) “NCT và các mô hình chăm sóc NCT ở Việt Nam” cho thấy NCT rất quan tâm đến các công việc của quê hương, dòng họ, sự phát triển kinh tế, XH của đất nước và sự phát triển kinh tế XH của địa phương [35].

Có thể thấy, các tác giả đã đề cập đến một số nội dung mà NCT quan tâm, trao đổi hàng ngày như chia sẻ tâm tư, tình cảm, hồi ức cá nhân, vấn đề tâm linh, thờ cúng tổ tiên, giáo dục con cái, cháu chất lễ sống ở đời, ngoài ra NCT còn quan tâm đến tình hình kinh tế, chính trị, XH của đất nước và sự phát triển kinh tế của địa phương. Tuy nhiên, đây chỉ là vấn đề được đề cập xen lẫn trong những nghiên cứu khác về NCT.

d) Hướng nghiên cứu về hình thức giao tiếp của người cao tuổi

Trong khuôn khổ chương trình nghiên cứu cấp quốc gia về nhà ở, vào năm 1983, một nhóm nhà XH học đã tiến hành một khảo sát thực nghiệm về đời sống NNH ở nội thành Hà Nội. Kết quả nghiên cứu cho thấy đa số NNH không thấy có sự suy giảm uy tín đáng kể trong GD sau khi họ về hưu. NNH vẫn tích cực tham gia các hoạt động XH. Những NNH đã tham gia quân đội và các trí thức có tỷ lệ tham gia công tác XH nhiều hơn. Người công nhân nghỉ hưu ít tập thể dục, thể thao, ít đọc sách báo, nghe đài, xem tivi hơn so với viên chức, trí thức nghỉ hưu. Về mối quan hệ trong GD, một bộ phận lớn NNH có tâm trạng không hài lòng với con cái sống chung trong GD, lý do chủ yếu là do con cái ít quan tâm chăm sóc cha mẹ, thiếu tâm tình cởi mở với cha mẹ, con cái cư xử không đúng gây xúc phạm đến cha mẹ. [54].

Nghiên cứu của Nguyễn Đức Truyền (1993) “Tâm thức và hành động ở người già trong đời sống GD và XH” cho thấy, hoạt động XH của NCT ở nông thôn khá đơn điệu, chủ yếu NCT tham gia vào Hội thọ (92,8%) là tổ chức có ý nghĩa nhất với họ, các đoàn thể quần chúng chỉ có 31,3% NCT tham gia, hầu như rất ít người (3,6%) tham gia các câu lạc bộ và các tổ chức khác [55; 104].

Nghiên cứu của Nguyễn Xuân Cường và Lê Trung Sơn (2003) về “Thực trạng NCT và các giải pháp nâng cao chất lượng chăm sóc NCT ở Hà Tây” cho thấy NCT ở Hà Tây thỏa mãn tinh thần chủ yếu là vui chơi cùng con cháu (81,4% NCT thường xuyên vui chơi cùng con cháu). NCT ở nông thôn sinh hoạt cùng con cháu thường xuyên hơn NCT ở thành thị. NCT ở thành thị tiếp cận với thông tin, tham quan, du lịch, thể dục thể thao và sinh hoạt đoàn thể một cách thường xuyên hơn nông thôn. Tỷ lệ NCT ở thành thị tham gia các hoạt động Đảng, chính quyền cao hơn ở nông thôn. Các cụ ông tham gia nhiều hơn các cụ bà. Về phương tiện truyền thông thường sử dụng nhất là chiếc tivi (chiếm 77,6%), sau đó là đài, sách, báo, đã có một phần nhỏ NCT (2,3%) tiếp xúc với máy tính. NCT ở thành thị tiếp cận nhiều hơn NCT ở nông thôn và các phương tiện cũng đa dạng hơn [8; 30- 36].

Nghiên cứu của Đặng Vũ Cảnh Linh (2009) “NCT và các mô hình chăm sóc NCT ở Việt Nam” cho thấy về quan hệ XH, NCT hiện nay thường xuyên tiếp cận với các phương tiện thông tin đại chúng (trên 80% NCT thường xuyên đọc sách báo, xem tivi, nghe đài). Có rất ít NCT đi tham quan, du lịch, đi chơi với bạn bè. Có một tỷ lệ khá cao NCT tham gia các câu lạc bộ hưu trí, NCT và trực tiếp tham gia các công tác XH tại địa phương. Nam giới có tỷ lệ tham gia các hoạt động XH cao hơn nhiều lần so với nữ giới. Nữ giới thường đi sinh hoạt lễ chùa và nhà thờ nhiều hơn so với nam giới. Trong quan hệ với những người xung quanh, NCT thường nói chuyện với hàng xóm, bạn bè cùng thế hệ, họ hàng, cán bộ địa phương [35; 120].

Nghiên cứu “Một số đặc trưng của NCT Việt Nam và đánh giá mô hình chăm sóc NNH đang áp dụng” (2005 – 2006) của Ủy ban Dân số GD và Trẻ em cho thấy, hoạt động văn hoá phổ biến của NCT là đọc sách, báo, nghe đài, xem tivi. Tuy nhiên các hoạt động này còn mang tính tự phát, đơn lẻ, không có tổ chức [83].

Như vậy, các nghiên cứu đã đề cập đến những hình thức GT phong phú của NCT, bên cạnh GT trực tiếp thì NCT còn sử dụng các phương tiện truyền thông (đài, báo, tivi...) như là một hình thức GT khác của họ. Các nghiên cứu cũng đã cho thấy sự ảnh

hường của một số yếu tố như: giới tính, nơi sinh sống, nghề nghiệp đến hình thức GT của NCT.

Có thể thấy, các nghiên cứu về NCT ở Việt Nam chủ yếu tập trung vào điều tra thực trạng điều kiện sống, hoàn cảnh kinh tế, an sinh XH và vấn đề chăm sóc sức khỏe đối với NCT. Những nghiên cứu này chủ yếu là điều tra XH học riêng lẻ, chưa có tính hệ thống. Các vấn đề của NNH nói chung và GT của NNH nói riêng mới chỉ được quan tâm, đề cập lẻ tẻ, xen lẫn trong các điều tra, nghiên cứu về NCT, tuy nhiên còn khá nghèo nàn và hiện chưa có nghiên cứu nào về đặc điểm GT của NNH dưới góc độ tâm lý học.

Tổng kết các công trình nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước về GT của NNH có thể rút ra một số nhận định sau đây:

Đối với các nghiên cứu ở nước ngoài

Vấn đề cuộc sống, tâm lý, hoạt động của NNH được các nhà tâm lý học nước ngoài rất quan tâm nghiên cứu, đặc biệt là các nhà tâm lý học phương Tây. Các nghiên cứu này tương đối rộng, có hệ thống và rất có giá trị. Từ những nghiên cứu hết sức cụ thể như thực trạng cuộc sống, GT của NNH đến những nghiên cứu so sánh giữa các nền văn hóa khác nhau về hoạt động, GT của NNH. Những nghiên cứu đã cho chúng ta một cái nhìn tổng thể, nhiều mặt về cuộc sống của NCT nói chung, NNH nói riêng. Tuy nhiên những nghiên cứu riêng biệt về đặc điểm GT của NNH thì chưa có.

Đối với các nghiên cứu trong nước

Các tác giả trong nước chủ yếu quan tâm nghiên cứu về thực trạng đời sống, tâm lý, sức khỏe của NCT nói chung, những vấn đề của NNH chỉ được quan tâm ở mức độ nhất định, đây chỉ như một bức tranh sơ lược về cuộc sống của NNH, chỉ ra thực trạng những khó khăn trong cuộc sống của NNH để kêu gọi sự quan tâm của Nhà nước và XH đến NC của họ. Hầu hết các nghiên cứu này đều tiếp cận từ góc độ XH học hơn là tâm lý học. Chưa có nghiên cứu nào sâu về GT của NNH dưới góc độ tâm lý học. Vì thế, những nghiên cứu về đời sống tâm lý của NNH nói chung, đặc điểm GT của NNH nói riêng là cần thiết.

1.2. LÝ LUẬN VỀ ĐẶC ĐIỂM GIAO TIẾP CỦA NGƯỜI NGHĨ HỮU

1.2.1. KHÁI NIỆM GIAO TIẾP

Từ những góc độ nghiên cứu khác nhau các tác giả đã có những định nghĩa khác nhau về GT. Nhìn chung những định nghĩa ấy xuất phát từ những hướng quan điểm sau:

1.2.1.1. Quan điểm nghiên cứu coi giao tiếp là quá trình trao đổi thông tin

K.K.Platônov và cộng sự cho rằng, “GT là sự trao đổi thông tin giữa những con người với nhau và GT đó là sự tác động lẫn nhau trên cơ sở phản ánh tâm lý lẫn nhau” [dẫn theo 45; 13]. Như vậy, theo các tác giả, GT không chỉ đơn thuần là trao đổi thông tin mà nhờ trao đổi thông tin đó, con người tác động lẫn nhau thông qua các quy luật, xúc cảm, tình cảm... tâm lý trong đời sống con người.

J.P.Gruere (1982) lại cho rằng, “GT là một quá trình chuẩn trong đó một thông điệp được chuyển tải từ một bộ phát tới một bộ thu thông qua một chuỗi các yếu tố được gọi là: nguồn, kênh, địa chỉ” [dẫn theo 34; 7]. Quan niệm trên cho thấy J.P.Gruere chỉ chú ý đến việc chuyển tải thông điệp từ “một bộ phát” đến “một bộ thu” thể hiện GT diễn ra một chiều. Ông nhấn mạnh đến khâu truyền thông tin mà không để ý đến thái độ, cảm xúc, tâm lý của người “thu” dẫn biết rằng quá trình GT diễn ra thông qua một số yếu tố như tác giả gọi đó là “nguồn, kênh, địa chỉ”.

Theo Laswell: “GT nói theo nghĩa hẹp là truyền đi một thông điệp, nhưng nay được hiểu là làm cho hai con người cùng chấp nhận một cái gì là chung nhờ một quá trình hai chiều” [dẫn theo 34; 8]. Như vậy, Laswell đã quan tâm đến tính hai chiều trong quá trình GT chứ không chỉ đơn thuần là sự tác động một chiều như quan niệm của J. P. Gruere. Tuy nhiên trong thực tế GT không phải lúc nào con người cũng đi đến một sự thống nhất, một sự chấp nhận một cái gì chung mà có thể mâu thuẫn với nhau và không chấp nhận một cái gì chung.

Tóm lại, các tác giả chú ý đến sự trao đổi thông tin trong GT mà chưa quan tâm đến người nhận thông tin và thái độ cảm xúc của họ khi nhận được những thông tin đó. Trong GT, trao đổi thông tin là một trong những chức năng tạo nên và duy trì quá trình GT. Tuy nhiên, chủ thể và đối tượng GT còn bày tỏ quan điểm, thái độ, hành vi... khi tiếp nhận được thông tin đó thông qua hoạt động cùng nhau chứ không chỉ đơn thuần là tiếp nhận nó. Với quan điểm trên, cần nghiên cứu GT trong mối quan hệ mang tính chỉnh thể của nó, bởi lẽ ngoài việc tiếp nhận và trao đổi thông tin thì GT còn tác động

mạnh mẽ đến nhận thức, xúc cảm, tình cảm của con người. GT không phải là thông tin mà thông tin là chức năng của GT.

1.2.1.2. Quan điểm coi giao tiếp là hoạt động thực hiện các quan hệ xã hội và quan hệ liên nhân cách

A.A. Leonchev định nghĩa: “GT là một hệ thống những quá trình có mục đích và có động cơ bảo đảm sự tương tác giữa người này với người kia trong hoạt động tập thể, thực hiện các quan hệ XH và nhân cách, các quan hệ tâm lý sử dụng những phương tiện đặc thù, mà trước hết là ngôn ngữ” [dẫn theo 20; 345]. Ông cho rằng: GT là một dạng của hoạt động. Một dạng đặc biệt của hoạt động có đối tượng, có thể là phương thức và điều kiện của hoạt động có đối tượng vì có cấu trúc và đầy đủ các đặc điểm cơ bản của hoạt động như tính chủ thể, tính đối tượng, tính mục đích và vận hành theo nguyên tắc gián tiếp.

B. Ph. Lomov, cho rằng: “GT là hình thức độc lập và đặc thù của tính tích cực của chủ thể” [dẫn theo 36; 390]. B. Ph. Lomov cho rằng: Hoạt động và GT – đó là hai mặt của sự tồn tại XH của con người... hai mặt này gắn bó chặt chẽ với nhau trong một lối sống thống nhất. Hơn nữa giữa chúng luôn có sự chuyển hóa từ mặt này sang mặt kia [dẫn theo 36].

Khi đánh giá quan điểm của hai ông, nhiều nhà tâm lý học như Đ.B.Encônhin, A.A.Bôđaliôv, K.K.Platônôv,... cho rằng, ý kiến của hai nhà tâm lý học trên đều có mặt hợp lý và chưa hợp lý, chưa thỏa đáng. A.A.Leochev khi bảo vệ quan điểm cho rằng GT là dạng đặc biệt của hoạt động có đối tượng đã lý giải chưa xác đáng về đối tượng, động cơ, chủ thể của hoạt động này; trong khi B.Ph.Lomov lại quá nhấn mạnh đến phạm trù GT cũng đi đến chỗ khó giải thích một số trường hợp GT tham gia vào hoạt động có đối tượng như là điều kiện thiết yếu của hoạt động [dẫn theo 21]. Các nhà tâm lý học cho rằng: Hoạt động là quy luật chung nhất của tâm lý học người. GT là một dạng hoạt động phản ánh mối quan hệ chủ thể - chủ thể. Hoạt động có đối tượng phản ánh mối quan hệ chủ thể - khách thể. Hai khái niệm này ngang bằng nhau và có quan hệ gắn bó khăng khít với nhau trong phạm trù hoạt động, là hai mặt thống nhất của cuộc sống con người, của sự phát triển tâm lý.

Ở Việt Nam, trong một số bài viết, giáo trình tâm lý học trước đây thường dùng thuật ngữ “giao lưu” hoặc “GT” để chỉ sự tiếp xúc tâm lý và tác động qua lại giữa con người với con người, trong mối quan hệ nào đó để thực hiện những mục đích nào đó. Việc dùng thuật ngữ tuy có khác nhau, song xét về nội hàm của khái niệm thì các tác

giả đều thống nhất: GT là quá trình hiện thực hóa các mối quan hệ XH giữa người với người, trong đó bao gồm nhiều quá trình diễn ra như trao đổi thông tin, nhận thức lẫn nhau, ảnh hưởng lẫn nhau.

Các nhà tâm lý học khi nghiên cứu định nghĩa GT đều đứng ở một góc độ nhất định, chính vì vậy họ đều có quan điểm riêng của mình.

Từ góc độ tâm lý học đại cương tác giả Phạm Minh Hạc cho rằng: “Giao lưu là hoạt động xác lập và vận hành các quan hệ người – người để hiện thực hóa các quan hệ XH giữa người với nhau” [19; 39]. “Giao lưu” tác giả dùng ở đây đồng nghĩa với GT. Ở đây tác giả nhấn mạnh vào khía cạnh thiết lập quan hệ liên nhân cách của GT.

Từ góc độ GT sư phạm Ngô Công Hoàn định nghĩa: “GT là quá trình tiếp xúc giữa con người với con người nhằm mục đích trao đổi tư tưởng, tình cảm, vốn sống, kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp” [23; 11 – 12]. Theo tác giả, quá trình GT diễn ra chính là sự tiếp xúc lẫn nhau giữa con người với những mục đích rõ ràng.

Tác giả Vũ Dũng (2003) cho rằng “ GT là sự tiếp xúc, quan hệ tương tác giữa người và người nhằm trao đổi, chia sẻ thông tin, tư tưởng, tình cảm bằng các phương tiện ngôn ngữ, phi ngôn ngữ” [10 ;15]. Tác giả đã khẳng định trong GT có sự trao đổi thông tin, tác động qua lại và công cụ để con người chia sẻ thông tin chính là ngôn ngữ và phi ngôn ngữ.

Trong tâm lý học đại cương, Nguyễn Quang Uẩn – Trần Hữu Luyến – Trần Quốc Thành định nghĩa: “GT là sự tiếp xúc tâm lý giữa người với người thông qua đó con người trao đổi với nhau về thông tin, về cảm xúc, tri giác lẫn nhau, ảnh hưởng tác động qua lại với nhau. Hay nói khác đi, GT xác lập và vận hành các quan hệ người – người, hiện thực hóa các quan hệ XH giữa chủ thể này với chủ thể khác” [53; 45]. Các tác giả đã khẳng định GT là sự tiếp xúc tâm lý chỉ có ở con người. GT là NC không thể thiếu được của con người, thông qua GT con người trao đổi thông tin, xúc cảm, tình cảm với nhau, có sự tác động, chi phối, ảnh hưởng lẫn nhau và GT là một dạng hoạt động có đối tượng.

Như vậy, có rất nhiều định nghĩa khác nhau về GT, mỗi tác giả tùy theo phương diện nghiên cứu của mình đã rút ra một định nghĩa GT theo cách riêng và làm nổi bật khía cạnh nào đó. Các tác giả bên cạnh việc quan tâm đến trao đổi và tiếp nhận thông tin trong GT đã chú ý đến mặt thái độ, hành vi, xúc cảm, tình cảm của con người, để từ

đó thực hiện các mục đích khác nhau và hiện thực hóa các quan hệ XH. Trong GT các cá nhân sử dụng cả phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ nhằm đạt mục đích đề ra.

Từ những phân tích trên, chúng tôi đề xuất khái niệm GT như sau:

Giao tiếp là sự tiếp xúc tâm lý giữa con người với con người nhằm vận hành các quan hệ xã hội, được các chủ thể thực hiện với đối tượng, nhu cầu, mục đích, nội dung, hình thức, phương tiện, điều kiện xác định.

1.2.2. CÁC CẤU THÀNH CỦA GIAO TIẾP

Từ khái niệm GT thấy rằng GT có rất nhiều thành phần cấu thành như: Chủ thể, đối tượng NC, nội dung, hình thức, phương tiện... Dưới đây sẽ làm rõ các cấu thành này.

1.2.2.1. Chủ thể và đối tượng giao tiếp

Quá trình GT được thực hiện bởi các cá nhân cụ thể, một người hoặc nhiều người. Sự khác biệt của hoạt động có đối tượng và GT ở chỗ trong GT các cá nhân vừa là chủ thể vừa là khách thể. Họ là đồng chủ thể trong quá trình GT. Các cá nhân tham gia vào quá trình GT luôn đổi chỗ vai trò chủ thể cho nhau và chi phối tác động lẫn nhau, họ cùng là đồng chủ thể và đối tác của nhau. Theo B.Ph.Lomov, đặc thù của GT khác với các loại hoạt động có đối tượng khác, vì nó là hoạt động diễn ra sự tác động giữa chủ thể với chủ thể. Tính chất đồng chủ thể của GT được thể hiện ở ba phương diện:

- *Phương diện thứ nhất là chiều hướng tác động*: Mỗi cá nhân vừa có khả năng tác động lên người đối thoại vừa chịu tác động của họ. Có thể nói tác động trong GT là tác động nhiều chiều.

- *Phương diện thứ hai là động cơ và mục đích GT*: Mỗi cá nhân khi tham gia GT đều có động cơ và mục đích GT của riêng mình. Đôi khi mục đích và động cơ GT của hai cá nhân là đối kháng nhau. Hiếm khi các động cơ và mục đích GT ở hai cá nhân lại trùng nhau.

- *Phương diện thứ ba là kết quả GT*: Dưới tác động của đối tác GT, mọi chủ thể GT đều thu nhận và biến đổi vốn thông tin có sẵn của mình. Trên cơ sở vốn thông tin thay đổi, các chủ thể GT điều chỉnh hành vi, kế hoạch hành động, nhận thức, tình cảm... Có thể thấy kết quả của GT là đặc điểm tâm lý của mọi cá nhân tham gia GT đều biến đổi. Bên cạnh đó, kết quả của GT ở những chủ thể khác nhau là rất khác nhau về số lượng, chất lượng và chiều hướng biến đổi [dẫn theo 36; 374- 378].

Thông qua đối tượng GT ta có thể xác định được đặc điểm tâm lý, xu hướng phát triển nhân cách của mỗi cá nhân (các chủ thể GT), bởi lẽ, các đối tượng mà chủ thể GT thường xuyên sẽ có ảnh hưởng nhất định đến quá trình phát triển nhân cách của họ. Đối tượng GT của cá nhân có liên quan đến xu hướng quan hệ của cá nhân trong XH. Xu hướng quan hệ này bắt nguồn từ NC, mong muốn, niềm tin của cá nhân trong việc thiết lập các mối quan hệ XH, cụ thể là: cá nhân chờ đợi gì từ các mối quan hệ, bản thân họ muốn xây dựng chúng như thế nào, mức độ tin cậy của họ trong các mối quan hệ ấy ra sao... những điều này có ảnh hưởng nhất định đến việc lựa chọn đối tượng GT của cá nhân trong các mối quan hệ XH.

Việc lựa chọn ai để GT phụ thuộc một phần vào NC, nguyện vọng, tình cảm, niềm tin của cá nhân. Đối tượng GT của cá nhân còn liên quan đến môi trường GT và hoạt động của họ trong XH. Trong từng lĩnh vực hoạt động cụ thể, với những hình thức tổ chức hoạt động cụ thể, cá nhân sẽ có những mối quan hệ nhất định tương ứng. Tính chất của những mối quan hệ này.

1.2.2.2. Nhu cầu giao tiếp

Trong tâm lý học, có nhiều quan niệm khác nhau về nhu cầu.

Hiểu một cách chung nhất, nhu cầu là sự đòi hỏi tất yếu mà con người thấy cần được thỏa mãn để tồn tại và phát triển.

Ngoài NC vật chất, con người có NC tinh thần. NCGT là một loại NC tinh thần của con người, là cội nguồn khơi dậy tính tích cực GT của cá nhân. Nó giúp cho con người thực hiện mong muốn trao đổi thông tin, hiểu biết, xúc cảm, tình cảm, thiết lập quan hệ với với người khác.

Các nghiên cứu tâm lý học đã chỉ ra rằng, NCGT là một trong những NC đặc trưng, xuất hiện sớm nhất ở con người. K.Marx đã khẳng định: “NC vĩ đại nhất, phong phú nhất của con người là NC tiếp xúc với người khác. NC này không ngang hàng với các NC khác, sự phát triển của nó trong một con người chính là một điều kiện làm cho con người trở thành con người” [2;177].

Có nhiều quan niệm về NCGT.

V.N.Cunhisurna đã nêu ra nhận xét: “NCGT là NC đặc biệt của con người được xây dựng trên cơ sở nền tảng của sự khát khao của con người đối với những người cùng hội, cùng công tác. Những động cơ phục vụ cho NC này có thể loại trừ và bổ sung lẫn nhau – từ những thủ đoạn ích kỷ đến những hành động vị tha hào hiệp. Khi kết giao quan hệ

với người khác, con người khát khao được làm chủ, chi phối và gây ấn tượng, ủng hộ những người thân thiện và tốt bụng”[dẫn theo 21; 39].

Theo Lêbêdev: “NCGT là NC thông tin. Con người sống không chỉ bằng bánh mỳ, một cá nhân không có thông tin thì khó tồn tại. NC này có nghĩa là chúng ta phải trao đổi với nhau. Chúng ta còn có NC về sự đồng tình, ủng hộ, thông cảm của người khác” [dẫn theo 21; 39].

Quan điểm này theo chúng tôi chưa được đầy đủ. NCGT không chỉ là NC thông tin mà còn bao hàm cả NC được giải bày, tâm sự, trao đổi tình cảm với người khác, thiết lập mối quan hệ với người khác. Trên cơ sở đó con người ảnh hưởng lẫn nhau, tác động qua lại lẫn nhau.

Theo chúng tôi, *NCGT là sự đòi hỏi tất yếu của con người về việc được tiếp xúc, chia sẻ thông tin, tình cảm, thiết lập quan hệ với người khác để tồn tại và phát triển với tư cách là một nhân cách, một chủ thể, một thành viên của nhóm, của XH.*

NCGT có liên quan đến các NC cơ bản của con người. Là cơ sở của một trong những NC cơ bản của con người, đồng thời GT quy định sự phát triển của nhiều NC khác. Trong GT con người không chỉ thỏa mãn NCGT mà còn hình thành, phát triển và thỏa mãn các NC khác.

Đặc điểm cơ bản của NCGT của chủ thể GT là có đối tượng - chủ thể GT khác. Đó là sự hướng tâm lý của chủ thể GT về một chủ thể GT nhất định để trao đổi thông tin, xúc cảm, tình cảm, phối hợp trong hoạt động, bộc lộ bản thân, nhận được sự giúp đỡ của họ...NCGT trở thành tâm thế của mỗi người, để mỗi người sẵn sàng tiếp cận nhau, trò chuyện cùng nhau... để cùng hướng tới những mục đích nhất định, trong các hoạt động nhất định.

NCGT của cá nhân được phát triển nhờ sự thay đổi vị trí của cá nhân trong cuộc sống, trong những môi quan hệ qua lại của cá nhân với mọi người xung quanh, do điều kiện thay đổi diễn ra trong hoạt động, trong lối sống của cá nhân đó. NCGT chịu ảnh hưởng của quan hệ XH, ý thức XH của chính cá nhân đó. Tuy nhiên quan hệ XH ở mỗi cá nhân lại khác nhau. Mặt khác do ảnh hưởng của đặc điểm tâm lý lứa tuổi, GT, nghề nghiệp... mà NCGT của mỗi cá nhân chứa đựng những nội dung riêng và có mức độ biểu hiện khác nhau.

1.2.2.3. Mục đích giao tiếp

Mục đích GT nhằm thỏa mãn NC nào đó của con người. Mục đích GT có thể là giải trí, thu nhận thông tin, thỏa mãn các NC vật chất hoặc tinh thần như tác động lên người khác, tạo dựng quan hệ... Mỗi cá nhân khi tham gia GT đều có động cơ và mục đích GT của riêng mình. Đôi khi mục đích và động cơ GT của hai cá nhân là đối kháng nhau. “Về bản chất của nó, GT có nhiều mục đích. Chẳng hạn, trong phần lớn công trình nghiên cứu, người ta thường nhấn mạnh ý nghĩa của GT đối với việc củng cố tập thể, nâng cao trình độ hiểu biết lẫn nhau, xây dựng những mục tiêu và phương tiện chung của hoạt động tập thể... Nhưng có một nghịch lý là GT có thể chia rẽ con người – những thủ thuật “chiến tranh tâm lý” – nói riêng, việc phao tin đồn có dụng ý – là một ví dụ” [dẫn theo 20; 350].

GT dù mang mục đích gì chẳng nữa cũng đều diễn ra dưới dạng sự trao đổi thông tin, tư tưởng, tình cảm, thể giới quan và nhân sinh quan, NC... của những người tham gia vào quá trình GT.

1.2.2.4. Nội dung giao tiếp

Nội dung GT là những chủ đề, vấn đề chủ thể GT nói đến, bàn luận đến khi GT với người khác.

Theo Trần Thị Minh Đức, trong nội dung GT người ta thường chia làm hai loại: Nội dung tâm lý và nội dung công việc[14].

- *Nội dung tâm lý trong GT*: Một trong những dấu hiệu cơ bản thể hiện sự khác nhau giữa hoạt động có đối tượng và GT chính là ở kết quả của hai hoạt động này. Trong hoạt động có đối tượng, chủ thể làm thay đổi những đặc điểm lý, hóa và cơ học của khách thể (đối tượng), còn trong GT, đối tượng của nó là con người có ý thức và cũng là chủ thể. Kết quả của quá trình GT là các chủ thể đều cảm nhận được một sự thay đổi nhất định trong tâm lý của mình, nói cách khác, quá trình GT đã đọng lại ở các chủ thể một sản phẩm tinh thần – sản phẩm tâm lý. Đây là một mặt biểu hiện của nội dung tâm lý trong GT. Nội dung tâm lý trong GT bao gồm các thành phần cơ bản là nhận thức và thái độ cảm xúc.

+ Nhận thức: Bất kỳ một cuộc GT nào giữa con người với con người đều đem lại cho chủ thể GT một nhận thức nhất định, một sự hiểu biết nhất định. Nội dung nhận thức trong GT rất phong phú, đa dạng, sinh động. Thông qua GT con người tiến hành truyền đạt và lĩnh hội những tri thức mới, thông tin mới, những kinh nghiệm mới, thông

qua GT con người trao đổi với nhau về tư tưởng, tình cảm, ý chí, về những vấn đề cùng quan tâm trong cuộc sống. Thông qua GT con người hiểu biết nhau, hiểu biết về mình và về người khác, trên cơ sở đó con người tự điều chỉnh nhận thức, hành vi của mình cho phù hợp với chuẩn mực của XH. Nội dung nhận thức có thể diễn ra trong suốt quá trình GT hoặc có thể diễn ra mạnh mẽ tại một thời điểm nhất định trong quá trình GT. Mức độ phong phú đa dạng của nội dung nhận thức tùy thuộc vào NC, thái độ và tính chất của mối quan hệ của các chủ thể trong quá trình GT.

+ Thái độ cảm xúc: Trong suốt quá trình GT, các chủ thể GT đều biểu hiện một trạng thái xúc cảm nhất định thông qua những cử chỉ, hành vi, nụ cười, ánh mắt, lời nói. Trong GT, ngoài sự định hướng về nội dung nhận thức, cách thức GT, con người bao giờ cũng thể hiện thái độ của mình. Những thái độ cảm xúc này có thể thay đổi cùng với nội dung nhận thức và hoàn cảnh GT (thay đổi từ không thiện chí đến thiện chí, từ thờ ơ đến quan tâm...). Sự xuất hiện của các xúc cảm âm tính có thể làm hạn chế hiệu quả của tiến trình GT.

- *Nội dung công việc trong GT*: Nội dung công việc phản ánh tính chất của mối quan hệ XH giữa các chủ thể GT, nó chỉ những sự việc xảy ra trong quan hệ giữa con người với con người, đồng thời mang tính chất hoàn cảnh, tình huống.

Sự phân chia về nội dung GT như trên chỉ có tính chất tương đối vì trong nội dung công việc bao giờ cũng có biểu hiện của nội dung tâm lý. Nội dung công việc là cái biểu hiện ra bên ngoài còn nội dung tâm lý là nguồn kích thích, là động lực bên trong thúc đẩy hoặc kìm hãm sự biểu hiện của nội dung công việc.

Nội dung GT thường gắn liền với nội dung hoạt động có sự tham gia của chủ thể GT. Mối liên hệ này thể hiện ở chỗ nội dung cũng như tính tích cực GT của cá nhân phụ thuộc vào nội dung, tính chất và tính tích cực của cá nhân trong hoạt động.

Nội dung GT là một mặt quan trọng của quá trình GT giữa con người với con người. Ở bất kỳ quá trình GT nào chúng ta đều có thể tìm thấy những nội dung GT nhất định. Đây chính là những đặc trưng riêng của GT.

Nội dung GT thường phong phú, đa dạng, nó chịu ảnh hưởng của lứa tuổi, nghề nghiệp, giới tính... của các chủ thể GT. Ngoài ra nó còn chịu ảnh hưởng của hoàn cảnh, điều kiện GT cũng như trạng thái tâm lý của chủ thể và đối tượng GT.

1.2.2.5. Hoàn cảnh, thời gian giao tiếp

Với nghĩa rộng, hoàn cảnh GT bao gồm toàn bộ hoàn cảnh tự nhiên, XH, lịch sử, văn hóa của cộng đồng dân tộc và quốc gia mà các nhân vật GT đang có mặt. Với nghĩa hẹp, hoàn cảnh GT chỉ nơi chốn cụ thể, với những đặc trưng riêng, nơi sẽ diễn ra GT. Hoàn cảnh GT thường được lựa chọn sao cho phù hợp với các đồng chủ thể GT.

Tùy thuộc vào mục đích, tính chất hoạt động, cá tính và NC của mỗi cá nhân mà khoảng không gian và thời gian tiêu phí cho GT có thể rộng hẹp, dài ngắn khác nhau.

1.2.2.6. Hình thức giao tiếp

Trong GT, tùy theo điều kiện và tình huống, mục đích GT, chủ thể GT có thể sử dụng các hình thức GT khác nhau. Có thể chia ra các hình thức GT sau:

a) Căn cứ vào phương thức giao tiếp

GT được chia thành hai hình thức: GT trực tiếp và GT gián tiếp.

- *GT trực tiếp*: Là GT mà hai chủ thể nói chuyện trực tiếp, mặt đối mặt với nhau. Trực tiếp phát và nhận thông tin của nhau. Khoảng cách giữa các chủ thể GT rất gần nhau. Trong quá trình GT, ngoài việc sử dụng ngôn ngữ còn có những biểu hiện của cử chỉ, điệu bộ, nét mặt.

- *GT gián tiếp*: Là GT thông qua một phương tiện trung gian như thư từ, sách báo, điện thoại, vô tuyến truyền hình, đài, fax... hoặc có khi qua ngoại cảm, thần giao cách cảm.

b) Căn cứ theo mục đích của giao tiếp

Người ta chia thành GT chính thức và GT không chính thức

- *GT chính thức*: Là GT giữa các cá nhân đại diện cho nhóm hoặc giữa các nhóm mang tính hình thức, được thực hiện theo các nghi lễ nhất định, được thực hiện theo các nghi lễ nhất định, được quy định bởi các chuẩn mực XH hoặc pháp luật. Trong GT chính thức, nội dung thông báo rõ ràng, khúc triết, ngôn ngữ đóng vai trò chủ đạo, thể hiện ở hình thức hội họp, bàn luận, ký kết... GT chính thức nhằm giải quyết một vấn đề cụ thể, mang tính thiết thực như GT giữa các cơ quan, xí nghiệp, công ty hoặc giữa các nguyên thủ quốc gia...

- *GT không chính thức*: Là GT không mang tính hình thức, không có sự quy định về lễ nghi. Các hình thức GT cũng như cách trang phục, địa điểm, hoàn cảnh GT.... thường không bị lệ thuộc, không gò bó. Đó là GT giữa các cá nhân hoặc nhóm mang tính chất không đại diện cho ai cả. Mục đích của loại GT này thường nhằm thỏa

mãn NC tiếp xúc – giải trí, nên bầu không khí GT thường mang tính chất thân mật, gần gũi, có sự hiểu biết lẫn nhau.

c) Căn cứ theo đối tượng giao tiếp

- *GT song đôi*: Là GT trong đó chủ thể và đối tượng là hai cá nhân tiếp xúc với nhau. Đây là hình thức GT cơ bản, đầu tiên (có ngay từ khi đứa trẻ mới ra đời trong sự tiếp xúc với người mẹ) phổ biến hơn cả trong các hình thức GT. GT song đôi thường diễn ra nhanh gọn, dễ dàng, tiện lợi trong mọi hoàn cảnh và địa điểm.

- *GT nhóm*: Là GT giữa cá nhân với nhóm hoặc giữa các thành viên trong nhóm và ngoài nhóm với nhau. Các GT XH bao giờ cũng là tập hợp của những cá nhân có hoàn cảnh, mục đích, đề tài GT chung. GT nhóm thường có liên quan đến nhiều người, có yêu cầu nhất định về thời gian, địa điểm, khung cảnh, nguyên tắc nhất định. Hạt nhân của GT nhóm là sự liên kết để tìm tiếng nói chung giữa các thành viên trong nhóm.

d) Căn cứ theo phương tiện tiến hành

Theo phương tiện tiến hành, GT có thể phân thành GT ngôn ngữ và phi ngôn ngữ.

- *GT phi ngôn ngữ*: Là GT thông qua các cảm nhận giác quan (như thị giác, thính giác, xúc giác, khứu giác, vị giác), cảm xúc, nét mặt, âm thanh...

- *GT ngôn ngữ*: Gồm GT ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết. Đây là hình thức GT đặc trưng của con người, xác lập và vận hành mối quan hệ người – người trong XH.

e) Căn cứ theo các lĩnh vực hoạt động

Là loại GT mang tính đặc trưng của một nghề nhất định (GT kinh doanh, GT sư phạm, GT báo chí...)

Đặc điểm của loại GT nghề nghiệp là tính chất GT được quy định bởi tính chất nghề nghiệp và chính nghề đó quy định phần nào tính cách, hành vi của người làm nghề đó cũng như nội dung thông tin trong khi GT.

Mặc dù GT theo hình thức nào thì các loại GT nói trên luôn tác động qua lại, bổ sung cho nhau, làm cho mối quan hệ GT của con người trở nên phong phú đa dạng.

1.2.2.7. Phương tiện giao tiếp

Nói đến phương tiện GT là nói đến công cụ được sử dụng để GT. Trong GT con người thường sử dụng các công cụ GT xen kẽ nhau. Những phương tiện GT đó là:

a) Phương tiện ngôn ngữ

Đây là phương tiện đặc trưng cơ bản trong GT XH của con người. Phương tiện ngôn ngữ bao gồm hai loại: ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.

- Ngôn ngữ nói: Là ngôn ngữ chủ yếu hướng vào người khác biểu hiện bằng âm thanh và được tiếp nhận bằng cơ quan tính giác.

- Ngôn ngữ viết: Là ngôn ngữ được thể hiện bằng ký hiệu, tín hiệu, bằng chữ viết.. Ngôn ngữ viết thường được sử dụng trong GT gián tiếp hoặc để sử dụng như là một phương tiện hỗ trợ ngôn ngữ nói.

b) Phương tiện phi ngôn ngữ

Trong quá trình GT ngoài phương tiện GT ngôn ngữ (nói và viết) còn một phương tiện rất quan trọng khác đó là phương tiện GT phi ngôn ngữ. GT phi ngôn ngữ là GT bằng sự vận động cơ thể, cử chỉ, tư thế, nét mặt, âm giọng và các vật dụng được sử dụng trong GT. Phương tiện GT này chưa đựng một nội dung thông tin nhất định và thường được sử dụng hỗ trợ, bổ sung giúp cho nội dung thông tin bằng ngôn ngữ trở nên chính xác hơn, phong phú hơn hoặc để nhấn mạnh hoặc thể hiện thái độ của các chủ thể GT.

Trong GT chủ thể GT sẽ chọn lựa công cụ GT là ngôn ngữ hoặc phi ngôn ngữ (thường là kết hợp cả hai) tùy thuộc vào hoàn cảnh, nội dung và mức độ quan trọng của thông điệp cần chuyển tải cũng như của đối tác GT.

Nghiên cứu sẽ tập trung làm rõ đặc điểm của các cấu thành GT như NCGT, đối tượng GT, nội dung GT và hình thức GT.

1.2.3. NGƯỜI NGHỈ HƯU

1.2.3.1. Khái niệm người nghỉ hưu

Hưu trí là kết thúc hoạt động của con người đối với XH trong một số lĩnh vực, là thời kỳ nghỉ ngơi sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ đối với XH.

Ở nước ngoài, những định nghĩa của XH về việc nghỉ hưu đã thay đổi trong vòng nửa thập kỷ gần đây do những quan niệm khác nhau. Tuy nhiên, có một cách hiểu chung về nghỉ hưu: Nghỉ hưu là sự chuyển đổi từ công việc chính của người trưởng thành, có thu nhập sang thay thế bằng lương hưu.

Do đặc điểm lịch sử, cho đến nay ở nước ta, thuật ngữ hưu trí hầu như dành riêng cho khu vực Nhà nước. Hơn 85% NNH tập trung ở miền Bắc. Các tỉnh có số NNH lớn

nhất là Hà Nội, Thanh Hóa, Nghệ An... Họ là một bộ phận đặc biệt trong nhóm NCT nhưng kết cấu tuổi rất đa dạng. Cấu trúc những NNH bao gồm 2 nhóm là: hưu trí công chức, viên chức và hưu trí quân đội.

Theo điều 50 của Luật Bảo hiểm XH được Quốc Hội khóa XI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29/6/2006, có hiệu lực thi hành từ 01/01/2007 quy định:

“1. Người lao động quy định tại các điểm a, b, c, e khoản 1 điều 2 của luật này (bao gồm: Người làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 3 tháng trở lên; cán bộ, công chức, viên chức; Công nhân quốc phòng, công nhân công an; Người làm việc có thời hạn ở nước ngoài mà trước đó đã đóng bảo hiểm XH bắt buộc). Người có đủ hai mươi năm đóng bảo hiểm XH trở lên hưởng lương hưu khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi;

b) Nam từ đủ 55 tuổi đến đủ 60 tuổi, nữ từ đủ 50 tuổi đến đủ 55 tuổi và có đủ 15 năm làm nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục do Bộ Lao động – Thương binh và XH và Bộ Y tế ban hành hoặc có đủ mười lăm năm làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên. Tuổi đời được hưởng lương hưu trong một số trường hợp đặc biệt khác do Chính phủ quy định.

2. Người lao động quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 của Luật này (bao gồm Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp quân đội nhân dân; sỹ quan, hạ sỹ quan nghiệp vụ, hạ sỹ quan chuyên môn kỹ thuật công an nhân dân; người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân đội nhân dân, công an nhân dân) có đủ hai mươi năm đóng bảo hiểm XH trở lên được hưởng lương hưu khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Nam đủ 55 tuổi, nữ đủ 50 tuổi, trừ trường hợp Luật sỹ quan quân nhân dân Việt Nam hoặc Luật công an nhân dân có quy định khác;

b) Nam từ đủ 50 tuổi đến đủ 55 tuổi, nữ từ 45 tuổi và có đủ 15 năm làm nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục do Bộ Lao động – thương binh và XH và Bộ Y tế ban hành hoặc có đủ mười lăm năm làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên” [15].

Từ những quy định trên đây của Nhà nước, có thể đi tới khái niệm NNH như sau: ***NNH là những người lao động đã tham gia đóng bảo hiểm XH, phần lớn có tuổi đời từ 55 tuổi trở lên đối với phụ nữ, 60 tuổi trở lên đối với nam và có đủ thời gian công tác theo quy định của pháp luật; hiện tại, không tham gia công tác chính thức tại các***

cơ quan Nhà nước hoặc lực lượng vũ trang và đang hưởng chế độ hưu trí của Nhà nước.

1.2.3.2. Đặc điểm tâm – sinh lý của người nghỉ hưu

a) Về sinh lý và sức khỏe

Hiện nay, thế giới quy định người cao tuổi là những người từ 60 tuổi trở lên. Phần lớn người nghỉ hưu hiện nay có tuổi đời từ 55 tuổi trở lên, do đó NNH cũng thuộc nhóm những NCT hay còn gọi là tuổi già. Sự già hóa đối với mỗi cá nhân thể hiện:

- Sự già hóa về thể chất và sức khỏe (các chức năng di truyền, hệ thống miễn dịch, dáng vẻ bên ngoài có sự thay đổi nhiều nhất: da nhăn nheo, tóc bạc, ngực trể...). Các chức năng tâm sinh lý đã có sự suy giảm rõ rệt, các bộ phận trong cơ thể con người đã có dấu hiệu “rệu rã”, các cơ quan nội tạng cũng như hệ thần kinh trung ương đang đi vào giai đoạn thoái hóa rõ rệt. Hoạt động của hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, hệ bài tiết... đều giảm sút và trì trệ. Đây là nguyên nhân sâu xa của những căn bệnh tuổi già.

- Các khía cạnh tâm lý (tầm nhìn và khả năng nghe, khả năng cảm giác, tri giác... đều suy giảm nhưng không đồng đều và đến một độ tuổi nhất định – thường là 70 tuổi mới suy giảm hoàn toàn).

- Các khía cạnh XH (người già phải đối mặt với một loạt những thay đổi về vai trò, vị thế, môi trường sống, phong cách sống...)[72;141].

Đối với phần lớn NNH hiện nay, sau một thời gian đầu cống hiến trong điều kiện chiến tranh và điều kiện sống khó khăn nên khi nghỉ hưu, sức khỏe của họ giảm sút. Nghiên cứu của Mạc Văn Tiến cho thấy: Do sức khỏe giảm sút nên NNH bị ốm đau nhiều. Những NNH sống độc thân thường ốm đau nhiều hơn so với NNH sống cùng con cháu, vì họ không được sự chăm sóc (cả về vật chất lẫn tinh thần) của người thân [7;108]. Tuổi tác và sức khỏe cũng là nguyên nhân làm cho NNH thường bị mắc một số bệnh mãn tính như thoái hóa khớp, viêm khớp, viêm phế quản, hen suyễn hoặc tim mạch, tiêu hóa...

b) Về tâm lý của người nghỉ hưu

Do thuộc về nhóm NCT nên NNH cũng có những đặc điểm tâm lý chung của NCT. Người cao tuổi, là giai đoạn thứ ba của đời người. Ở lứa tuổi này, ý thức về ngành nghề, giới tính, địa vị XH, vinh quang của quá khứ... dần dần lùi xa, ý thức về NCT lớn dần lên, chiếm lĩnh toàn bộ hoạt động và đời sống phần còn lại của cuộc đời,

là lớp người cận kề “xưa nay hiếm”. Nhìn chung, đối với NCT, hành lang an toàn bị thu hẹp, suy giảm khả năng thích nghi. Những suy giảm tuổi già, về địa vị kinh tế đã chi phối, quy định các yếu tố tâm lý, vui, buồn, lo, nghĩ, mong muốn, ý chí, tâm, lực... Bên cạnh đó, NNH là một nhóm XH, nhóm này có những đặc điểm tâm lý riêng, khác với các nhóm XH khác. Trong nhóm này có những nhóm có đặc tính khác nhau do sự khác nhau về giới tính, địa bàn cư trú, nghề nghiệp, địa vị XH trước khi nghỉ hưu.... Từ sự khác biệt này dẫn đến sự khác biệt trong yếu tố tâm lý, tình cảm, lối sống của từng nhóm nhỏ đó. Để tìm hiểu tất cả các khía cạnh tâm lý của nhóm người này là vấn đề không dễ, nó đòi hỏi phải có những nghiên cứu nghiêm túc, quy mô lớn. Luận án chỉ đề cập đến một số đặc điểm tâm lý cơ bản nhất của NNH giai đoạn hiện nay. Cụ thể:

- Phần lớn NNH hiện nay sinh ra và lớn lên trong XH nông nghiệp cổ truyền. Hai yếu tố chi phối mạnh mẽ toàn bộ đời sống của họ là tư tưởng tiểu nông và ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo. Do đặc điểm của môi trường, xuất thân cùng với những đặc điểm của tuổi tác khiến cho lớp NCT hiện nay nói chung, NNH nói riêng trong giao tiếp, ứng xử luôn lấy sự *mềm dẻo, hiếu hòa* làm nguyên tắc... *yếu tố tình cảm, lễ nghi, “tôn ti, trật tự”* luôn được họ coi trọng. Tất cả những đặc điểm này có tác động mạnh mẽ đến toàn bộ đời sống tâm lý của NNH.

- Nhiều NNH hiện nay đã sống hoặc trải qua hai cuộc kháng chiến cứu nước của dân tộc. Họ là lớp người sống có lý tưởng, lớp người được giáo dục về cái ta chung nhiều hơn cái tôi riêng. Do đó họ sống rất có trách nhiệm với bản thân, GD và XH. Là những người tích lũy được nhiều kiến thức và kinh nghiệm sống nên NNH rất sẵn lòng truyền đạt những kiến thức và kinh nghiệm của bản thân cho thế hệ trẻ.

- Đa số NNH hiện nay là những con người của thời bao cấp, do đó quan niệm, cách tư duy của họ về tiền bạc, về các mối quan hệ, phong cách ăn mặc, nếp sống của họ khác với thanh niên hiện nay đang sống trong bối cảnh XH công nghiệp hóa hiện đại hóa. Điều này cũng gây ra những khó khăn đáng kể cho họ trong quá trình thích ứng với cơ chế mới, với hoàn cảnh sống mới, cũng như trong mối quan hệ với con cháu của họ là thanh niên hiện nay [29; 74].

- Phần lớn NNH là những người đã cao tuổi, do đó có biểu hiện tâm lý đặc trưng của NCT như: ưa sự ổn định, hướng về cội nguồn, tổ tiên. Khi đã cao tuổi, con người thường gắn bó hơn với đời sống tâm linh, dòng họ. NCT thường sống bằng quá khứ, kỷ niệm, hoài niệm. Đây là một nét tâm lý đặc thù của NCT. Họ hãnh diện về một thời đã

sống, cống hiến, làm việc và hy sinh giờ không còn nữa.... Từ đó nảy sinh tâm lý thích nói về mình, đề cao quá khứ. Nhưng không phải vì thế mà NCT hẹp hòi, ích kỷ mà ngược lại họ rất khoan dung, rộng lượng, vị tha.

- Bên cạnh tâm lý hướng về tổ tiên, cội nguồn, NCT còn có mối quan tâm đặc biệt đến con cháu – những người sẽ tiếp nối họ trong tương lai, họ lấy niềm vui của con cháu làm niềm vui của bản thân, không tiếc công sức chăm sóc, dạy bảo con cháu. Họ muốn sống gắn bó với GD, hòa nhập với XH, nhiều người rất tích cực tham gia các công tác XH. Tuy nhiên, với sức khoẻ ngày càng giảm sút, những biểu hiện sinh lý của cơ thể... làm cho NCT hay lo lắng về bệnh tật sẽ đến và sợ hãi những biến cố có thể xảy ra. Chính vì thế, đôi lúc họ hay cáu gắt, cố chấp, nhỏ nhặt, thích nhận được những sự quan tâm, chăm sóc từ con cháu và đòi hỏi con cháu phải tôn trọng mình. Điều này đã chi phối mạnh mẽ đến đời sống tâm lý tình cảm cũng như GT của NCT.

- Đối với đa số NCT, trong GT họ thường thích GT với những người cùng độ tuổi, có cùng sở thích, cảnh ngộ giống mình để dễ dàng tìm được sự cảm thông, chia sẻ [55; 54].

- Do sự thay đổi hoạt động (chuyển từ trạng thái làm việc sang trạng thái nghỉ ngơi), thay đổi vị thế XH, *một số NNH ở giai đoạn đầu thường có một số rối loạn tâm lý*. Những rối loạn tâm lý biểu hiện ở dạng nhẹ là khó chịu, lo lắng, nặng hơn là rối loạn thần kinh chức năng với các biểu hiện suy nhược cơ thể, lo âu, trầm cảm, ám ảnh bệnh tật, nặng hơn nữa có thể có các trạng thái rối loạn tâm thần, biểu hiện bằng hội chứng hoang tưởng và rối loạn ý thức. Theo Vũ Thị Nho: “Đối với NNH, khi chuyển từ trạng thái làm việc tích cực, khẩn trương hàng ngày sang trạng thái nghỉ ngơi, tâm lý con người có những biến động đáng kể. Nhiều người cảm thấy khó thích nghi với cuộc sống mới. Người ta cho rằng, đây là những năm tháng dễ gây ra các “hội chứng về hưu” ở người già. Biểu hiện của hội chứng này là buồn chán, trống trải, thiếu tập trung, dễ cáu gắt, dễ nổi giận. Một số người cảm thấy không được tôn trọng như trước, thiếu tự tin, nghi ngờ người khác... Cá biệt, có người sa sút rõ rệt và sinh ra bệnh tật. Hội chứng này thường xảy ra trong năm thứ nhất của thời kỳ nghỉ hưu và mức độ biểu hiện rất khác nhau, tùy thuộc vào những yếu tố và những điều kiện cụ thể khác nhau của từng người. Nó có thể kéo dài một năm, thậm chí hay, ba năm. Người ta quan sát thấy: những người có tính nóng nảy, cố chấp, thời gian thích nghi thường kéo dài; những người từ tốn, bình tĩnh dễ thích nghi hơn. Đa số sau một năm có thể hồi phục trạng thái bình thường. Nữ giới thường thích ứng nhanh hơn nam giới. Nguyên nhân của “hội chứng về hưu”

có nhiều, trong đó những nguyên nhân có tính tâm lý - XH là đáng quan tâm hơn cả. Khi về hưu, con người xa rời những công việc quen thuộc mà mình yêu thích, đã gắn bó hàng chục năm, nếp sống bị đảo lộn, các mối quan hệ XH thân thiết bị thu hẹp, sự GT hàng ngày bị thay đổi. Những người về hưu cảm thấy mình đã đến cái tuổi không còn làm được gì, thu nhập cũng bị hạn chế, cống hiến cho XH vị giảm sút... Tất cả những điều đó là những nhân tố làm rối loạn tâm lý, thể chất của những NNH, gây ra những Stress không phải ai cũng dễ vượt qua.” [43;176].

- Sự thay đổi về vị thế, vai trò trong gia đình và XH của NNH cũng ảnh hưởng đến tâm lý của họ. Theo Mạc Văn Tiến, khi còn đang tại chức, các mối quan hệ công tác, quan hệ XH làm cho cuộc sống của người tại chức đa dạng, sinh động và phong phú, nhưng đến khi về hưu những mối quan hệ này bị giảm đi hoặc không còn nữa. Vị thế của người về hưu đối với XH và GD đã thay đổi căn bản. Điều này làm cho người về hưu rơi vào trạng thái hẫng hụt về tinh thần. Một số người (nhất là những NNH có chức vụ cao khi tại chức) cảm thấy cuộc sống hưu trí rất cô đơn và buồn tẻ. Họ chỉ quần quanh trong bốn bức tường hoặc vườn nhà, rất ít GT. Có đến 40% số NNH được hỏi cho biết cuộc sống tinh thần sau khi nghỉ hưu kém đi nhiều [47; 111].

Đối với một số NNH, khi nghỉ công tác, thu nhập bị giảm sút làm cho họ cảm thấy vai trò quyết định các công việc lớn của GD, chức năng giáo dục con cái của họ có sự thay đổi so với trước kia. Thu nhập giảm sút cũng khiến nhiều NNH cảm thấy vai trò của họ trong GD thay đổi. Điều này cũng gây ảnh hưởng xấu đến tâm lý của họ.

Theo Lê Văn Hồng: “Người mới nghỉ hưu thường có trạng thái hẫng hụt”. Trạng thái này thường do những nguyên nhân như:

- + Cảm nhận sự giảm sút giá trị của bản thân trong cộng đồng.
- + Phạm vi và đối tượng GT thu bị hẹp.
- + Giảm sút mọi lợi tức, thu nhập (đặc biệt là mất phần “bổng” trong “lương bổng”).
- + Giảm hẳn mọi ràng buộc mà họ vẫn có.

Do trạng thái “hẫng hụt” người về hưu thường có cảm giác bị quan, cô đơn chán trường và có thể dẫn đến thái độ ít cởi mở, thường có thể phòng thủ, ngại tiếp xúc và có thể sinh chứng trầm cảm [25; 13].

c) Các hoạt động chủ yếu của người nghỉ hưu

Đối với NNH, hoạt động sau khi nghỉ hưu tùy thuộc vào nhu cầu, sở thích, sở trường, hoàn cảnh, điều kiện sống của cá nhân, gia đình và những hoạt động này đều mang tính tự nguyện. Có thể kể đến các hoạt động chính của NNH như sau:

**** Hoạt động chăm sóc gia đình, con cháu***

Khi nghỉ hưu, thay thế cho công việc chuyên môn, nhiều NNH dành phần lớn thời gian của họ cho GD, con cháu. Ở đô thị, ngoài phạm vi GD, quan hệ XH thay thế cho các quan hệ tình cảm. Khi quan hệ láng giềng bị thiếu hụt, GT của NNH bị bó hẹp trong phạm vi GD. Họ dành nhiều thời gian cho người thân và tự tìm thấy niềm vui trong việc chăm sóc con cháu. Kết quả một cuộc nghiên cứu về NNH ở Hà Nội cho thấy khoảng 25% NNH vẫn thường xuyên đảm nhiệm việc trông nom cháu nhỏ. Hơn 10% NNH thường xuyên kiểm tra việc học tập của các cháu. 20% NNH thường xuyên làm các công việc nội trợ như đi chợ, nấu cơm, dọn dẹp nhà cửa.. Những việc làm này góp phần củng cố uy tín của NNH với con cháu trong GD, xoá đi mặc cảm vô dụng ở tuổi già, đồng thời nó góp phần làm bền chặt mối quan hệ giữa các thế hệ trong GD [54]; [55].

**** Tham gia các hoạt động xã hội***

Một trong những nét văn hóa của NNH là tích cực tham gia các hoạt động mới và tiếp tục các hoạt động cũ. Với tinh thần trách nhiệm, ý thức cộng đồng cao và mong muốn đóng góp sức mình cho sự phát triển của XH, cộng đồng. NNH rất tích cực tham gia các hoạt động mang tính chính trị - XH (tham gia sinh hoạt trong tổ chức Đảng, Hội NCT, Hội Phụ nữ, Hội cựu chiến binh...). Trong một nghiên cứu mới đây của Đặng Vũ Cảnh Linh cho thấy khoảng 61% NNH tham gia vào các Câu lạc bộ hưu trí, Hội NCT, 51% trực tiếp tham gia vào các công tác XH ở địa phương. Hoạt động của các tổ chức này đã đáp ứng NC sinh hoạt tập thể của NNH, giúp NNH lấy lại sự cân bằng về mặt tâm lý, tự khẳng định vị trí của mình trong GD và XH. Bên cạnh đó, tham gia hoạt động XH, NNH được phát huy khả năng của mình, họ luôn đóng vai trò trụ cột cho chính quyền địa phương trong việc giáo dục con cái làm việc tốt, xây dựng nếp sống văn hoá, tích cực chống các tệ nạn XH, đóng góp nhiều ý kiến xây dựng chính quyền. Mặt khác điều này giúp họ luôn có tư tưởng vui vẻ, thoải mái với mọi người, GD hoà thuận, hạnh phúc, ảnh hưởng tốt đến cách cư xử của con cháu [3]; [35].

*** Hoạt động học tập**

NCT nói chung, NNH nói riêng, tuy nắm trong tay cả kho kiến thức, kinh nghiệm, nhưng tri thức ấy nhiều khi trở nên bất cập trước thực tế đầy biến động và không ngừng thay đổi hàng ngày cùng với những thành tựu nhanh đến chóng mặt của khoa học kỹ thuật. Vì vậy, với nhiều NNH ở đô thị, khi nghỉ hưu họ vẫn có NC học tập để bổ sung cho những kinh nghiệm của mình. Việc tiếp tục tư duy, tiếp tục nhận thức về những cái chưa biết, tiếp tục khám phá biên tri thức vô tận của nhân loại cũng chính là động lực giúp cho NCT cảm thấy sảng khoái hơn, năng động hơn, trẻ trung hơn so với tuổi tác của mình. Khác với các nhóm XH khác, NC học tập của NCT diễn ra theo nhiều hướng, bằng nhiều cách khác nhau. Chủ yếu là bằng kinh nghiệm, thứ đến là bằng các phương tiện thông tin đại chúng, sau cùng mới bằng đào tạo[29; 130].

*** Hoạt động chăm sóc, rèn luyện sức khỏe**

Đối với nhiều NNH, tuổi cao cộng với sự sa sút về sức khỏe khiến họ rất tham gia tích cực vào các hoạt động rèn luyện sức khỏe thể chất (tập thể dục, thể thao..) hoặc tinh thần (tham gia các câu lạc bộ thơ văn, nhạc, họa...). Khác với nông thôn, ở đô thị, trừ những tổ chức hội mang tính nghề nghiệp cao, ngoài ra tất cả các tổ chức quần chúng đều có sự tham gia của đủ mọi giới, mọi thành phần NCT, những hoạt động này giúp cho NNH có cuộc sống thoải mái cả về thể chất và tinh thần[3; 112 - 116].

*** Các hoạt động hướng về quê hương, dòng họ**

Phần lớn NNH hiện nay xuất thân từ nông thôn và có truyền thống gắn bó với làng quê nên họ rất tích cực tham gia các hoạt động củng cố dòng họ. Trong một thời gian dài, do chiến tranh và các biến động XH khác, vấn đề tâm linh, dòng họ ít được chú ý tới, thậm chí bị coi nhẹ. Những năm gần đây, nổi lên phong trào khôi phục các quan hệ họ hàng, thân tộc. Các hoạt động này thường do NCT khởi xướng và tổ chức thực hiện dưới nhiều hình thức: xây mộ, giỗ tổ, thanh minh, họp họ...nhằm mục đích ôn lại truyền thống quê hương, dòng họ, nhắc nhở con cháu nhớ về cội nguồn. Mặt khác GT huyết thống cũng góp phần quan trọng trong việc cân bằng tâm lý đối với NCT. Đối với NCT, vấn đề quan tâm đến tâm linh, việc thờ cúng tổ tiên là rất quan trọng đối với họ [29].

*** Tham gia hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo (đi lễ chùa, đi nhà thờ, thờ cúng tại gia đình...)**

Có thể thấy, trong thời gian vừa qua, các hiện tượng tôn giáo phát triển khá mạnh, trong đó có sự tham gia khá tích cực của NCT, thể hiện NC tâm linh của lớp NCT trong XH công nghiệp hiện đại. Đối với nhiều NCT, các hoạt động tâm linh đã ăn sâu trong tiềm thức của họ. Hoạt động tâm linh đã trở thành hình thức sinh hoạt văn hoá cộng đồng, nó thoả mãn NC giao lưu văn hoá của NCT. Một phần nữa, do ý thức hướng về cội nguồn, NCT tìm đến các hoạt động tâm linh chủ yếu là các dạng hoạt động thờ cúng tổ tiên hoặc hoạt động tưởng nhớ các anh hùng dân tộc và những người có công với đất nước[29; 83].

1.2.4. ĐẶC ĐIỂM GIAO TIẾP CỦA NGƯỜI NGHỈ HƯU

1.2.4.1. Khái niệm giao tiếp của người nghỉ hưu

Từ khái niệm GT và khái niệm NNH đã được trình bày ở phần trên, có thể đi đến khái niệm GT của NNH như sau:

Giao tiếp của NNH là sự tiếp xúc tâm lý giữa những người lao động đã đóng góp bảo hiểm XH, không còn tham gia công tác chính thức, hiện đang hưởng chế độ hưu trí với người khác nhằm vận hành các quan hệ xã hội, được các chủ thể thực hiện với đối tượng, nhu cầu, mục đích, nội dung, hình thức, phương tiện, điều kiện xác định.

Phân tích khái niệm trên cho thấy, giao tiếp của người nghỉ hưu bao gồm các nội dung sau:

- Giao tiếp của NNH là sự tiếp xúc tâm lý giữa NNH với người khác. Các (cá nhân) chủ thể tham gia vào quá trình GT luôn đổi chỗ vai trò chủ thể cho nhau và chi phối tác động lẫn nhau. Trong quá trình GT có sự tác động và chuyển hóa qua lại về tâm lý (NC, nhận thức, rung cảm, ý chí...) giữa cá nhân NNH với cá nhân khác, giữa cá nhân NNH với nhóm, giữa nhóm NNH với nhóm khác. Những yếu tố về khí chất, vốn sống, thói quen, lứa tuổi, giới tính và những nét tính cách của mỗi người tạo nên sự phong phú, riêng biệt trong GT của NNH này với NNH khác.

- Giao tiếp luôn thiết lập và thực hiện các quan hệ xã hội của con người. Thông qua giao tiếp, NNH trao đổi, chia sẻ với nhau kiến thức, kỹ năng và xây dựng tình đoàn kết, gắn bó hợp tác với người khác. Giao tiếp là nhu cầu thiết yếu, là hoạt động đặc trưng cho mối quan hệ của con người với nhau. Nó góp phần tạo dựng nên nhân cách con người trong xã hội.

- Giao tiếp giữa NNH và người khác có nội dung xã hội – lịch sử cụ thể. Nội dung giao tiếp thể hiện ở sự trao đổi thông tin, tư tưởng, tình cảm, thế giới quan, nhân sinh quan, nhu cầu, nguyện vọng để hiểu biết lẫn nhau, tác động và ảnh hưởng qua lại với nhau, phối hợp thực hiện công việc, nhiệm vụ, hoạt động cùng nhau.

- Giao tiếp giữa NNH và người khác được thực hiện trong hoàn cảnh và thời gian xác định.

- Trong giao tiếp, NNH sử dụng các phương tiện giao tiếp là ngôn ngữ (nói, viết..) và phi ngôn ngữ (hành vi, cử chỉ, nét mặt..). Nhờ có ngôn ngữ mà NNH có thể bộc lộ và truyền đạt được những cảm xúc, những suy nghĩ của mình về người khác, về thế giới xung quanh.

1.2.4.2. Khái niệm đặc điểm giao tiếp của người nghỉ hưu

Để tìm hiểu khái niệm đặc điểm GT, trước hết chúng tôi đề cập tới khái niệm đặc điểm.

Từ “characteristic” trong tiếng Anh và từ “xapaktepućtuka” trong tiếng Nga đều được dịch sang tiếng Việt là đặc điểm [51];[52]. Đặc điểm có nghĩa là nét đặc trưng riêng biệt có thể xác định hay đo lường được đối với một quá trình, một sản phẩm hay một biến số [81]. Đặc điểm có thể hiểu là nét, số lượng hay thuộc tính để phân biệt, là thành tố của tính cách, cá tính, nét đặc trưng nhằm để phân biệt [84]. Trong từ điển tiếng Việt, đặc điểm được hiểu là nét riêng biệt [44; 283]. Như vậy, theo nghĩa chung của từ thì đặc điểm có nghĩa là *nét đặc trưng riêng biệt*. Trong nhiều trường hợp, những nét đặc trưng nổi bật đó có thể là tiêu chí để phân biệt cá thể này, nhóm này với cá thể khác, nhóm khác.

Nói đến *đặc điểm GT của một cá nhân hay một nhóm XH nhất định là phải làm rõ được những nét đặc trưng, nổi bật trong GT giữa các cá nhân hay nhóm XH đó*. Từ đây, chúng tôi nêu ra khái niệm đặc điểm GT của NNH như sau:

Đặc điểm GT của NNH là những nét riêng, đặc trưng, nổi bật của sự tiếp xúc tâm lý giữa những người lao động đã đóng góp bảo hiểm XH, không còn tham gia công tác chính thức, hiện đang hưởng chế độ hưu trí với người khác nhằm vận hành các quan hệ xã hội, được các chủ thể thực hiện với đối tượng, nhu cầu, mục đích, nội dung, hình thức, phương tiện, điều kiện xác định.

Như vậy, đặc điểm GT của NNH có các điểm quan trọng sau:

- Tính riêng, chỉ GT của NNH mới có
- Tính đặc trưng, nổi bật, đậm nét chứ không mờ nhạt, bị hoà lẫn.

1.2.4.3. Biểu hiện đặc điểm giao tiếp của người nghỉ hưu

Luận án coi giao tiếp có những cấu thành, trong mỗi cấu thành đó có những nét riêng, đặc trưng, nổi bật và chỉ những nét riêng, đặc trưng, nổi bật đó được coi là đặc điểm của giao tiếp.

Luận án tìm hiểu đặc điểm GT của NNH thể hiện qua biểu hiện đặc điểm (những nét riêng, đặc trưng, nổi bật) của các cấu thành sau:

- + Đặc điểm đối tượng (chủ thể) GT của NNH
- + Đặc điểm nhu cầu GT của NNH
- + Đặc điểm nội dung GT của NNH
- + Đặc điểm hình thức GT của NNH.

Luận án lựa chọn bốn thành tố này để tìm hiểu về đặc điểm giao tiếp của NNH vì đây là bốn vấn đề cơ bản, quan trọng cấu thành giao tiếp.

a) Đặc điểm đối tượng giao tiếp của người nghỉ hưu

Đối tượng GT của NNH là những người mà NNH tiếp xúc trong quá trình thực hiện GT của họ.

Phạm vi, giới hạn của GT phụ thuộc vào phạm vi và giới hạn của hoạt động của chủ thể GT. Do sự thay đổi về hoạt động dẫn đến GT của NNH cũng có sự thay đổi. Khi NNH còn làm việc tại các cơ quan của Nhà nước thì họ dành phần lớn thời gian để giao tiếp với đồng nghiệp, những người quản lý các cấp, sau đó mới đến bạn bè, các nhóm không chính thức khác. Khi không còn công tác nữa các GT chính thức của NNH giảm đi, thay vào đó là các GT không chính thức, điều đó cũng đồng nghĩa với việc đối tượng GT của họ có thay đổi.

GT của NNH bao gồm: GT GD và GT XH [54]; [55].

- *GT GD*: Trong quan hệ GD, bên cạnh việc GT với các thành viên trong GD nhỏ (vợ, chồng, các con, cháu...), NNH còn có nhu cầu GT với anh em, họ hàng thân tộc.

- *GT XH*: GT XH của NNH bao gồm việc họ tham gia vào các hoạt động, công tác XH và quan hệ của họ với cộng đồng đang sống.

Luận án tập trung tìm hiểu về đặc điểm đối tượng GT của NNH với một số nhóm đối tượng như sau:

- *Nhóm những người thân trong GD: vợ (chồng), con, cháu, họ hàng.* Khi còn tham gia công tác chính thức tại cơ quan, NNH dành nhiều thời gian cho công việc cơ quan, khi nghỉ hưu chủ yếu họ dành thời gian cho GD, họ chăm sóc gia đình, các con cháu nhiều hơn, nhất là đối với những NNH là nữ giới.

- *Nhóm những người trong cộng đồng cư dân.* Nhóm này gồm:

+ Những người hàng xóm.

+ Nhóm bạn bè. Nhóm này gồm: Các bạn hưu, bạn thân, bạn đồng nghiệp, bạn đồng hương.

- *Sự tham gia của NNH vào các nhóm, tổ chức XH dành cho NNH như:*

+ Các nhóm chính thức (các tổ chức XH dành cho NNH ở địa phương như chi bộ Đảng, Hội Cựu chiến binh, Hội NCT, Hội phụ nữ...).

+ Nhóm không chính thức (có cùng NC, sở thích nào đó như nhóm thể dục, hội cờ, câu lạc bộ thơ văn...)[55].

b) Đặc điểm nhu cầu giao tiếp của người nghỉ hưu

Nhu cầu GT của NNH là sự đòi hỏi tất yếu của NNH về việc được tiếp xúc, chia sẻ thông tin, tình cảm, thiết lập quan hệ với người khác để tồn tại và phát triển với tư cách là một nhân cách, một chủ thể, một thành viên của nhóm, của XH.

Do đặc điểm của hoạt động sống mà NCGT của NNH có những khác biệt cơ bản với NCGT khi họ còn làm việc ở các cơ quan của Nhà nước, các tổ chức XH. Đối với nhiều NNH, GT về công việc chuyên môn giảm đi rất nhiều, một số người không có NC GT về vấn đề này. Đối với một số khác, NC của họ khi về hưu là được chăm sóc GD, con cháu, chia sẻ tình cảm với người thân trong GD và thắt chặt mối quan hệ gắn bó với quê hương, họ hàng. Nhiều NNH khác lại có NC tiếp tục được tham gia công tác, giao lưu XH để tiếp tục được đóng góp sức lực cho XH... Thực tế cho thấy, khi nghỉ hưu NNH không phải nghỉ hoàn toàn, không làm việc, không hoạt động và sống tách biệt khỏi cuộc sống cộng đồng dân cư nơi họ đang sống. Ngược lại, khi nghỉ hưu, tùy theo điều kiện sức khỏe và hoàn cảnh sống cụ thể mà họ có thể tham gia khá tích cực vào nhiều hoạt động chung của cộng đồng, XH với mong muốn được tham gia đóng góp một phần vào sự phát triển chung của XH.

Luận án tìm hiểu đặc điểm NCGT của NNH thể hiện ở những mặt cơ bản sau:

+ NC chia sẻ, tâm sự với người khác (với người thân GD hoặc bạn bè...);

+ NC trao đổi thông tin, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm;

+ NC được đóng góp ý kiến, được mọi người tôn trọng;

- + NC hoạt động cộng đồng và giải trí;
- + NC tâm linh.

- *NC được chia sẻ, tâm sự với người khác:* Với NCT nói chung, NNH nói riêng, do không còn tham gia hoạt động lao động thường xuyên nên mối quan hệ, giao lưu của họ trở nên thu hẹp hơn, gây ra sự hụt hẫng về tâm lý, sức khỏe. Vì vậy, NNH rất cần sự quan tâm, chia sẻ, chăm sóc thường xuyên của người thân cũng như bạn bè cùng độ tuổi. Họ tham gia những hoạt động XH, giao lưu tại các Câu lạc bộ, các nhóm bạn, các tổ chức XH dành cho NCT để có cơ hội kết bạn, giao lưu, giải tỏa những căng thẳng, ức chế, đảm bảo sức khỏe cả về thể chất lẫn tinh thần. Có thể nói, với hầu hết NNH, NC chia sẻ, tâm sự là một NC cần thiết, không thể thiếu trong cuộc sống của mỗi người. [3];[55];[40].

- *NC trao đổi thông tin, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm:* Bên cạnh NC cơ bản là được chăm sóc, yêu mến, kính trọng thì NC về thông tin là không thể thiếu với NNH. Nhu cầu thông tin được coi là một trong những hình thức quan trọng để họ duy trì sự GT với XH. NNH luôn mong muốn cập nhật thông tin về các vấn đề kinh tế, chính trị, XH trong nước và quốc tế, thông tin về sức khỏe... để không lạc hậu với thời đại và cuộc sống xung quanh. Bên cạnh đó, NNH cũng có NC học hỏi, bổ sung kiến thức cho bản thân để thích ứng với hoàn cảnh và điều kiện sống mới[35].

Đối với nhiều NNH, NC của họ khi về hưu là được chăm sóc GD, con cháu, chia sẻ tình cảm với người thân trong GD và thắt chặt mối quan hệ gắn bó với quê hương, họ hàng. Họ muốn truyền đạt, chuyển giao kiến thức, kinh nghiệm làm ăn, ứng xử cho những người trẻ tuổi và con cháu, khuyên bảo con cháu khi gặp khó khăn... Một số NNH khác lại có NC tiếp tục được tham gia công tác, giao lưu XH để tiếp tục đóng góp sức lực cho XH với mong muốn được làm việc có ích, được đóng góp một phần công sức vào sự phát triển chung của cộng đồng, XH.

Sức khỏe là một trong những mối quan tâm hàng đầu đối với tất cả mọi người. Cùng với quy luật phát triển tự nhiên của con người, chăm sóc sức khỏe, phòng và điều trị bệnh tật cũng là những vấn đề quan trọng mà đa số NNH hiện nay đang quan tâm. Tuổi cao thường đi kèm với ốm đau, bệnh tật, do đó NNH luôn mong muốn họ được sống khỏe mạnh. Họ luôn muốn trao đổi những kinh nghiệm, kiến thức chăm sóc sức khỏe với người khác và mong muốn được GD cũng như XH quan tâm, chăm lo cho sức khỏe của họ. Tại các câu lạc bộ dành cho NCT, các buổi tọa đàm, nói chuyện về

vấn đề dinh dưỡng, kiến thức bảo vệ và nâng cao sức khỏe luôn thu hút đông đảo NNH tham gia [54];[86].

- *NC được đóng góp ý kiến, được mọi người tôn trọng:* Do sự giảm sút năng lực và trí tuệ có phần thiếu minh mẫn, một số NNH cảm thấy mất quyền tự chủ. Về mặt XH, đối với nhiều người dù không còn trực tiếp tham gia làm việc đóng góp cho XH, nhưng họ vẫn cần được sự công nhận những giá trị, những thành quả mà họ đã đạt được. Trong ứng xử hàng ngày NCT nói chung, NNH nói riêng quan tâm đến tính lễ nghi, tình cảm hơn là những giá trị vật chất. Họ muốn được con cái quan tâm chăm sóc nhiều hơn, dành thời gian lắng nghe và tôn trọng ý kiến của họ. NNH luôn mong muốn GD và XH tôn trọng tuổi tác và công hiến của họ, không lãng quên họ, không coi họ là gánh nặng hay người thừa của GD và XH. NNH rất nhiệt tình tham gia đóng góp ý kiến tại các cuộc họp và mong muốn những ý kiến này được ghi nhận, tiếp thu để họ được đóng góp tiếng nói vào sự phát triển chung của cộng đồng, XH[3];[86].

- *Nhu cầu hoạt động cộng đồng và giải trí:* Cùng với sự phát triển của XH hiện đại, những hoạt động sinh hoạt, vui chơi, giải trí, tham gia công tác XH đã đang và ngày càng đóng một vai trò hết sức quan trọng trong đời sống của mỗi cá nhân, GD và cộng đồng. Ở thành phố nói chung, phần đông NNH sẵn sàng nhận các nhiệm vụ của XH với lòng nhiệt tình và tinh thần trách nhiệm cao. Có những NNH, khi mới bắt đầu được nghỉ hưu cũng là lúc họ bắt tay vào những công việc mới do cấp uỷ Đảng, chính quyền và bà con cơ sở tín nhiệm, yêu cầu. Nhờ có sự tham gia tích cực của NNH, tình hình chính trị XH, nhất là việc giáo dục cho con cháu trong GD ngày càng tốt, góp phần rất quan trọng đối với sự ổn định của GD và XH. Bên cạnh NC tham gia hoạt động cộng đồng thì NNH luôn có NC giải trí, họ tham gia sinh hoạt vào các nhóm bạn như nhóm thơ văn, nhóm cờ, nhóm thể dục thể thao, nhóm ca hát.... Chính việc sinh hoạt trong các nhóm bạn này đã giúp NNH giải toả những căng thẳng, bức xúc trong cuộc sống thường ngày, giúp họ yêu đời, khoẻ mạnh và sống vui hơn [7];[29].

- *Nhu cầu tâm linh:* Mỗi con người đều có những NC tâm linh nhất định. Riêng đối với NCT ở họ luôn thường trực NC tâm linh. Đối với NCT, NC tâm linh cũng là đòi hỏi của NCGT. NC tâm linh thể hiện ở niềm tin vào tín ngưỡng và tôn giáo. NCT tìm đến các hoạt động tâm linh với nhiều mục đích khác nhau, nhằm đáp ứng đồng thời rất nhiều NC khác nhau như NC về kinh tế, NC về sức khỏe, NC cân bằng tâm lý, NC củng cố và gắn bó GD, dòng họ.... Những điều này giúp họ có cuộc sống vui vẻ. NCT có NCGT với thần linh, trời, Phật, tổ tiên (ông bà, cha mẹ, người thân đã mất..). Trong GT

với thần linh, trời, Phật (đi lễ chùa, nhà thờ, tham gia các lễ hội của làng, xã, quốc gia...) NCT mong muốn, cầu xin sự bình an, thịnh vượng cho GD, cộng đồng. Bên cạnh đó. NCT còn có NCGT với tổ tiên (thờ cúng ông bà, cha mẹ, người thân... trong GD và dòng họ đã chết) để bày tỏ lòng thành kính với tổ tiên, ông bà, cha mẹ, điều này được thể hiện bằng việc thờ cúng, xây nhà thờ họ, lập gia phả, xây cất mồ mã, tham gia giỗ họ, giỗ tổ... hoặc hoạt động tưởng nhớ các anh hùng dân tộc và những người có công với làng, với nước. Đối với NCT, cho dù NC tâm linh có sôi động đến đâu, nhưng mục đích cuối cùng vẫn không ngoài sự cầu mong cho cuộc sống ổn định và no ấm của GD, cộng đồng. Hoạt động tâm linh của NCT cũng góp phần giải tỏa bức xúc, giúp họ hòa nhập vào cuộc sống cộng đồng và đây là những hoạt động góp phần khôi phục và củng cố vai trò, vị trí văn hóa của NCT trong GD và cộng đồng [29];[41].

c) Đặc điểm nội dung giao tiếp của người nghỉ hưu

Nội dung GT của NNH là những chủ đề, vấn đề NNH thường xuyên nói đến, bàn luận đến trong GT với người khác.

Nội dung GT của NNH bao gồm:

- *Nội dung thông tin*: Đối với NNH, NC trao đổi thông tin rất lớn. Các thông tin họ thường quan tâm như các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước và quốc tế. hoặc các thông tin kinh tế, xã hội của địa phương nơi họ sinh sống. Nhiều NNH cũng rất quan tâm đến các thông tin về thể thao, văn hoá trong nước, quốc tế hoặc những thông tin về sức khỏe, khoa học kỹ thuật...NNH luôn cập nhật và trao đổi với bạn bè hàng ngày những thông tin mà họ thu nhận được, điều này giúp họ không bị lạc hậu với thời đại.

- *Nội dung biểu lộ cảm xúc*: Bao gồm thái độ, tình cảm của NNH. Trong cuộc sống thường ngày NNH bộc lộ quan điểm thái độ của mình với XH, chia sẻ tình cảm với những người sống xung quanh (các thành viên GD, con cháu, bạn bè, người thân...).

- *Nội dung công việc*: Đối với hầu hết NNH thì nội dung công việc đã giảm đi nhiều. Một số NNH vẫn còn tham gia công tác (có thể là công việc chuyên môn, khác chuyên môn hoặc tham gia công tác XH ở địa phương) thì họ vẫn thường xuyên trao đổi, giải quyết các công việc được giao với người khác.

Sự phân chia trên chỉ có ý nghĩa tương đối, bởi vì, trong GT có thể cả ba nội dung trên đều được thực hiện, nhưng cũng có thể chỉ một hay hai nội dung trên được thực

hiện. Điều này còn tùy thuộc vào hoạt động của mỗi NNH cũng như hoàn cảnh, tình huống GT của họ.

Luận án tìm hiểu về đặc điểm nội dung GT của NNH thể hiện ở các mặt sau:

- Trao đổi các vấn đề về chính trị, kinh tế, văn hoá, XH trong nước và quốc tế;
- Trao đổi các vấn đề về sức khỏe (của bản thân và các thành viên trong GD hay vấn đề sức khỏe cộng đồng);
- Trao đổi các vấn đề về dòng họ, quê hương, tâm linh;
- Chia sẻ những băn khoăn, vướng mắc trong cuộc sống cá nhân, GD;
- Trao đổi, học tập, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm trong cuộc sống thường ngày.

Các nội dung trên biểu hiện cụ thể trong GT hàng ngày của NNH ở Hà Nội như sau:

- *Trao đổi các vấn đề chính trị, kinh tế, văn hoá, XH trong nước*: Đối với đa số NNH, tuy không còn tham gia công tác nhưng họ vẫn luôn thường trực NCGT xã hội. NNH luôn quan tâm đến những vấn đề XH đang diễn ra và muốn dự phần giải quyết những vấn đề XH ấy. Các vấn đề XH mà NNH quan tâm như: tình hình an ninh trật tự, kinh tế, văn hóa, XH... trên địa bàn họ sinh sống cũng như của đất nước [35].

- *Các vấn đề chính trị, kinh tế, văn hoá, XH quốc tế*: Khi các phương tiện truyền thông phát triển, con người được mở rộng tầm nhìn và sự hiểu biết hơn. Sự giao lưu của con người cũng được mở rộng. Đối với NNH, bên cạnh việc quan tâm đến các vấn đề trong nước đang diễn ra thì các vấn đề văn hoá, chính trị, thời sự quốc tế cũng là chủ đề được các NNH bàn luận, trao đổi với nhau. Những hiểu biết này giúp cho NNH có nhiều tri thức mới, hòa nhập với đời sống cộng đồng, không bị tụt hậu, góp phần củng cố quan điểm, lập trường, nâng cao nhận thức, nhất là cập nhật được tình hình thời sự để có cách ứng xử đúng đắn trong GD, XH tạo chỗ dựa tinh thần vững chắc cho con cháu trước biến động của XH [35].

- *Trao đổi các vấn đề về sức khỏe*: NC chăm sóc sức khỏe là một trong những NC quan trọng của NNH, do đó họ rất quan tâm đến vấn đề này. Hàng ngày NNH thường trao đổi những kiến thức, kinh nghiệm, băn khoăn, vướng mắc của họ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe của bản thân và các thành viên trong GD với người khác, qua đó họ có thêm nhiều kiến thức, kinh nghiệm hơn để chăm sóc sức khỏe cho chính họ và những người thân[86].

- *Trao đổi các vấn đề về dòng họ, quê hương, tâm linh*: NNH cũng như NCT nói chung luôn có xu hướng “hướng về cội nguồn”. Tổ tiên, quê hương, dòng họ luôn thường trực trong tâm trí của NNH. Đối với nhiều NNH, quê hương, dòng họ như là một phần máu thịt của họ mà khi về già họ càng muốn thắt chặt hơn mối quan hệ này[35];[41].

- *Chia sẻ những băn khoăn, vướng mắc trong cuộc sống cá nhân, GD*: Bên cạnh NC chăm sóc sức khoẻ thì một cuộc sống GD hòa thuận, các thành viên trong GD thương yêu, tôn trọng nhau luôn là mối quan tâm và mong muốn của NNH. Họ luôn thường trực NC chia sẻ tình cảm và những vấn đề khó khăn, vướng mắc trong cuộc sống cá nhân, GD cũng như những lo toan, buồn vui, băn khoăn, vướng mắc trong cuộc sống thường ngày với người khác.

- *Trao đổi kiến thức, kinh nghiệm chuyên môn hoặc tiếp tục học tập*: Với những NNH có chuyên môn cao, khi nghỉ hưu họ vẫn tiếp tục làm công việc có liên quan với chuyên môn trước đây. Hàng ngày họ thường chia sẻ các kiến thức, kinh nghiệm chuyên môn với người khác hoặc giúp đỡ những đồng nghiệp trẻ tuổi hơn trong lĩnh vực chuyên môn của mình. Đối với một số NNH khác có thể họ tham gia một số khóa học về ngoại ngữ, học vẽ, học nấu ăn, làm thơ... để giúp họ vui vẻ, tự tin hơn trong cuộc sống.

d) Đặc điểm hình thức giao tiếp của người nghỉ hưu

Trong GT, tùy theo điều kiện và tình huống, NNH có thể kết hợp các hình thức GT khác nhau. Luận án tìm hiểu về đặc điểm hình thức GT của NNH thể hiện qua hai hình thức: GT trực tiếp và GT gián tiếp.

- *GT trực tiếp*: Khi đã nghỉ hưu về với GD, NNH thường xuyên tiếp xúc với vợ (chồng), con, cháu là những người gần gũi nhất trong cuộc sống của họ. Bên cạnh các thành viên trong GD thì họ cũng thường GT với bạn bè, hàng xóm, hoặc có thể là đồng nghiệp.....Các hình thức GT này có thể là gặp gỡ, thăm hỏi, trò chuyện trực tiếp hoặc đến thăm khi con cháu, họ hàng, bạn bè, người thân ở xa.

- *GT gián tiếp*: Bên cạnh GT trực tiếp mặt đối mặt, trong cuộc sống hiện đại ngày nay, những phương tiện truyền thông như điện thoại, internet đã giúp ích rất nhiều để con người có thể dễ dàng liên lạc với nhau hơn, giảm đi sự xa cách về địa lý và được rất nhiều người sử dụng trong đó có NNH. Hiện nay, điện thoại đã trở thành phương tiện liên lạc không thể thiếu trong cuộc sống của mỗi người còn internet cũng được

NNH sử dụng, nó giúp NNH truy cập thông tin và giao lưu với con cháu ở xa (ở nước ngoài) một cách rất thuận tiện.

Bên cạnh việc GT qua điện thoại, internet thì NNH còn đọc sách báo, nghe đài để có thêm thông tin cho cuộc sống.

Cùng với việc GT với những người đang sống xung quanh thì NNH còn có nhu cầu GT tâm linh với Trời, Phật và những người thân đã mất thông qua việc đi lễ chùa hoặc thắp hương cầu nguyện tại gia đình.

1.2.5. ĐẶC ĐIỂM GIAO TIẾP CỦA NGƯỜI NGHỈ HƯU Ở HÀ NỘI

1.2.5.1. Một vài nét về người nghỉ hưu ở Hà Nội

Báo cáo tháng 6/2009 của Sở Lao động Thương binh Xã hội Hà Nội cho thấy tỷ lệ NCT trong tổng số dân đã tăng từ 7,1% năm 1979 lên 9,0 % năm 2009. Hà Nội có tỷ lệ NCT cao (10,4%) hơn mức trung bình của cả nước (2009). Tại thời điểm năm 2009 toàn thành phố có 670.679 người cao tuổi, nam chiếm 41,2%, nữ chiếm 58,8%. Về độ tuổi, trong tổng số NCT ở Hà Nội, gần một nửa (47,5%) NCT từ 60 – 69 tuổi, 34,3% từ 70 – 79, 10,1% từ 80 – 84, và 8% NCT từ 85 tuổi trở lên. Trong đó, hưởng chế độ hưu trí, mất sức có 233.144 người (37,8%). Tỷ lệ người cao tuổi (người từ 60 tuổi trở lên – NCT) ở Hà Nội sẽ tiếp tục tăng cao trong những năm tiếp theo với các lý do: chất lượng chăm sóc sức khỏe của toàn dân nói chung và NCT nói riêng được nâng cao, tỷ suất chết hàng năm có xu hướng giảm, dân số cơ học tăng cao trong đó có tỷ lệ đáng kể NCT chuyển về Hà Nội sống với con cháu ngày một nhiều.

Nói đến Hà Nội là nói đến mảnh đất ngàn năm văn hiến, là trung tâm văn hoá lớn của cả nước. Một trong những đặc trưng nổi bật của người Hà Nội là sự thanh lịch trong lối sống, ứng xử và giao tiếp. Người nghỉ hưu ở Hà Nội ngoài những đặc điểm chung (đã được trình bày tại mục 1.2.3.2) còn có một số đặc điểm riêng như: Nhiều người nghỉ hưu có trình độ học vấn cao, đã từng giữ những cương vị công tác cao của Đảng và Nhà nước trước khi nghỉ hưu, họ đã tham gia vào nhiều lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước và thành phố, có sự am hiểu về các lĩnh vực văn hóa, xã hội rộng. Mặc dù đã nghỉ hưu nhưng nhiều NNH ở Hà Nội vẫn tiếp tục làm việc và tích cực tham gia các hoạt động xã hội, tiếp tục có những đóng góp nhất định cho xã hội.

1.2.5.2. Khái niệm giao tiếp và đặc điểm giao tiếp của người nghỉ hưu ở Hà Nội

Từ khái niệm GT và khái niệm đặc điểm GT của NNH đã được trình bày ở phần trên, có thể đi đến khái niệm GT và khái niệm đặc điểm GT của NNH ở Hà Nội như sau:

- *Giao tiếp của NNH ở Hà Nội là sự tiếp xúc tâm lý giữa những người lao động đã đóng góp bảo hiểm XH, không còn tham gia công tác chính thức, hiện đang hưởng chế độ hưu trí ở Hà Nội với người khác nhằm vận hành các quan hệ xã hội, được các chủ thể thực hiện với đối tượng, nhu cầu, mục đích, nội dung, hình thức, phương tiện, điều kiện xác định.*

- *Đặc điểm GT của NNH ở Hà Nội là những nét riêng, đặc trưng, nổi bật của sự tiếp xúc tâm lý giữa những người lao động đã đóng góp bảo hiểm XH, không còn tham gia công tác chính thức, hiện đang hưởng chế độ hưu trí ở Hà Nội với người khác nhằm vận hành các quan hệ xã hội, được các chủ thể thực hiện với đối tượng, nhu cầu, mục đích, nội dung, hình thức, phương tiện, điều kiện xác định.*

1.2.5.3. Biểu hiện đặc điểm giao tiếp của người nghỉ hưu ở Hà Nội

Người nghỉ hưu ở Hà Nội là một nhóm của NNH. Biểu hiện đặc điểm GT của NNH ở Hà Nội cũng gồm những biểu hiện như biểu hiện đặc điểm GT của NNH đã trình bày tại mục 1.2.4.3. Cho nên, đây cũng chính là khung lý luận để triển khai nghiên cứu đặc điểm GT của NNH ở Hà Nội.

Đặc điểm GT của NNH ở Hà Nội được tìm hiểu thể hiện qua biểu hiện đặc điểm (những nét đặc trưng, riêng biệt) của các cấu thành sau:

- + Đặc điểm đối tượng (chủ thể) GT của NNH ở Hà Nội
- + Đặc điểm nhu cầu GT của NNH ở Hà Nội
- + Đặc điểm nội dung GT của NNH ở Hà Nội
- + Đặc điểm hình thức GT của NNH ở Hà Nội.

1.2.5.4. Tiêu chí đánh giá và mức độ biểu hiện đặc điểm giao tiếp của người nghỉ hưu ở Hà Nội

a) Về tiêu chí

Các biểu hiện của các thành tố cấu thành GT của NNH ở Hà Nội được coi là đặc điểm GT của NNH ở Hà Nội khi nó thoả mãn các tiêu chí sau:

- Tính đặc trưng, nổi bật trong GT của NNH ở Hà Nội.

- Tính riêng biệt chỉ có trong GT của NNH ở Hà Nội.

Trong luận án này, do chỉ nghiên cứu trên một nhóm khách thể là NNH ở Hà Nội, không so sánh với các nhóm khác nên tính riêng biệt trong GT của NNH ở Hà Nội được tìm hiểu là những nét riêng, khác biệt có trong giai đoạn nghỉ hưu (so với giai đoạn chưa nghỉ hưu) trên cùng một khách thể (là NNH ở Hà Nội).

Tính riêng biệt, đặc trưng, nổi bật được đánh giá theo 5 mức độ như sau:

- Mức rất thấp: Các biểu hiện của đặc điểm GT chỉ có ở rất ít NNH ở Hà Nội. Ở mức này, tính riêng biệt, đặc trưng, nổi bật hoàn toàn chưa rõ ràng.

- Mức thấp: Các biểu hiện của đặc điểm GT chỉ có ở một số nhỏ NNH ở Hà Nội. Ở mức này, tính riêng biệt, đặc trưng, nổi bật còn hạn chế.

- Mức trung bình: Ở mức này đã có biểu hiện tương đối rõ của tính riêng biệt, đặc trưng, nổi bật.

- Mức khá: Các biểu hiện của đặc điểm GT có ở phần lớn NNH ở Hà Nội. Ở mức này tính riêng biệt, đặc trưng, nổi bật đã rõ.

- Mức cao: Các biểu hiện của đặc điểm GT có ở hầu hết NNH ở Hà Nội. Đây là mức có tính riêng biệt, đặc trưng, nổi bật rõ ràng nhất.

b) Về mức độ và cách đánh giá

Dựa vào tiêu chí đánh giá trên đây, các biểu hiện đặc điểm GT của NNH ở Hà Nội được đánh giá theo 5 mức độ. Bên cạnh đó, còn sử dụng điểm trung bình của thang đo trong bảng hỏi để đánh giá mức độ biểu hiện đặc điểm GT của NNH ở Hà Nội (được trình bày cụ thể ở chương 2), đây là tiêu chí đánh giá định lượng các mức độ biểu hiện đặc điểm GT của NNH ở Hà Nội. Từ các kết quả tổng hợp trên và căn cứ vào kết quả thu được từ công cụ điều tra chính là bảng hỏi dành cho NNH ở Hà Nội để đánh giá mức độ biểu hiện đặc điểm GT của NNH ở Hà Nội ở từng khía cạnh.

Việc đánh giá khái quát đặc điểm GT của NNH ở Hà Nội là kết quả tổng hợp chung tất cả đặc điểm của các nội dung nghiên cứu để đi đến đặc điểm GT của NNH ở Hà Nội, nhưng mô tả mức độ từng mặt chứ không xếp hạng chung ở một mức vì các mặt xem xét không có nội dung đồng nhất.

1.2.6. CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN ĐẶC ĐIỂM GIAO TIẾP CỦA NGƯỜI NGHỈ HƯU Ở HÀ NỘI

Nghiên cứu của các nhà tâm lý học đã chỉ ra rằng GT của con người chịu sự tác động của nhiều yếu tố khác nhau: cả những yếu tố XH bên ngoài mang tính khách quan và cả những yếu tố cá nhân bên trong mang tính chủ quan.

Theo B.Ph. Lomov “Để làm rõ các nhân tố ảnh hưởng đến nội dung và động thái của GT, cần phải chú ý đến việc phân tích XH mà cá nhân này đang sống. Những thể chế XH, truyền thống giai cấp, GD, dân tộc, các chuẩn mực... xác định ai GT với ai. Tham gia GT theo nguyên cơ gì. Liên quan đến nó là những vấn đề phát triển các hình thức GT, sự phụ thuộc của chúng vào các chuẩn mực cơ bản trong XH (và trong các nhóm XH), các truyền thống và các quy tắc hành vi, quan hệ qua lại giữa ý thức XH và ý thức cá nhân, các đặc tính tâm lý lứa tuổi, sự phát triển năng lực, tính cách, các NC và động cơ, sự hình thành các kế hoạch của cá nhân...” [dẫn theo 36; 404].

Có thể thấy, GT của NNH chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố khác nhau, trong đó có những yếu tố khách quan như nền văn hóa XH, môi trường sống, các cơ chế chính sách XH đối với NNH, điều kiện, hoàn cảnh sống của GD... có những yếu tố chủ quan thuộc về phía cá nhân như đặc điểm tâm lý lứa tuổi và nhân cách, kiểu khí chất, tính cách, tâm trạng, NC, động cơ GT của cá nhân... Luận án tập trung tìm hiểu một số yếu tố tác động đến đặc điểm GT của NNH ở Hà Nội như sau:

1.2.6.1. Yếu tố cá nhân

Các yếu tố cá nhân được hiểu là những yếu tố thuộc về riêng NNH. Các yếu tố này bao gồm: Cảm nhận của NNH về vị thế, vai trò XH của bản thân sau nghỉ hưu, tính cách (hướng nội, hướng ngoại) của NNH.

a) Cảm nhận của người nghỉ hưu về vị thế, vai trò của bản thân sau nghỉ hưu

Vai trò là tập hợp các chuẩn mực hành vi, các quyền lợi và nghĩa vụ mà những người xung quanh mong đợi ở người giữ vai trò đó. Mỗi một vai trò thường tương ứng với một vị trí XH nhất định. Vị thế (vị trí) XH là chỗ đứng của mỗi người trong không gian XH, nó cho biết mỗi người là ai (là cha, là mẹ, là giám đốc, là nhân viên...). Trong GT, mỗi hành vi ứng xử của con người luôn muốn đáp ứng lại những mong đợi, những đòi hỏi mà XH đã xác định khi cá nhân đứng vào một vị trí nhất định. Khi cá nhân đóng một vai trò nào đó, cá nhân sẽ có những hành vi ứng xử phù hợp với vai trò đó.

Thực tế cho thấy, khi còn đang tại chức, các mối quan hệ công tác, quan hệ XH làm cho cuộc sống của người tại chức đa dạng, sinh động và phong phú. Nhưng đến khi về hưu những mối quan hệ này bị giảm đi hoặc không còn nữa, các quyền lợi về kinh tế cũng có sự thay đổi. Vị thế của người về hưu đối với XH và GD đã thay đổi căn bản. Điều này thường làm cho nhiều NNH rơi vào trạng thái hẫng hụt về tinh thần (nhất là những người có chức vụ cao khi còn công tác). Họ có cảm giác mình đã già đi so với những người xung quanh, mất đi quyền lực đối với các thành viên trong GD (vợ, chồng, con, cháu..) và XH. Họ có cảm nhận rằng mối quan hệ đối xử của người thân, con cháu dần chuyển đổi thành lòng thương hại, từ đó tạo ra một khoảng trống, “hố ngăn cách” với bạn bè, người thân. Đối với XH, họ có cảm giác mình chẳng còn giá trị gì nữa. Điều này khiến cho họ có thái độ sống thu mình không muốn giao lưu, tiếp xúc với mọi người [55; 111].

Một số NNH khác, do có sự chuẩn bị sẵn sàng về tâm thế trước khi nghỉ hưu nên khi họ thích ứng khá nhanh với cuộc sống sau nghỉ hưu. Họ nhanh chóng hòa nhập với cuộc sống mới bằng các kế hoạch đã có trong dự định, sống vui, sống khỏe khi nghỉ hưu.

Weiss (2005) phát hiện ra rằng mặc dù kinh nghiệm của mỗi cá nhân về việc nghỉ hưu là thống nhất, tất cả những NNH phải đương đầu với hai thách thức: chế ngự mối đe dọa của sự cách ly ra khỏi nhịp điệu của XH và tận dụng sự tự do mà họ đã chờ đợi trong suốt thời gian nghỉ hưu. Ông cho rằng cách các cá nhân kiểm soát những thách thức đó sẽ quyết định sự thích nghi của họ đối với việc nghỉ hưu [56; 28]. Nghiên cứu đã chỉ ra vị thế mà một người có được qua công việc thường liên quan đến sự tự trọng của cá nhân và do đó việc mất đi vị thế có thể gây bất lợi cho sự thích nghi của một người. Những người có thu nhập lớn hơn từ việc nghỉ hưu có thể làm nhiều việc khi nghỉ hưu và điều này có thể ảnh hưởng đến sự hài lòng của họ với cuộc sống [56; 29].

Các nghiên cứu khác của các nhà tâm lý học Mỹ cho thấy, những nhân tố cũng đóng vai trò quan trọng đối với việc thích nghi khi nghỉ hưu là sự sẵn sàng nghỉ hưu và thái độ đối với việc nghỉ hưu. Người tự nguyện nghỉ hưu và mong muốn nghỉ hưu thấy thoải mái về thể chất và tinh thần hơn so với những người bị buộc nghỉ hưu [56; 174].

Có thể thấy, sự nhận thức của NNH về vai trò, vị thế trong GD và XH của họ sau khi nghỉ hưu đóng vai trò rất quan trọng đối với sự thích nghi và điều chỉnh cuộc sống sau khi nghỉ hưu của NNH.

b) Tính cách (hướng nội, hướng ngoại) của người nghỉ hưu

Sống và hoạt động trong XH mỗi cá nhân đều có những phản ứng riêng của mình đối với những tác động ngoại cảnh. Khi những phản ứng đó trở nên ổn định trong những hoàn cảnh khác nhau thì chúng trở thành thuộc tính tâm lý, tạo nên tính cách con người. Với tính cách của mình, con người thể hiện thái độ đối với thế giới xung quanh, với mọi người, với công việc và với chính bản thân mình. Tính cách ảnh hưởng rất lớn đến hành vi GT. Những phẩm chất của tính cách giúp con người dễ dàng GT và GT có hiệu quả như: bình tĩnh, cởi mở, hiền hậu, khiêm tốn, lịch sự, thản thản. Ngược lại, những nét tính cách xấu như: Cộc cằn, gian xảo, hung hãn, thô lỗ... thường cản trở sự GT có hiệu quả của con người.

Nghiên cứu của Weiss (2005) cho thấy, cuộc sống và hành động của con người bị ảnh hưởng bởi quan điểm, tinh thần, thái độ và tính cách cá nhân. Tính cách thường bao gồm những triết lý cá nhân về cuộc sống và cách mà họ giải thích các sự kiện và hoàn cảnh (ví dụ như với cái nhìn tiêu cực hay tích cực). Trong những ảnh hưởng tích cực đối với chất lượng cuộc sống của tính cách được đề cập đến có: thái độ tích cực hơn là cảm thấy hối tiếc cho bản thân mình về cuộc sống, thường là một sự hài lòng và/hoặc tinh thần điềm đạm, hướng tới cuộc sống lạc quan [56].

Như vậy, với tính cách cởi mở, điềm đạm, thái độ sống tích cực con người thường hướng tới cuộc sống lạc quan, vui vẻ hơn.

1.2.6.2. Yếu tố xã hội

Các yếu tố XH và yếu tố khách quan khác được hiểu là những gì nằm ngoài cá nhân không phụ thuộc vào cá nhân đó. Có rất nhiều yếu tố XH tác động đến đặc điểm GT của NNH như đã trình bày ở trên. Tuy nhiên, luận án chỉ tập trung tìm hiểu một số yếu tố XH tác động đến đặc điểm GT của NNH gồm: Mối quan hệ trong GD NNH, cách thức tổ chức hoạt động của các tổ chức XH dành cho NNH ở cụm dân cư hiện nay đến đặc điểm GT của NNH ở Hà Nội.

a) *Mối quan hệ của người nghỉ hưu với các thành viên trong gia đình*

GD bao giờ cũng là chỗ dựa vững chắc cho cá nhân trong cuộc sống. Các mối quan hệ trong GD có ảnh hưởng mạnh mẽ và có ý nghĩa đặc biệt đối với cuộc sống, GT của NNH. Ngoài các mối quan hệ giao lưu XH, NNH đánh giá rất cao tình cảm GD, đặc biệt là tình cảm đối với vợ (chồng) và các con cháu. GD là chỗ dựa lớn nhất cho NCT trong những năm cuối đời, đặc biệt là khi sức khỏe suy giảm. Tuổi già là giai đoạn cuối của đời sống con người nên cần rất nhiều sự quan tâm của những thành viên khác trong GD để NCT cảm thấy có được niềm hạnh phúc thật sự. Chính ở trong GD, giữa con cháu, NCT tìm lại được cảm giác bình yên, sự thoải mái và vui vẻ, đặc biệt cảm giác có ích là cảm giác trực tiếp gây nên trạng thái sáng khoái hay u uất của họ.

Nghiên cứu của nhà tâm lý học Anh Alan Walker (2004) cho thấy, theo quan điểm của những NCT ở Anh, một trong các yếu tố XH đóng vai trò quan trọng trong việc đánh giá chất lượng cuộc sống là: thường xuyên gặp gỡ GD, có mối quan hệ tốt với họ hàng, nhận được sự giúp đỡ của con cái và họ hàng [56].

Theo Robert C. Atchley (2000), GD - thể chế XH cơ bản nhất, tác động lên sự già hóa thông qua những yếu tố về nhân khẩu học, hôn nhân, mối quan hệ cha mẹ già - con cái đã trưởng thành, anh chị em trong GD. Những người nhận được đầy đủ sự quan tâm từ các yếu tố kể trên có một cuộc sống hạnh phúc hơn những người không được như thế. Cho dù tác động đó là tích cực hay tiêu cực thì GD cũng đóng vai trò quan trọng trong giai đoạn con người bước sang tuổi già. Nghiên cứu của ông cũng chỉ ra rằng bản thân việc nghỉ hưu không gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe thể chất và tinh thần của NCT, nếu có là do những nguyên nhân khác như mối quan hệ GD, XH, môi trường sống... [72; 255-260]. Sự thích nghi của mỗi cá nhân với giai đoạn nghỉ hưu tỷ lệ thuận với nguồn thu nhập, khả năng từ bỏ những kiêu hãnh của quá khứ và một sức khỏe tốt.

Alan Walker and Catherine Hagan Hennessy (2004) cho rằng có 3 cách hiểu chủ yếu về sự cô đơn và 3 con đường riêng biệt để đi tới và vượt qua sự cô đơn là: GD, mối quan hệ bạn bè, các mối quan hệ và hoạt động XH [56].

Như vậy, theo các tác giả, mối quan hệ giữa các thành viên trong GD ảnh hưởng mạnh mẽ đến cuộc sống tinh thần của NNH. Sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc của những thành viên sẽ động viên, khích lệ, tạo nên tâm trạng tích cực cho NNH để họ luôn vui vẻ trong cuộc sống, hoà nhập tốt với XH khi nghỉ hưu.

Luận án tập trung tìm hiểu tác động của mối GD đến GT của NNH ở Hà Nội thể hiện qua: Quan hệ giữa NNH với vợ (chồng) của họ; Quan hệ của NNH với các con cháu; Quan hệ của NNH với bà con họ hàng.

b) Cách thức tổ chức hoạt động của các tổ chức xã hội dành cho người nghỉ hưu ở cụm dân cư hiện nay

Khi nghỉ hưu, NNH tích cực tham gia Hội NCT, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, câu lạc bộ dưỡng sinh, luyện tập thể dục, thể thao... để có một cuộc sống thoải mái cả về vật chất và tinh thần. Các hoạt động này đều mang tính tự nguyện và phụ thuộc vào NC, sở thích, hoàn cảnh, điều kiện sống của cá nhân. Thực tế cho thấy, khi được sự quan tâm, khích lệ của GD, bạn bè thì NNH cũng tích cực tham gia sinh hoạt tập thể hơn. Nghiên cứu của Phùng Tố Hạnh (1991) về “GT xã hội và GD ở NNH” cho thấy ở nơi nào có sự hỗ trợ của chính quyền địa phương thì ở đó số NCT tham gia các tổ chức XH sẽ tăng [54; 120].

Có thể thấy có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến đặc điểm GT của NNH. Ngoài những yếu tố kể trên còn có các yếu tố khác có khả năng ảnh hưởng đến GT của NNH (môi trường sống, yếu tố văn hoá, XH...) mà không đề cập hết ở đây. Trong phạm vi nghiên cứu của luận án, chỉ có thể xem xét mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đã được phân tích ở trên đến đặc điểm GT của NNH ở Hà Nội.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Lịch sử nghiên cứu về giao tiếp của người nghỉ hưu cho thấy, các công trình trong và ngoài nước đã có nhiều nghiên cứu khác nhau về giao tiếp của người nghỉ hưu. Các nghiên cứu đã chỉ ra thực trạng này ở người cao tuổi dưới các góc độ khác nhau và mối liên quan của giao tiếp đến chất lượng sống của người cao tuổi. Tuy nhiên, có thể thấy, có rất ít nghiên cứu đề cập đến đặc điểm giao tiếp của người nghỉ hưu một cách trọn vẹn. Ở Việt Nam, những nghiên cứu dưới góc độ tâm lý học về vấn đề này vẫn còn là một mảng trống cần được quan tâm.

NNH là những người lao động đã tham gia đóng bảo hiểm XH, phần lớn có tuổi đời từ 55 tuổi trở lên đối với phụ nữ, 60 tuổi trở lên đối với nam và có đủ thời gian công tác theo quy định của pháp luật; hiện tại, không tham gia công tác chính thức tại các cơ quan Nhà nước hoặc lực lượng vũ trang và đang hưởng chế độ hưu trí của Nhà nước.

Giao tiếp của NNH ở Hà Nội là sự tiếp xúc tâm lý giữa những người lao động đã đóng góp bảo hiểm XH, không còn tham gia công tác chính thức, hiện đang hưởng chế độ hưu trí ở Hà Nội với người khác nhằm vận hành các quan hệ xã hội, được các chủ thể thực hiện với đối tượng, nhu cầu, mục đích, nội dung, hình thức, phương tiện, điều kiện xác định.

Đặc điểm GT của NNH ở Hà Nội là những nét riêng, đặc trưng, nổi bật của sự tiếp xúc tâm lý giữa những người lao động đã đóng góp bảo hiểm XH, không còn tham gia công tác chính thức, hiện đang hưởng chế độ hưu trí ở Hà Nội với người khác nhằm vận hành các quan hệ xã hội, được các chủ thể thực hiện với đối tượng, nhu cầu, mục đích, nội dung, hình thức, phương tiện, điều kiện xác định.

Đặc điểm GT của NNH ở Hà Nội được phân tích qua bốn khía cạnh biểu hiện: Đặc điểm đối tượng (chủ thể) GT của NNH ở Hà Nội; Đặc điểm nhu cầu GT của NNH ở Hà Nội ; Đặc điểm nội dung GT của NNH ở Hà Nội; Đặc điểm hình thức GT của NNH ở Hà Nội.

Đặc điểm GT của NNH ở Hà Nội được đánh giá theo tiêu chí tính riêng biệt, đặc trưng, nổi bật trong GT của NNH ở Hà Nội với năm mức độ: Mức rất thấp, mức thấp, mức trung bình, mức khá và mức cao.

Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến đặc điểm GT của NNH ở Hà Nội. Luận án phân tích một số yếu tố cá nhân và XH ảnh hưởng đến đặc điểm GT của NNH ở Hà Nội gồm: Các yếu tố cá nhân: Tính cách (hướng nội, hướng ngoại), cảm nhận của NNH về vai trò, vị thế của họ trong GD và XH. Các yếu tố XH: Mối quan hệ trong GD NNH, cách thức tổ chức hoạt động của các tổ chức XH dành cho NNH ở cụm dân cư hiện nay.

CHƯƠNG 2

TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

ĐẶC ĐIỂM GIAO TIẾP CỦA NGƯỜI NGHỈ HƯU Ở HÀ NỘI

2.1. TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU

2.1.1. KHÁCH THỂ VÀ ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU

2.1.1.1. Khách thể nghiên cứu

Tổng số khách thể tham gia quá trình khảo sát: 305 NNH ở Hà Nội. Trong đó:

+ Điều tra thử: 45 người

+ Điều tra chính thức: 305 người

+ Phỏng vấn sâu: 15 người

+ Nghiên cứu trường hợp: 3 người (Trong đó: 1 người là cán bộ cao cấp, 1 người là cán bộ thường và 1 người là bộ đội chuyên ngành về hưu).

Số người điều tra thử cũng là những khách thể tiếp tục tham gia điều tra chính thức. Số người phỏng vấn sâu, nghiên cứu trường hợp cũng được lựa chọn từ những khách thể tham gia trong lần khảo sát chính thức.

Sự phân bố khách thể nghiên cứu trong khảo sát thực tiễn được trình bày tóm tắt trong bảng sau:

Bảng 2.1. Một số đặc điểm của khách thể nghiên cứu

Tiêu chí		Tần suất	Tỷ lệ phần trăm
Giới tính	Nam	140	45.9
	Nữ	165	54.1
	Tổng cộng	305	100
Tuổi	Từ 49 đến 54 tuổi	52	17.1
	Từ 55 – 60 tuổi	145	47.5
	Từ 60 tuổi trở lên	108	35.3
	Tổng cộng	305	100
Chức vụ trước nghỉ hưu	Cán bộ, nhân viên thường	175	57.4
	Lãnh đạo các cấp	130	42.6
	Tổng cộng	305	100
Thời gian nghỉ hưu	Nghỉ 1 – 3 năm	95	31.1

	Nghỉ 3 – 5 năm	103	33.8
	Nghỉ trên 5 năm	107	35.1
	Tổng cộng	305	100
Nghề nghiệp	Nghề kỹ thuật, trí thức	81	26.6
	Công chức	67	22
	Bộ đội, công an	66	21.6
	Công nhân	91	29.8
	Tổng cộng	305	100
Tình trạng hôn nhân	Đang sống cùng vợ/ chồng	276	90.5
	Mỗi người sống một nơi	6	2
	Ly hôn, ly thân	6	2
	Độc thân, vợ/ chồng đã mất	17	5.6
	Tổng cộng	305	100
Trình độ học vấn	Phổ thông trung học	97	31.8
	Trung cấp, cao đẳng	84	27.5
	Đại học	96	31.5
	Trên Đại học	28	9.2
	Tổng cộng	305	100
Số thế hệ trong GD	Một thế hệ	45	14.8
	Hai thế hệ	97	31.8
	Ba thế hệ	140	45.9
	Bốn thế hệ	23	7.5
	Tổng cộng	305	100
Tình trạng sức khỏe	Khoẻ mạnh	48	15.7
	Bình thường nhưng có một số bệnh vặt	170	55.7
	Có bệnh mãn tính phải điều trị	59	19.3
	Yếu	28	9.2
	Tổng cộng	305	100

2.1.1.2. Địa bàn nghiên cứu

Đề tài tập trung nghiên cứu những NNH hiện đang sống trên các quận Thanh Xuân, Ba Đình, Hà Đông, Long Biên và huyện Từ Liêm thuộc Hà Nội. Lý do chọn các địa bàn này vì quận Thanh Xuân, Hà Đông, Long Biên, Từ Liêm là nơi có nhiều NNH

là công nhân, bộ đội, công an sinh sống. Quận Ba Đình là nơi có nhiều NNH là các trí thức, công chức sinh sống. Các địa bàn nghiên cứu này thoả mãn sự đa dạng về khách thể nghiên cứu.

2.1.2. CÁC GIAI ĐOẠN NGHIÊN CỨU

2.1.2.1. Giai đoạn nghiên cứu lý luận

a) Mục đích

- Tổng quan lịch sử nghiên cứu GT của NNH.
- Xây dựng cơ sở lý luận nghiên cứu đặc điểm GT của NNH.

b) Thời gian tiến hành

Từ tháng 1/2010 đến tháng 6/2011.

2.1.2.2. Giai đoạn thiết kế công cụ nghiên cứu

a) **Mục đích:** Hình thành các công cụ nghiên cứu (bảng hỏi và đề cương phỏng vấn sâu).

b) **Thời gian tiến hành:** Từ tháng 6/2011 đến tháng 11/2011

c) **Thiết kế phiếu điều tra (bảng hỏi) dành cho người nghỉ hưu ở Hà Nội**

Để lập bảng hỏi có đầy đủ nội dung về các vấn đề nghiên cứu, đã tiến hành phân tích, tổng hợp các công trình nghiên cứu lý luận và thực tiễn của các tác giả trong và ngoài nước về GT nói chung, GT của NNH nói riêng, kết hợp với việc lấy ý kiến của các chuyên gia có am hiểu về GT, GT của NNH và tiến hành khảo sát thăm dò bằng hệ thống các câu hỏi mở là các mệnh đề về một số vấn đề về GT của NNH như: Đối tượng GT hàng ngày, Nhu cầu GT, Nội dung GT, Hình thức GT và các yếu tố ảnh hưởng đến GT của NNH. Đối tượng trả lời là 30 cán bộ nghỉ hưu ở Hà Nội.

Thống kê các câu trả lời thu được cho thấy, các phương án trả lời có tỷ lệ xuất hiện từ 15% đến 50% số người trả lời. Trong bảng thống kê có sự cách biệt rõ nét về số lượng người đưa ra các phương án ở khoảng 30%. Dưới tỷ lệ này, phương án của người trả lời đưa ra không trùng lặp với phương án của những người khác. Vì vậy, những câu trả lời có tỷ lệ số người đưa ra khoảng từ 30% trở lên được chọn làm các mệnh đề của bảng hỏi sơ bộ. Ngoài ra, một số sự kiện khác trong các nghiên cứu của nước ngoài cũng được tập hợp ở đây.

Tổng hợp từ các nguồn tư liệu trên, đã xây dựng được bảng hỏi dành cho NNH có các phần chính như sau:

Phần 1: *Tìm hiểu thực trạng đặc điểm giao tiếp của người nghỉ hưu ở Hà Nội qua các khía cạnh khác nhau*

Để tìm hiểu thực trạng đặc điểm GT của NNH ở Hà Nội thông qua các khía cạnh cụ thể, luận án đã xác định bốn nội dung biểu hiện cơ bản của đặc điểm GT của NNH ở Hà Nội như sau (xem phụ lục 1, phần A, B, C, D):

- *Thực trạng đối tượng GT của NNH ở Hà Nội* : Khảo sát đối tượng GT của NNH ở Hà Nội hiện nay;

- *Thực trạng nhu cầu GT của NNH ở Hà Nội* : Khảo sát nhu cầu GT của NNH ở Hà Nội hiện nay;

- *Thực trạng nội dung GT của NNH ở Hà Nội* : Khảo sát các nội dung mà NNH ở Hà Nội thường trao đổi khi GT với người khác;

- *Thực trạng hình thức GT của NNH ở Hà Nội* : Khảo sát các hình thức GT của NNH ở Hà Nội hiện nay.

Phần II: *Tìm hiểu những yếu tố ảnh hưởng đến đặc điểm giao tiếp của người nghỉ hưu ở Hà Nội*

Những yếu tố ảnh hưởng đến đặc điểm GT của NNH ở Hà Nội được chia thành bốn nhóm chính (xem phụ lục 1 phần E, F, G, H):

- Mối quan hệ trong GD NNH
- Cách thức tổ chức hoạt động của các tổ chức XH dành cho NNH ở cụm dân cư hiện nay
- Nhận thức của NNH về vai trò, vị thế của họ trong GD và XH khi nghỉ hưu
- Tính cách (hướng nội, hướng ngoại) của NNH.

Phần III: *Tìm hiểu về thông tin cá nhân của người nghỉ hưu (phần K)*

Các thông tin về đặc điểm nhân khẩu – XH như giới tính, tuổi, nơi sống... Cùng trình độ học vấn, năm nghỉ hưu, chức vụ của họ trước khi nghỉ hưu. Các đặc điểm về giới tính, tuổi, trình độ học vấn, năm nghỉ hưu, chức vụ trước khi nghỉ hưu là những thông số có liên quan đến đặc điểm GT của NNH. Đây được coi là biến phụ thuộc trong nghiên cứu này.

d) Thiết kế đề cương phỏng vấn sâu dành cho người nghỉ hưu ở Hà Nội

Đề cương phỏng vấn sâu bao gồm: Các thông tin về bản thân NNH, làm rõ về GT hàng ngày của NNH (về NCGT, đối tượng GT, nội dung GT, hình thức GT), cảm nhận

của NNH về cuộc sống hiện nay, các yếu tố ảnh hưởng đến GT của NNH, lý giải nguyên nhân, đề xuất những giải pháp tăng cường GT cho NNH.

2.1.2.3. Giai đoạn khảo sát thử

a) **Mục đích:** Xác định sự phù hợp và độ tin cậy của bảng hỏi để qua đó tiến hành chỉnh sửa các câu hỏi chưa đạt yêu cầu.

b) **Thời gian tiến hành:** Tháng 12/2011

c) **Cách thức tiến hành:** Để điều tra thử, chúng tôi sử dụng bảng hỏi cá nhân đã được hình thành ở giai đoạn trên cùng phương pháp thống kê toán học để tính toán độ tin cậy của thang đo.

d) **Cách xử lý số liệu:** Sau khi các bảng hỏi được tập hợp, kết quả được xử lý bằng chương trình SPSS trong môi trường Window, phiên bản 13.0. Ở giai đoạn này, luận án chỉ quan tâm đến tin cậy của bảng hỏi, cụ thể:

Phân tích độ tin cậy của các thang đo trong bảng hỏi bằng phương pháp tính hệ số Alpha của Cronbach. Kết quả tính toán độ tin cậy Alpha theo Cronbach của các thang đo trong bảng hỏi lần lượt là:

- Phần A: Đối tượng GT của NNH ở Hà Nội cụ thể như sau:

Đối tượng GT của NNH (ĐTGT)	Thời điểm trước khi nghỉ hưu 3 – 5 năm (Hệ số Alpha)	Thời điểm hiện nay (Hệ số Alpha)
1. ĐTGT là người thân trong GD (mệnh đề số 1,2,3,4,5,6,7,8)	Alpha = 0.79	Alpha = 0.83
2. ĐTGT là bạn bè và những người trong cộng đồng dân cư (mệnh đề số 9,10,11,12,13,14,15)	Alpha = 0.67	Alpha = 0.70
3. Sự tham gia của NNH vào các nhóm, tổ chức XH (mệnh đề số 16,17,18,19,20,21,22,23)	Alpha = 0.78	Alpha = 0.78

- Phần B: Nhu cầu giao tiếp của NNH ở Hà Nội:

NC GT của NNH	Thời điểm trước khi nghỉ hưu 3 – 5 năm (Hệ số Alpha)	Thời điểm hiện nay (Hệ số Alpha)
1. NC chia sẻ, tâm sự (mệnh đề số 1,2,3,4,5,6,7)	Alpha = 0.76	Alpha = 0.75
2. NC trao đổi thông tin, truyền đạt kiến thức, kinh nghiệm (mệnh đề số 8,9,10,11,12,13)	Alpha = 0.78	Alpha = 0.76
3. NC tín ngưỡng, tâm linh (mệnh đề số 14,15,16,17,18,19)	Alpha = 0.85	Alpha = 0.79
4. NC hoạt động cộng đồng, giải trí (mệnh đề số 20,21,22,23,24)	Alpha = 0.73	Alpha = 0.71

5. NC được đóng góp ý kiến, được tôn trọng (mệnh đề số 25,26,27,28)	Alpha = 0.78	Alpha = 0.70
---	--------------	--------------

- Phần C: Nội dung giao tiếp của NNH ở Hà Nội:

Nội dung GT của NNH	Thời điểm trước khi nghỉ hưu 3 – 5 năm (Hệ số Alpha)	Thời điểm hiện nay (Hệ số Alpha)
1. Vấn đề về sức khỏe (mệnh đề số 1,2,3,4)	Alpha = 0.71	Alpha = 0.72
2. Vấn đề trong cuộc sống GD, cá nhân (mệnh đề số 5,6,7,8)	Alpha = 0.84	Alpha = 0.82
3. Vấn đề về họ hàng, quê hương, tâm linh (mệnh đề số 9,10,11,12)	Alpha = 0.83	Alpha = 0.76
4. Vấn đề thời sự trong nước, quốc tế (mệnh đề số 13,14,15,16)	Alpha = 0.90	Alpha = 0.87
5. Chuyên môn nghiệp vụ (mệnh đề số 17,18,19,20)	Alpha = 0.81	Alpha = 0.82

- Phần D: Hình thức giao tiếp của NNH ở Hà Nội :

Hình thức GT của NNH	Thời điểm trước khi nghỉ hưu 3 – 5 năm (Hệ số Alpha)	Thời điểm hiện nay (Hệ số Alpha)
1. GT trực tiếp (mệnh đề số 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10)	Alpha = 0.86	Alpha = 0.88
2. GT gián tiếp (mệnh đề số 11,12,13,14,15,16)	Alpha = 0.73	Alpha = 0.73

- Phần E: Mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình, gồm 21 mệnh đề, Alpha = 0,79 đến 0,86.

- Phần F: Cảm nhận của người nghỉ hưu về vai trò vị thế của bản thân trong gia đình và xã hội gồm 11 mệnh đề, Alpha từ 0,75 đến 0,80.

- Phần G: Cách thức tổ chức hoạt động của các tổ chức XH dành cho NNH ở cụm dân cư hiện nay gồm 6 mệnh đề, Alpha từ 0,85 đến 0,88.

- Phần H: Tính cách hướng nội, hướng ngoại của người nghỉ hưu, gồm 10 mệnh đề, Alpha từ 0,76 đến 0,78.

Kết quả phân tích cho thấy đa số các thang đo trong bảng hỏi có độ tin cậy tương đối cao nên sự chỉnh sửa là không đáng kể. Trên thực tế, đã chỉnh sửa một số mệnh đề để thể hiện rõ hơn nội dung định hỏi. Đó là những mệnh đề mà khi hỏi thử, người trả

lời thấy khó hiểu, đề nghị giải thích thêm. Sau khi chỉnh sửa, trong khảo sát chính thức, người trả lời không gặp những khó khăn trong việc hiểu các câu hỏi này.

Như vậy, độ tin cậy của từng phần trong bảng hỏi đã sửa đảm bảo điều kiện cho phép sử dụng chúng trong điều tra chính thức.

2.1.2.4. Giai đoạn điều tra chính thức

a) Mục đích: Tìm hiểu thực trạng đặc điểm GT của NNH ở Hà Nội và các yếu tố ảnh hưởng đến đặc điểm GT của NNH ở Hà Nội

b) Thời gian tiến hành: Từ tháng 1/2012 đến tháng 4/2012

c) Công cụ nghiên cứu: Trong giai đoạn này sử dụng phiếu điều tra bằng bảng hỏi (đã được hoàn thiện, chỉnh sửa sau khi điều tra thử) và đề cương phỏng vấn sâu. (Chi tiết xin xem phụ lục 1 và 2)

2.1.2.5. Giai đoạn xử lý tài liệu và viết luận án

a) Mục đích: Hình thành và hệ thống các bảng kết quả làm cơ sở cho việc phân tích số liệu, viết và hoàn thiện luận án.

b) Thời gian tiến hành: Từ tháng 5/2012 đến nay.

2.2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU LÝ LUẬN

2.2.1. MỤC ĐÍCH CỦA NGHIÊN CỨU LÝ LUẬN

- Tổng quan những nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước về các vấn đề liên quan đến GT và GT của NNH.

- Hệ thống hoá một số vấn đề lý luận cơ bản về GT, đặc điểm GT, đặc điểm GT của NNH.

- Xây dựng khung lý thuyết cho vấn đề nghiên cứu, từ đó xác lập quan điểm chủ đạo trong nghiên cứu thực tiễn đặc điểm GT của NNH.

2.2.2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU LÝ LUẬN

- Phân tích, tổng hợp và đánh giá những công trình nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước xung quanh các vấn đề có liên quan đến NNH, GT nói chung và GT của NNH. từ đó chỉ ra những vấn đề còn tồn tại hoặc chưa được đề cập đến trong các nghiên cứu đó để tiếp tục tiến hành nghiên cứu.

- Xác định những khái niệm công NNH và các khái niệm liên quan đến đề tài: GT, đặc điểm GT, NNH, đặc điểm GT của NNH.

- Tổng hợp và phân tích lý luận về GT, đặc điểm GT của NNH và các yếu tố ảnh hưởng đến chúng.

- Trên cơ sở nghiên cứu lý luận, xác định nội dung cho nghiên cứu thực tiễn. Việc lựa chọn các yếu tố để khảo sát trong nghiên cứu thực tiễn dựa vào kết quả tổng hợp của phần tổng quan nghiên cứu trong và ngoài nước cùng với các lý luận chung. Cụ thể là: phần lý thuyết chung đưa ra bốn mảng lý thuyết: GT, đặc điểm GT, đặc điểm GT của NNH, các yếu tố ảnh hưởng. Mỗi mảng đều khẳng định vai trò của nó đối với hoạt động và GT. Đó là khung lý luận chung. Đặt các nghiên cứu đã tiến hành về GT của NNH (trong phần lý luận) vào khung lý luận này sẽ chỉ ra một số yếu tố chính cần khảo sát trong thực tiễn. Cụ thể: mảng đặc điểm GT của NNH sẽ khảo sát một số khía cạnh cơ bản thể hiện đặc điểm GT của NNH ở Hà Nội như: Đặc điểm đối tượng GT của NNH, đặc điểm NCGT của NNH, đặc điểm nội dung GT của NNH, đặc điểm hình thức GT của NNH. Phần các yếu tố tác động, luận án xét đến mối quan hệ của các yếu tố này với đặc điểm GT của NNH.

2.2.3. CÁC PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU LÝ LUẬN

Để nghiên cứu lý luận, đã sử dụng các phương pháp: phương pháp chuyên gia, phương pháp nghiên cứu tài liệu, trong đó phương pháp nghiên cứu tài liệu là chủ yếu, bao gồm phân tích, tổng hợp, hệ thống hoá và khái quát hoá những công trình nghiên cứu trong và ngoài nước được đề cập trên mạng Internet, được đăng tải trên các sách, báo, tạp chí về những vấn đề có liên quan đến GT, người về hưu, GT của NNH.

2.3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU THỰC TIỄN

2.3.1. PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRA BẢNG BẢNG HỎI

2.3.1.1. Mục đích

Tìm hiểu thực trạng đặc điểm GT của NNH, các yếu tố ảnh hưởng đến đặc điểm GT của NNH và một số thông tin cá nhân của khách thể nghiên cứu.

2.3.1.2. Nội dung

Về đặc điểm GT của NNH ở Hà Nội thể hiện qua các khía cạnh: đối tượng GT, NCGT, nội dung GT, hình thức GT, các yếu tố ảnh hưởng đến GT của NNH ở Hà Nội và một số thông tin cá nhân của khách thể nghiên cứu.

2.3.1.3. Công cụ đo

Phiếu điều tra (dành cho NNH). Chi tiết xin xem phụ lục 1.

2.3.1.4. Thang đánh giá

Như đã trình bày ở chương 1, mục 1.2.4.3, tiểu mục b, đặc điểm GT của NNH ở Hà Nội được đánh giá theo 5 mức, cụ thể với từng yếu tố biểu hiện đặc điểm GT của NNH ở Hà Nội như sau:

a) Đối với thang đo về đối tượng giao tiếp của người nghỉ hưu ở Hà Nội (Phần A)

Thang đo này được thiết kế trên cơ sở nội dung cơ bản các mệnh đề biểu hiện về đối tượng GT của NNH. Tương ứng với mỗi mệnh đề là 5 phương án lựa chọn từ “Không bao giờ” đến “Thường xuyên”. Với mỗi mệnh đề, khách thể chỉ được phép lựa chọn một trong năm phương án đó, cụ thể như sau: Không bao giờ: 1 điểm; Rất ít khi (vài lần một năm): 2 điểm; Ít khi (vài lần một tháng): 3 điểm; Thỉnh thoảng (vài lần một tuần): 4 điểm; Thường xuyên (hàng ngày): 5 điểm.

- Lấy điểm cao nhất của thang đo (là 5) trừ đi điểm thấp nhất của thang đo (là 1) và chia cho 5 mức. Điểm chênh lệch của mỗi mức độ là 0,8. Từ đó, các mức độ của thang đo được tính:

+ Điểm trung bình < 1,8: Mức rất thấp, tương ứng với việc NNH hầu như không GT với đối tượng này.

+ Điểm trung bình từ 1,8 đến < 2,6: Mức thấp, tương ứng với việc NNH rất ít GT với đối tượng này

+ Điểm trung bình từ 2,6 đến < 3,4: Mức trung bình, tương ứng với việc NNH thỉnh thoảng có GT với đối tượng này

+ Điểm trung bình từ 3,4 đến < 4,2: Mức khá, tương ứng với việc NNH GT với đối tượng này ở mức độ khá thường xuyên

+ Điểm trung bình từ 4,2 trở lên: Mức cao, tương ứng với việc NNH GT với đối tượng này ở mức rất thường xuyên.

b) Đối với thang đo nhu cầu giao tiếp của người nghỉ hưu ở Hà Nội (Phần B)

Về mức độ biểu hiện của NC GT của NNH được đánh giá theo 5 thang bậc như sau: Không đúng: 1 điểm; Phần lớn là không đúng: 2 điểm; Nửa đúng nửa không đúng: 3 điểm; Phần lớn là đúng: 4 điểm; Hoàn toàn đúng: 5 điểm.

Tuy nhiên, do kỹ thuật thiết kế nên một số biểu hiện NC GT trong thang đo có nội dung đảo ngược với các biểu hiện của NC GT khác trong cùng bảng hỏi. Các biểu hiện NC GT có nội dung đảo ngược trong các bảng hỏi được ký hiệu bằng dấu (*), cụ thể gồm các mệnh đề 5 và mệnh đề 7 (phần B). Do vậy, cách tính điểm của các mệnh

đề này cũng phải đổi ngược điểm với các mệnh đề khác. Cụ thể là: Không đúng: 5 điểm; Phần lớn là không đúng: 4 điểm; Nửa đúng nửa không đúng: 3 điểm; Phần lớn là đúng: 2 điểm; Hoàn toàn đúng: 1 điểm.

- Lấy điểm cao nhất của thang đo (là 5) trừ đi điểm thấp nhất của thang đo (là 1) và chia cho 5 mức. Điểm chênh lệch của mỗi mức độ là 0,8. Từ đó, các mức độ của thang đo được tính:

+ Điểm trung bình $< 1,8$: Mức rất thấp, tương ứng với việc NNH hầu không có NC này.

+ Điểm trung bình từ 1,8 đến $< 2,6$: Mức thấp, tương ứng với NNH có NC này ở mức thấp.

+ Điểm trung bình từ 2,6 đến $< 3,4$: Mức trung bình, tương ứng với việc NNH thỉnh thoảng có NC này.

+ Điểm trung bình từ 3,4 đến $< 4,2$: Mức khá, tương ứng với việc NNH có NC này ở mức khá cao.

+ Điểm trung bình từ 4,2 trở lên: Mức cao, tương ứng với việc hầu hết NNH có NC này (NC ở mức cao).

c) Đối với thang đo nội dung giao tiếp của người nghỉ hưu ở Hà Nội (Phần C)

Về mức độ biểu hiện của nội dung GT của NNH được đánh giá theo 5 thang bậc như sau: Không bao giờ: 1 điểm; Rất hiếm khi: 2 điểm; Thỉnh thoảng: 3 điểm; Khá thường xuyên: 4 điểm; Thường xuyên: 5 điểm.

- Lấy điểm cao nhất của thang đo (là 5) trừ đi điểm thấp nhất của thang đo (là 1) và chia cho 5 mức. Điểm chênh lệch của mỗi mức độ là 0,8. Từ đó, các mức độ của thang đo được tính:

+ Điểm trung bình $< 1,8$: Mức rất thấp, tương ứng với việc NNH hầu như không quan tâm, đề cập đến nội dung này trong GT.

+ Điểm trung bình từ 1,8 đến $< 2,6$: Mức thấp, tương ứng với việc rất ít khi NNH đề cập đến nội dung này trong GT.

+ Điểm trung bình từ 2,6 đến $< 3,4$: Mức trung bình, tương ứng với việc NNH thỉnh thoảng đề cập đến nội dung này.

+ Điểm trung bình từ 3,4 đến $< 4,2$: Mức khá, tương ứng với việc NNH đề cập đến vấn đề này ở mức khá thường xuyên.

+ Điểm trung bình từ 4,2 trở lên: Mức cao, tương ứng với việc NNH thường xuyên đề cập đến vấn đề này.

d) Đối với thang đo hình thức giao tiếp của người nghỉ hưu ở Hà Nội (Phần D)

Về mức độ biểu hiện của hình thức GT của NNH được đánh giá theo 5 thang bậc như sau: Không bao giờ: 1 điểm; Rất hiếm khi: 2 điểm; Ít khi: 3 điểm; Thỉnh thoảng: 4 điểm; Thường xuyên: 5 điểm.

- Lấy điểm cao nhất của thang đo (là 5) trừ đi điểm thấp nhất của thang đo (là 1) và chia cho 5 mức. Điểm chênh lệch của mỗi mức độ là 0,8. Từ đó, các mức độ của thang đo được tính:

+ Điểm trung bình < 1,8: Mức rất thấp, tương ứng với việc NNH hầu như không GT bằng hình thức GT này.

+ Điểm trung bình từ 1,8 đến < 2,6: Mức thấp, tương ứng với việc rất ít khi NNH GT bằng hình thức này.

+ Điểm trung bình từ 2,6 đến < 3,4: Mức trung bình, tương ứng với việc thỉnh thoảng NNH GT bằng hình thức này.

+ Điểm trung bình từ 3,4 đến < 4,2: Mức khá, tương ứng với việc NNH GT bằng hình thức này khá thường xuyên.

+ Điểm trung bình từ 4,2 trở lên: Mức cao, tương ứng với việc NNH GT bằng hình thức này thường xuyên.

e) Đối với thang đo mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình người nghỉ hưu (phần E), cảm nhận của người nghỉ hưu về vai trò, vị thế của bản thân trong gia đình và xã hội (phần F), cách thức tổ chức hoạt động của các tổ chức XH dành cho NNH ở cụm dân cư hiện nay (phần G), tính cách (hướng nội, hướng ngoại) của người nghỉ hưu (phần H)

Về mức độ biểu hiện được đánh giá theo 5 thang bậc như sau: Không bao giờ: 1 điểm; Rất hiếm khi: 2 điểm; Ít khi: 3 điểm; Thỉnh thoảng: 4 điểm; Thường xuyên: 5 điểm.

Một số item biểu hiện mối quan hệ trong gia đình NNH (mệnh đề 5,6,7,8,10,12,13,14,15,16,20,21 phần E), cảm nhận của NNH về vị thế, vai trò của bản thân trong GD và XH (mệnh đề 1,2,3,4,5,6,7 phần F), tính cách (hướng nội, hướng ngoại, mệnh đề 3,4,5,7,8,9 phần H) trong thang đo có nội dung đảo ngược với các biểu hiện của các item khác trong cùng bảng hỏi. Các item có nội dung đảo ngược trong các

phần của bảng hỏi được ký hiệu bằng dấu (*). Do vậy, cách tính điểm của các mệnh đề này cũng phải đổi ngược điểm với các mệnh đề khác. Cụ thể là: Không đúng: 5 điểm; Phần lớn là không đúng: 4 điểm; Nửa đúng nửa không đúng: 3 điểm; Phần lớn là đúng: 2 điểm; Hoàn toàn đúng: 1 điểm.

Điểm ở mức trung bình của các mệnh đề trong từng bảng hỏi là 3, điểm cao nhất là 5 và thấp nhất là 1 với ý nghĩa điểm càng cao biểu hiện mối quan hệ giữa các thành viên trong GD NNH càng hoà thuận, cảm nhận của NNH về vai trò, vị thế của NNH trong GD và XH tích cực, cách thức tổ chức hoạt động của các tổ chức xã hội dành cho NNH ở cụm dân cư hiện nay phù hợp với NC, nguyện vọng của NNH, về mặt tính cách họ là những người vui vẻ, cởi mở trong cuộc sống. Điểm càng thấp biểu hiện mối quan hệ giữa các thành viên trong GD không hoà thuận, cảm nhận của NNH về vai trò, vị thế của họ trong GD và XH mang tính tiêu cực, cách thức tổ chức hoạt động của các tổ chức xã hội dành cho NNH ở cụm dân cư hiện nay chưa phù hợp với NC của NNH, về mặt tính cách họ là những người sống khép kín, không thích giao tiếp với người khác.

2.3.2. PHƯƠNG PHÁP CHUYÊN GIA

2.3.2.1. Mục đích

Lấy tư liệu (ý kiến đóng góp của các chuyên gia tâm lý) để xây dựng những vấn đề lý luận và công cụ nghiên cứu của luận án.

2.3.2.2. Nội dung

Xin ý kiến đóng góp của các chuyên gia về vấn đề quan điểm phương pháp luận, quan điểm lý luận, công cụ nghiên cứu (các bảng hỏi), tiêu chí đánh giá đặc điểm giao tiếp của NNH.

2.3.2.3. Công cụ nghiên cứu

Đề cương sơ bộ, bảng hỏi

2.3.3. PHƯƠNG PHÁP PHÒNG VẤN SÂU CÁ NHÂN

2.3.3.1. Mục đích

Thu thập, bổ sung và làm rõ hơn những thông tin đã thu được từ khảo sát trên diện rộng để tìm hiểu rõ hơn đặc điểm GT của NNH, đồng thời để tìm hiểu rõ hơn sự ảnh hưởng của nhiều yếu tố đến đặc điểm GT của NNH.

2.3.3.2. Nội dung

Nội dung phỏng vấn bao gồm: Các thông tin về bản thân, làm rõ về GT hàng ngày của NNH (nhu cầu GT, đối tượng GT, nội dung GT, hình thức GT), cảm nhận của NNH

về cuộc sống hiện nay, ảnh hưởng của GT đến cuộc sống của NNH, lý giải nguyên nhân, đề xuất những giải pháp làm phong phú hơn GT của NNH.

2.3.3.3. Công cụ nghiên cứu

Đề cương phỏng vấn sâu cá nhân (phụ lục 2).

2.3.3.4. Cách đánh giá

Những thông tin thu được sẽ được xử lý theo phương pháp định tính.

2.3.4. PHƯƠNG PHÁP QUAN SÁT

2.3.4.1. Mục đích

Quan sát trực tiếp thái độ, hành vi, cử chỉ, lời nói của NNH khi họ tham gia sinh hoạt tại các tổ chức XH dành cho NCT ở cụm dân cư, kết quả này để bổ sung thông tin định tính về tính đặc trưng, nổi bật trong GT của NNH.

2.3.4.2. Nội dung

Quan sát các biểu hiện thái độ, hành vi, cử chỉ, lời nói của NNH khi họ tham gia sinh hoạt tại chi hội NCT

2.3.4.3. Công cụ nghiên cứu

Quan sát bằng mắt và ghi chép các kết quả thu được

2.3.4.4. Cách thức tiến hành

Chúng tôi đã quan sát được 5 buổi sinh hoạt của chi hội NCT. Để đảm bảo hiệu quả của quan sát, chúng tôi thường ngồi ở vị trí có thể quan sát rõ thái độ, hành vi, cử chỉ, lời nói của NNH. Khi quan sát, chúng tôi ghi chép những nội dung sau:

- Đối với Nhu cầu GT: Chú ý đến các vấn đề NNH quan tâm, thái độ NNH khi tham gia sinh hoạt.

- Đối với đối tượng GT: Chú ý đến thái độ, hành vi, cử chỉ, lời nói khi NNH trao đổi, trò chuyện với bạn bè khi tham gia sinh hoạt.

- Đối với nội dung GT: Chú ý đến thái độ, hành vi, cử chỉ, lời nói khi NNH trao đổi các nội dung trong buổi sinh hoạt. Những vấn đề NNH quan tâm, trao đổi.

- Đối với hình thức GT: Chú ý đến cách thức NNH trao đổi các vấn đề khi sinh hoạt.

2.3.5. PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH SẢN PHẨM HOẠT ĐỘNG

2.3.5.1. Mục đích

Tìm hiểu về biểu hiện của đặc điểm GT của NNH thông qua các bài thơ do NNH sáng tác để có thêm thông tin định tính về đặc điểm GT của NNH.

2.3.5.2. Nội dung

Tìm hiểu về biểu hiện của đặc điểm GT thể hiện NC, đối tượng, nội dung, hình thức GT thông qua các bài thơ do NNH sáng tác.

2.3.5.3. Công cụ nghiên cứu

5 tập thơ do NNH sáng tác.

2.3.5.4. Cách đánh giá

Những thông tin thu được sẽ được xử lý theo phương pháp định tính.

2.3.6. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP

2.3.6.1. Mục đích

Tìm ra những yếu tố ảnh hưởng đến GT của NNH để minh hoạt cho khảo sát trên diện rộng. Đồng thời phát hiện ra những nhân tố khác mà khảo sát chưa đề cập đến.

2.3.6.2. Nội dung

Nội dung phỏng vấn được chuẩn bị trước thành các mảng vấn đề như: thông tin về GD, bản thân và quá trình hoạt động nghề nghiệp trước đây, quá trình hoạt động của bản thân từ khi nghỉ hưu đến nay, tìm hiểu về cuộc sống, GT hiện nay, cảm nhận về cuộc sống. GT hiện nay, các yếu tố tác động đến cuộc sống, GT hiện nay. Trình tự nội dung được phỏng vấn không nhất thiết phải theo thứ tự đã chuẩn bị. Nó được áp dụng linh hoạt tùy theo đối tượng phỏng vấn và tùy theo hướng câu chuyện mà người được phỏng vấn trình bày.

2.3.6.3. Công cụ nghiên cứu

Ghi biên bản chân dung tâm lý và phiếu phỏng vấn sâu cá nhân (chi tiết xin xem phụ lục 3)

2.3.6.4. Cách đánh giá

Những thông tin thu được sẽ được xử lý theo phương pháp định tính.

2.3.7. PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ SỐ LIỆU BẰNG THỐNG KÊ TOÁN HỌC

2.3.7.1. Mục đích

Hình thành và hệ thống các bảng kết quả làm cơ sở cho việc phân tích số liệu.

2.3.7.2. Phương pháp phân tích định tính

a) Xử lý kết quả phân tích trường hợp

Phương pháp phân tích trường hợp (phân tích chân dung tâm lý) được sử dụng nhiều với mục đích khác nhau. Trong tâm lý học, phương pháp này được sử dụng để tìm hiểu về bản thân một con người (chẳng hạn nhân cách, mối quan hệ xã hội, hoạt

động...). Có thể tìm hiểu cả sự biến đổi văn hoá XH trong từng thời kỳ lịch sử nhất định... Phương pháp phân tích chân dung tâm lý có thể sử dụng với nhiều mục đích khác nhau nên quy trình phân tích cho từng loại cũng rất khác nhau. Trong nghiên cứu này, mục đích nhằm tìm hiểu đặc điểm GT của NNH ở Hà Nội, đồng thời khai thác những vấn đề trong cuộc sống của NNH ảnh hưởng đến đặc điểm GT của họ. Dữ liệu cho phân tích chủ yếu dựa vào câu chuyện kể về cuộc đời của cá nhân, trong đó nhấn mạnh đến GT của họ. Ở đây, nội dung được phân tích theo các góc độ sau đây:

- *Phân tích đặc điểm cá nhân:* Tuổi, giới tính, sức khỏe, thu nhập trước và sau khi nghỉ hưu, thời gian nghỉ hưu, nghề nghiệp, chức vụ trước khi nghỉ hưu.

- *Phân tích hoàn cảnh GD:* Nghề nghiệp của vợ/ chồng, tình trạng của con cái, tình hình kinh tế, làm ăn, sinh hoạt và các mối quan hệ giữa các thành viên trong GD...

- *Phân tích đặc điểm GT* từ trước khi nghỉ hưu 3 đến 5 năm cho đến thời điểm phỏng vấn.

b) Xử lý kết quả phỏng vấn sâu

Các kết quả của phỏng vấn sâu đối với NNH được phân loại theo từng khía cạnh: Nhu cầu GT, đối tượng GT, nội dung GT, hình thức GT, các yếu tố ảnh hưởng đến GT của NNH.

c) Xử lý kết quả quan sát

Kết quả quan sát được phân loại theo: Nhu cầu GT, đối tượng GT, nội dung GT, hình thức GT được thể hiện khi NNH tham gia hoạt động cộng đồng; Biểu cảm phi ngôn ngữ: Nét mặt, hành vi, ánh mắt...của NNH khi GT; Thái độ của NNH khi tham gia hoạt động cộng đồng.

d) Xử lý kết quả nghiên cứu sản phẩm hoạt động

- Các bài thơ do NNH sáng tác: Nội dung các bài thơ minh hoạ thêm cho số liệu điều tra được sắp xếp theo nội dung: Nhu cầu GT, đối tượng GT, nội dung GT, hình thức GT của NNH.

2.3.7.3. Các phương pháp phân tích định lượng

Số liệu thu được sau điều tra chính thức được xử lý bằng chương trình thống kê SPSS dùng trong môi trường Window, phiên bản 13.0. Các thông số, các phép toán thống kê được sử dụng trong nghiên cứu này bao gồm:

a) Phân tích thống kê mô tả

Các chỉ số phân tích thống kê mô tả bao gồm:

- Tần số tuyệt đối (các số đếm) và tần số tương đối (số phần trăm), đối với các số biến dạng số và biến dạng chuỗi với các nhóm hạng không có thứ bậc. Tần số tương đối tích lũy (phần trăm cộng dồn) đối với các biến định lượng (hoặc các biến dạng chuỗi với các nhóm hạng có thứ bậc). Tần số tuyệt đối và tần số tương đối cho phép mô tả dữ liệu từ bất kỳ phân phối có dạng như thế nào. Bằng cách kiểm tra các trị số cho từng biến có thể nhận dạng các sai số do đo đạc, mã hoá, hoặc mã hoá lại, thậm chí các trị số tuy chính xác nhưng lại khác rất nhiều so với những trị số khác ở trong cùng mẫu.

- Điểm trung bình cộng (mean) được dùng trong việc tính điểm đạt được của từng nhóm mệnh đề.

- Điểm trung vị (median) là trị số của trường hợp nằm giữa khi số liệu của biến nghiên cứu được sắp xếp theo thứ tự tăng dần từ bé nhất đến lớn nhất. Nó được dùng để mô tả điểm nằm giữa trong một mẫu.

- Độ lệch chuẩn (standardized deviation) được dùng để mô tả sự phân tán hay mức độ tập trung của các câu trả lời mẫu.

b) Phân tích sử dụng thống kê suy luận

Các phép thống kê được sử dụng trong phân tích thống kê suy luận bao gồm:

- *Phân tích so sánh*

- Trong nghiên cứu này, phép kiểm định khi – bình phương (pearson chi square statistic) được sử dụng để kiểm định về tính độc lập giữa hai biến cột và biến dòng của bảng chéo hai chiều và kiểm định ngang bằng về tỷ lệ dọc theo các hàng (hay các cột).

- Phép so sánh giá trị trung bình (compare mean) cũng được sử dụng trong nghiên cứu này.

+ Đối với các phép so sánh giá trị trung bình với 3 nhóm trở lên, phép phân tích phương sai một yếu tố (ANOVA) sẽ cho biết các giá trị trung bình được coi là khác nhau có ý nghĩa về mặt thống kê khi F – test của phân tích biến thiên có giá trị vượt ngưỡng thống kê với xác suất $p < 0,05$.

+ Đối với các phép so sánh giá trị trung bình của 2 nhóm, phép kiểm định t về độc lập giữa hai mẫu (independent Samples T Test) cho biết đối với một nhóm đơn thì trung bình của một nhóm chủ thể này có khác với trung bình của các nhóm chủ thể khác không. Các giá trị trung bình được coi là có ý nghĩa về mặt thống kê khi t – test của phân tích biến thiên có giá trị vượt ngưỡng thống kê với xác suất $p < 0,05$.

- *Phân tích tương quan nhị biến*

- Tương quan nhị biến là tương quan giữa hai biến số định lượng, trong đó không phân biệt biến số độc lập và biến số phụ thuộc. Mục đích của phân tích tương quan là tìm hiểu sự liên hệ tuyến tính giữa hai biến số định lượng, cụ thể là sự biến thiên ở một biến số có xảy ra đồng thời với sự biến thiên ở biến số kia không. Mức độ liên kết hay độ mạnh của mối liên hệ giữa hai biến số được chỉ số hoá bởi hệ số tương quan Pearson, ta gọi tắt là r . Hệ số tương quan r (Pearson product – moment) được sử dụng rộng rãi là số đo của mối liên hệ tuyến tính giữa hai biến số định lượng. Hệ số này có giá trị từ -1 đến +1 cho ta biết:

- Độ mạnh của mỗi liên hệ giữa hai biến

- Hướng của mỗi liên hệ đó (nghịch hay thuận thể hiện ở dấu của r). Giá trị “+” ($r > 0$) cho biết mỗi liên hệ thuận giữa hai biến số, tức là khi giá trị của một biến số (giả sử là X) tăng hay giảm thì giá trị của biến số kia (giả sử là Y) cũng tăng hay giảm tương ứng. Còn giá trị “-” ($r < 0$) cho biết về mỗi liên hệ nghịch giữa hai biến, tức là giá trị của X càng tăng thì giá trị của Y càng giảm và ngược lại.

- Khi $r = 0$: X và Y không có mối liên hệ.

Đối với mỗi một mối tương quan đều cho biết mức độ có nghĩa của mối quan hệ đó dựa vào hệ số xác suất p . Trong nghiên cứu này, chúng tôi chọn $\alpha = 0,05$ là cấp độ có nghĩa. Khi $p < 0,05$ thì giá trị của r được chấp nhận là có ý nghĩa cho phân tích về mối quan hệ giữa hai biến số.

- *Phân tích hồi quy tuyến tính*

Phép phân tích hồi quy cho phép xem xét mối quan hệ giữa một biến số phụ thuộc với một hay nhiều biến số độc lập. Người ta thường dùng phép hồi quy để dự đoán biến số phụ thuộc từ những biến số độc lập. Do đó, các biến số độc lập còn được gọi là những biến số dự đoán. Phân tích hồi quy giúp xác định khi một hay nhiều biến độc lập thay đổi thì biến phụ thuộc sẽ thay đổi như thế nào. Cụ thể, trong nghiên cứu này, chúng tôi xem xét sự thay đổi của các yếu tố tâm lý chủ quan cũng như các yếu tố tâm lý khách quan có khả năng dự đoán như thế nào về những thay đổi của các khía cạnh/ nội dung biểu hiện đặc điểm GT của NNH (Đối tượng GT, Nhu cầu GT. Nội dung GT, Hình thức GT). Nếu có thì yếu tố nào có khả năng dự báo cao nhất, mức độ dự báo đến đâu?

Trong nghiên cứu này, phép hồi quy tuyến tính giản đơn và phép hồi quy tuyến tính bội được sử dụng để dự đoán. Các thông số được sử dụng trong phân tích hồi quy bao gồm:

- R^2 : Hệ số xác định là bình phương của hệ số tương quan giữa hai biến số. Hệ số này cho ta biết tỷ lệ của biến thiên ở biến số phụ thuộc được giải thích bởi biến số dự đoán.

- B: là hằng số

- Beta : là hệ số hồi quy, cho biết độ nghiêng của đường hồi quy, nó mô tả mức độ giải thích của biến số.

- Giá trị t- test, F- test và xác suất p của nó giúp ta có quyết định về độ có nghĩa của R^2 trong phân tích.

Phép hồi quy tuyến tính giản đơn cho phép chúng ta nhận định về một biến số độc lập (trong nghiên cứu này là từng yếu tố tác động đơn lẻ) thay đổi thì có thể dự đoán được bao nhiêu phần trăm thay đổi của biến phụ thuộc (Đối tượng GT, nhu cầu GT, nội dung GT, hình thức GT).

Phép hồi quy tuyến tính bội cho phép chúng ta dự đoán được sự thay đổi của biến phụ thuộc (Đối tượng GT, nhu cầu GT, nội dung GT, hình thức GT) diễn ra như thế nào khi tổ hợp các biến độc lập (nhóm các yếu tố tác động) thay đổi. Trong mục hiển thị kết quả của phép phân tích hồi quy bội, bảng các hệ số hồi quy sẽ cho biết hệ số B và Beta của từng biến độc lập. Giá trị Beta, t- Test, F- test và xác suất p tương ứng sẽ cho biết tầm quan trọng của từng biến độc lập trong mô hình đa biến đối với việc dự báo yếu tố phụ thuộc. Trong mô hình hồi quy bội, hệ số của một biến độc lập nào đó mà thấp, với $p > 0,05$, có nghĩa là tỷ lệ ảnh hưởng đến biến phụ thuộc của nó rất ít, hay nói cách khác nó hầu như không có khả năng dự báo cho biến phụ thuộc trong tập hợp đa biến được khảo sát. Trong khi đó, nếu hệ số này của biến độc lập khác mà cao, với $p < 0,05$, thì có nghĩa là biến độc lập này có khả năng dự báo cho biến phụ thuộc với mức độ cao và nó quan trọng hơn biến độc lập có xác suất $p > 0,05$ trong việc dự báo biến phụ thuộc.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

- Quá trình nghiên cứu được tiến hành theo một quy trình thống nhất, chặt chẽ. Nghiên cứu đã kết hợp nhiều phương pháp khác nhau (phương pháp phân tích tài liệu, phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, phương pháp nghiên cứu chân dung tâm lý, phương pháp phỏng vấn sâu cá nhân, phương pháp phân tích sản phẩm hoạt động).

Việc phối hợp nhiều phương pháp nghiên cứu khác nhau sẽ bổ trợ cho nhau để thông tin thu được mang tính chính xác và độ tin cậy.

- Các thông tin thu thập được xử lý và phân tích bằng nhiều kỹ thuật đa dạng (phân tích định tính, phân tích định lượng) cho phép có những kết quả và kết luận đủ tin cậy và có giá trị về mặt khoa học.

CHƯƠNG 3

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU THỰC TIỄN

ĐẶC ĐIỂM GIAO TIẾP CỦA NGƯỜI NGHỈ HƯU Ở HÀ NỘI

3.1. THỰC TRẠNG ĐẶC ĐIỂM GIAO TIẾP CỦA NGƯỜI NGHỈ HƯU Ở HÀ NỘI

3.1.1. THỰC TRẠNG CHUNG VỀ ĐẶC ĐIỂM GIAO TIẾP CỦA NGƯỜI NGHỈ HƯU Ở HÀ NỘI

Từ kết quả nghiên cứu thực tiễn thể hiện ở các bảng 3.2; 3.3; 3.4; 3.5 chúng tôi rút ra một số nét sau về thực trạng chung đặc điểm GT của NNH ở Hà Nội (bảng 3.1):

Bảng 3.1: Thực trạng chung về đặc điểm giao tiếp của người nghỉ hưu ở Hà Nội

STT	Các khía cạnh biểu hiện của đặc điểm GT	ĐTB	ĐLC
1.	Nhu cầu giao tiếp	4,28	0,51
	NC chia sẻ, tâm sự	4,07	0,57
	NC trao đổi thông tin, truyền đạt kiến thức, kinh nghiệm	4,34	0,65
	NC tâm linh	4,42	0,64
	NC hoạt động cộng đồng	4,18	0,78
	NC được tôn trọng, đóng góp ý kiến	4,44	0,63
2.	Đối tượng giao tiếp		
	Nhóm người thân trong gia đình	4,37	0,62
	Nhóm bạn bè và cộng đồng dân cư khu vực sinh sống	3,31	0,80
	Tham gia sinh hoạt trong các tổ chức, nhóm xã hội dành cho NNH	2,44	0,80
3.	Nội dung giao tiếp		
	Các vấn đề về sức khỏe	4,31	0,65
	Các vấn đề họ hàng, quê hương, tâm linh	4,07	0,73
	Các vấn đề trong cuộc sống gia đình, cá nhân	3,91	0,89
	Các vấn đề văn hoá, văn nghệ, chính trị, kinh tế, xã hội	3,60	0,98
	Học tập, trao đổi chuyên môn nghiệp vụ, chính sách của Đảng, Nhà nước	3,41	1,05
4.	Hình thức giao tiếp		
	Trò chuyện với người thân trong GD	4,37	0,80
	Trò chuyện với bạn bè	3,31	0,80
	Xem tivi	4,36	1,06
	GT qua điện thoại	4,29	0,98
	Giao tiếp tâm linh	4,11	1,03
	Giao tiếp trên internet	1,50	1,50

Ghi chú: Thang điểm max = 5 (hoàn toàn đúng) và min = 1 (hoàn toàn sai) với ý nghĩa điểm càng cao, NC càng cao, nội dung, đối tượng, hình thức GT càng thường xuyên và ngược lại điểm càng thấp nhu cầu càng thấp, nội dung, đối tượng, hình thức GT càng không thường xuyên.

Kết quả tại bảng 3.1 cho thấy:

Đặc điểm nhu cầu giao tiếp

Nhu cầu giao tiếp của NNH ở Hà Nội ở mức cao (ĐTB chung: 4,28/5). Trong đó nổi lên là nhóm NC tâm linh (ĐTB: 4,42), NC được tôn trọng, được đóng góp ý kiến (ĐTB: 4,44), NC trao đổi thông tin (ĐTB: 4,34), NC hoạt động cộng đồng (tham gia công tác xã hội).

Đặc điểm đối tượng giao tiếp

Đối tượng GT của NNH ở Hà Nội chủ yếu là với những người thân trong GD và với những người quen biết cũ (bạn bè, hàng xóm).

Đặc điểm nội dung giao tiếp

Nội dung GT của NNH ở Hà Nội trong diện được khảo sát chủ yếu về sức khỏe, các vấn đề về họ hàng, quê hương, tâm linh, cuộc sống GD, cá nhân.

Đặc điểm hình thức giao tiếp

Hình thức GT của NNH trong diện được khảo sát khá phong phú. Bên cạnh việc thường xuyên GT với người thân trong GD thì NNH cũng thường GT xem tivi, nghe đài, GT qua điện thoại và GT tâm linh với người đã khuất thông qua hình thức thắp hương cầu nguyện tại gia đình. NNH ở Hà Nội ít sử dụng internet làm phương tiện giao tiếp của họ.

Về biểu hiện đặc điểm cụ thể của các khía cạnh biểu hiện đặc điểm giao tiếp của NNH ở Hà Nội như sau:

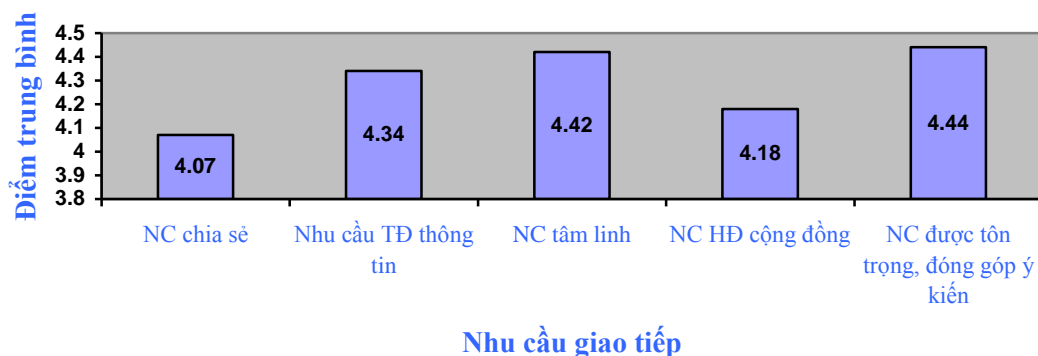
3.1.2. THỰC TRẠNG ĐẶC ĐIỂM NHU CẦU GIAO TIẾP CỦA NGƯỜI NGHỈ HƯU Ở HÀ NỘI

Nhu cầu giao tiếp của NNH là sự đòi hỏi tất yếu của NNH về việc được tiếp xúc, chia sẻ thông tin, tình cảm, thiết lập quan hệ với người khác để tồn tại và phát triển với tư cách là một nhân cách, một chủ thể, một thành viên của nhóm, của XH.

Trong nghiên cứu này, chúng tôi tìm hiểu về thực trạng NCGT của NNH thể hiện ở các nhóm NC: NC chia sẻ, tâm sự, NC trao đổi (TĐ) thông tin, truyền đạt kiến

thức, kinh nghiệm, NC tâm linh, NC hoạt động (HD) cộng đồng, NC được tôn trọng, đóng góp ý kiến.

Thực trạng nhu cầu giao tiếp của NNH được thể hiện qua biểu đồ sau:



Biểu đồ 3.1: Nhu cầu giao tiếp của người nghỉ hưu ở Hà Nội

Kết quả nghiên cứu cho thấy, điểm trung bình (ĐTB) của toàn thang đo là 4,28/5. Đây là một mức điểm cao, thể hiện NC GT của NNH ở Hà Nội trong nghiên cứu là cao.

Biểu đồ 3.1 cho thấy, nhóm NC được tôn trọng, đóng góp ý kiến của NNH có điểm trung bình cao nhất trong năm nhóm NC (4,44 điểm). Tiếp theo đó là nhóm NC tâm linh (4,42 điểm), nhóm NC trao đổi thông tin, truyền đạt kiến thức kinh nghiệm (4,34 điểm). Cuối cùng là nhóm NC tham gia hoạt động cộng đồng (4,18 điểm) và nhóm NC chia sẻ, tâm sự (4,07 điểm). Dù có các mức điểm khác nhau nhưng tất cả các nhóm NC này đều có điểm cao, điều đó cho thấy, tuy đã về hưu nhưng NNH vẫn có nhu cầu GT cao với người khác.

Các biểu hiện cụ thể về nhu cầu giao tiếp của NNH ở Hà Nội ở bảng dưới đây:

Bảng 3.2: Các biểu hiện về nhu cầu giao tiếp của NNH ở Hà Nội

STT	Biểu hiện nhu cầu giao tiếp	Trước khi nghỉ hưu		Hiện nay	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
NC chia sẻ, tâm sự		4,06	0,59	4,07	0,57
1.	Mong muốn được trò chuyện, chia sẻ với con, cháu	4,62	0,60	4,68	0,56
2.	Mong muốn gặp gỡ, tâm sự với bạn bè	4,31	1,05	4,38	1,03

3.	Mong muốn chia sẻ với người bạn đời	4,35	1,17	4,32	1,18
4.	Mong muốn được trò chuyện với bà con họ hàng	4,21	0,99	4,20	1,01
5.	Không muốn chia sẻ với hàng xóm	4,35	0,93	4,13	1,10
6.	Muốn tâm sự với bạn thân hơn là với người trong GD	4,19	1,02	4,30	0,96
7.	Chỉ muốn giữ lại nỗi buồn cho riêng mình *	2,41	1,51	2,50	1,55
NC trao đổi thông tin, truyền đạt kiến thức, kinh nghiệm		4,33	0,64	4,34	0,65
8.	Mong muốn tiếp xúc với người trẻ tuổi để truyền đạt kinh nghiệm	3,75	1,35	3,74	1,36
9.	Mong muốn chia sẻ với bạn bè kiến thức để bảo vệ và nâng cao sức khỏe	4,44	0,86	4,58	0,76
10.	Mong muốn được gặp gỡ với đồng nghiệp để trò chuyện, chia sẻ kinh nghiệm chuyên môn	4,35	0,93	4,13	1,10
11.	Quan tâm đến tình hình kinh tế, chính trị - XH trong nước	4,48	0,88	4,52	0,88
12.	Quan tâm đến tình hình kinh tế, chính trị, XH quốc tế	4,36	1,02	4,39	1,02
13.	Mong muốn giúp đỡ các con nuôi dạy các cháu	4,65	0,78	4,69	0,68
NC tâm linh		4,23	0,81	4,42	0,64
14.	Đi lễ chùa/ nhà thờ là niềm an ủi lớn của tôi	3,71	1,42	3,91	1,33
15.	Tôi muốn được tham gia các cuộc họp họ, giỗ họ	4,19	1,02	4,30	0,96
16.	Được đóng góp cúng giỗ, chăm sóc, tu tạo phần mộ tổ tiên, ông bà, cha mẹ và người thân đã khuất khiến tôi thấy thoải mái	4,67	0,80	4,80	0,58
17.	Tôi muốn được tham gia các công việc của quê hương, dòng họ	4,35	0,99	4,65	0,64
18.	Tôi hào hứng và sẵn sàng tham gia các ngày lễ, hội nếu có dịp	4,18	1,08	4,40	0,88
19.	Tôi rất thích tham dự lễ, hội ở quê hương	4,32	0,99	4,48	0,92
NC hoạt động cộng đồng		3,98	0,86	4,18	0,78
20.	Luyện tập thể dục, thể thao là một phần không thể thiếu trong cuộc sống	4,31	1,02	4,36	1,08

21.	Sẵn sàng tham gia công tác XH ở cụm dân cư	3,78	1,39	4,20	1,17
22.	Thấy có ý nghĩa khi tham gia câu lạc bộ thơ văn, nhạc họa	3,45	1,51	3,60	1,51
23.	Thích đi tham quan, dã ngoại cùng GD	4,27	1,03	4,35	0,95
24.	Thấy vui và bổ ích khi được sinh hoạt ở Hội NCT	4,10	4,41	4,41	0,87
NC được tôn trọng, đóng góp ý kiến		4,42	0,69	4,44	0,63
25.	Thấy việc đóng góp ý kiến cho con cháu là cần thiết, bổ ích	4,61	0,81	4,71	0,63
26.	Tôi muốn được con cháu tôn trọng hỏi ý kiến	4,56	0,78	4,56	0,76
27.	Tôi muốn ý kiến của mình được người khác lắng nghe, tiếp thu, vận dụng	4,18	0,99	4,13	1,02
28.	Tôi muốn thể hiện tinh thần trách nhiệm hơn là đòi hỏi mọi người	4,38	0,97	4,38	0,99
29.	Điểm trung bình toàn thang đo	4,19	0,59	4,28	0,51

*Ghi chú: - Khi tính điểm trung bình, item có dấu * được tính điểm ngược lại;*

- Thang điểm max = 5 (hoàn toàn đúng) và min = 1 (hoàn toàn sai) với ý nghĩa điểm càng cao, NC càng cao và điểm càng thấp thì NC thấp.

Kết quả khảo sát thể hiện ở bảng 3.2 cho thấy:

Những biểu hiện của nhu cầu giao tiếp của NNH có điểm trung bình cao nhất là NC được đóng góp cùng giỗ, chăm sóc, tu tạo phần mộ tổ tiên, ông bà, cha mẹ và những người thân đã khuất (4,80 điểm), tiếp theo là NC được đóng góp ý kiến cho con cháu (4,71 điểm), NC được giúp đỡ các con, chăm sóc các cháu (4,69 điểm) và NC được trò chuyện, chia sẻ với các con, cháu (4,68 điểm). NC được tham gia các công việc của quê hương, dòng họ (4,65 điểm), NC chia sẻ với bạn bè kiến thức để bảo vệ và nâng cao sức khỏe (4,58 điểm), NC được nắm bắt tình hình kinh tế, chính trị, XH trong nước (4,52 điểm) và mong muốn được các con cháu tôn trọng hỏi ý kiến (4,56 điểm).

Những biểu hiện NCGT của NNH có điểm trung bình thấp hơn trong nhóm các NCGT là NC đi lễ chùa nhà thờ (3,91 điểm), NC tiếp xúc với người trẻ tuổi để truyền đạt kiến thức, kinh nghiệm chuyên môn (3,74 điểm), NC tham gia câu lạc bộ thơ văn, nhạc họa (3,60 điểm).

Qua đây có thể thấy rằng, đối với NNH ở Hà Nội, NC hướng về cội nguồn, tổ tiên, quê hương, dòng họ là NC thường trực. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, khi

nghỉ hưu NC tâm linh ở NNH cao hơn so với thời điểm họ chưa nghỉ hưu (ĐTB của NC này ở NNH thời điểm trước nghỉ hưu: 4,23; hiện nay: 4,42; $p < 0,05$). Đây chính là một trong những điểm đặc trưng, nổi bật cao trong NCGT của NNH. Thực tế cho thấy, phần nhiều NNH ở Hà Nội đều xuất thân từ nông thôn, do đó, hình ảnh quê hương, họ tộc luôn thường trực trong tâm trí của họ. Khi còn đang công tác, có thể do công việc bận rộn, với nhiều mối quan tâm khác, nhiều nhu cầu khác nổi lên cao hơn (nhu cầu học tập, phát triển công danh, sự nghiệp...) nên dù có muốn họ cũng không có nhiều thời gian dành cho quê hương, họ hàng, chăm sóc phần mộ tổ tiên, ông bà, cha mẹ. Khi đã nghỉ hưu, NNH có nhiều thời gian rảnh rỗi hơn để lo lắng, toàn tâm toàn ý cho những công việc này. Mặt khác, đối với phần lớn người nghỉ hưu, khi nghỉ hưu, tuổi đã cao, cũng như nhiều NCT khác, lúc này thường trực trong tâm trí họ là ý thức hướng về cội nguồn và nhu cầu bày tỏ lòng thành kính, “uống nước nhớ nguồn” đối với tổ tiên, ông bà, cha mẹ, làm những việc báo đáp tổ tiên, ông bà, cha mẹ mà trước đây vì nhiều lý do, họ chưa làm được. Cùng với các hoạt động khác, hoạt động hướng về cội nguồn, tổ tiên, quê hương, dòng họ đã góp phần giải tỏa căng thẳng, bức xúc, tạo tâm trạng thoải mái, vui vẻ cho NNH. Không những thế, hoạt động này còn đóng vai trò là một trong những nhân tố tích cực trong việc khôi phục và củng cố vai trò, vị trí văn hoá của NNH trong GD và cộng đồng. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên với quan niệm “uống nước nhớ nguồn” và ứng xử của NNH trong các hoạt động hướng về cội nguồn, tưởng nhớ những người có công, là những bài học sâu sắc cho lớp trẻ về đạo đức ứng xử. Đó chính là một trong những ý nghĩa tích cực của các hoạt động tâm linh. Một điều cũng nhận thấy từ kết quả nghiên cứu, cùng là hoạt động tâm linh nhưng NC đi lễ chùa ở NNH lại có điểm trung bình không cao bằng NC đóng góp cúng giỗ, chăm sóc phần mộ tổ tiên, ông bà và những người đã khuất. Điều này cho thấy, NC hướng về tổ tiên, cội nguồn ở những NNH được nghiên cứu nổi lên mạnh mẽ hơn các NC tâm linh khác.

Theo kết quả nghiên cứu, với vốn kiến thức và kinh nghiệm đã có trong suốt cuộc đời NNH cũng rất mong muốn được đóng góp ý kiến cho các con cháu, họ cũng mong muốn luôn được mọi người tôn trọng và được đóng góp ý kiến xây dựng GD, cộng đồng và XH (biểu hiện qua NC được tôn trọng, đóng góp ý kiến và nhu cầu trao đổi thông tin, truyền đạt kiến thức kinh nghiệm cho con cháu đều ở mức cao). Đây cũng là điểm đặc trưng, nổi bật cao trong NC của NNH. Ông Nguyễn Văn B. quận Ba Đình tâm sự với chúng tôi: “*Khi về hưu, đối với tôi, cuộc sống GD đầm ấm là chỗ dựa về tinh*

thần quan trọng nhất. Con cái khi có việc gì cần đều hỏi ý kiến tôi, làm tôi thấy ấm lòng”.

Cũng theo kết quả khảo sát, NC được thường xuyên tâm sự, trò chuyện với các con cháu, người thân trong GD và giúp đỡ các con chăm sóc các cháu của NNH đều ở mức cao. Có thể thấy, tình cảm của người thân (vợ/ chồng và các con cháu) có vai trò và ý nghĩa vô cùng quan trọng trong cuộc sống của người nghỉ hưu nói riêng, người cao tuổi nói chung. Sống trong tình cảm thương yêu của gia đình giúp NNH giảm được cảm giác cô đơn, lo âu đồng thời củng cố tinh thần lạc quan, yêu đời và cảm giác có ích cho NNH. Các thành viên trong GD hiểu được điều này, quan tâm trò chuyện, chia sẻ với NNH sẽ giúp cho NNH luôn có cuộc sống vui vẻ, hạnh phúc. Mặt khác, khi còn sức khỏe, NNH luôn muốn giúp đỡ, chia sẻ với các con những khó khăn, vất vả trong cuộc sống (giúp các con chăm sóc các cháu) và đó là niềm vui của họ. Điều này thể hiện tinh thần trách nhiệm, tình thương yêu của những NNH với các con cháu trong GD.

Kết quả thu được cho thấy, NC chăm sóc sức khỏe cũng là một trong những NC cấp thiết ở NNH khi tuổi khi tuổi tác của họ đã cao và sức khỏe ngày càng yếu đi. Khi đã nghỉ hưu, NC này ở NNH cao hơn khi họ chưa nghỉ hưu (ĐTB của NC này ở NNH tại thời điểm chưa nghỉ hưu: 4,44; thời điểm hiện tại: 4,58; $p < 0,05$). Đây là điểm đặc trưng rõ nét trong NC của NNH. NCT nói chung, NNH nói riêng luôn mong muốn được gia đình, xã hội quan tâm đến sức khỏe của họ khi đã về già. Khi tuổi cao sức yếu thì gia đình là chỗ dựa lớn nhất của NNH. Được con cái quan tâm chăm sóc an ủi lúc khỏe mạnh cũng như lúc ốm đau, đối với NNH là một niềm hạnh phúc vô bờ bến, như câu thơ của một người nghỉ hưu viết cho con: *“Con ơi, hãy nhớ lấy lời. Công cha nghĩa mẹ tình người cao hơn. Cuộc đời cha mẹ giản đơn. Có con chăm sóc vẫn hơn bạc tiền. Mẹ cần dâu thảo rể hiền. An ủi khi ốm thuốc tiên nào bằng”.*

Theo kết quả tại bảng 3.2, NC tiếp xúc với những người trẻ tuổi để truyền đạt kiến thức, kinh nghiệm của NNH không cao bằng các NCGT khác (ĐTB: 3,74), NC trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ cũng giảm đi đáng kể khi nghỉ hưu (ĐTB của NC này ở thời điểm chưa nghỉ hưu và hiện tại lần lượt là: 4,35 và 4,13). Đây là một điểm đặc trưng tiếp theo trong NCGT của NNH hiện nay. Nói về vấn đề này, ông Nguyễn Văn Tr. một cán bộ nghỉ hưu ở phường Cống Vị, quận Ba Đình cho biết: *“Chúng tôi về hưu đã lâu rồi, tuổi tác cũng cao, kiến thức kinh nghiệm chuyên môn từ xưa bây giờ cũng đã lạc hậu nhiều so với thời đại cho nên ai muốn hỏi thì mình trả lời thôi chứ cũng chẳng*

muốn tiếp xúc, chia sẻ nhiều làm gì, lớp trẻ bây giờ họ năng động, sáng tạo hơn chúng tôi ngày xưa nhiều”. Tuy nhiên, kết quả phỏng vấn sâu của chúng tôi cũng cho thấy, với những NNH có chuyên môn cao (các giáo sư, bác sỹ, chuyên gia cao cấp...), khi nghỉ hưu họ rất muốn được chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm chuyên môn của mình với những người trẻ tuổi, họ cảm thấy việc làm của mình rất hữu ích cho người khác và rất sẵn lòng khi được đề nghị giúp đỡ.

Bên cạnh thường trực các NC cho bản thân thì NNH cũng rất quan tâm đến tình hình kinh tế, chính trị, XH của đất nước để có thể nắm bắt kịp thời hiện tình của đất nước để tránh nguy cơ tụt hậu. Mặt khác, phần nhiều NNH hiện nay là những NCT, họ sống rất có trách nhiệm với quê hương, đất nước, họ luôn quan tâm sát sao đến tình hình đất nước và mong muốn được góp ý kiến, công sức của mình vào việc xây dựng đất nước cũng như giáo dục các con cháu lòng yêu nước, tự hào dân tộc. Điều này cũng thể hiện tinh thần trách nhiệm cao với đất nước của NNH hiện nay.

Theo kết quả nghiên cứu, khi nghỉ hưu, NC hoạt động cộng đồng của NNH (thông qua công tác xã hội) cũng ở mức cao. NC này của NNH cao hơn so với thời điểm họ chưa nghỉ hưu (ĐTB của NC này tại thời điểm chưa nghỉ hưu: 3,78; hiện nay: 4,20; $p < 0,01$). Điều này cho thấy, NNH mong muốn hoà nhập xã hội thông qua các hoạt động cộng đồng, bằng các hoạt động XH khác thay thế cho hoạt động chuyên môn trước đây để cuộc sống đỡ buồn tẻ và bản thân họ không bị lạc lõng với thời cuộc và cuộc sống.

Theo kết quả nghiên cứu, không nhiều người nghỉ hưu (43%) muốn tham gia sinh hoạt tại các câu lạc bộ thơ văn. Điều này cho thấy NNH còn khá thờ ơ với hoạt động này. Ông Nguyễn Văn D. 65 tuổi ở Hà Đông cho biết: *“Tôi không hào hứng tham gia Câu lạc bộ thơ văn vì không có thời gian và bản thân cũng có tuổi rồi, không có hứng thú, không có năng khiếu về các hoạt động này.”* Việc tham gia câu lạc bộ thơ văn ngoài việc có năng khiếu còn phải là sự say mê, yêu thích và không phải ai cũng có được điều này cho nên việc nhiều người nghỉ hưu không thích tham gia câu lạc bộ thơ văn cũng là điều dễ hiểu. Tuy nhiên, thực tế cũng cho thấy, đối với một số NNH, làm thơ, tham gia câu lạc bộ thơ là niềm vui của họ. Nhiều NNH thường xuyên sáng tác thơ, giải bày tâm sự qua những trang thơ để đọc cho bạn bè, con cháu nghe, điều này giúp họ giải toả căng thẳng, giữ tinh thần lạc quan, vui vẻ trong cuộc sống.

Để thể hiện NC, nguyện vọng của NNH hiện nay, bác Nguyễn Thị H. ở quận Ba Đình, thường đọc cho mọi người nghe một bài thơ nhan đề “*Mười điều tâm nguyện của tuổi già*” để nói lên NC, nguyện vọng của các NNH hưu khi về già: “*Thứ nhất, trong túi có tiền, ai mời hiếu hỷ khỏi phiền cháu con. Thứ hai, được bát canh ngon, cao lương chẳng thích bởi còn răng dâu. Thứ ba, con cháu rẻ dâu, gia phong giữ nếp hàng đầu hiếu trung. Thứ tư, cuộc sống riêng chung, ăn riêng nhưng vẫn vui cùng cháu con. Thứ năm, cuộc sống vuông tròn, đôi no sướng khổ vẫn còn có nhau. Thứ sáu, sống khỏe chết mau, nằm lâu con khổ lại đau thân mình. Thứ bảy, xã hội gia đình, cờ bạc ma túy thực tình tránh xa. Thứ tám, mờ mả ông cha, xây cất tôn tạo ít ra bằng người. Thứ chín, đầy ắp tiếng cười, được hưởng không khí vui tươi hàng ngày. Thứ mười, phút chót dương này, tùy nghi biện lễ chớ vay mượn nhiều. Tuổi già mong được mấy điều, mỗi người đạt được bao nhiêu còn tùy.*” Có thể thấy, NC sống khỏe mạnh không phiền cháu con, GD nề nếp, con cháu ngoan ngoãn, thảo hiền và đền ơn, đáp nghĩa được các bậc sinh thành là tâm nguyện lớn nhất của NNH hiện nay.

So sánh theo chức vụ trước khi nghỉ hưu, nhận thấy, nhìn chung NCGT của nhóm nghỉ hưu là lãnh đạo các cấp cao hơn so với NCGT của nhóm nghỉ hưu là nhân viên, sự khác biệt này có ý nghĩa về mặt thống kê với $p < 0,05$. Cụ thể, ĐTB chung về NC GT ở nhóm nghỉ hưu là lãnh đạo: 4,35 điểm so với ĐTB chung NCGT của nhóm nghỉ hưu là nhân viên: 4,22 điểm. Về NC tâm linh ở cả hai nhóm nghỉ hưu không có sự khác biệt đáng kể, các NC khác ở nhóm nghỉ hưu là lãnh đạo đều cao hơn nhóm nghỉ hưu là nhân viên, nhất là NC trao đổi thông tin, truyền đạt kiến thức, kinh nghiệm (ĐTB của NC này ở nhóm nghỉ hưu là lãnh đạo: 4,43; nhóm nghỉ hưu là nhân viên: 4,27), NC được tôn trọng, được đóng góp ý kiến (nhóm nghỉ hưu là lãnh đạo: 4,56; nhóm nghỉ hưu là nhân viên: 4,35). Có thể đối với nhóm nghỉ hưu là lãnh đạo, trước khi nghỉ hưu mức độ tiếp xúc, hoạt động của họ rộng hơn nhóm là nhân viên bình thường cho nên khi về hưu họ vẫn mong muốn được tiếp tục làm việc, bận rộn với những hoạt động mới khi nghỉ hưu.

So sánh theo giới tính, theo kết quả khảo sát, có sự khác biệt về NCGT giữa nam giới và nữ giới, sự khác biệt này có ý nghĩa về mặt thống kê với $p < 0,05$. Kết quả nghiên cứu cho thấy, nam giới và nữ giới không có sự khác biệt đáng kể về NC chia sẻ, tâm sự và NC được tôn trọng, đóng góp ý kiến. Tuy nhiên, nam giới có NC trao đổi thông tin, truyền đạt kiến thức, kinh nghiệm cao hơn nữ giới (ĐTB của nhu cầu này ở

nam giới: 4,48; nữ giới: 4,22). Nữ giới lại có NC tâm linh và NC sinh hoạt cộng đồng cao hơn nam giới (với nhu cầu này nữ giới có ĐTB: 4,50; nam giới: 4,32). Có thể đối với nam giới, sự quảng giao ở họ khi còn công tác cao hơn nữ giới cho nên khi về hưu NC tiếp xúc, làm việc chuyên môn ở họ cũng cao hơn nữ giới, mặt khác để tránh cảm giác bị gạt ra lề, tiếp tục khẳng định vị thế của bản thân trong GD và XH khi về hưu, nam giới rất mong muốn tạo cho mình công việc và các mối quan hệ XH mới. Đối với phần lớn nữ giới khi nghỉ hưu, họ dành phần lớn thời gian để chăm sóc GD, con cháu, họ thích nghi với việc nghỉ hưu nhanh hơn nam giới và có thể nhanh chóng lấp đầy khoảng trống với bạn bè và con cháu trong nhà.

So sánh theo số năm nghỉ hưu, nhận thấy, nhìn chung, có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) về NC chia sẻ tâm sự và NC truyền đạt kiến thức kinh nghiệm giữa nhóm mới nghỉ hưu và nhóm nghỉ hưu lâu năm. Cụ thể, NC chia sẻ, tâm sự ở những người mới nghỉ hưu cao hơn những người đã nghỉ hưu lâu năm (ĐTB của NC chia sẻ, tâm sự ở người mới nghỉ hưu 1 – 3 năm: 4,27; nghỉ hưu trên 5 năm: 4,18). NC trao đổi thông tin, truyền đạt kiến thức, kinh nghiệm ở nhóm mới nghỉ hưu cũng cao hơn so với hai nhóm còn lại (nhóm mới nghỉ hưu: 4,53; nghỉ hưu 3 – 5 năm: 4,20; nghỉ hưu trên 5 năm: 4,30).

Như vậy, thời gian nghỉ hưu cũng có ảnh hưởng đến NC chia sẻ, tâm sự ở NNH. Có thể đối với những người mới nghỉ hưu, do vừa rời bỏ môi trường hoạt động ở cơ quan về nghỉ hưu, họ chưa quen với cuộc sống mới khi nghỉ hưu và với nhiều người tư tưởng của họ cũng chưa thực sự thoải mái khi nghỉ hưu nên NC cần có người để chia sẻ tâm tư tình cảm cao hơn những người đã nghỉ hưu lâu năm - những người đã làm quen và có cuộc sống ổn định sau khi nghỉ hưu. Mặt khác, đối với những người mới nghỉ hưu, có thể họ vẫn đang quen với việc tiếp xúc XH và môi trường làm việc trước đây nên NC trao đổi thông tin, truyền đạt kiến thức, kinh nghiệm cao hơn những người đã nghỉ hưu lâu năm – những người dù sao cũng đã quen với cuộc sống nghỉ ngơi nhiều hơn là làm việc chuyên môn.

Tóm lại: Từ kết quả khảo sát thu được cho thấy, NCGT của NNH ở Hà Nội ở mức cao, trong đó nổi lên là NC tâm linh, NC trò chuyện, chia sẻ với người thân, NC được tôn trọng, được đóng góp ý kiến và giúp đỡ con cháu, NC được chia sẻ với bạn bè kiến thức để bảo vệ và nâng cao sức khỏe, NC nắm bắt tình hình kinh tế, chính trị, XH của đất nước, NC tham gia công tác xã hội. Những nhu cầu ở mức thấp hơn là NC

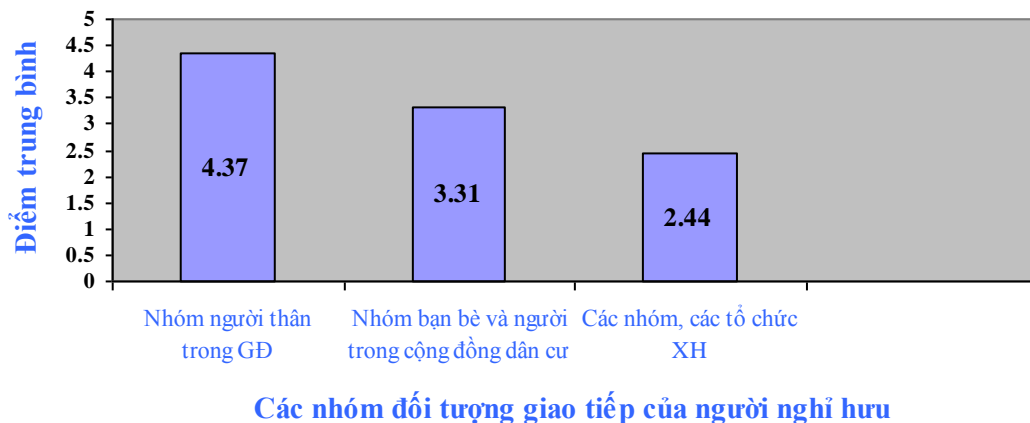
tiếp xúc với người trẻ tuổi để truyền đạt kiến thức, kinh nghiệm chuyên môn, NC tham gia câu lạc bộ thơ văn, nhạc hoạ .

Những NNH giữ vị trí lãnh đạo các cấp trước khi nghỉ hưu có NC trao đổi thông tin, truyền đạt kiến thức, kinh nghiệm và NC được tôn trọng, được đóng góp ý kiến cao hơn những NNH trước đây là nhân viên. NNH là nam giới có NC trao đổi thông tin, truyền đạt kiến thức, kinh nghiệm cao hơn NNH là nữ giới, nữ giới có NC tâm linh và NC sinh hoạt cộng đồng cao hơn nam giới. Những người mới nghỉ hưu có NC chia sẻ tâm sự và NC trao đổi thông tin, truyền đạt kiến thức, kinh nghiệm cao hơn những người đã nghỉ hưu lâu năm.

3.1.3. THỰC TRẠNG ĐẶC ĐIỂM ĐỐI TƯỢNG GIAO TIẾP CỦA NGƯỜI NGHỈ HƯU Ở HÀ NỘI

Đối tượng GT của NNH là những người mà NNH tiếp xúc trong quá trình thực hiện GT của họ.

Trong nghiên cứu này, đối tượng GT của NNH ở Hà Nội được tìm hiểu qua mức độ GT của NNH với ba nhóm đối tượng: Những người thân trong GD (Vợ/chồng, các con, các cháu, bố mẹ, bà con họ hàng), nhóm bạn bè và cộng đồng dân cư khu vực sinh sống của NNH (hàng xóm, bạn hưu, bạn cũ, bạn đồng nghiệp), các nhóm, tổ chức XH mà NNH tham gia (Chi bộ Đảng, Hội NNH, Hội Phụ nữ, Hội cựu chiến binh...).



Biểu đồ 3.2: Đối tượng giao tiếp của người nghỉ hưu ở Hà Nội

Biểu đồ 3.2 cho thấy, mức độ GT của NNH với những người thân trong GD (GD) có số điểm trung bình cao nhất (4,37 điểm), tiếp theo là nhóm bạn bè và cộng đồng dân cư khu vực sinh sống của NNH (3,31 điểm), các nhóm, tổ chức XH (XH) mà NNH

tham gia có số điểm trung bình thấp nhất (2,44 điểm). Điểm trung bình chung của toàn thang đo là 3,38. Như vậy, có thể thấy, NNH GT rất thường xuyên với những người thân trong GD, họ tình nguyện GT với bạn bè, cộng đồng dân cư khu vực sinh sống và ít tham gia sinh hoạt trong các tổ chức XH dành cho NNH. Cũng giống như kết quả nghiên cứu của các tác giả Dương Chí Thiện [41], Phùng Tố Hạnh [40], kết quả nghiên cứu của chúng tôi cũng cho thấy GT của NNH chủ yếu là với những người thân trong GD, GT XH của họ hạn chế hơn GT GD.

Thực trạng về đối tượng GT cụ thể của NNH ở Hà Nội được thể hiện ở bảng 3.3.

Bảng 3.3: Đối tượng giao tiếp của người nghỉ hưu ở Hà Nội

Stt	Đối tượng GT	Mức độ GT Trước khi nghỉ hưu		Mức độ GT Hiện nay	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
Nhóm người thân trong GD		4,25	0,68	4,37	0,62
1.	Con trai	4,61	0,82	4,61	0,76
2.	Con gái	4,43	0,83	4,47	0,83
3.	Con dâu	4,29	1,12	4,46	0,93
4.	Con rể	3,86	0,95	4,02	0,92
5.	Vợ (chồng)	4,78	0,60	4,86	0,45
6.	Các cháu	4,43	0,91	4,68	0,69
7.	Bố, mẹ	4,04	1,11	3,99	1,19
8.	Bà con họ hàng	3,34	1,12	3,54	1,18
Nhóm bạn bè và cộng đồng dân cư khu vực sinh sống		3,05	0,85	3,31	0,80
9.	Hàng xóm	3,88	1,10	4,19	0,91
10.	Bạn hưu cùng giới	3,64	1,27	3,86	1,10
11.	Bạn hưu khác giới	2,65	1,14	2,82	1,07
12.	Bạn đồng nghiệp	4,81	0,63	3,14	1,32
13.	Bạn đồng hương	2,89	1,24	3,00	1,22
14.	Bạn cũ	2,91	1,15	3,06	1,15
15.	Những người bạn thân	2,89	1,17	3,08	1,54
Các tổ chức, nhóm XH dành cho NNH		1,54	0,69	2,44	0,80
16.	Hội NCT	1,05	1,39	2,94	1,70
17.	Hội cựu chiến binh	1,47	1,18	2,59	1,83
18.	Hội phụ nữ	1,11	1,66	2,84	1,86
19.	Chi bộ Đảng	2,71	2,87	2,85	1,92
20.	Hội chữ thập đỏ	1,16	1,27	2,15	1,65
21.	Câu lạc bộ thơ văn	1,33	0,95	1,58	1,25
22.	Tham gia công tác XH	1,67	1,35	2,15	1,69
23.	Tham gia Câu lạc bộ thể dục, thể thao	1,87	1,49	2,42	1,66

Ghi chú: Thang điểm max = 5 (thường xuyên) và min = 1 (không bao giờ), với ý nghĩa điểm càng cao, mức độ GT càng thường xuyên, điểm càng thấp, mức độ GT càng không thường xuyên.

Kết quả khảo sát thể hiện tại bảng 3.3 cho thấy:

Đối tượng mà NNH GT thường xuyên nhất là vợ chồng của họ (ĐTB: 4,86), các cháu (ĐTB: 4,68), các con trai (ĐTB: 4,61) và con gái của họ (4,47) hay con dâu họ (ĐTB: 4,46), đối với bà con họ hàng thì mức độ tiếp xúc của NNH ít hơn với vợ/ chồng và các con họ (ĐTB: 3,54). Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, so với thời điểm chưa nghỉ hưu, mức độ GT của NNH với người thân trong GD tăng lên đáng kể (ĐTB của mức độ GT với người thân trong GD ở thời điểm hiện tại: 4,37 điểm; thời điểm trước khi nghỉ hưu: 4,25 điểm; $p < 0,05$). Đây chính là điểm nổi bật, rõ nét trong đối tượng GT của NNH.

Như vậy, đối với NNH, GD vẫn là chỗ dựa lớn nhất của họ. Khi không còn công tác chính thức, phần lớn NNH trở về với GD và thay cho các quan hệ đồng nghiệp, họ dành nhiều thời gian cho người thân của mình. GT lúc này của NNH chủ yếu là trong GD. Đây chính là điểm nổi bật đậm nét trong giao tiếp của họ. Trong cuộc sống hàng ngày, vợ (chồng) là những người bạn gắn bó trăm năm, chia sẻ với nhau những ngọt bùi, đắng cay của cuộc đời, do đó, đây là những người mà NNH quan tâm và thường trò chuyện hàng ngày nhất. Bên cạnh người bạn đời NNH rất cần có con cháu quây quần, cần một không khí GT thân mật, ấm cúng trong GD, họ mong muốn được gần gũi, trò chuyện với con cháu, đây là đối tượng thân thiết thứ hai họ thường xuyên GT sau người bạn đời của mình. Do đó, sự quan tâm, thông cảm, sẻ chia, yêu thương của các con cháu có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với NNH, nó đem lại sức mạnh tinh thần và niềm vui trong cuộc sống cho NNH. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, NNH thường GT với con dâu nhiều hơn với con rể. Lý giải điều này, bác Nguyễn Văn Tr. quận Thanh Xuân cho biết: *“Người ta nói rằng, dâu là con, rể là khách, con dâu dù sao nó cũng gần gũi hơn con rể, cũng dễ chia sẻ hơn so với con rể, con gái là con người ta, cho nên không phải chuyện gì mình cũng trò chuyện với con rể được”*.

Thực tế cũng cho thấy, hiện nay dường như thế hệ trẻ chú ý nhiều hơn tới hoạt động kinh tế, lo toan cho cuộc sống, địa vị và những mối quan hệ bạn bè nhiều hơn nên nhiều người cũng chưa dành nhiều thời gian quan tâm, trò chuyện với cha mẹ mình. Bên cạnh đó, những khác biệt trong lối tư duy, cách nghĩ và hành động giữa các thế hệ

hiện nay đã ít nhiều cản trở quá trình GT của con cháu với NNH trong GD nói chung. Bác Nguyễn Văn M. quận Ba Đình cho biết: *“Rất mong muốn được hàng ngày trò chuyện cùng các con, nhưng dường như ngày nay chúng quá bận rộn, đi tối ngày, về nhà chỉ hỏi han cha mẹ vài câu rồi tập trung vào xem tivi, đọc sách báo, giao lưu bạn bè hoặc chăm sóc con cái.... Có chuyện gì của chúng, mình muốn góp ý kiến thì chúng nó bảo bây giờ khác thời của các cụ ngày xưa rồi, đâm ra nhiều lúc chẳng biết khuyên bảo chúng ra sao nữa”*.

Cùng với nhu cầu giao tiếp gia đình, NNH luôn thường trực NCGT huyết thống “lá rụng về cội”, càng về già, họ càng có NC gặp gỡ, tiếp xúc và thắt chặt mối dây họ hàng, thân tộc. Đây là đối tượng GT tương đối gần gũi với NNH sau vợ/ chồng và các con của họ. GT trong quan hệ họ hàng là GT tình cảm, nó mang không khí sinh hoạt của GD mở rộng, ở đó có trật tự trên dưới rõ ràng, NNH được tôn trọng, do đó nó gần gũi với đời sống tình cảm của NNH. Nó cũng góp phần trong việc cân bằng tâm lý đối với NNH.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, ngoài quan hệ GD, NNH còn có NC liên hệ với XH bên ngoài thông qua GT với bạn bè, hàng xóm. Khi nghỉ hưu, GT với đồng nghiệp giảm đi (ĐTB của mức độ GT với đồng nghiệp ở thời điểm trước khi nghỉ hưu: 4,81, thời điểm hiện nay: 3,14; $p < 0,05$) thì bạn bè là nhóm đối tượng thân thiết thứ hai của NNH sau những người thân trong GD. NNH GT khá thường xuyên với hàng xóm, mức độ GT của NNH với hàng xóm tăng lên khi họ nghỉ hưu (với ĐTB của mức độ GT với hàng xóm ở hai thời điểm trước khi nghỉ hưu và hiện nay lần lượt là 3,88 và 4,19), họ cũng GT khá thường xuyên với các bạn hưu cùng giới (ĐTB: 3,86). Có thể bạn bè cùng lứa tuổi, hiểu tâm lý và hoàn cảnh của nhau, dễ dàng chia sẻ với nhau những buồn vui trong cuộc sống. Ông Nguyễn Ngọc Kh. ở quận Thanh Xuân cho biết: *“Đôi khi có những việc chia sẻ với bạn bè còn dễ dàng hơn chia sẻ với người thân trong GD, có lúc người thân của mình cũng chẳng hiểu mình”*. Hầu hết các khách thể được hỏi đều cho biết, ngoài sự quan tâm, chăm sóc của vợ, chồng, các con và những người thân trong GD thì sự đồng cảm của những người bạn hưu ở cùng khu phố là rất cần thiết vì:

+ Người xưa quan niệm: *“bán anh em xa, mua láng giềng gần”*

+ Bạn hưu là những người cùng cảnh ngộ, dễ đồng cảm, dễ nói chuyện, chia sẻ, động viên nhau để NNH sống lành mạnh, có ích cho GD và XH..

+ Cần có bạn bè cùng khu phố để đi lại, thăm hỏi, động viên nhau lúc trái gió, trở trời, có thêm sức mạnh tinh thần và niềm vui trong cuộc sống.

Bác Phạm Minh Đ. ở quận Ba Đình cho biết: *“Khi nghỉ hưu, bên cạnh GD, rất cần có bạn bè để chia sẻ, tâm sự hàng ngày. Khi có chuyện buồn, vui, những vấn đề vướng mắc trong GD mà được chia sẻ với bạn bè thân thiết mình cũng thấy nguôi ngoai đi rất nhiều. Người trong GD có lúc không hiểu, không thông cảm với mình bằng bạn bè. Bạn bè nhiều khi gặp nhau chỉ để nói dăm ba câu chuyện thường ngày chứ không có gì to tát, nhưng trong cuộc sống không thể không có bạn, ngày trước đi làm là tình đồng nghiệp, mình và đồng nghiệp cộng tác, giúp đỡ nhau trong công việc. Bây giờ về hưu là tình bạn bè ở cùng khu phố, cùng độ tuổi dễ hiểu và thông cảm với nhau. Chúng tôi gặp nhau hàng ngày có khi chỉ để uống chén nước trà, trao đổi với nhau vài vấn đề trong cuộc sống, nhưng không ngày nào không gặp nhau, nó thành thói quen rồi, như là một phần cuộc sống ấy”*.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy: Khi lựa chọn bạn để tâm sự hàng ngày, người nghỉ hưu chọn những người có tính cách, sở thích phù hợp (22,1%) và là người quen đã hiểu nhau (22,8%), chỉ có một số ít (11,5%) chọn những người bạn gần nhà để tiện đi lại. Tuy bạn ở gần nhà không phải là một tiêu chí quan trọng để kết thân nhưng nhiều người nghỉ hưu cho biết, những người bạn thường chia sẻ, trò chuyện hàng ngày cũng là những người cùng tham gia sinh hoạt trong các tổ chức, nhóm hội ở địa phương nên những người bạn này cũng không ở quá xa nhau để hàng ngày họ có thể dễ dàng gặp gỡ nhau trò chuyện, tâm sự. Ông H, cán bộ hưu ở quận Ba Đình cho biết: *“Bạn thân là những người bạn gắn bó với mình suốt cuộc đời rồi, vẫn liên lạc với nhau, tuy nhiên không phải lúc nào cũng gặp được nhau vì có khi ở xa nhau, còn hàng ngày tôi thường trò chuyện với những NNH ở cùng khu phố có hoàn cảnh, điều kiện sống giống mình, nói chung như thế dễ thông cảm và dễ nói chuyện hơn”*.

Có thể nhận thấy, cũng như tâm lý chung của những người cao tuổi, người nghỉ hưu thường kết bạn thân với những người quen cũ, đã hiểu nhau, tính cách, sở thích phù hợp cũng khiến họ dễ gần gũi với nhau hơn.

Theo kết quả nghiên cứu, NNH ít tham gia sinh hoạt ở các tổ chức XH dành cho cho NNH. Tổ chức XH mà NNH tham gia nhiều hơn cả là Hội NCT, tuy nhiên số NNH tham gia sinh hoạt thường xuyên cũng không nhiều (29,1% người được hỏi tham gia

thường xuyên; 15,4% tham gia khá thường xuyên; 15,7% thỉnh thoảng có tham gia). Có khoảng 1/5 số NNH được hỏi có tham gia công tác XH ở địa phương.

GT XH thông qua các sinh hoạt nhóm, đoàn thể là chiếc cầu nối khiến cho NNH nói chung, NNH nói riêng xích lại gần nhau, hoà nhập với đời sống cộng đồng. NNH chỉ có thể thoải mái, tự tin khi trao đổi kiến thức và kinh nghiệm trong môi trường gồm những người cùng lứa tuổi do thường chung các mối quan tâm hay cùng tương đồng về quan điểm, sở thích... . Thông qua sinh hoạt trong các tổ chức XH, NNH nắm bắt được các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, được phát biểu ý kiến và bày tỏ những băn khoăn, khúc mắc, động viên, an ủi lẫn nhau, giúp nhau cùng vượt qua những khó khăn trong cuộc sống, nhất là lúc bị ốm đau hoặc rủi ro. Những giúp đỡ này khiến các NNH cảm thấy phấn khởi vì họ vẫn nhận được sự quan tâm, động viên của XH khi đã về hưu. Nhiều NNH đã tìm thấy niềm vui khi tham gia sinh hoạt trong các tổ chức XH dành cho NNH. Nhờ lòng nhiệt tình trong công việc, NNH đã đóng góp khá nhiều vào các hoạt động phát triển kinh tế xã hội, xây dựng và tổ chức nhiều hoạt động có ý nghĩa khác nhau tại địa phương. Ông Trần Văn H. 66 tuổi ở Long Biên cho biết: “*Tôi tham gia Hội NNH, hội sinh hoạt 2 – 3 tháng một lần, thông qua sinh hoạt Hội tôi tham gia các phong trào như trồng cây, vui chơi thể thao, đọc sách để nâng cao hiểu biết để chỉ bảo thêm cho con cháu. Tôi cũng rất vui khi tham gia hội cầu lông của NNH vì phù hợp với sức khỏe và độ tuổi của mình. Sáng nào tôi cũng tham gia, thấy sức khỏe tốt hơn, khỏi được một số bệnh vặt và thông qua sinh hoạt đó cũng được giao lưu với mọi người. Tôi còn tham gia sinh hoạt tại Hội Cựu chiến binh, cũng 2 – 3 tháng sinh hoạt một lần, tham gia ở Hội này chúng tôi được tham gia đóng góp ý kiến cho chính quyền trong việc xây dựng nông thôn, luôn làm cho mình cảm thấy trách nhiệm của anh lính NNH Hồ dù ở đâu cũng phải khắc phục khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ.*” Ông Nguyễn Văn C ở quận Ba Đình nói: “*Ngày mới nghỉ hưu tôi thấy hụt hẫng, trì trệ, sức khỏe giảm sút. Tôi nghĩ, cứ như thế này mãi không ổn. Muốn sống khỏe phải thường xuyên rèn luyện hoạt động cả thể xác lẫn tinh thần. Từ suy nghĩ đó tôi tích cực tham gia các công tác xã hội, hoạt động cộng đồng như tham gia Hội người cao tuổi, nhóm thể dục dưỡng sinh buổi sáng. Được gặp gỡ, giao lưu với bạn bè và luyện tập thể dục hàng ngày, sức khỏe của tôi càng ngày càng tốt hơn, tinh thần thì lạc quan, vui vẻ. Tôi cảm thấy cuộc sống có ý nghĩa hơn, về hưu mà không “hiu hắt”. Hoạt động xã hội khiến tôi thấy mình như trẻ ra*”.

Tuy nhiên, nhiều NNH chưa tìm thấy ý nghĩa, niềm vui khi tham gia các tổ chức, nhóm XH dành cho NNH, nhất là những NNH đã cao tuổi, sức khỏe yếu. Ông Phạm Văn M. 75 tuổi ở Thanh Xuân cho rằng: *“Bây giờ về hưu, các vấn đề trong nước, quốc tế cũng chẳng giải quyết được gì nên tôi không quan tâm. Các con cháu thì nói, bố cao tuổi rồi, nói ai nghe, bố tham gia ý kiến làm gì cho mệt người nên tôi không tham gia, không có ý kiến gì cả. Sinh hoạt chi bộ thì chỉ thông báo tình hình an ninh trật tự, chẳng có gì lớn lao. Bây giờ tuổi cao, sức yếu nên tôi cũng xin nghỉ sinh hoạt. Đối với NNH chúng tôi có làm được gì nữa đâu mà ý kiến. Khi về hưu tôi thấy buồn vì ít giao lưu, khi còn đi làm được đi lại chỗ này chỗ kia, bây giờ chỉ loanh quanh ở nhà không giao lưu với ai nói chung là buồn, suốt ngày chỉ xem tivi”*.

Ông Phạm Huy D. 70 tuổi ở Thanh Xuân cũng cho biết: *“Tôi chẳng tham gia hội, tổ chức gì cả, ngày xưa còn khoẻ đi làm, nói còn chẳng ai nghe, giờ về hưu, già yếu, nói được ai, ý kiến gì nữa, ở nhà xem tivi thôi”*.

Theo ý kiến của nhiều NNH, các tổ chức XH dành cho NNH nhiều khi sinh hoạt còn mang tính hình thức, chưa đi vào chiều sâu, chưa đáp ứng được NC của NNH. Ông Đinh Trọng M ở quận Ba Đình cho biết: *“Cần cải tiến nội dung sinh hoạt phong phú hơn, ví dụ như giới thiệu các chuyên đề để bảo vệ sức khỏe người già, nội dung sinh hoạt nên đi vào chiều sâu, tránh hình thức để thu hút nhiều người tham gia hơn nhằm giúp NNH nâng cao hơn nữa kiến thức, hiểu biết, hoà nhập với công cuộc đổi mới của đất nước và có điều kiện đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng, XH”*. Ông Ngô Viết S. ở quận Thanh Xuân cho biết: *“Nhiều NNH rất tích cực tham gia sinh hoạt trong các tổ chức XH như Hội NCT, Hội Phụ nữ, vì các tổ chức này là nơi họ có thể gặp gỡ nhau để trò chuyện, động viên an ủi nhau trong cuộc sống, nắm bắt tình hình của XH. Nhưng với kinh phí eo hẹp, tham gia vào hội nào cũng phải đóng quỹ, cơ sở vật chất phục vụ cho các tổ chức đó hầu như không có gì, nội dung sinh hoạt chưa phong phú, nhiều khi mang tính hình thức nên cũng chưa tạo được sự gắn bó thực sự của các NNH với các tổ chức này. Tôi nghĩ, nếu tạo điều kiện vật chất cho các tổ chức này hoạt động, cải tiến hình thức sinh hoạt thì sẽ thu hút được các NNH tham gia nhiều hơn, thường xuyên hơn”*. Một số ý kiến khác thì cho rằng: *“Tại các tổ chức xã hội này, có nhiều thành phần khác nhau, một số người có thái độ bất mãn, khi hội họp hay phát biểu theo ý mình, làm mất thời gian của người khác, lâu dần, chẳng muốn đi sinh hoạt nữa”*.

Nhiều ý kiến cho rằng lý do tuổi cao, sức khoẻ yếu, bận công việc gia đình, chăm sóc cháu nhỏ... khiến NNH không tham gia sinh hoạt thường xuyên và chưa gắn bó thực sự với các tổ chức này. Theo ông Ngô Văn D. ở quận Thanh Xuân: *“Các thành viên tổ chức, Hội phải gắn bó và tăng cường sinh hoạt hơn nữa. Các Hội nên tăng cường các buổi sinh hoạt để có điều kiện thu nhận kiến thức và thông tin theo yêu cầu của XH. Các thành viên của Hội và đoàn thể cần ý thức rõ trách nhiệm của mình đối với Hội và đoàn thể bằng những việc làm thiết thực thì tác dụng của hội và đoàn thể sẽ tốt hơn nữa”*.

Như vậy, theo ý kiến của NNH các tổ chức XH dành cho NNH hiện nay không nên chỉ dừng lại ở mục đích giao lưu, chia sẻ thông tin, tình cảm giữa những NNH với nhau mà còn cần phải trở thành hoạt động mang tính thực tế. Muốn làm được điều đó phải xây dựng mô hình hoạt động phù hợp với khả năng, sức khoẻ và tâm lý của NNH và cần nhiều hơn nữa sự quan tâm, hỗ trợ của Nhà nước cho hoạt động của các tổ chức XH này.

Thực tế cho thấy, hiện nay các nhóm bạn tự phát có chung sở thích (luyện tập thể dục, thể thao) lại thu hút được khá đông NNH tham gia. Bà Nguyễn Thị H. ở Thanh Xuân cho biết: *“Tôi tham gia nhóm tập thể dục buổi tối với mấy bà cùng khu, hết giờ tập ngồi nghỉ ngơi trò chuyện với nhau vui vẻ, thoải mái, khoẻ thì đi, ốm thì nghỉ. Các nhóm bạn của chúng tôi thoải mái trong sinh hoạt hơn, dễ phát biểu, chia sẻ hơn, vô tư hơn là sinh hoạt trong các nhóm chính thức, đến đó nói cái gì cũng phải giữ ý”*.

Tổ chức có ít NNH tham gia nhất là câu lạc bộ thơ văn (ĐTB: 1,58). Thực tế cho thấy, để tham gia các câu lạc bộ nghệ thuật, bên cạnh niềm say mê bản thân thì người tham gia cũng phải có năng khiếu, do đó, không phải ai cũng có thể tham gia câu lạc bộ nghệ thuật được. Tuy nhiên, thực tế một số câu lạc bộ thơ văn của các NNH nghỉ hưu hiện nay hoạt động khá sôi nổi, các NNH làm thơ, văn để nói lên tâm tư, nguyện vọng cũng như thể hiện niềm vui, nỗi buồn của bản thân trong cuộc sống hàng ngày. Điều này giúp các NNH giải toả những căng thẳng, bức xúc và tìm thấy nhiều niềm vui trong cuộc sống.

Như vậy, khi nghỉ hưu các quan hệ GT của NNH được tập trung vào GD và các mối quan hệ quen biết cũ nhiều hơn khi họ đi làm. Có thể lý giải, khi còn đi làm, thời gian của mỗi người dành cho công việc là chính, họ không có nhiều thời gian dành cho GD và bạn bè, khi nghỉ hưu, thời gian rảnh rỗi nhiều hơn, do đó NNH GT thường

xuyên hơn với người thân và bạn bè, hàng xóm. Điều này cho thấy đây là điểm đặc trưng, nổi bật trong giao tiếp của NNH hiện nay.

So sánh theo giới tính, kết quả cho thấy, những NNH là nữ giới GT với những người thân trong GD (với vợ /chồng và các con, các cháu) ở mức độ thường xuyên hơn nam giới (ĐTB của mức độ GT của nữ giới với người thân là 4,46; nam giới: 4,26; $p < 0,05$). Cũng theo kết quả nghiên cứu, tuy tham gia sinh hoạt XH ở mức độ thấp nhưng những NNH là nam giới tham gia sinh hoạt trong các tổ chức, nhóm, hội dành cho NNH với mức độ thường xuyên hơn nữ giới (với số ĐTB tương ứng ở hai nhóm nam giới và nữ giới alf: 2,67 và 2,56; $p < 0,05$). Như vậy, khi nghỉ hưu, các hoạt động GT của NNH là nữ giới hướng vào GD nhiều hơn, đối với nam giới thì các hoạt động XH lại thu hút họ được hơn.

So sánh theo thời gian nghỉ hưu, theo kết quả nghiên cứu, có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về đối tượng GT giữa những người mới nghỉ hưu và những người đã nghỉ hưu lâu năm (với $p < 0,05$). Cụ thể, những người mới nghỉ hưu 1-3 năm có mức độ GT với những người thân trong GD thường xuyên hơn những người đã nghỉ hưu lâu (với số ĐTB tương ứng ở hai nhóm mới nghỉ hưu và nghỉ hưu từ 5 năm trở lên là 4,61 và 4,44). Những người đã nghỉ hưu từ 5 năm trở lên lại có mức độ GT với bạn bè và cộng đồng dân cư thường xuyên hơn những người mới nghỉ hưu (ĐTB tương ứng ở nhóm nghỉ hưu trên 5 năm và nhóm mới nghỉ hưu là 3,21 và 3,13; $p < 0,05$). Có thể với thời gian nghỉ hưu lâu hơn, những NNH lâu năm đã có thời gian thích nghi với cuộc sống, hòa nhập với cộng đồng dễ dàng hơn những người mới nghỉ hưu, do đó mức độ GT của họ với cộng đồng thường xuyên hơn những người mới nghỉ hưu.

So sánh theo chức vụ công tác trước khi nghỉ hưu, theo kết quả khảo sát, những người trước đây là lãnh đạo các cấp có mức độ tham gia công tác XH thường xuyên hơn nhóm trước đây là nhân viên. Cụ thể: ĐTB của mức độ tham gia công tác XH ở nhóm nghỉ hưu trước đây là lãnh đạo: 2,54; nhóm nghỉ hưu trước đây là nhân viên: 1,87. Những NNH trước đây là lãnh đạo cũng tham gia sinh hoạt Đảng ở mức độ thường xuyên hơn những người trước đây là nhân viên với số ĐTB tương ứng ở hai nhóm là 3,65 và 2,27. Những NNH trước đây là lãnh đạo, cũng có mức độ GT với đồng nghiệp thường xuyên hơn nhóm nghỉ hưu trước đây là nhân viên, với số ĐTB tương ứng ở hai nhóm là 3,32 và 3,00. Những sự khác biệt này có ý nghĩa về mặt thống kê với $p < 0,01$. Thực tế cho thấy, với những cương vị công tác trước đây ở cơ quan, những

NNH là lãnh đạo khi về hưu thường được cộng đồng dân cư hoặc cơ quan cũ tín nhiệm, do đó họ nhanh chóng gánh vác những công việc mới ở địa phương hoặc tại cơ quan cũ để lấp đi những khoảng trống do việc nghỉ hưu gây ra hơn những NNH là cán bộ thường.

Những người thường chia sẻ những chuyện quan trọng trong cuộc sống với người nghỉ hưu

Kết quả khảo sát của chúng tôi cho thấy: Khi có chuyện quan trọng cần trao đổi, chia sẻ thì nhiều người nghỉ hưu (30,4%) lựa chọn vợ (chồng) của họ. Lý do họ lựa chọn vợ (chồng) mình là:

- + Vợ (chồng) là người gần gũi nhất, hiểu và dễ thông cảm nhất
- + Vợ (chồng) suốt đời gắn bó với nhau, lúc vui cũng như lúc buồn;
- + Vợ (chồng) họ là người gần bó, tin cậy nhất với họ;
- + Vợ (chồng) đồng thuận thì giải quyết được mọi chuyện

Có thể nhận thấy, vợ (chồng) là người thường xuyên trò chuyện chia sẻ nhiều nhất với người nghỉ hưu. Khi các quan hệ của họ phần lớn chỉ hạn chế trong gia đình thì người vợ (chồng) chính là người bạn thân thiết, gần gũi, tin tưởng nhất của mỗi người.

Đối tượng thứ hai được nhiều người nghỉ hưu (33,6%) lựa chọn để chia sẻ chuyện quan trọng là các con trai, con gái của họ.

Bên cạnh những người thân (vợ/ chồng và các con trai, con gái) thì *những người bạn thân và anh chị em trong gia đình* cũng được NNH tin cậy chia sẻ, tâm sự những chuyện quan trọng.

Có thể nhận thấy NNH luôn quan tâm, chú trọng đến những mối quan hệ trong gia đình và những người rất mực thân thiết đối với họ. Kết quả khảo sát cũng cho thấy con dâu, con rể tuy cũng là con cái trong gia đình nhưng chỉ có rất ít NNH (4%) lựa chọn để chia sẻ tâm sự chuyện quan trọng. Có thể trong quan niệm của người Việt Nam con dâu, con rể không thân thiết, tin cậy, gần gũi bằng con đẻ.

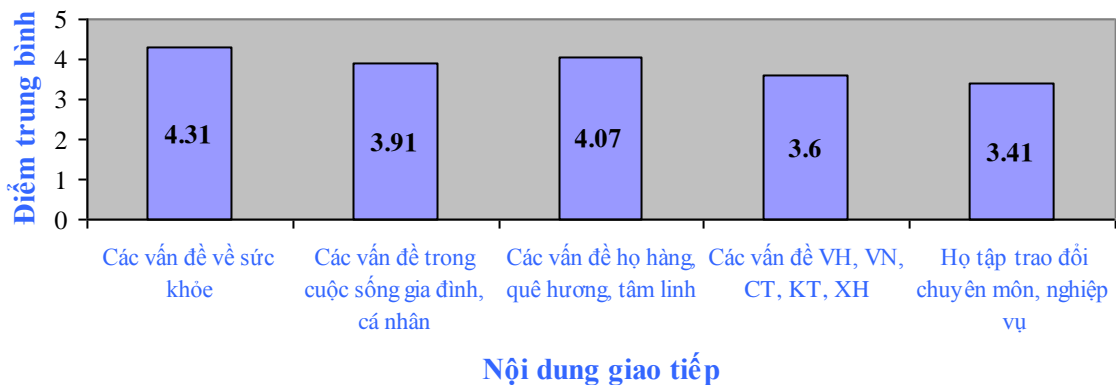
Tóm lại: Từ những kết quả khảo sát trên cho thấy, đối tượng GT của NNH ở Hà Nội chủ yếu là với những người thân trong GD và với những người quen biết cũ (bạn bè, hàng xóm) đã hiểu nhau, có tính cách, sở thích phù hợp. NNH ở Hà Nội trong diện khảo sát không thường xuyên tham gia sinh hoạt trong các nhóm, tổ chức XH dành cho NNH. Khi có chuyện quan trọng, họ thường chia sẻ với vợ/ chồng và các con trai, con gái của họ. Rất ít NNH chia sẻ chuyện quan trọng với con dâu, con rể.

Những NNH là nữ giới, người mới nghỉ hưu GT với người thân trong GD thường xuyên hơn nam giới, những NNH lâu năm. Nam giới, những NNH lâu năm tham gia sinh hoạt trong các tổ chức, nhóm XH dành cho NNH thường xuyên hơn nữ giới, những người mới nghỉ hưu. Những người là lãnh đạo các cấp khi nghỉ hưu tham gia công tác XH tích cực hơn những NNH trước đây là nhân viên.

3.1.4. THỰC TRẠNG ĐẶC ĐIỂM NỘI DUNG GIAO TIẾP CỦA NGƯỜI NGHỈ HƯU Ở HÀ NỘI

Nội dung GT của NNH là những chủ đề, vấn đề NNH thường xuyên nói đến, bàn luận đến trong GT với người khác.

Trong nghiên cứu này, nội dung GT của NNH được tìm hiểu thể hiện ở 5 khía cạnh: Các vấn đề về sức khỏe; các vấn đề trong cuộc sống GD, cá nhân; các vấn đề họ hàng, quê hương, tâm linh; các vấn đề văn hoá, văn nghệ, chính trị, kinh tế, XH (VH, VN, KT, CT, XH); việc học tập, trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ. Thực trạng nội dung GT của NNH ở Hà Nội được thể hiện qua biểu đồ 3.3 và bảng 3.4.



Biểu đồ 3.3: Nội dung giao tiếp của người nghỉ hưu ở Hà Nội

Kết quả khảo sát thể hiện ở biểu đồ 3.3 cho thấy, các vấn đề về sức khỏe được NNH quan tâm, chia sẻ với người khác thường xuyên nhất (ĐTB: 4,31). Tiếp theo, các vấn đề về họ hàng, quê hương, tâm linh và các vấn đề trong cuộc sống GD, cá nhân cũng được NNH quan tâm và trao đổi ở mức khá thường xuyên với số điểm trung bình lần lượt là 4,07 và 3,91 điểm.

Các vấn đề văn hóa, văn nghệ, chính trị, kinh tế, XH được NNH ở Hà Nội trao đổi với mức độ khá thường xuyên (ĐTB: 3,60). Những NNH ở Hà Nội trong diện được khảo sát học tập, trao đổi chuyên môn nghiệp vụ và trao đổi các chính sách của Đảng và Nhà nước khá thường xuyên (ĐTB: 3,41).

Bảng 3.4: Các biểu hiện nội dung giao tiếp của người nghỉ hưu ở Hà Nội

Stt	Nội dung GT	Mức độ trao đổi trước khi nghỉ hưu		Mức độ trao đổi hiện nay	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
Các vấn đề về sức khỏe		4,18	0,70	4,31	0,65
1.	Trao đổi kinh nghiệm luyện tập, ăn uống để duy trì sức khỏe cho bản thân	4,27	0,81	4,39	0,80
2.	Các vấn đề sức khỏe, các bệnh thường gặp ở tuổi già và kinh nghiệm chữa trị	4,12	1,00	4,41	0,76
3.	Các vấn đề về sức khỏe của các thành viên trong GD	4,40	0,85	4,47	0,80
4.	Các dịch bệnh đang xảy ra trong cộng đồng	3,95	1,12	3,99	1,12
Các vấn đề trong cuộc sống GD, cá nhân		3,80	0,94	3,91	0,89
5.	Chia sẻ tâm tư, tình cảm cá nhân	3,72	1,16	3,88	1,07
6.	Chia sẻ các vấn đề kinh tế của GD	3,65	1,24	3,76	1,24
7.	Chia sẻ các vấn đề thường ngày, những khó khăn của cuộc sống GD	4,20	1,00	4,29	0,93
8.	Những băn khoăn vướng mắc trong cuộc sống GD	3,64	1,18	3,75	1,13
Các vấn đề họ hàng, quê hương, tâm linh		3,54	1,00	4,07	0,73
9.	Công việc quê hương, dòng họ	3,74	1,03	3,88	1,03
10.	Tình hình người thân, họ hàng ở quê	3,76	1,02	3,92	0,96
11.	Duy trì nề nếp gia phong trong GD	4,19	0,95	4,34	0,89
12.	Củng cố quan hệ họ hàng, thân tộc	4,02	1,08	4,16	1,03
Các vấn đề văn hóa, văn nghệ, chính trị, kinh tế, XH		3,54	1,00	3,60	0,98
13.	Các vấn đề văn hóa, văn nghệ, thể thao trong nước	3,50	1,15	3,55	1,18
14.	Các vấn đề văn hóa, văn nghệ, thể thao quốc tế	3,27	1,22	3,29	1,24
15.	Vấn đề an ninh trật tự, kinh tế, chính trị đất nước	3,92	1,02	4,05	1,03
16.	Vấn đề an ninh, kinh tế, chính trị thế giới	3,50	3,53	3,53	1,15
Học tập, trao đổi chuyên môn nghiệp vụ, chính sách của Đảng, Nhà nước		3,73	1,02	3,41	1,05
17.	Học tập, mở rộng kiến thức của bản thân	4,10	1,05	3,68	1,26

18.	Tiếp tục sử dụng hoặc trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ	3,77	1,36	2,95	1,41
19.	Trao đổi các chủ trương, chính sách của Đảng nói chung	3,66	1,32	3,40	1,37
20.	Trao đổi các chế độ, chính sách của Nhà nước đối với NCT và NNH	3,41	1,33	3,64	1,16

Ghi chú: Thang điểm max = 5 (thường xuyên) và min = 1 (không bao giờ), với ý nghĩa điểm càng cao, mức độ trao đổi các nội dung càng thường xuyên, điểm càng thấp, mức độ trao đổi càng không thường xuyên.

Kết quả nghiên cứu ở bảng 3.4 cũng cho thấy, NNH ở Hà Nội trong diện khảo sát quan tâm đến việc học tập, mở rộng kiến thức của bản thân và trao đổi các chế độ, chính sách của Nhà nước đối với NCT và NNH ở mức độ thường xuyên hơn so với việc tiếp tục sử dụng hoặc trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ và trao đổi các chủ trương, chính sách của Đảng nói chung. NNH ở Hà Nội trong diện khảo sát thỉnh thoảng có sử dụng hoặc trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ (ĐTB: 2,95). Điều này cho thấy, đối với NNH, các vấn đề thiết thực liên quan trực tiếp đến bản thân và GD ở thời điểm hiện tại (sức khoẻ, GD, hộ hàng...) được họ quan tâm, trao đổi thường xuyên hơn các vấn đề khác và khi đã nghỉ hưu thì việc tiếp tục sử dụng và trao đổi chuyên môn nghiệp vụ không được NNH chú trọng nhiều. Đây chính là điểm đặc trưng nổi bật về nội dung GT của NNH ở Hà Nội.

Những vấn đề được NNH ở Hà Nội trong diện khảo sát quan tâm và thường xuyên trao đổi nhất với số điểm trung bình cao phần lớn thuộc về nhóm các vấn đề sức khoẻ và nhóm các vấn đề GD, hộ hàng, quê hương, tâm linh. Cụ thể: Trao đổi về các vấn đề sức khoẻ của thành viên trong GD (4,47 điểm), trao đổi các vấn đề sức khoẻ, các bệnh thường gặp ở tuổi già và kinh nghiệm chữa trị (4,41 điểm), trao đổi kinh nghiệm luyện tập, ăn uống để duy trì sức khoẻ cho bản thân (4,39 điểm), việc duy trì nề nếp gia phong trong GD (4,34 điểm), trao đổi những vấn đề thường ngày, những khó khăn trong cuộc sống GD (4,29 điểm).

Những vấn đề mà NNH ở Hà Nội quan tâm và trao đổi khá thường xuyên là việc củng cố quan hệ họ hàng, thân tộc (4,16 điểm) và vấn đề an ninh, trật tự, kinh tế, chính trị của đất nước (4,05 điểm), các vấn đề kinh tế của gia đình (3,76 điểm), việc học tập mở rộng kiến thức của bản thân (ĐTB: 3,68), các vấn đề văn hoá, văn nghệ, thể thao

trong nước (ĐTB: 3,55), vấn đề an ninh, kinh tế, chính trị thế giới (ĐTB: 3,53), trao đổi các chế độ, chính sách của Nhà nước đối với NNH và NNH (ĐTB: 3,64), trao đổi các chủ trương chính sách của Nhà nước nói chung (ĐTB: 3,40).

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy có hai vấn đề NNH ít quan tâm, trao đổi là vấn đề sử dụng chuyên môn nghiệp vụ (ĐTB: 2,95) và các vấn đề văn hoá, văn nghệ, thể thao quốc tế (ĐTB: 3,29).

Có thể nhận thấy, khi nghỉ hưu, NNH quan tâm nhiều đến sức khoẻ của bản thân. Họ trao đổi về vấn đề này ở mức độ thường xuyên hơn khi họ chưa nghỉ hưu (với ĐTB của NC này ở hai thời điểm trước khi nghỉ hưu và hiện nay lần lượt là 4,12 và 4,41; $p < 0,01$). Điều này cho thấy, khi tuổi tác ngày càng cao, sức khoẻ thay đổi theo chiều hướng yếu đi, cùng với việc có nhiều thời gian rảnh rỗi hơn thì sức khoẻ chính là điều khiến NNH quan tâm hơn cả. Có sức khoẻ tốt đồng nghĩa với việc có một cuộc sống vui vẻ, hạnh phúc và khi sức khoẻ tốt NNH mới có thể thực hiện những việc mà trước đây có thể họ mong muốn nhưng chưa làm được. Ông Nguyễn Văn H ở Ba Đình cho biết: *“Đối với chúng tôi bây giờ, không có gì quan trọng hơn vấn đề sức khoẻ, mình khoẻ mạnh thì mới có cuộc sống thoải mái, vui vẻ, mới giúp đỡ được các con cháu. Bây giờ sợ nhất là đau yếu, con cháu phải hầu hạ, cho nên bản thân tôi luôn cố gắng luyện tập, ăn uống, sinh hoạt điều độ để giữ sức khoẻ, tôi cũng vận động bà nhà tôi, các con cháu, các bạn bè nên dành thời gian luyện tập để có sức khoẻ tốt”*. Cùng với việc quan tâm thường xuyên đến sức khoẻ của bản thân thì sức khoẻ của các thành viên trong GD cũng được NNH quan tâm hàng đầu. Một cán bộ nghỉ hưu cho biết: *“Hàng ngày tôi đều quan tâm, để ý xem con cháu ăn uống thế nào, sức khoẻ của chúng ra sao, các cháu nhỏ có khoẻ không, chúng được chăm sóc như thế nào... bây giờ về hưu rồi, chỉ chăm lo cho con cháu là hết ngày chứ có làm gì đâu, chúng nó khoẻ thì mình mới vui”*.

Theo kết quả tại bảng 3.3, khi nghỉ hưu, các vấn đề họ hàng, quê hương, tâm linh được NNH quan tâm trao đổi thường xuyên hơn khi họ chưa nghỉ hưu (ĐTB của mức độ trao đổi các vấn đề này thời điểm trước khi nghỉ hưu: 3,54; thời điểm hiện nay: 4,07; $p < 0,01$). Người xưa có câu: “Cây có cội, nước có nguồn” để nói về sự gắn bó của con người với tổ tiên, quê hương, họ hàng. Khi con người tuổi càng cao thì họ càng có mong muốn thắt chặt mối quan hệ GD, họ hàng, thân tộc. Thực tế, phần nhiều những NNH sống ở Hà nội có xuất thân từ nông thôn, tuy xa quê hương nhưng trong tiềm thức

của họ quê hương vẫn giữ một vị trí vô cùng quan trọng. Hàng ngày được chia sẻ, trò chuyện với người khác về mối quan tâm của mình với quê hương, họ hàng, thân tộc là điều khiến họ vui vẻ. Ông Trần Văn T. 65 tuổi, cho biết: “ Công việc trước đây của tôi do đặc thù công tác phải đi lại nhiều, phần lớn thời gian tôi sống ở nước ngoài, tôi phải vắng nhà suốt, khi cha mẹ, anh em mất cũng không có mặt kịp vì đang ở nước ngoài. Nay về hưu cũng là dịp để mình tạ lỗi với tổ tiên, GD, họ hàng. Có thời gian để lo lắng đến việc thờ phụng tổ tiên, cha mẹ, quan tâm đến quê hương, anh em, họ hàng, bù đắp những gì trước đây mình chưa làm được cho mọi người”. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, NNH trong diện được khảo sát thường xuyên quan tâm đến việc duy trì, củng cố nề nếp, gia phong trong GD. Nói về vấn đề này, ông Trần Văn M cho biết: “Hàng ngày chúng tôi vẫn nhắc nhở các con cháu ứng xử với cha mẹ, anh em, bà con họ hàng sao cho phải phép. Còn chút sức lực nào thì ông bà còn cố gắng bảo ban con cháu điều hay, lẽ phải để giữ gìn nề nếp gia đình”. Điều này cho thấy vai trò không thể thiếu của NCT trong giáo dục gia đình, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hoá tốt đẹp của dân tộc.

Vấn đề được người nghỉ hưu quan tâm, trao đổi ở mức khá thường xuyên là những chuyện thường ngày của cuộc sống GD, những khó khăn của cuộc sống GD (ĐTĐ: 4,29). Thực tế cho thấy, hàng ngày các mối quan hệ, ứng xử giữa các thành viên trong gia đình, chuyện học hành, công tác của các con cháu được NNH rất quan tâm, trao đổi cùng nhau. Các vấn đề kinh tế của GD NNH cũng rất quan tâm, với mức lương hưu đang hưởng, phần lớn NNH phải tính toán chi tiêu hợp lý mới đủ trang trải cho cuộc sống hàng ngày, làm thế nào để lo lắng cho con cháu học hành bằng bạn bằng bè, đời sống kinh tế gia đình ổn định là mối quan tâm chung của nhiều NNH hiện nay. Đặc biệt, trong thời kỳ suy thoái kinh tế toàn cầu như hiện nay, vấn đề kinh tế càng được mọi người quan tâm hơn để chia sẻ cùng nhau những khó khăn trong công việc và chi tiêu gia đình hợp lý hơn. Ông Nguyễn Văn G, ở quận Thanh Xuân cho biết: “Năm nay kinh tế suy thoái, tình hình chung của thế giới và đất nước, mọi người ai cũng phải quan tâm, các con tôi làm kinh doanh, năm nay do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế chúng làm ăn cũng khó khăn hơn, mình là cha là mẹ cũng lo lắng cùng chúng nó, chúng nó có vui mình mới vui, nó lo lắng mình cũng lo theo, ngày nào cũng xem tivi, theo dõi mục diễn đàn kinh tế. Mình chẳng giúp được gì thì cũng chia sẻ với chúng nó,

trò chuyện cho chúng nó đỡ căng thẳng”. Có thể nói, suy thoái kinh tế làm cho mọi người quan tâm hơn đến vấn đề này và NNH cũng không phải là ngoại lệ.

Một điều nhận thấy từ kết quả nghiên cứu, tuy việc trao đổi chuyên môn nghiệp vụ ở NNH đã giảm đi đáng kể khi họ nghỉ hưu (với mức ĐTB ở hai thời điểm trước khi nghỉ hưu: 3,77; thời điểm hiện nay: 2,95; $p < 0,05$) nhưng việc học tập mở rộng kiến thức của bản thân vẫn được nhiều NNH quan tâm. Việc học tập ở đây không phải là đến trường, lớp học để lấy bằng cấp như những người trẻ mà NNH học bằng hình thức tự học hoặc học lẫn nhau trong cuộc sống. Thực tế cho thấy, có nhiều NNH, khi nghỉ hưu là lúc rất quan tâm đến tình hình sức khỏe của bản thân và của các thành viên trong gia đình, họ luôn tận dụng thời gian trò chuyện, chia sẻ và học tập lẫn nhau những kinh nghiệm chữa bệnh, những bài báo, bài viết được NNH phôtô truyền tay nhau đọc để có thêm kiến thức về chế độ ăn uống, luyện tập, thuốc thang hay học tập những bài thể dục dưỡng sinh để tăng cường sức khỏe.... Nhiều NNH khi còn trẻ có năng khiếu về thơ văn, hội họa thì tham gia các câu lạc bộ thơ văn, hội họa, học hỏi lẫn nhau, đọc cho nhau nghe những bài thơ hay do mình sáng tác. Một số NNH khác còn đọc sách hoặc tự học tiếng nước ngoài để bổ trợ cho kiến thức của bản thân và để dạy các cháu nhỏ học hành.... Những hoạt động học tập này theo như lời một người nghỉ hưu: “ *Giúp cho cơ thể khoẻ mạnh và đầu óc luôn minh mẫn, tránh tình trạng trì trệ do không làm gì*”.

Việc trao đổi chuyên môn nghiệp vụ đối với nhiều NNH là vấn đề ít được họ quan tâm nhất, bởi lẽ hầu hết NNH đã ngừng hoặc giảm hẳn các công việc về chuyên môn do đó điều này đối với họ không còn là quan trọng. Ông Ngô Văn D. 60 tuổi ở Thanh Xuân cho biết: “*Trước đây tôi là công nhân nhà máy thuốc lá, nay nghỉ hưu chẳng làm thêm gì cả, sức khoẻ yếu nên nghỉ ngơi ở nhà với con cháu thôi, hàng ngày chỉ gặp gỡ mấy ông bạn già ở gần nhà trò chuyện cho đỡ buồn*”. Tuy nhiên, đối với một số người ở Hà Nội là bác sỹ, giáo viên, trí thức, khi nghỉ hưu họ vẫn tiếp tục làm công việc chuyên môn của mình và coi đó là niềm vui trong cuộc sống của họ. Ông Trần Văn T cho biết: “*Tuy nghỉ hưu nhưng hàng ngày tôi vẫn dịch tài liệu do đồng nghiệp cũ ở nước ngoài chuyển về cho, thu nhập tuy không nhiều nhưng mình cảm thấy vui vì mình vẫn có cảm giác được làm việc chứ không lãng phí thời gian vô ích. Mình làm việc để thấy mình vẫn có ích cho mọi người*”. Bà Phạm Thị Tr. 65 tuổi ở Thanh Xuân cho biết: “ *Trước đây tôi là bác sỹ, mấy năm nay nghỉ hưu, có phòng khám tư nhân mời tôi tham gia làm thêm, thấy công việc phù hợp và lại có thêm thu nhập nên tôi*

đồng ý tham gia, nói chung là tôi thấy vui và thoải mái lắm. Nói chung còn sức khoẻ thì nên lao động, có thêm thu nhập và cống hiến một phần công sức của mình cho XH”.

So sánh theo giới tính, theo kết quả khảo sát, các vấn đề về sức khoẻ cũng như các vấn đề trong cuộc sống GD, cá nhân được NNH là nữ giới quan tâm trao đổi với người khác nhiều hơn những NNH là nam giới (ĐTB của mức độ trao đổi các vấn đề trong cuộc sống GD, cá nhân ở nữ giới: 4,12; nam giới: 3,67; $p < 0,01$). Cũng theo kết quả nghiên cứu, đối với các vấn đề họ hàng, quê hương, tâm linh, các vấn đề văn hoá, văn nghệ, chính trị, kinh tế, XH được NNH là nam giới quan tâm trao đổi thường xuyên hơn NNH là nữ giới (mức độ trao đổi các vấn đề họ hàng, quê hương, tâm linh ở nam giới: 4,16; nữ giới: 4,00; $p < 0,05$. Mức độ trao đổi các vấn đề văn hoá, văn nghệ, chính trị ở nam giới: 3,73; nữ giới: 3,49; $p < 0,01$). Có thể khi nghỉ hưu, nữ giới dành phần lớn sự quan tâm của họ cho GD nhỏ của mình và đối với nữ giới, ở lứa tuổi nghỉ hưu, nhìn chung sức khoẻ của họ cũng đã suy giảm đi nhiều so với nam giới do đó họ quan tâm đến những vấn đề này nhiều hơn. Còn đối với nam giới, mặc dù đã nghỉ hưu, nhưng bên cạnh GD nhỏ họ vẫn dành nhiều sự quan tâm đến đại GD, họ hàng, quê hương, nhất là những người là con trưởng của GD. Cùng với đó, họ cũng rất quan tâm đến các vấn đề của XH. Điều này phần nào cũng thể hiện sự hiểu biết, vị thế của họ đối với GD.

So sánh theo chức vụ công tác trước khi nghỉ hưu, theo kết quả nghiên cứu, có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về một số biểu hiện trong nội dung GT giữa những NNH trước đây là lãnh đạo và những NNH trước là nhân viên. Những NNH là lãnh đạo thường xuyên học tập, trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ hơn những NNH là nhân viên (với số ĐTB tương ứng ở hai nhóm lãnh đạo và nhân viên là 3,68 và 3,22; $p < 0,05$). Các vấn đề văn hoá, văn nghệ, chính trị, kinh tế cũng được NNH là lãnh đạo quan tâm trao đổi thường xuyên hơn NNH là nhân viên (ĐTB của việc trao đổi vấn đề này ở hai nhóm lãnh đạo và nhân viên lần lượt là 3,66 và 3,01; $p < 0,05$). Có thể chính vị trí công tác trước đây đã tạo cho những NNH là lãnh đạo những thói quen này.

So sánh theo nghề nghiệp trước khi nghỉ hưu, nhận thấy, những NNH là trí thức, công chức, bộ đội, công an thường xuyên học tập, trao đổi chuyên môn nghiệp vụ, họ cũng quan tâm đến các vấn đề văn hoá, văn nghệ, chính trị, kinh tế, xã hội hơn những NNH là công nhân (với số ĐTB ở bốn nhóm nghỉ hưu trí thức, công chức nhà nước, bộ đội, công an, công nhân lần lượt là: 4,05; 3,77; 3,96 và 3,66; $p < 0,05$). Điều

này có thể do tính chất công việc của nhóm trí thức, công chức, bộ đội, công an khác với nhóm công nhân nên đã tạo nên sự khác biệt giữa các nhóm này.

So sánh theo học vấn, kết quả cho thấy, những NNH có trình độ học vấn đại học trở lên, khi nghỉ hưu quan tâm đến các vấn đề văn hoá, văn nghệ, chính trị, kinh tế, XH ở mức độ thường xuyên hơn những NNH có trình độ học vấn phổ thông trung học (với số ĐTB tương ứng ở hai nhóm đại học và trung học là 3,94 và 3,14; $p < 0,05$). Có thể với trình độ học vấn cao hơn, được tiếp xúc XH nhiều hơn nên những người nghỉ hưu có học vấn cao khi nghỉ hưu vẫn giữ thói quen cũ, tiếp tục bổ sung và tăng cường vốn hiểu biết hơn so với những NNH có trình độ học vấn thấp hơn.

Những vấn đề khó trao đổi trong giao tiếp của người nghỉ hưu ở Hà Nội

Cũng như những người bình thường khác, có khi nào NNH ở Hà Nội cảm thấy có những chuyện khó nói, khó chia sẻ với người khác? Kết quả phỏng vấn sâu của chúng tôi cho thấy, những chuyện mà NNH ở Hà Nội cảm thấy khó trao đổi với người khác chủ yếu là những vấn đề về quan hệ giữa các thành viên trong GD như: mâu thuẫn giữa vợ và chồng (vợ chồng bất hoà, vợ chồng không hiểu nhau, ít quan tâm đến nhau...), tình cảm cá nhân, vấn đề ứng xử của con cái với cha mẹ còn nhiều hạn chế... Ông Đinh Văn T. ở quận Ba Đình cho biết: *“Bà nhà tôi đã mất lâu rồi, hiện tôi đang sống chung với các con cháu, có thể lúc bình thường không sao, nhưng lúc trái gió chở trời, đau ốm thấy cô đơn lắm vì không có người tri kỷ bên cạnh động viên, an ủi. Tôi có nguyện vọng tìm một người phụ nữ để sống cùng tôi lúc tuổi già, nhưng con cháu phản đối lắm, nhiều khi chúng nói những lời nặng nề với tôi, làm cho tình cảm cha con không được như trước, tôi thấy con cái có phần ích kỷ, không hiểu tâm tư, nguyện vọng của tôi”*. Ông Ngô Văn N. ở quận Thanh Xuân cho biết: *“Tôi và bà nhà tôi trước đây yêu thương nhau lắm, nhưng khi về già, bà ấy bị bệnh, trở tính trở nết, suốt ngày gắt gỏng với tôi rồi kiếm việc đi làm thêm cả ngày, không quan tâm gì đến tôi, tôi suốt ngày ở nhà với các cháu, may mà con cái chúng nó hiểu tôi, thương tôi nên tôi cũng đỡ buồn, nhưng nhiều khi thấy tình cảm vợ chồng không được như xưa cũng thấy ngậm ngùi”*. Bà Đỗ Thu H. ở quận Thanh Xuân cho biết: *“Gia đình tôi có một công ty nhỏ do ông nhà tôi điều hành. Ông ấy năm nay ngoài 60 rồi nhưng vẫn say mê công việc lắm, không nghĩ đến việc nghỉ ngơi. Tôi bảo ông ấy nghỉ thì ông ấy nói còn sức còn phải làm. Hàng ngày, ông ấy đi sớm về tối, chẳng có thời gian dành cho bản thân và GD. Từ ngày về hưu tôi cứ thui thủi một mình vì con cái cũng đã trưởng thành và đi làm, nhiều lúc nghĩ*

cũng buồn, tủi thân, chẳng biết trò chuyện cùng ai, không biết làm gì cho khuây khoả, cho hết ngày...”. Ở một hoàn cảnh khác, bà Nguyễn Thị Ng. cho biết: “Ông nhà tôi đau ốm quanh năm, tiền thuốc thang tốn kém, ông ấy lại hay cáu gắt vô cớ nên tôi cũng buồn, con cái thì cũng bận công việc, đi suốt ngày, ít chia sẻ với mẹ. Nhiều lúc tôi chỉ mong được một lời động viên của ông ấy hay sự chia sẻ của con trai mà cũng không được”.

Có thể nhận thấy, những vấn đề riêng tư cá nhân, quan hệ không hoà thuận giữa các thành viên GD là một vấn đề khó khăn của NNH khi trao đổi với người khác do ảnh hưởng bởi tư tưởng: “*Tốt đẹp phô ra, xấu xa đậy lại*”, họ cố giữ những âm ức trong lòng để nhà cửa được êm ấm, để xây dựng một hình ảnh GD hạnh phúc. Mặc dù nhiều NNH còn nhiều khó khăn trong cuộc sống, không hài lòng trong quan hệ GD, nhưng khi cần xác định thái độ thì NCT nói chung, NNH nói riêng lại ca ngợi nhiều hơn phê phán, vui lòng chấp nhận nhiều hơn bực bội. Có thể thấy, ngoài tác động giáo dục mà phần lớn NNH đã tiếp thu được trong suốt quãng đời đã qua, tâm lý ứng xử hoà hoãn, an phận của NCT còn là những đặc điểm mang tính truyền thống. Cách ứng xử này giúp cho việc duy trì những quan hệ hài hoà trong GD và XH. Tuy nhiên, mặt khác, nhiều khi cách ứng xử đó làm cho NNH rơi vào trạng thái bất lực, trầm uất, gây ảnh hưởng không tốt đến cuộc sống và sức khoẻ của bản thân họ và những người xung quanh.

Tóm lại: Từ các kết quả thu được ở trên cho thấy, thực trạng đặc điểm nội dung GT của NNH ở Hà Nội trong diện được khảo sát chủ yếu về các vấn đề sức khỏe, vấn đề họ hàng, quê hương, tâm linh và các vấn đề trong cuộc sống GD, cá nhân. Những vấn đề NNH ở Hà Nội ít quan tâm, trao đổi là vấn đề văn hóa, văn nghệ, thể thao quốc tế và việc trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ.

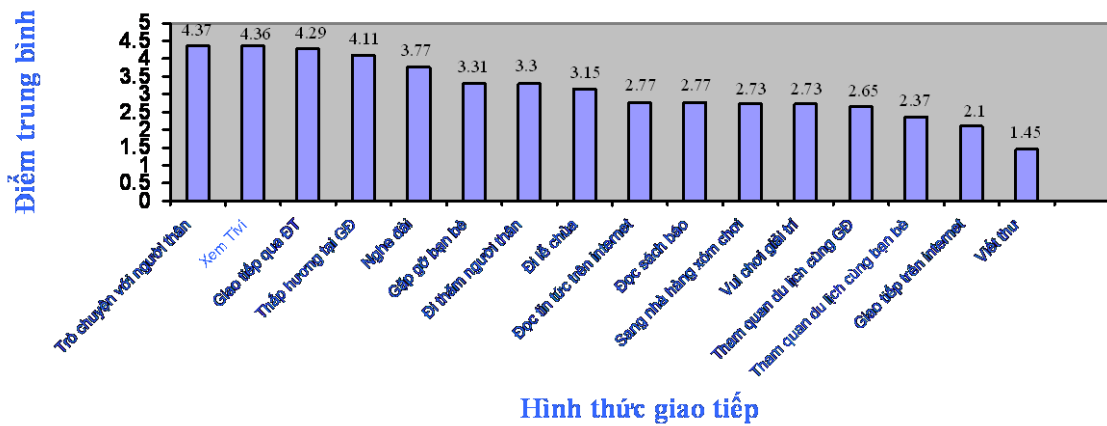
Những NNH là nữ giới quan tâm đến các vấn đề sức khỏe cũng như các vấn đề trong cuộc sống GD hơn nam giới. NNH là nam giới quan tâm đến các vấn đề họ hàng, quê hương, tâm linh và các vấn đề văn hóa, văn nghệ, chính trị, kinh tế, XH hơn NNH là nữ giới.

Việc học tập, trao đổi chuyên môn nghiệp vụ và các vấn đề văn hóa, văn nghệ, chính trị, kinh tế, XH được nhóm nghỉ hưu là lãnh đạo và nhóm nghỉ hưu có trình độ học vấn cao đẳng, đại học quan tâm hơn những nhóm nghỉ hưu khác.

3.1.5. THỰC TRẠNG ĐẶC ĐIỂM HÌNH THỨC GIAO TIẾP CỦA NGƯỜI NGHỈ HƯU Ở HÀ NỘI

Trong GT, tùy theo điều kiện và tình huống, NNH có thể giao tiếp trực tiếp hoặc giao tiếp gián tiếp với người khác (thông qua các phương tiện khoa học kỹ thuật) hoặc họ kết hợp các hình thức GT khác nhau. Luận án tìm hiểu về thực trạng hình thức GT của NNH ở Hà Nội qua hai biểu hiện: Hình thức GT trực tiếp và hình thức GT gián tiếp.

Thực trạng hình thức GT của NNH ở Hà Nội được thể hiện qua bảng 3.5 và biểu đồ 3.4.



Biểu đồ 3.4: Hình thức giao tiếp của người nghỉ hưu ở Hà Nội

Kết quả tại bảng 3.5 và biểu đồ 3.4 cho thấy, trong cuộc sống hàng ngày hình thức GT trực tiếp chủ yếu của NNH là trò chuyện với vợ/ chồng và các con cháu (ĐTB: 4,37) và gặp gỡ bạn bè (ĐTB: 3,31).

Những hình thức GT gián tiếp thường xuyên của NNH là xem tivi (ĐTB: 4,36), GT qua ĐT (ĐTB: 4,29), nghe đài (ĐTB: 3,77), GT với thần linh, người đã khuất thông qua việc thắp hương cầu nguyện tại GD (ĐTB: 4,11).

Có thể thấy, trong cuộc sống thường ngày, song song với việc giao tiếp với mọi người sống xung quanh thì người nghỉ hưu cũng thường xuyên giao tiếp tâm linh với người đã mất tại gia đình để thỏa mãn nhu cầu tâm linh, điều này cũng thể hiện niềm tin của người nghỉ hưu vào mối quan hệ qua lại gắn bó giữa người đang sống và người đã mất với mục đích cầu mong cho cuộc sống no ấm và bình an của gia đình. Hình thức

giao tiếp tâm linh góp phần giải tỏa những căng thẳng, bức xúc của người nghỉ hưu trong cuộc sống hàng ngày và là một trong những tác nhân tích cực trong việc củng cố vai trò, vị thế văn hoá của họ trong gia đình hiện nay.

Bảng 3.5: Hình thức giao tiếp của người nghỉ hưu ở Hà Nội

Stt	Hình thức GT	Mức độ GT trước đây		Mức độ GT hiện nay	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
GT trực tiếp					
1.	Trò chuyện với người thân	4,25	0,68	4,37	0,62
2.	Sang nhà hàng xóm chơi	2,59	1,06	2,73	1,54
3.	Gặp gỡ bạn bè	3,02	0,57	3,31	0,80
4.	Đi thăm người thân	3,16	1,09	3,01	0,67
5.	Tham gia các hoạt động vui chơi, giải trí	2,59	1,53	3,30	1,10
6.	Tham quan du lịch cùng GD	2,53	1,09	2,62	1,35
7.	Tham quan du lịch cùng bạn bè	2,52	1,13	2,65	1,12
8.	Về thăm quê	2,88	1,25	2,37	1,02
9.	Tham gia các hoạt động của quê hương, dòng họ	2,98	1,22	3,07	1,37
GT gián tiếp					
10.	Xem tivi	3,59	1,10	4,36	1,06
11.	GT qua điện thoại	4,06	1,14	4,29	0,84
12.	Đọc sách báo	4,21	1,20	2,77	1,77
13.	Nghe đài	3,28	1,01	3,77	1,13
14.	Đọc tin tức trên internet	2,63	1,81	2,77	1,77
15.	GT trên internet	2,05	1,45	2,10	1,50
16.	Viết thư	1,56	1,00	1,45	0,94
17.	Đi lễ chùa	2,82	1,33	3,15	1,38
18.	Thắp hương tại GD	4,00	1,12	4,11	1,03

Ghi chú: Thang điểm max = 5 (thường xuyên) và min = 1 (không bao giờ), với ý nghĩa điểm càng cao, mức độ GT càng thường xuyên, điểm càng thấp, mức độ GT càng không thường xuyên.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, bên cạnh việc giao tiếp với người thân, bạn bè thì chiếc tivi là phương tiện GT, hình thức giải trí phổ biến của nhiều NNH. Do có nhiều thời gian nên khi nghỉ hưu NNH xem tivi ở mức độ thường xuyên hơn khi họ chưa nghỉ hưu (ĐTB của mức độ xem tivi ở thời điểm trước khi nghỉ hưu: 3,59; hiện

nay: 4,36). Với hình thức truyền thông đa kênh hiện nay, chiếc tivi thoả mãn hầu hết nhu cầu của người xem, từ kênh thời sự, phim truyện, ca nhạc, thể thao đến những kênh phổ biến kiến thức khác. Mọi người có thể ngồi ở nhà, nhưng có thể biết được rất nhiều tin tức, sự kiện xảy ra ở những nơi khác, phù hợp với tâm lý của nhiều người, trong đó có NNH. Bà Nguyễn Thị H ở quận Thanh Xuân nói: *“Từ khi nghỉ hưu đến nay, thời gian rảnh rỗi nhiều, ngoài lúc làm việc nhà ra tôi chỉ thích xem tivi, bây giờ chương trình của tivi rất phong phú, hết tin tức thời sự rồi đến phim truyện, chỉ cần ngồi ở nhà cũng có rất nhiều thông tin và được xem phim giải trí, chẳng phải đi đâu cho mệt người”*.

Theo kết quả khảo sát, NNH ở Hà Nội GT qua điện thoại khá thường xuyên (ĐTB: 4,29). Ngày nay với sự phát triển mạnh mẽ của các phương tiện truyền thông, GT của con người đã thuận tiện hơn rất nhiều, GT qua điện thoại giúp con người tiết kiệm rất nhiều thời gian và sức lực, nó giúp rút ngắn khoảng cách về địa lý, giúp mọi người liên lạc với nhau thường xuyên hơn mà không phải đi lại nhiều, điều này rất phù hợp với NCT nên được NNH thường xuyên sử dụng.

Đối với nhiều NNH, bên cạnh việc xem tivi để biết thông tin, họ còn nghe đài khá thường xuyên (ĐTB: 3,77). Hình thức GT này tăng lên đáng kể khi họ nghỉ hưu (khi chưa nghỉ hưu mức độ nghe đài của NNH với ĐTB là: 3,28). Đây là một hình thức thu nhận thông tin đơn giản và phổ biến. Với nhiều NNH cao tuổi thì nghe đài để biết thông tin tỏ ra phù hợp hơn việc xem tivi. Khi nghe đài, họ không phải tập trung nhiều như xem tivi và thông tin thì phong phú hơn. Ông N, cán bộ hưu ở quận Thanh Xuân cho biết: *“ Trước đây tôi hay xem tivi, nhưng từ ngày đi mổ mắt về, xem tivi nhiều nhức mắt lắm, không chịu được, tôi chuyển sang nghe đài, tin tức ở đài rất phong phú, không kém gì tivi. Tôi được con mua cho cái đài nhỏ, để cạnh đầu giường, cứ 6h sáng là mở ra nghe tin tức, đi đâu cũng mang theo, nấu ăn cũng nghe đài, đi ngủ cũng nghe đài”*. Trong hoàn cảnh hiện nay, khi tình hình chính trị trong và ngoài nước đang có những thay đổi sâu sắc, to lớn và diễn ra hàng ngày thì hệ thống truyền thông đại chúng càng có một vai trò tuyên truyền to lớn và được nhiều người nghỉ hưu đón nhận, quan tâm. Những tin chính trị, những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước được đài phát đi, những chương trình truyền thanh về chủ đề sức khoẻ, người cao tuổi, chương trình ca nhạc, dự báo thời tiết... tỏ ra rất hữu ích đối với nhiều người nghỉ hưu, giúp họ có thêm thông tin và thư giãn tinh thần. Người nghỉ hưu nghe radio và họ truyền lại cho

bạn bè, bà con láng giềng và những người muốn hiểu biết những thông tin chính xác, chân thực. Điều này giúp xã hội hạn chế và thanh lọc được phần nào những dư luận không lành mạnh và đấu tranh chống các tin đồn thất thiệt.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, thỉnh thoảng NNH đọc sách báo (ĐTB: 2,77), tuy nhiên so với thời điểm khi chưa nghỉ hưu, việc đọc sách báo giảm đi đáng kể (Thời điểm chưa nghỉ hưu, ĐTB của mức độ đọc sách báo: 4,21). Thực tế, có thể thấy, đối với nhiều NNH ở Hà Nội, đọc sách báo là một thói quen hàng ngày của họ. Đối với những người có trình độ chuyên môn cao, mặc dù đã nghỉ hưu, nhưng họ vẫn tiếp tục làm những công việc cũ trước đây (những nhà nghiên cứu, bác sỹ...), do đó họ vẫn thường xuyên đọc sách báo để tham khảo, tiếp nhận thông tin phục vụ cho công việc của họ. Ông Nguyễn Văn Tr, 70 tuổi ở quận Ba Đình, một nhà khoa học cấp cao đã nghỉ hưu cho biết: *“Tôi tuy đã nghỉ hưu nhưng vẫn tham gia nghiên cứu khoa học, hướng dẫn học trò làm luận án cho nên hàng ngày vẫn giữ thói quen đọc sách báo, tài liệu. Mình giữ được thói quen làm việc này giúp đầu óc chậm lão hoá hơn, cảm thấy vui vẻ, thoải mái hơn”*. Một số NNH do nghỉ hưu, không còn sử dụng chuyên môn, nghiệp vụ nên họ cũng ít đọc sách báo hơn. Một số NNH khác, đọc báo để vừa giải trí vừa tiếp nhận thông tin, kiến thức mới. Bà Bùi Thị Q ở quận Ba Đình cho biết: *“Tôi rất thích đọc sách báo hàng ngày, tuy về hưu nhưng nhà tôi vẫn đặt báo hàng ngày để hai ông bà cùng đọc. Đọc sách báo giúp mình có thêm thông tin, đỡ buồn, lại “động não” thường xuyên, giúp mình giữ được mình mãi. Tôi hay đọc tờ An ninh thế giới, tờ Sức khoẻ để mình theo dõi tình hình an ninh XH, biết các kiến thức về sức khoẻ để giữ gìn và chăm sóc sức khoẻ cho tốt”*. Điều này một lần nữa chứng minh cho thấy NC nắm bắt thông tin, cập nhật kiến thức thông qua sách báo ở NNH là khá cao. Những hiểu biết thu được qua sách báo và các phương tiện thông tin đại chúng khác đem lại cho NNH nhiều tri thức mới, không bị lạc hậu với thời cuộc, nhất là NNH ở thành phố. Trong tình hình hiện nay, khi mở cửa và giao lưu văn hoá đang trở thành xu thế của thời đại, khi thông tin bùng nổ với các phương tiện ngày càng hiện đại, NNH có NC tiếp cận thông tin để tự trang bị kiến thức cho mình. Do có thời gian rảnh rỗi nhiều hơn hẳn các nhóm xã hội (XH) khác, NNH có điều kiện sàng lọc và xử lý thông tin. Những thông tin nào có vấn đề, nhất là những vấn đề liên quan đến tình hình thời sự chính trị, đến đạo đức XH... còn được họ đem ra trao đổi, thảo luận, đưa ra những cách nhìn nhận, đánh giá khác nhau. Tuy nhiên, thực tế cũng cho thấy NNH phải tự bỏ tiền, tự

mua sách báo về đọc, việc làm này mang tính tự phát, các tổ chức XH dành cho NNH chưa có kinh phí cho việc này, với đồng lương hưu hạn hẹp, nhiều NNH dù muốn cũng không thường xuyên có báo chí để đọc hàng ngày. Một số NNH khác thì tuổi cao, mắt kém. Những điều này phần nào đã hạn chế việc cập nhật thông tin ở NNH. Bà Nguyễn Thị H. ở quận Thanh Xuân cho biết: *“ Tôi rất thích xem ti vi và đọc sách báo hàng ngày, mình đã nghỉ hưu, ít đi lại thì đọc sách báo và xem tivi giúp nắm bắt được nhiều thông tin của cuộc sống, nhưng giờ đồng lương hạn hẹp nên báo chí toàn con cái chúng nó đặt cho mình đọc hoặc là đọc báo chúng nó đặt. Tôi thường đọc báo Sức khỏe, An ninh thế giới, Phụ nữ Thủ đô... Còn bên Hội NNH cũng chả có tiền mà đặt báo cho các NNH, thỉnh thoảng các NNH gặp nhau sinh hoạt văn nghệ và trò chuyện vậy thôi”*. Có thể thấy, đọc báo là một sinh hoạt văn hoá hữu ích nhằm nâng cao tính tích cực xã hội của người nghỉ hưu. Vì thế gia đình, xã hội cần tạo điều kiện để người nghỉ hưu duy trì hoạt động này được thường xuyên và dễ dàng.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, NNH ở Hà Nội thỉnh thoảng sang nhà hàng xóm chơi (ĐTB: 2,73). Dường như ở Hà Nội, lối sống khá khép kín đã hạn chế việc mọi người sang nhà nhau chơi. Bà Phạm Thị Q. ở quận Thanh Xuân cho biết: *“Bây giờ nhà nào biết nhà ấy, các NNH có gặp nhau thì thường gặp ở những buổi sinh hoạt chi bộ, hội NNH, hội Phụ nữ hoặc gặp nhau ở sân chơi chung chứ cũng ít đến nhà nhau chơi, giờ giấc sinh hoạt của mỗi người khác nhau, sang chơi làm phiền người khác”*. Với nhiều NNH khác, sự không phù hợp về môi trường sống khi phải chuyển từ nơi ở cũ đến một môi trường mới cũng hạn chế việc giao lưu tiếp xúc trực tiếp của họ với mọi người xung quanh. Bà Nguyễn Thị M. hiện đang sinh sống tại Long Biên cho biết: *“Trước đây tôi sống ở Hà Nội, tôi mới chuyển về Gia Lâm từ khi nghỉ hưu vì đây là quê chồng. Tôi thấy cuộc sống ở đây thật buồn vì đây là nông thôn, môi trường sống không hợp lắm, bạn bè cũng không phù hợp với tôi (về trình độ, nếp sống...) do đó tôi cũng ít giao lưu với họ. Tôi thường xuyên ra Hà Nội vì có con cháu, bạn bè ở đó. Hàng ngày, tôi thường xuyên gọi điện thoại cho bạn bè ở bên Hà Nội, vào mạng máy tính, đọc báo, tập thể dục ở nhà, đi bộ... Các phong trào ở nông thôn không như ở bên Hà Nội, ở đây chỉ có hội bóng chuyền của nam giới tập hợp mấy ông đàn ông thôi, ít hình thức hoạt động phù hợp với tôi”*. Ông Ngô Văn Tr ở Từ Liêm cho biết: *“Trước đây tôi ở trong nội thành, là giáo viên, bây giờ nghỉ hưu về đây mua đất ở, nói chung là chuyển về nơi ở mới này cũng buồn, khu tôi ở toàn là công nhân nhà máy gạch, lại là vùng nông thôn,*

cách sống không phù hợp lắm nên tôi cũng ít giao lưu, chỉ thỉnh thoảng đi họp Hội NNH thì gặp nhau thôi, thỉnh thoảng tôi vẫn đi xe về nội thành gặp gỡ mấy ông bạn cũ trò chuyện cho đỡ buồn”.

Khi đã nghỉ hưu, việc GT với tổ tiên, ông bà cha mẹ và người thân đã mất thông qua việc thắp hương cầu nguyện tại GD được NNH thực hiện khá thường xuyên (ĐTB: 4,11). Tuy nhiên hình thức GT tâm linh với các thần linh thông qua việc đi lễ chùa không được nhiều NNH chú trọng (ĐTB: 3,15). Bà Phạm Thị M ở Hà Đông cho biết: *“Ngày tuần, ngày tết mình thắp hương tại GD, thứ nhất là tưởng nhớ ông và, cha mẹ, tổ tiên đã mất, thứ hai là cầu mong tổ tiên, ông bà phù hộ cho mình và các con các cháu được bình an, mạnh khoẻ. Đi lễ chùa cũng tốt nhưng chùa thì ở xa, đi lại cũng phức tạp nên bác không đi”.*

NNH ở Hà Nội trong diện được khảo sát thỉnh thoảng đi tham quan du lịch cùng gia đình và bạn bè (ĐTB: 2,62 và 2,65). Thực tế cho thấy, khi về già, chỉ trừ những người tuổi cao, sức yếu không thể vận động được nữa, phần đông NNH rất có NC được đi lại thăm viếng nơi này nơi khác, nhất là những nơi mà cuộc đời các NNH đã đi qua như muốn tìm lại những dấu ấn của thời trai trẻ để tự hào về những cống hiến, những thành đạt của mình và chứng kiến sự đổi thay của XH. Tuy nhiên, đối với nhiều NNH do sức khoẻ bị hạn chế, họ không thể đi xa, một số khác do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên dù muốn họ cũng không thể đi được. Bác Trần Trọng H. ở Hà Đông cho biết: *“Đi chơi, đi du lịch thì ai chẳng thích, nhưng bây giờ về hưu, thu nhập chỉ đủ sống, con cháu nó có mời đi mới đi được chứ hai ông bà lấy tiền đâu ra mà đi”.*

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, đa số NNH ở Hà Nội ít sử dụng internet. Đối với phương tiện hiện đại như internet không phải NNH nào cũng dễ dàng sử dụng được, nó đòi hỏi sự đầu tư trang thiết bị cho đến việc trang bị các kiến thức cần thiết khi sử dụng. Phương tiện này mới được sử dụng rộng rãi trong thời gian gần đây, chủ yếu phổ biến ở những người trẻ tuổi. Thế hệ những NNH hiện nay chỉ có một số ít các NNH có điều kiện làm quen với phương tiện này. Tuy nhiên, thực tế hiện nay đã có một số NNH thường xuyên sử dụng internet. Phần lớn trong số họ là những người có học vấn cao, là những người còn khoẻ mạnh, minh mẫn. Họ đã tìm thấy những lợi ích thiết thực của internet và học cách sử dụng phương tiện này. Phòng vấn sâu bác Nguyễn Văn Tr. 70 tuổi ở quận Thanh Xuân, bác cho biết: *“Tôi về hưu đã hơn 10 năm, trước đây cũng là cán bộ quản lý, vài năm trở lại đây tôi thường xuyên sử dụng máy vi tính, vào mạng*

internet để đọc tin tức. Việc này giúp tôi đọc được nhiều loại tin tức, biết được nhiều việc xảy ra ở nhiều nơi, nhiều khi con, cháu cho tôi địa chỉ trang Web của công ty, cơ quan công tác, tôi còn vào đọc tin tức, biết được các hoạt động của cơ quan con cháu, tôi thấy rất vui và bổ ích. Nhà tôi có cháu học ở nước ngoài, hàng ngày GD tôi còn sử dụng internet để nói chuyện với cháu, internet thật là tiện ích, chỉ cần mình bớt chút thời gian hàng ngày là được”.

Kết quả khảo sát cho thấy, NNH ở Hà Nội thỉnh thoảng dành thời gian vui chơi, giải trí (ĐTB:3,30) và việc dành thời gian vui chơi, giải trí ở thời điểm hiện tại của NNH cũng tăng hơn so với thời điểm chưa nghỉ hưu (ĐTB: 2,59). Thực tế cho thấy, đối với một số người khi nghỉ hưu có chuyên môn cao (các giáo sư, tiến sỹ, bác sỹ...) họ vẫn tiếp tục tham gia làm thêm, do vậy, họ ít có thời gian để tham gia các hoạt động vui chơi, giải trí hơn những người khi nghỉ hưu không tham gia làm thêm. Với nhiều NNH khác, họ rất tích cực tham gia và tìm thấy niềm vui trong các hoạt động cộng đồng, giải trí của NNH. Ở thành phố với không gian gia đình chật hẹp, GT với thiên nhiên của NNH bị hạn chế tối đa nên các NNH tận dụng việc đi tập thể dục hàng ngày để GT với thiên nhiên, với con người. Khi đi tập thể dục buổi sáng các NNH được gần gũi với cỏ cây, hoa lá, hít thở không khí trong lành và trò chuyện với bạn bè đồng trang lứa, khiến tinh thần phấn chấn, vui vẻ. Ông Nguyễn Văn Đ ở quận Ba Đình cho biết: “*Tôi có thói quen đi bộ, tập thể dục buổi sáng từ khi còn chưa nghỉ hưu, hàng ngày cứ 5h sáng là tôi dậy đi bộ quanh hồ Ngọc Khánh, bây giờ cũng vậy, hàng ngày đi tập được ngắm cảnh hồ, gặp gỡ các cụ cùng đi tập thể dục, trò chuyện với nhau vui vẻ rồi về phụ giúp con cháu thấy tinh thần thoải mái, cơ thể khoẻ mạnh hơn, ngày nào mưa gió không đi tập được cảm thấy buồn lắm”.* Bà Nguyễn Thị Ng, 60 tuổi ở Thanh Xuân tham gia rất nhiều các hoạt động tập luyện, vui chơi, giải trí như tập thể dục dưỡng sinh vào buổi sáng, hàng tuần bác đều tham gia lớp khiêu vũ 2 lần, tham gia câu lạc bộ ca hát và bác đã tìm thấy niềm vui cuộc sống khi tham gia các hoạt động này. Bà nói: “*Bây giờ về hưu, tuổi cao rồi, nếu cứ ngồi một chỗ, không tham gia gì rất dễ này sinh tiêu cực. Phải tham gia nhiều hoạt động để vui vẻ, khoẻ mạnh. Hàng ngày tập luyện dưỡng sinh giúp thư giãn tâm hồn, tập trung tư tưởng, uốn chuyển xương khớp. Khiêu vũ vừa để thư giãn tâm hồn và cũng dẻo dai đôi chân, duy trì sức khoẻ. Học hát ca, vui ngày tháng với bạn bè giúp chúng tôi giao lưu với nhau một cách cởi mở, vui vẻ. Chúng tôi còn “hát cho nhau nghe” dù hay dù dở, miễn là cùng vui”.* Có thể nhận thấy, với thời gian

rảnh rỗi nhiều hơn khi nghỉ hưu, NNH đã dành được nhiều thời gian hơn cho bản thân, cho việc giải trí và thoả mãn NC tâm linh mà khi còn đi làm do bận rộn họ chưa thể thực hiện được.

So sánh theo giới tính, kết quả cho thấy, nữ giới thường xuyên sang nhà hàng xóm chơi và thắp hương cầu nguyện tại gia đình hơn nam giới (ĐTB của mức độ sang nhà hàng xóm chơi ở nữ giới là 4,02; nam giới: 3,63. ĐTB của mức độ thắp hương cầu nguyện tại gia đình ở nữ giới: 4,25; nam giới: 3,94; $p < 0,05$). Những NNH là nam giới GT qua internet, đọc tin tức trên mạng internet, đọc sách báo thường xuyên hơn nữ giới (ĐTB của việc GT qua internet của nam giới: 2,16; nữ giới: 2,03. ĐTB của việc đọc tin tức trên mạng internet ở nam giới: 2,95; nữ giới: 2,61. ĐTB của việc đọc sách báo ở nam giới: 4,70; nữ giới: 4,07 với $p < 0,05$).

So sánh theo thời gian nghỉ hưu, nhận thấy, có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,01$) về một số hình thức GT của những người mới nghỉ hưu và những NNH lâu năm. Cụ thể, những người mới nghỉ hưu ít sang nhà hàng xóm chơi hơn những người đã nghỉ hưu lâu năm và ít tham gia các hoạt động của quê hương, dòng họ, ít đi lễ chùa hơn những NNH lâu năm (ĐTB của mức độ sang nhà hàng xóm chơi của những người mới nghỉ hưu: 3,67; nghỉ hưu trên 5 năm: 4,01. ĐTB của mức độ tham gia các hoạt động của quê hương, dòng họ ở những người mới nghỉ hưu: 2,99; nghỉ hưu trên 5 năm: 3,36. ĐTB của mức độ đi lễ chùa, nhà thờ ở những người mới nghỉ hưu: 2,91; nghỉ hưu trên 5 năm: 3,54). Có thể do mới nghỉ hưu, chưa thực sự quen với cuộc sống mới nên người mới nghỉ hưu ít tiếp xúc với hàng xóm xung quanh hơn những người đã nghỉ hưu lâu năm. Mặt khác, với tuổi tác ngày càng cao thì NNH càng nghĩ nhiều hơn đến ông bà, tổ tiên cũng như những yếu tố tâm linh khác do đó họ đi lễ chùa cũng như tham gia các hoạt động mang tính tâm linh nhiều hơn.

Nghiên cứu cũng cho thấy, những người mới nghỉ hưu thường đọc sách báo và đọc tin tức trên mạng internet hơn những NNH lâu năm. Thực tế, những người mới nghỉ hưu, với độ tuổi trẻ hơn, đồng nghĩa với sức khỏe tốt hơn, họ dễ dàng tiếp nhận những phương tiện khoa học kỹ thuật tiên tiến hơn những người đã nghỉ hưu lâu năm.

So sánh theo học vấn, kết quả cho thấy, những NNH có học vấn đại học thường GT qua internet và đọc tin tức trên mạng internet hơn những NNH có trình độ học vấn thấp hơn (ĐTB của hình thức GT qua internet ở NNH có học vấn đại học là 2,26; NNH có hình thức phổ thông trung học: 1,84. ĐTB của hình thức đọc tin tức trên internet ở

nhóm nghỉ hưu có học vấn đại học: 3,34; nhóm học vấn phổ thông trung học: 2,06; $p < 0,01$). Có thể học vấn cao hơn giúp những NNH dễ dàng tiếp thu những phương tiện, cách thức GT mới hơn những NNH có học vấn thấp hơn.

So sánh theo nghề nghiệp trước khi nghỉ hưu, theo kết quả nghiên cứu, có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,01$) về mức độ GT của internet giữa các nhóm nghỉ hưu có nghề nghiệp khác nhau. Cụ thể, nhóm nghỉ hưu là trí thức dành nhiều thời gian để GT qua internet nhiều hơn nhóm nghỉ hưu là công nhân (ĐTB của mức độ GT qua internet ở hai nhóm này là: 2,46 và 1,80). Nhóm nghỉ hưu trí thức và công chức nhà nước cũng dành nhiều thời gian để đọc tin tức trên mạng internet hơn nhóm nghỉ hưu công nhân (ĐTB ở ba nhóm này là: 3,39; 3,17 và 1,90). Thời gian dành để đọc sách báo ở nhóm trí thức, công chức nhà nước và nhóm bộ đội, công an cũng nhiều hơn nhóm nghỉ hưu là công nhân (ĐTB của mức độ đọc sách báo ở bốn nhóm này là: 4,02; 3,95; 3,58 và 3,46; $p < 0,05$). Có thể với tính chất nghề nghiệp của mình, nhóm trí thức, công chức, bộ đội, công an có nhiều điều kiện để tiếp xúc với các phương tiện truyền thông hiện đại hơn nhóm công nhân, mặt khác, có thể do thu nhập trước đây của các nhóm này cao hơn nhóm công nhân, do đó khi về hưu họ vẫn giữ thói quen cũ và có điều kiện sử dụng các phương tiện này hơn nhóm công nhân. Nghiên cứu cũng cho thấy, nhóm nghỉ hưu là công nhân thường sang nhà hàng xóm chơi và đi lễ chùa hơn các nhóm nghỉ hưu khác. Có thể do cuộc sống lao động, hàng ngày trực tiếp làm việc với nhau, khi nghỉ hưu cũng là hàng xóm của nhau khiến nhóm nghỉ hưu là công nhân sống gần gũi với nhau hơn.

Từ kết quả nghiên cứu thực tiễn, chúng tôi rút ra một số điểm chính dưới đây về thực trạng đặc điểm GT của NNH ở Hà Nội.

Thực trạng đặc điểm nhu cầu giao tiếp

NCGT của NNH ở Hà Nội ở mức cao, trong đó nổi lên là NC tâm linh, NC trò chuyện, chia sẻ với người thân, NC được tôn trọng, được đóng góp ý kiến và giúp đỡ con cháu, NC được chia sẻ với bạn bè kiến thức để bảo vệ và nâng cao sức khỏe, NC nắm bắt tình hình kinh tế, chính trị, XH của đất nước, NC tham gia công tác xã hội.

Những NNH giữ vị trí lãnh đạo các cấp trước khi nghỉ hưu có NC trao đổi thông tin, truyền đạt kiến thức, kinh nghiệm và NC được tôn trọng, được đóng góp ý kiến cao hơn những NNH trước đây là nhân viên. NNH là nam giới có NC trao đổi thông tin, truyền đạt kiến thức, kinh nghiệm cao hơn NNH là nữ giới, nữ giới có NC tâm linh và

NC sinh hoạt cộng đồng cao hơn nam giới. Những người mới nghỉ hưu có NC chia sẻ tâm sự và NC trao đổi thông tin, truyền đạt kiến thức, kinh nghiệm cao hơn những người đã nghỉ hưu lâu năm.

Thực trạng đặc điểm đối tượng giao tiếp

Đối tượng GT của NNH ở Hà Nội chủ yếu là với những người thân trong GD và với những người quen biết cũ (bạn bè, hàng xóm) đã hiểu nhau, có tính cách, sở thích phù hợp.

Những NNH là nữ giới, người mới nghỉ hưu GT với người thân trong GD thường xuyên hơn nam giới, những NNH lâu năm. Nam giới, những NNH lâu năm tham gia sinh hoạt trong các tổ chức, nhóm XH dành cho NNH thường xuyên hơn nữ giới, những người mới nghỉ hưu. Những người là lãnh đạo các cấp khi nghỉ hưu tham gia công tác XH tích cực hơn những NNH trước đây là nhân viên.

Thực trạng đặc điểm nội dung giao tiếp

Nội dung GT của NNH ở Hà Nội trong diện được khảo sát chủ yếu về các vấn đề sức khỏe, họ hàng, quê hương, tâm linh và các vấn đề trong cuộc sống GD, cá nhân.

Những vấn đề NNH ở Hà Nội ít quan tâm, trao đổi là vấn đề văn hóa, văn nghệ, thể thao quốc tế và việc trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ.

Những NNH là nữ giới quan tâm đến các vấn đề sức khỏe cũng như các vấn đề trong cuộc sống GD hơn nam giới. NNH là nam giới quan tâm đến các vấn đề họ hàng, quê hương, tâm linh và các vấn đề văn hóa, văn nghệ, chính trị, kinh tế, XH hơn NNH là nữ giới.

Việc học tập, trao đổi chuyên môn nghiệp vụ và các vấn đề văn hóa, văn nghệ, chính trị, kinh tế, XH được nhóm nghỉ hưu là lãnh đạo và nhóm nghỉ hưu có trình độ học vấn cao đẳng, đại học quan tâm hơn những nhóm nghỉ hưu khác.

Thực trạng đặc điểm hình thức giao tiếp

Hình thức GT của NNH trong diện được khảo sát khá phong phú. Bên cạnh việc thường xuyên GT với người thân trong GD thì NNH cũng thường xuyên xem tivi, nghe đài, GT qua điện thoại. Họ cũng thường GT tâm linh với người đã khuất thông qua hình thức thắp hương cầu nguyện tại GD. Phương tiện GT hiện đại như internet ít được NNH ở Hà Nội sử dụng.

Có sự khác biệt về hình thức GT ở những NNH có thời gian nghỉ hưu, trình độ học vấn, nghề nghiệp, chức vụ công tác trước khi nghỉ hưu khác nhau. Những NNH là

trí thức, có trình độ học vấn cao thường xuyên sử dụng internet, đọc sách báo hơn những NNH là công nhân, có trình độ học vấn thấp.

3.2. MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐẶC ĐIỂM GIAO TIẾP CỦA NGƯỜI NGHỈ HƯU Ở HÀ NỘI VỚI MỘT SỐ YẾU TỐ CÁ NHÂN VÀ XÃ HỘI

Như trong chương 1 đã đề cập đến, đặc điểm GT của NNH có mối liên quan với nhiều yếu tố khác nhau. Các yếu tố liên quan có ảnh hưởng đến đặc điểm GT của NNH là một mảng rất rộng lớn, trong nghiên cứu này, chúng tôi tìm hiểu các nhóm yếu tố chính có mối quan hệ trực tiếp với đặc điểm GT của NNH ở Hà Nội, đó là những *yếu tố cá nhân* bao gồm: cảm nhận của NNH về vai trò, vị thế của họ trong GD và XH, tính cách (hướng nội, hướng ngoại) của NNH; những *yếu tố XH* bao gồm: mối quan hệ trong GD NNH, cách thức tổ chức hoạt động của các tổ chức XH dành cho NNH ở cụm dân cư hiện nay.

3.2.1. MỐI TƯƠNG QUAN GIỮA ĐẶC ĐIỂM GIAO TIẾP CỦA NGƯỜI NGHỈ HƯU Ở HÀ NỘI VỚI CÁC YẾU TỐ CÁ NHÂN

Luận án tìm hiểu mối quan hệ của các yếu tố cá nhân như cảm nhận NNH về vai trò, vị thế của họ trong GD, XH và yếu tố tính cách (hướng nội, hướng ngoại) của NNH với đặc điểm GT của họ. Mối quan hệ của từng yếu tố với các khía cạnh biểu hiện của đặc điểm giao tiếp của NNH ở Hà Nội được thể hiện như sau:

3.2.1.1. Cảm nhận của người nghỉ hưu về vai trò, vị thế của họ trong gia đình, xã hội

Kết quả nghiên cứu cho thấy, cảm nhận của NNH ở Hà Nội về vai trò, vị trí của bản thân trong GD và XH có mối tương quan thuận với các khía cạnh biểu hiện đặc điểm GT của họ. Cụ thể, cảm nhận của NNH về vai trò, vị thế của họ trong GD và XH có tương quan thuận mạnh với nội dung GT ($r = 0,615$; $p < 0,01$), tương quan tương đối mạnh với NCGT ($r = 0,436$; $p < 0,01$), hình thức GT ($r = 0,319$; $p < 0,01$), đối tượng giao tiếp ($r = 0,303$; $p < 0,01$). Trong các mối quan hệ này thì mối tương quan với nội dung giao tiếp có quan hệ mạnh nhất so với tất cả các yếu tố còn lại.

Luận án tìm hiểu cảm nhận của NNH ở Hà Nội về vai trò, vị thế của họ trong GD và XH được thể hiện qua 11 mệnh đề nêu ra để NNH tự đánh giá về vai trò, vị thế của bản thân họ. Biểu hiện cụ thể về cảm nhận của người nghỉ hưu ở Hà Nội về vai trò, vị thế của họ trong gia đình và xã hội được thể hiện tại bảng 3.6

Bảng 3.6: Cảm nhận của người nghỉ hưu ở Hà Nội về vai trò, vị thế của họ trong gia đình, xã hội

Stt	Các nội dung	Điểm trung bình	Xếp hạng
1.	Về hưu xã hội không cần đến mình nữa*	2,09	8
2.	Nghỉ hưu mình không được mọi người xung quanh tôn trọng như trước nữa*	2,08	9
3.	Hiện nay, xã hội ít quan tâm đến tiếng nói của người nghỉ hưu*	3,42	5
4.	Về hưu tôi không còn làm được gì cống hiến cho xã hội*	3,35	6
5.	Về hưu tôi là người thừa, là gánh nặng cho xã hội*	2,36	7
6.	Về hưu, tôi là người thừa, là gánh nặng cho gia đình*	1,51	11
7.	Người trong gia đình tôi không tôn trọng hỏi ý kiến tôi như trước khi tôi nghỉ hưu*	1,68	10
8.	Về hưu tôi có nhiều thời gian cho họ hàng, quê hương	4,28	4
9.	Vợ/ chồng, con cháu tôi vẫn luôn tôn trọng, yêu quý tôi, điều này không phụ thuộc tôi đã nghỉ hưu hay chưa	4,58	1
10.	Nghỉ hưu tôi có nhiều thời gian giúp đỡ con cái, chăm sóc gia đình	4,55	2
11.	Tuy đã về hưu, nhưng tôi vẫn làm được nhiều việc cống hiến cho gia đình, xã hội	4,51	3

Ghi chú: - Khi tính điểm trung bình, item có dấu * được tính điểm ngược lại;

- Thang điểm max = 5 (hoàn toàn đúng) và min = 1 (hoàn toàn sai) với ý nghĩa điểm càng cao, cảm nhận càng tích cực và điểm càng thấp thì cảm nhận càng tiêu cực.

Kết quả tại bảng 3.6 cho thấy, cảm nhận của người nghỉ hưu ở Hà Nội về vai trò, vị thế xã hội của bản thân đối với gia đình và xã hội là tích cực. Cụ thể, các mệnh đề 8,9,10,11 thể hiện cảm nhận tích cực của người nghỉ hưu về vai trò, vị thế của họ trong gia đình và xã hội đều có điểm trung bình cao. Các mệnh đề 1,2,5,6,7 thể hiện những cảm nhận tiêu cực của người nghỉ hưu về vai trò, vị thế của họ trong GD và XH có điểm trung bình thấp dưới điểm trung vị. Cảm nhận của NNH ở Hà Nội về vai trò, vị thế của họ trong GD là tích cực, thể hiện ở chỗ, vợ/ chồng, các con cháu của NNH vẫn luôn tôn trọng, yêu quý họ, không phụ thuộc vào việc họ đã nghỉ hưu hay chưa, NNH cho rằng, tuy đã về hưu nhưng họ vẫn làm được nhiều việc cống hiến cho GD và XH. Các yếu tố này được xếp thứ nhất và thứ ba trong bảng cho thấy, NNH ở Hà Nội đánh giá về vai trò vị thế của họ trong GD và XH khá tích cực. Các

mệnh đề thể hiện sự đánh giá tiêu cực của NNH ở Hà Nội về vai trò, vị thế của họ trong XH có ĐTB thấp như mệnh đề cho rằng về hưu là người thừa, là gánh nặng cho XH (ĐTB: 2,36), về hưu là người thừa, là gánh nặng cho GD (ĐTB: 1,51), mọi người trong GD không tôn trọng, hỏi ý kiến như trước khi nghỉ hưu (ĐTB: 1,68), về hưu xã hội không cần đến mình nữa (ĐTB: 2,09), về hưu không được mọi người xung quanh tôn trọng như trước nữa (ĐTB: 2,08). Từ kết quả nghiên cứu cho phép nhận định, đối với những NNH có cảm nhận tích cực về vai trò, vị thế của bản thân trong GD và XH thì họ có thái độ vui vẻ, thoải mái khi GT với người khác, có NC tiếp xúc, trao đổi với mọi người nhiều hơn, tích cực tham gia các hoạt động XH, mở rộng quan hệ hơn. Nội dung, hình thức GT cũng phong phú, đa dạng hơn. Ngược lại, nếu NNH có cảm nhận tiêu cực về vai trò, vị thế của họ trong GD và XH, họ ít có NC tiếp xúc, trao đổi với mọi người hơn, ít tham gia các hoạt động XH từ đó dẫn đến nội dung GT cũng nghèo nàn hơn. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, với mệnh đề cho rằng, hiện nay tiếng nói của NNH không được XH quan tâm có ĐTB 3,42 cho thấy XH cần quan tâm hơn nữa đến các ý kiến đóng góp của NNH.

Trên thực tế, một số NNH ở Hà Nội vẫn tiếp tục làm việc, cống hiến cho XH, đó là những người trước đây có chuyên môn cao (các giáo sư, bác sỹ...), đa số NNH khác vẫn tiếp tục làm việc tại gia đình, giúp đỡ các con cháu (chăm lo gia đình, chăm sóc các cháu, dạy các cháu học...). Cuộc sống phong phú, bận rộn với nhiều hoạt động khác nhau nên họ không cảm thấy sự vô nghĩa của cuộc sống khi nghỉ hưu. Bà Nguyễn Thị L tâm sự: *“Từ khi tôi nghỉ hưu, tôi dành hết thời gian cho gia đình, chăm sóc các cháu nhỏ cho các con yên tâm đi làm, ở nhà chăm sóc cháu và nấu nướng những bữa ăn ngon cho cả gia đình, sau một ngày lao động vất vả, thấy con cháu quây quần ấm áp, tôi rất vui”*.

Có thể thấy, môi quan hệ trong những GD NNH trong diện được khảo sát là tương đối tích cực, ít có những thay đổi đột biến khi họ nghỉ hưu, GD vẫn là nguồn chia sẻ, động viên, an ủi, là môi trường gần gũi, tích cực nhất để họ có thể tìm thấy niềm vui cuộc sống khi họ còn công tác cũng như khi họ nghỉ hưu, điều này đã tạo nên tâm trạng, cảm nhận tích cực ở NNH. Có thể nói rằng, cảm nhận tích cực về vai trò, vị thế trong GD và XH khi nghỉ hưu khiến cho NNH ở Hà Nội có tâm trạng vui vẻ, thoải mái, yêu đời, có thái độ sống tích cực, tăng cường giao tiếp với người khác để sống vui, sống khỏe hơn.

3.2.1.2. Tính cách hướng nội, hướng ngoại

Kết quả nghiên cứu cho thấy, tính cách hướng nội, hướng ngoại của NNH ở Hà Nội có tương quan thuận với các biểu hiện của đặc điểm GT của họ. Cụ thể, tính cách hướng nội, hướng ngoại của NNH ở Hà Nội có tương quan thuận mạnh nhất với đối tượng GT ($r = 0,550$; $p < 0,01$), tương quan tương đối mạnh với NCGT ($r = 0,307$; $p < 0,05$), tương quan yếu với nội dung GT ($r = 0,140$; $p < 0,01$) và hình thức GT ($r = 0,163$, $p < 0,05$). Trong các mối tương quan này thì hệ số tương quan giữa tính cách hướng nội, hướng ngoại với đối tượng giao tiếp, NCGT là tương đối mạnh với nội dung GT, hình thức GT ở mức độ yếu. Điều này có nghĩa, với những người có tính cách hướng ngoại cởi mở thì đối tượng, nhu cầu GT của họ cao hơn những người khác.

Để tìm hiểu về một số nét tính cách hướng nội, hướng ngoại của NNH ở Hà Nội, chúng tôi yêu cầu NNH trong diện được khảo sát tự nhận xét về tính cách hướng nội, hướng ngoại của bản thân theo những mệnh đề đã được đưa ra trong phiếu điều tra. Kết quả tại bảng 3.7 cho thấy tự nhận xét của các khách thể nghiên cứu về biểu hiện nét tính cách hướng nội, hướng ngoại của bản thân.

Bảng 3.7: Tự nhận xét của người nghỉ hưu ở Hà Nội về tính cách hướng nội, hướng ngoại của bản thân

Stt	Các nội dung	ĐTB	Xếp hạng
1.	Tôi thường xuyên cảm thấy cần phải chia sẻ niềm vui, nỗi buồn với một ai đó	3,87	3
2.	Tôi tiếp xúc, trò chuyện với mọi người một cách dễ dàng, tự nhiên	3,55	5
3.	Tôi cảm thấy bất hạnh nếu trong một ngày mà không được gặp gỡ, trò chuyện với mọi người	4,02	2
4.	Tôi thường có những suy nghĩ giấu kín, không muốn cho người khác biết*	2,86	6
5.	Tôi chỉ thích ngồi một mình suy nghĩ *	2,50	10
6.	Tôi là người vui vẻ, dễ hoà đồng với mọi người	3,59	4
7.	Tôi không hào hứng lắm với việc có thêm bạn mới*	2,57	8
8.	Tôi thích bày tỏ ý kiến, quan điểm của mình bằng hình thức viết hơn là nói*	2,71	7
9.	Tôi thường ngại ngần khi tham gia vào một buổi liên hoan, tiệc đông người*	2,55	9
10.	Tôi thích thường xuyên gặp các bạn trong nhóm của mình	4,04	1

*Ghi chú: - Khi tính điểm trung bình, item có dấu * được tính điểm ngược lại;*

- Thang điểm max = 5 (hoàn toàn đúng) và min = 1 (hoàn toàn sai) với ý nghĩa điểm càng cao, tính cách càng hướng ngoại và điểm càng thấp thì tính cách càng hướng nội

Kết quả tại bảng 3.7 cho thấy, theo tự đánh giá của những người nghỉ hưu trong diện được khảo sát thì đa số họ có tính cách khá cởi mở (những mệnh đề thể hiện sự cởi mở trong giao tiếp như mệnh đề 1,2,3,6,10 có điểm trung bình khá cao). Nét tính cách này làm cho người nghỉ hưu ở Hà Nội dễ dàng và thích giao tiếp với người khác Cụ thể, các mệnh đề thể hiện tính cách hướng ngoại như thích thường xuyên gặp gỡ các bạn trong nhóm của mình có ĐTB cao nhất (4,04 điểm), cảm thấy bất hạnh nếu một ngày mà không được gặp gỡ, trò chuyện với mọi người (ĐTB: 4,02), thường xuyên cảm thấy cần phải chia sẻ niềm vui, nỗi buồn với một ai đó (ĐTB: 3,87) là những mệnh đề có xếp hạng cao nhất, từ thứ nhất đến thứ ba trong bảng. Thực tế, quá trình chúng tôi tiếp xúc, làm việc với NNH ở Hà Nội nhận thấy, NNH ở Hà Nội phần lớn đều cởi mở, thích trò chuyện, chia sẻ, giúp đỡ người khác. Các buổi sinh hoạt của hội NCT nhiều NNH tham gia rất nhiệt tình, có người trên 80 tuổi vẫn tham gia hát văn nghệ và tập nhảy cùng các bạn hưu của mình. Các buổi tập văn nghệ, tập nhảy NNH rất vui vẻ, cùng nhau tập luyện và những NNH tham gia nhiệt tình các hoạt động chung này tính tình rất vui vẻ, dễ gần và khoẻ mạnh.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, rất ít NNH trong diện được khảo sát có tính cách khép kín, không thích GT với người khác (những mệnh đề biểu hiện sự khép kín trong tính cách như mệnh đề 4,5,7,8,9 có mức điểm trung bình thấp).Cụ thể, mệnh đề tôi chỉ thích ngồi một mình suy nghĩ (ĐTB: 2,50) và thích bày tỏ ý kiến của mình bằng hình thức viết hơn là nói (ĐTB: 2,71) là những mệnh đề có ĐTB thấp, ở cuối bảng xếp hạng. Quá trình nghiên cứu chúng tôi nhận thấy, chỉ có một số NNH ngại giao tiếp với người khác do tính cách sống khép kín, ít nói của họ. Họ chỉ ngồi nhà xem tivi, nghe đài, hầu như không tham gia sinh hoạt trong các tổ chức xã hội dành cho NNH. Đối tượng GT chính của họ là các con cháu, họ hàng và người giúp việc vì thế quan hệ XH của họ rất hạn chế.

3.2.2. MỐI TƯƠNG QUAN GIỮA ĐẶC ĐIỂM GIAO TIẾP CỦA NGƯỜI NGHỈ HƯU Ở HÀ NỘI VỚI CÁC YẾU TỐ XÃ HỘI

Mối quan hệ của các yếu tố xã hội: Quan hệ GD và cách thức tổ chức hoạt động của các tổ chức XH dành cho NNH ở cụm dân cư hiện nay như sau:

3.2.2.1. Môi quan hệ trong gia đình người nghỉ hưu ở Hà Nội

Gia đình bao giờ cũng là điểm tựa cho mỗi cá nhân trong cuộc sống, đặc biệt là đối với người đã về hưu, sự liên kết giữa các thành viên GD có một vai trò vô cùng quan trọng đối với họ, nhất là sự liên kết giữa các thành viên trong GD thông qua sự hiểu biết, chia sẻ, cảm thông với nhau. Mối quan hệ này ảnh hưởng đến mọi mặt trong cuộc sống của con người nói chung, NNH nói riêng. Tình cảm GD, tình thương yêu, sự kính trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, động viên, khích lệ của những thành viên trong GD sẽ giúp cho NNH giảm đi cảm giác cô đơn, bi quan, giúp họ tìm thấy niềm vui, sự lạc quan trong cuộc sống.

Xét về mối tương quan của yếu tố quan hệ trong GD NNH ở Hà Nội với các biểu hiện của đặc điểm GT của NNH ở Hà Nội thấy rằng yếu tố này có tương quan thuận với các khía cạnh biểu hiện đặc điểm GT của họ. Cụ thể, yếu tố này có tương quan thuận mạnh nhất với nội dung GT ($r = 0,655$; $p < 0,01$), sau đó với NCGT ($r = 0,530$; $p < 0,01$), tương quan thuận, tương đối mạnh với hình thức GT ($r = 0,397$; $p < 0,01$) và đối tượng GT ($r = 0,363$; $p < 0,01$; $p < 0,01$). Như vậy, mối quan hệ trong GD NNH có tương quan mạnh nhất với nội dung GT của NNH và tương quan yếu nhất với đối tượng GT của NNH.

Nghiên cứu đề cập đến những cảm nhận của cá nhân NNH ở Hà Nội về mối quan hệ trong gia đình của họ bao gồm mối quan hệ của người nghỉ hưu với con cháu (mệnh đề 1,2,3,4,5,6,7,8), mối quan hệ của người nghỉ hưu với vợ/ chồng họ (gồm các mệnh đề 9,10,11,12,13,14,15,16) và mối quan hệ của người nghỉ hưu với bà con họ hàng (gồm các mệnh đề 17,18,19,20,21). Biểu hiện các mối quan hệ trong gia đình người nghỉ hưu ở Hà Nội trong diện được khảo sát thể hiện ở bảng 3.8:

Kết quả nghiên cứu tại bảng 3.8 cho thấy, đối với người về hưu trong nghiên cứu này họ nhận được nhiều sự quan tâm, chăm sóc của GD nên mối quan hệ trong GD họ tích cực và phần lớn đạt ở mức điểm cao với điểm trung bình toàn thang đo là 4,12. Dù có các mức điểm khác nhau nhưng tất cả các mệnh đề thể hiện sự tích cực của các mối quan hệ (với vợ, con, họ hàng) trong GD NNH đều có mức điểm cao hơn mức điểm trung gian rất nhiều. Cụ thể, nếu xếp theo thứ bậc thì việc NNH được con cháu

quan tâm, chăm sóc chu đáo (ĐTB: 4,65), vợ chồng thường xuyên chia sẻ, tâm sự (ĐTB: 4,57), được con cháu tôn trọng, hỏi ý kiến (ĐTB: 4,49), con cháu gần gũi, trò chuyện (ĐTB: 4,40), họ hàng thăm hỏi khi đau ốm (ĐTB: 4,35) đều được xếp thứ hạng cao trong bảng xếp hạng. Nghiên cứu cũng cho thấy, những mệnh đề thể hiện sự tiêu cực trong các mối quan hệ của NNH với các thành viên trong GD đều có điểm trung bình thấp. Cụ thể, những mệnh đề như các con cháu thường cản trở NNH quan hệ bạn bè (ĐTB: 1,45), các con cháu cản trở tham gia hoạt động xã hội (ĐTB: 1,51), vợ/chồng cản trở tham gia hoạt động xã hội (ĐTB: 1,66), vợ/chồng cản trở quan hệ bạn bè (ĐTB: 1,60), bà con họ hàng không quan tâm (ĐTB: 1,66) đều ở những vị trí cuối trong bảng xếp hạng. Như vậy, trên thực tế hoạt động của phần lớn NNH (trong diện được khảo sát) trong các quan hệ XH là không bị hạn chế và tác động tiêu cực gì từ phía GD.

Bảng 3.8: Các biểu hiện mối quan hệ trong gia đình người nghỉ hưu ở Hà Nội

Stt	Các nội dung	ĐTB	Xếp hạng
1.	Tôi luôn được con cháu quan tâm chăm sóc chu đáo	4,65	2
2.	Con cháu tôn trọng, hỏi ý kiến tôi khi quyết định một việc gì đó	4,49	4
3.	Con cháu luôn dành thời gian gần gũi, trò chuyện với tôi	4,40	5
4.	Các con chỉ để ý đến cuộc sống vật chất mà ít để ý đến cuộc sống tinh thần*	2,23	14
5.	Các con cháu không hiểu tâm lý người già*	2,58	12
6.	Các con cháu thường cản trở quan hệ bạn bè*	1,45	20
7.	Các con cháu cản trở tham gia các hoạt động xã hội*	1,51	19
8.	Các con quá bận rộn không có thời gian trò chuyện với cha mẹ*	2,80	10
9.	Tôi thường xuyên quan tâm, chăm sóc vợ/ chồng mình	4,67	1
10.	Vợ/ chồng tôi thường không quan tâm đến tôi*	2,64	11
11.	Vợ/ chồng tôi thường xuyên trao đổi, chia sẻ, tâm tình với nhau	4,57	3
12.	Quan hệ vợ/ chồng tôi thường căng thẳng*	1,62	17
13.	Vợ/ chồng tôi thường cản trở tôi quan hệ bạn bè*	1,60	18
14.	Vợ/ chồng tôi cản trở tôi tham gia các hoạt động xã hội*	1,66	16
15.	Có những lúc tôi vui, buồn, vợ/ chồng tôi cũng không biết*	2,29	13
16.	Tôi thường gần gũi với bạn bè, người thân hơn là với vợ/ chồng tôi	2,01	15
17.	Họ hàng thường thăm hỏi tôi lúc ốm đau	4,35	7
18.	Tôi thăm hỏi, động viên họ hàng lúc khó khăn	4,26	8
19.	Bà con họ hàng chúng tôi thường qua lại thăm hỏi, giúp đỡ nhau	4,38	6
20.	Tôi và bà con họ hàng ít có dịp gần gũi nhau*	2,87	9
21.	Bà con họ hàng không quan tâm đến tôi*	1,66	16
	Điểm trung bình chung	4,12	

*Ghi chú: - Khi tính điểm trung bình, item có dấu * được tính điểm ngược lại;*

- Thang điểm max = 5 (hoàn toàn đúng) và min = 1 (hoàn toàn sai) với ý nghĩa điểm càng cao, quan hệ GD càng tích cực và điểm càng thấp thì quan hệ GD càng tiêu cực.

Từ những kết quả thu được ở trên cho phép nhận định, những NNH có mối quan hệ GD hoà thuận thì nội dung những vấn đề trao đổi giữa NNH với người khác phong phú, đa dạng hơn, NCGT của NNH cao hơn, hình thức GT sẽ đa dạng hơn. Ngược lại, nếu các mối quan hệ trong GD NNH không hoà thuận thì NCGT của NNH sẽ thấp hơn, nội dung và hình thức GT cũng hạn chế hơn. Có thể nhận thấy, mối quan hệ giữa các thành viên trong GD có ảnh hưởng đến giao tiếp và tâm lý của NNH, như một người nghỉ hưu đã tâm sự: “Nghỉ hưu là về với gia đình, mọi người trong gia đình quan tâm, yêu thương là điều cần nhất” hay một người nghỉ hưu khác chia sẻ: “Mình sống trong gia đình với con cháu, hàng ngày chúng nó quan tâm, hỏi han mình cảm thấy vui vẻ, làm được nhiều việc giúp chúng nó, còn có những gia đình bố mẹ sống với con dâu và con trai, cả ngày con dâu nó chẳng hỏi một câu, buồn lắm, nó không hỏi mình, mình cũng chẳng hỏi nó, cả ngày chẳng nói gì với nhau ngoài mấy câu chào hỏi thông thường, không khí gia đình mệt mỏi. Gia đình vui vẻ, đầm ấm, con cái ngoan ngoãn mình mới tự tin giao lưu với bên ngoài, nếu chúng nó hư hỏng, không quan tâm gì đến mình thì buồn lắm, chẳng muốn làm gì cả”. Có thể thấy, cảm nhận của người nghỉ hưu khi giao tiếp với người thân trong gia đình chính là yếu tố ảnh hưởng tích cực và tiêu cực đến cảm nhận về cuộc sống của NNH. Khi gia đình mất đi giá trị là tổ ấm của nó, đối với các đối tượng khác có thể tìm thấy niềm vui trong công việc nhưng với người nghỉ hưu dường như đó là tận cùng của sự sống, họ sẽ không thấy niềm vui sống, bệnh tật dày vò, sức khoẻ giảm sút, không người cảm thông, chia sẻ, họ sẽ sống cô đơn, thâm lặng cho đến cuối cuộc đời.

3.2.2.2. Cách thức tổ chức hoạt động của các tổ chức xã hội dành cho người nghỉ hưu ở cụm dân cư hiện nay

Trong nghiên cứu này chúng tôi tìm hiểu cách thức tổ chức hoạt động của các tổ chức XH dành cho NNH ở cụm dân cư hiện nay thông qua việc đánh giá của NNH ở Hà Nội về các mặt hình thức, nội dung, địa điểm tổ chức sinh hoạt, phương tiện, trang thiết bị phục vụ cho sinh hoạt của các tổ chức XH dành cho NNH ở Hà Nội và sự hỗ trợ về vật chất của chính quyền đối với các tổ chức XH này.

Xét về mối tương quan giữa yếu tố cách thức tổ chức hoạt động của các tổ chức XH dành cho NNH ở cụm dân cư hiện nay với các biểu hiện của đặc điểm GT của NNH ở Hà Nội thấy rằng, yếu tố này có tương quan thuận với đặc điểm GT của họ. Cụ thể, yếu tố này có tương quan thuận mạnh với đối tượng GT ($r = 0.584$; $p < 0,01$), tương quan ở mức trung bình với NCGT ($r = 0,253$; $p < 0,05$), hình thức GT ($r = 0,204$; $p < 0,01$) và tương quan yếu với nội dung GT ($r = 0,147$; $p < 0,01$). Tất cả các tương quan này đều có ý nghĩa về mặt thống kê, tuy nhiên mức độ tương quan với nhu cầu, nội dung, hình thức GT là không mạnh. Kết quả này cho thấy, các tổ chức xã hội dành cho NNH ở khu dân cư hiện tại chưa có ảnh hưởng nhiều đến nhu cầu, nội dung, hình thức giao tiếp của NNH ở Hà Nội. Có thể khi nghỉ hưu, các mối quan hệ của phần lớn NNH tập trung chủ yếu vào gia đình, bạn bè ở khu dân cư (trong các nhóm không chính thức) hơn là ở các nhóm chính thức. Hoạt động của các tổ chức XH dành cho NNH ở Hà Nội chưa đáp ứng được nhu cầu của đông đảo NNH nên chưa thu hút được nhiều NNH ở Hà Nội tham gia, vì thế việc có tham gia sinh hoạt trong các tổ chức này không phải là nhu cầu cấp thiết của NNH ở Hà Nội, ai thấy thấy vui, bổ ích thì tham gia, nếu không thấy vui, bổ ích, họ không tham gia. Có thể chính vì những lý do trên, việc có tham gia sinh hoạt trong các tổ chức XH dành cho NNH ở khu dân cư hay không hiện tại cũng không ảnh hưởng gì đến cuộc sống của họ.

Theo kết quả nghiên cứu, đánh giá của NNH ở Hà Nội trong diện được khảo sát về cách thức tổ chức hoạt động của các tổ chức XH dành cho NNH khá tiêu cực. NNH ở Hà Nội cho rằng các phương tiện, trang thiết bị phục vụ cho sinh hoạt của các tổ chức XH dành cho họ còn nghèo nàn (ĐTB 4,12), sự hỗ trợ về vật chất của chính quyền đối với các tổ chức, nhóm XH dành cho NNH chưa nhiều (ĐTB: 4,07), nội dung sinh hoạt của các tổ chức XH chưa đáp ứng được NC của NNH (ĐTB: 3,84), hoạt động của các tổ chức XH dành cho NNH còn đơn điệu về hình thức (ĐTB: 3,81), địa điểm tổ chức sinh hoạt của các tổ chức, nhóm XH dành cho NNH chưa phù hợp (3,74). Quá trình tìm hiểu, chúng tôi nhận thấy, nhiều gia đình NNH ở Hà Nội hai vợ chồng cùng đóng tiền quỹ hội NCT nhưng chỉ có một người tham gia sinh hoạt, một người không tham gia, họ nói rằng: *“Một người đi là được, có gì đâu mà phải hai ông bà đi, mất thời gian, tôi còn dành thời gian đi tập thể dục cho khoẻ”*. Thực tế hiện nay cho thấy, các tổ chức xã hội dành cho NNH ở Hà Nội chưa thực sự là chỗ lui tới thường xuyên của NNH, nó mới chỉ dừng lại là nơi giao lưu vui vẻ cho NNH, chưa thực sự hỗ trợ, giúp

đỡ NNH được nhiều trong cuộc sống do nguồn kinh phí có hạn. Một số nơi, chưa có địa điểm sinh hoạt chính thức dành cho NNH, họ phải sinh hoạt nhờ địa điểm. Nội dung sinh hoạt chưa phong phú, chính quyền chưa hỗ trợ được về vật chất cho hoạt động của các tổ chức này, do đó, chưa thu hút được nhiều NNH tham gia, tạo cho NNH cảm giác “*tham gia cũng được, chẳng tham gia cũng chẳng sao*” như một NNH đã nói. Như vậy, nếu cách thức tổ chức hoạt động của các tổ chức XH dành cho NNH ở cụm dân cư đáp ứng được tâm tư, nguyện vọng của NNH sẽ khiến họ tích cực tham gia sinh hoạt tập thể, giao lưu XH hơn.

3.2.3. MỨC ĐỘ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC YẾU TỐ ĐẾN ĐẶC ĐIỂM GIAO TIẾP CỦA NGƯỜI NGHỈ HƯU Ở HÀ NỘI

Kết quả phân tích hồi quy để tìm hiểu mức độ tác động của từng yếu tố cá nhân và XH đến các khía cạnh biểu hiện đặc điểm GT của NNH ở Hà Nội được hiển thị ở bảng sau:

Bảng 3.9: Mức độ tác động của các yếu tố chủ quan và khách quan đến đặc điểm giao tiếp của người nghỉ hưu ở Hà Nội

Các biến độc lập	Biến phụ thuộc (Các khía cạnh biểu hiện đặc điểm GT của người nghỉ hưu ở Hà Nội) (R ²)			
	NCGT	ĐTGT	NDGT	HTGT
1. Các yếu tố đơn nhất				
1. Quan hệ giữa các thành viên trong GD	0,280**	0,132**	0,731**	0,158**
2. Cách thức tổ chức hoạt động của các tổ chức XH dành cho NNH ở cụm dân cư hiện nay	0,064**	0,341**	0,022*	0,041**
3. Cảm nhận về vai trò vị thế trong GD và XH	0,142**	0,124**	0,259**	0,767**
4. Tính cách	0,054**	0,303*	0,020**	0,027**
2. Tổng hợp các yếu tố				
1. Các yếu tố chủ quan	0,179**	0,388**	0,265**	0,771**
2. Các yếu tố khách quan	0,318**	0,430**	0,734**	0,183**
3. Các yếu tố chủ quan và khách quan	0,336**	0,451**	0,756**	0,771**

*Ghi chú: * khi $p < 0,05$; ** khi $p < 0,01$*

Kết quả khảo sát tại bảng 3.9 cho thấy, tất cả các yếu tố được xem xét: nhận thức của NNH ở Hà Nội về vai trò vị thế của họ trong GD, XH, tính cách, cách thức tổ chức hoạt động của các tổ chức XH dành cho NNH ở cụm dân cư, mối quan hệ trong GD người nghỉ hưu đều có tác động đáng kể đến các khía cạnh biểu hiện đặc điểm GT của NNH ở Hà Nội nhưng với các mức độ khác nhau. Yếu tố có mức độ tác động mạnh nhất đến nhu cầu GT của NNH ở Hà Nội là yếu tố mối quan hệ trong GD người nghỉ hưu, yếu tố có mức độ tác động mạnh nhất đến đối tượng GT của NNH ở Hà Nội là yếu tố cách thức tổ chức hoạt động của các tổ chức XH dành cho NNH ở cụm dân cư hiện nay, yếu tố có tác động mạnh nhất đến nội dung GT của NNH ở Hà Nội là mối quan hệ trong GD NNH, yếu tố có tác động mạnh nhất đến hình thức GT của NNH ở Hà Nội là cảm nhận của NNH về vai trò, vị thế của họ trong GD và XH.

Kết quả thu được cho thấy, với $R^2 = 0,767$, những thay đổi trong *nhận thức của NNH ở Hà Nội về vai trò, vị thế của họ trong GD và XH* dự báo 76,7 % sự biến thiên của hình thức GT của NNH ở Hà Nội, với $R^2 = 0,341$ những thay đổi trong *cách thức tổ chức hoạt động của các tổ chức XH dành cho NNH ở cụm dân cư hiện nay* dự báo 34,1 % sự biến thiên của đối tượng GT của NNH ở Hà Nội, với $R^2 = 0,731$ những thay đổi trong *quan hệ giữa các thành viên trong GD* dự báo 73,1 % sự biến thiên của nội dung GT của NNH ở Hà Nội, với $R^2 = 0,280$ những thay đổi trong *quan hệ giữa các thành viên trong GD* dự báo 28% sự biến thiên của nhu cầu GT của NNH ở Hà Nội.

Xem xét kết quả phân tích hồi quy tuyến tính ở cụm các yếu tố chủ quan cho thấy, sự phối kết hợp giữa các yếu tố chủ quan có sự tác động mạnh đến hình thức GT của NNH ở Hà Nội ($R^2 = 0,771$, $p < 0,001$). Điều này có nghĩa, sự thay đổi hình thức GT của NNH ở Hà Nội phụ thuộc rất lớn vào các yếu tố chủ quan, cho phép dự báo tới 77,1% sự biến đổi hình thức GT của NNH ở Hà Nội. Như vậy, nếu thay đổi các yếu tố chủ quan như cảm nhận của NNH ở Hà Nội về vai trò, vị thế của họ trong GD và XH, tính cách thì dự báo sẽ có thay đổi lớn trong hình thức GT của NNH ở Hà Nội.

Kết quả khảo sát cũng cho thấy, tổng hợp các yếu tố khách quan có tác động mạnh đến hầu hết các khía cạnh biểu hiện của đặc điểm GT của NNH ở Hà Nội (nội dung GT, đối tượng GT, nhu cầu GT của NNH ở Hà Nội). Phân tích kết quả hồi quy tuyến tính cho thấy, sự thay đổi các yếu tố khách quan có thể dự báo được 73,4% sự biến đổi của nội dung GT của NNH ở Hà Nội ($R^2 = 0,734$, $p < 0,001$), dự báo được 43% sự biến đổi của đối tượng giao tiếp của NNH ở Hà Nội ($R^2 = 0,430$, $p < 0,001$), dự báo

được 31,8% sự biến đổi của nhu cầu giao tiếp của NNH ở Hà Nội ($R^2 = 0,318$, $p < 0,001$). Kết quả này phản ánh rất rõ sự tác động mạnh mẽ của yếu tố khách quan đối với giao tiếp của NNH ở Hà Nội. Đây cũng chính là điểm cần lưu ý trong việc tăng cường GT cho NNH ở Hà Nội. Muốn tăng mức độ giao tiếp và hoạt động cộng đồng của NNH ở Hà Nội không chỉ quan tâm đến yếu tố chủ quan mà rất cần phải tác động làm thay đổi yếu tố khách quan theo chiều hướng tốt hơn.

Phân trên chúng ta đã bàn đến ảnh hưởng của từng yếu tố độc lập tác động đến các khía cạnh biểu hiện đặc điểm GT của NNH ở Hà Nội. Bây giờ chúng ta sẽ xem xét, nếu kết hợp tất cả các yếu tố chủ quan và khách quan thì mức độ tác động tổng hợp của chúng sẽ ra sao?

Sự kết hợp của bốn yếu tố chủ quan và khách quan thành yếu tố tổng hợp có tác động mạnh nhất đến hình thức GT của NNH ở Hà Nội. Với $R^2 = 0,771$, $p < 0,001$ tổng hợp các yếu tố này dự báo 77,1 % sự biến thiên của hình thức GT của NNH ở Hà Nội. Tiếp theo, với $R^2 = 0,451$, $p < 0,001$ tổng hợp các yếu tố này dự báo 45,1 % sự biến thiên của đối tượng GT của NNH ở Hà Nội. Với $R^2 = 0,756$, $p < 0,001$ tổng hợp các yếu tố này dự báo 75,6 % sự biến thiên của nội dung GT của NNH ở Hà Nội. Với $R^2 = 0,336$, $p < 0,001$ tổng hợp các yếu tố này dự báo 33,6 % sự biến thiên của nhu cầu GT của NNH ở Hà Nội. Điều này có nghĩa là nếu có sự tác động đồng thời tất cả các yếu tố chủ quan và khách quan như mối quan hệ giữa các thành viên trong GD, cảm nhận về vai trò, vị thế của bản thân trong GD và XH, tính cách, cách thức tổ chức hoạt động của các tổ chức XH dành cho NNH ở cụm dân cư hiện nay thì các biểu hiện của đặc điểm GT của NNH của NNH ở Hà Nội (nhu cầu GT, đối tượng GT, nội dung GT, hình thức GT của NNH ở Hà Nội) sẽ theo hướng tích cực. Mặt khác, tổng hợp tất cả các yếu tố chủ quan và khách quan có mức độ ảnh hưởng đến đặc điểm GT của NNH của NNH ở Hà Nội mạnh hơn so với trường hợp chỉ tác động từng yếu tố độc lập. Số liệu thu được qua khảo sát thực trạng đặc điểm GT của NNH ở Hà Nội nêu trên đã gợi mở, định hướng cho chúng tôi nêu ra những biện pháp tâm lý nhằm nâng cao tính tích cực giao tiếp và hoạt động cộng đồng của NNH ở Hà Nội.

Tổng hợp lại cho thấy rằng:

Cảm nhận của NNH ở Hà Nội về vai trò, vị thế của họ trong GD và XH là yếu tố có tác động mạnh nhất đến hình thức GT của họ, mối quan hệ trong GD là yếu tố có tác động mạnh nhất đến nội dung GT, nhu cầu GT của NNH ở Hà Nội, cách thức tổ chức

hoạt động của các tổ chức XH dành cho NNH ở cụm dân cư hiện nay là yếu tố có tác động mạnh nhất đến đối tượng GT của NNH ở Hà Nội.

Sự phối kết hợp giữa các yếu tố chủ quan có sự tác động mạnh đến hình thức GT của NNH ở Hà Nội. Tổng hợp các yếu tố khách quan có tác động mạnh đến nội dung GT, đối tượng GT, nhu cầu GT của NNH ở Hà Nội.

Tổng hợp các yếu tố xã hội và cá nhân có tác động mạnh hơn so với ảnh hưởng của từng yếu tố độc lập. Đây là điểm rất cần được lưu ý trong hoạt động của các tổ chức XH để đưa ra những giải pháp đồng bộ nhằm tăng cường GT cho NNH ở Hà Nội.

3.3. ĐẶC ĐIỂM GIAO TIẾP CỦA NGƯỜI NGHỈ HƯU Ở HÀ NỘI QUA NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP

Để tìm hiểu đặc điểm GT của NNH ở Hà Nội, chúng tôi phân tích các khía cạnh biểu hiện đặc điểm GT của họ bằng phương pháp phỏng vấn sâu: Người được hỏi cung cấp những thông tin của mình liên quan đến GT hàng ngày của họ. Chúng tôi phân tích 3 nhân vật khác nhau về thời gian nghỉ hưu, nghề nghiệp, chức vụ. Ba nhân vật được phân tích là ông Đỗ Văn B, bà Nguyễn Thị T và ông Lê Xuân N là những người nghỉ hưu ở Hà Nội, đã làm những nghề như: bộ đội chuyên ngành nghỉ hưu, cán bộ quản lý cấp phòng, cán bộ cấp cao.

3.3.1. TRƯỜNG HỢP THỨ NHẤT ÔNG ĐỖ VĂN B

Ông B năm nay 70 tuổi, về hưu năm 1990 (ông là bộ đội chuyên ngành nên về hưu sớm). Trước đây, trong bộ đội ông làm ở đội xe (kỹ thuật). Vợ ông B là kế toán của một xí nghiệp giải thể, không có lương hưu. Hiện hai ông bà B đang sống tại một xã thuộc khu đô thị mới, huyện Từ Liêm (Hà Nội).

Nhu cầu giao tiếp

Qua trò chuyện, chúng tôi thấy một số NCGT nổi lên ở ông B là:

Nhu cầu chia sẻ, tâm sự (với người thân và bạn bè ở cùng khu dân cư). Gia đình ông B có 4 người con (một gái, ba trai). Một người con của ông B do làm ăn thua lỗ đã bỏ vào miền Nam sinh sống. Còn ba người con (con gái lớn và hai con trai) đang sống ở Hà Nội. Ông bà B sống cùng vợ chồng người con trai lớn và hai cháu nội. Hàng ngày, ngoài công việc của gia đình ông B thường xuyên gặp gỡ các bạn hưu ở trong xã để trò chuyện, tâm sự. đây là niềm vui chính của ông B. Ông bà B tuy ở cùng con trai nhưng do tính chất công việc nên con trai và con dâu của ông bà thường vắng nhà vì con dâu ông bà làm thợ may, con trai làm sửa chữa điện tử nên phải thuê cửa hàng để làm, họ

thường ở ngoài cửa hàng, tối mới về nhà nên họ cũng ít dành thời gian cho ông bà B. Hàng ngày hai cháu nhỏ thường xuyên đi học mẫu giáo nên chỉ có hai ông bà ở nhà trò chuyện, chăm sóc nhau.

Nhu cầu trao đổi thông tin về tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước và địa phương. Là một người lính đã từng trải qua nhiều mặt trận chiến đấu, tuổi trẻ của ông B đều ở chiến trường nên khi đất nước hoà bình ông B rất quan tâm đến tình hình phát triển kinh tế, xã hội của địa phương và đất nước, ông mong muốn quê hương, đất nước phát triển giàu mạnh, đời sống của mọi người được ấm no. Hàng ngày ông thường gặp gỡ và trao đổi với bạn bè hưu ở gần nhà về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của địa phương, đất nước, những vấn đề mới xảy ra được ông và các bạn hưu rất quan tâm, bàn luận sôi nổi (như vấn đề lấy phiếu tín nhiệm cho lãnh đạo hiện nay). Những vấn đề phát triển kinh tế ở địa phương cũng được ông B và các bạn hưu ở khu dân cư quan tâm sát sao.

Nhu cầu tâm linh: Tuy là con thứ trong gia đình, nhưng ông B rất quan tâm tới việc thờ phụng tổ tiên. Ông sinh ra và lớn lên ở Từ Liêm, Hà Nội. Đây là quê gốc của ông, những người anh em, họ hàng đều ở gần gia đình ông. Ông thường thắp hương tại gia đình vào ngày rằm, mùng 1 để cầu mong cho con cháu khoẻ mạnh, làm ăn phát đạt. Ông B còn mong muốn cùng người anh trưởng xây được một nhà thờ họ to đẹp để con cháu rằm mùng một đến hương khói cho tổ tiên để cầu mong cho mọi người trong họ tộc được khoẻ mạnh, phát đạt, nhưng việc này vẫn chưa làm được do còn một số vướng mắc về đất đai.

Đối tượng giao tiếp

Đối tượng giao tiếp chính của ông B là vợ, các con cháu và bạn bè ở cùng khu dân cư. Vợ ông B cũng ở nhà chăm sóc gia đình và các cháu, thời gian rảnh rỗi hai ông bà thường trò chuyện cùng nhau. Các con cháu tối mới đi làm, đi học về nên thời gian trò chuyện cùng ông bà không nhiều. Ông bà B có cô con gái lấy chồng ở gần nhà nên cũng thỉnh thoảng qua trò chuyện với ông bà.

Bên cạnh những người thân trong gia đình, hàng ngày ông B còn gặp gỡ, trò chuyện với bạn hưu ở cùng xã. Buổi sáng sau khi làm xong một số công việc gia đình và chăm sóc mảnh vườn nhỏ, ông B thường đạp xe đến nhà bạn bè ở gần nhà ông để trò chuyện, tâm sự. Đã thành thói quen, ngày nào không gặp gỡ bạn bè ông B cảm thấy rất

buồn. Bạn bè của ông cũng là những cán bộ hưu đang sống ở trong xã. Cùng cảnh hưu lại quen biết nhau từ lúc tuổi trẻ nên họ rất hiểu và quý nhau.

Ông B thỉnh thoảng gặp gỡ mấy người bạn già ở trong xã để trò chuyện, ông cũng là thành viên của Hội người Cao tuổi ở xã nên ông có vài người bạn già để trò chuyện hàng ngày.

Nội dung giao tiếp

Với người thân trong gia đình: Ông bà B thường quan tâm nhất là chuyện làm ăn, học hành, sức khỏe của các con cháu. Do ông bà B có một người con trai làm ăn thua lỗ, nợ nần, phải bỏ quê vào miền Nam sinh sống, vợ chồng người con trai đang ở cùng ông bà thu nhập cũng chỉ đủ ăn, không giúp gì được cho bố mẹ, cùng với việc ông bà đang thế chấp sổ đỏ của gia đình cho vợ chồng cô con gái lớn lấy tiền làm ăn nên vấn đề hàng ngày ông bà chỉ mong muốn các con làm ăn có thu nhập tốt để ổn định cuộc sống, trả nợ cho ngân hàng để ông bà đỡ lo lắng.

Ông B là bộ đội, những năm tháng tuổi trẻ của ông đều ở chiến trường, khi sức khỏe yếu, ông về hưu, hiện giờ ông bị bệnh gut rất nặng, các ngón tay, ngón chân của ông sưng lên rất to, ông đi lại khá đau đớn. Bà B cũng tuổi cao, bị bệnh đau xương khớp quanh năm, do đó hàng ngày ông bà cũng thường quan tâm, lo lắng về bệnh tật của mình, mong muốn có người chia sẻ, chỉ giúp cho các bài thuốc để uống cho đỡ bệnh. Do đang ở cùng vợ chồng con trai và cháu nội (còn nhỏ) nên tình hình sức khỏe của các con cháu cũng được ông bà rất quan tâm.

Do sinh ra và lớn lên ở Từ Liêm nên hiện nay bà con họ hàng của ông B đều đang sống gần gia đình ông, vì thế những vấn đề của bà con, họ tộc ông B rất quan tâm, ông cũng thường gặp gỡ bà con, họ hàng để thăm hỏi, trò chuyện với mọi người.

Với bạn bè : Bên cạnh việc chia sẻ những câu chuyện của cuộc sống gia đình cho nhau nghe, động viên, an ủi lẫn nhau. Mỗi người có một hoàn cảnh gia đình riêng, tuy nhiên, do sống gần nhau và sinh hoạt trong hội Người cao tuổi cùng nhau nên họ rất hiểu hoàn cảnh của nhau, những buồn vui trong cuộc sống thường được ông B và các bạn mình chia sẻ với nhau hàng ngày. Ngoài ra họ rất quan tâm đến tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của địa phương, đất nước, họ đều mong muốn địa phương và đất nước phát triển, mọi người có cuộc sống no đủ, hạnh phúc nên những diễn biến kinh tế, chính trị của địa phương, đất nước họ quan tâm, trao đổi rất sôi nổi. Các tin tức do ti vi, đài

báo phát đi được ông B và các bạn của ông theo dõi, trao đổi rất sát sao hàng ngày, đó cũng là niềm vui không thể thiếu được của họ.

Do tuổi đã cao, sức khoẻ có phần suy giảm, ai cũng có bệnh trong người nên ông B cũng như các bạn của mình rất quan tâm và thường xuyên chia sẻ kinh nghiệm chữa bệnh, các bài thuốc hay cho nhau nghe, lương hưu thấp nên ông cũng ngại đi bệnh viện khám bệnh định kỳ. Những bài thuốc do bạn bè mách được ông B áp dụng để chữa bệnh cho mình (ông B bị bệnh gut đã nhiều năm) cũng khiến ông đỡ đau xương, đi lại được dễ dàng hơn.

Do nơi ông B ở là một xã ven đô mới được lên khu đô thị mới nên ông B cũng như một số bạn của ông, gia đình có một mảnh vườn nhỏ để trồng rau, cải thiện bữa ăn cho gia đình nên ông B và các bạn thỉnh thoảng còn trao đổi với nhau kinh nghiệm trồng trọt để có rau sạch ăn hàng ngày.

Hình thức giao tiếp

Giao tiếp trực tiếp là hình thức giao tiếp chính, hàng ngày của ông B vì ông B thường gặp gỡ, trò chuyện với người thân và bạn bè hàng ngày.

Bên cạnh đó ông B cũng giao tiếp với bạn bè ở xã qua điện thoại (bạn ông là những người cựu chiến binh, một năm gặp mặt nhau một lần), khi chưa có dịp gặp mặt nhau thì thỉnh thoảng họ cũng gọi điện, trò chuyện với nhau. Ông B cũng có một người con trai đi làm ăn ở miền Nam nên ông thường xuyên gọi điện trò chuyện với con.

Hàng ngày vào buổi tối ông B thường xuyên theo dõi chương trình thời sự, phim truyện và chương trình phổ biến kiến thức trên VTV2. Ông B không đọc báo vì lương hưu thấp, ông không có tiền mua báo để đọc.

Ông B không đi lễ chùa, ông thường thắp hương tại gia đình cầu mong cho các thành viên gia đình khoẻ mạnh, làm ăn phát đạt.

Các yếu tố ảnh hưởng đến đặc điểm GT của ông B

- *Yếu tố gia đình* có ảnh hưởng đến GT của ông B. Ông bà B sinh được 4 người con và hiện nay 3 người đang sống ở Hà Nội, cuộc sống của họ cũng còn nhiều khó khăn, một người con phải chuyển vào miền Nam lập nghiệp. Thời gian đầu khi người con này làm ăn thua lỗ, nợ nần nhiều, ông bà B xấu hổ với làng xóm, không muốn đến nhà ai chơi, sau này mọi việc đã bớt căng thẳng do con ông bà đã chuyển vào Nam sinh sống, mọi việc đã nguôi ngoai dần, ông bà bớt mặc cảm hơn. Là người lính, tính tình lại vui vẻ nên ông B sống khá gần gũi với bà con, hàng xóm. Gần đây người con này cũng

làm ăn ổn định hơn, thường gọi điện về động viên, thăm hỏi nên ông bà B cũng đỡ lo lắng, buồn phiền, giao lưu thường xuyên với mọi người hơn trước.

Sống gần ông bà là cô con gái lớn đã lấy chồng và cậu con trai thứ hai chưa có gia đình nhưng không thường xuyên có mặt ở nhà, vợ chồng người con trai lớn đang ở cùng ông bà. Nhìn chung ông bà B vất vả về kinh tế do lương hưu thấp và cậu con trai út nợ nần, ông bà phải lo lắng về kinh tế cho người con này nhiều, các con trai đang ở cùng và con gái ở gần cũng không đỡ đần được cho ông bà B nhiều, ông bà B phải tự lo lắng mọi việc trong cuộc sống, mặc dù bệnh tật và tuổi đã cao, con cái ông B do mãi làm ăn mưu sinh nên cũng ít có thời gian trò chuyện cùng ông bà. Tuy nhiên, ba người con sống gần ông B cũng thương ông bà B nên ông bà B sống khá vui vẻ, không khí gia đình khá hoà thuận do ông bà B rất mực thương yêu các con và các con cũng biết suy nghĩ.

- *Cảm nhận của ông B về vai trò, vị thế của bản thân trong GD và XH khi nghỉ hưu:* Thời gian đầu khi nghỉ hưu ông B cũng cảm thấy buồn, nhưng dần dần ông cũng quen với cuộc sống khi nghỉ hưu nên dần dần lấy lại vui vẻ. Trong gia đình, ông bà phải lo lắng về kinh tế hỗ trợ cho con cái (hiện nay ông bà phải thế chấp sổ đỏ gia đình để lấy tiền cho vợ chồng cô con gái lớn làm ăn. Do là người sinh ra và lớn lên ở Từ Liêm nên trước kia ông B cũng xin được vài mảnh đất ở xã, khi xây dựng khu đô thị mới, ông B bán được mấy mảnh đất đó với giá cao nên cũng có tiền xây được nhà cho các con và cho tiền để cậu con trai thứ hai vào Nam lập nghiệp). Nhìn chung ông B vẫn là trụ cột gia đình và phải lo lắng cho con cái nhiều như khi ông còn khoẻ, chưa nghỉ hưu, ông vẫn quyết định mọi việc của gia đình nên vai trò, vị thế của ông B trong gia đình vẫn không có gì thay đổi khi ông nghỉ hưu.

Nói về cảm nhận về vai trò và vị trí của bản thân trong xã hội ông B cho rằng, bản thân người nghỉ hưu nơi ông sinh sống chẳng có tiếng nói gì trong xã hội, nói không ai nghe. Ông B có tham gia hội Cựu chiến binh nhưng theo ông bây giờ Hội cựu chiến binh cũng không còn sức chiến đấu nên ông cũng không hào hứng đi sinh hoạt. Tổ chức Đảng (chi bộ) ở địa phương thì đảng viên a dua theo quần chúng, không có tiếng nói, không tham mưu gì được cho các công việc của địa phương. Với Hội người cao tuổi ở xã, mục đích tham gia Hội người cao tuổi của đa số NCT cũng như NNH là để khi ốm có người đến thăm, chết có người của Hội đến phúng viếng. Do có nhận thức như thế nên tuy là một người năng nổ, nhiệt tình nhưng ông B không tích cực tham

gia các tổ chức xã hội ở địa phương. Không có vai trò, tiếng nói ở địa phương nên bản thân ông B cũng như những NNH ở xã suốt ngày chỉ loanh quanh trong nhà, chăm sóc mảnh vườn nhỏ và đến nhà mấy người bạn hưu để trò chuyện với nhau cho đỡ buồn.

Đánh giá về cách thức tổ chức hoạt động của các tổ chức XH dành cho NNH ở cụm dân cư hiện nay (chi hội Người cao tuổi), theo ông B, các tổ chức này hoạt động không có hiệu quả, không đại diện cho tiếng nói của người cao tuổi trong xã. Hiện tại xã đã xây được nơi sinh hoạt cho người cao tuổi, không phải sinh hoạt nhờ ở nhà văn hoá xã như trước đây nữa, nhưng hiện chưa có đầu tư gì cho hoạt động của Hội người cao tuổi (sách báo, trang thiết bị phục vụ sinh hoạt...), các hoạt động thể dục thể thao để thu hút người cao tuổi cũng không có, lịch sinh hoạt vẫn 3 tháng một lần nghe phổ biến tình hình, vì vậy, chưa thu hút được đông đảo người cao tuổi tham gia (danh sách Hội người cao tuổi ở xã là 700 người nhưng mỗi kỳ sinh hoạt chỉ khoảng 50 người đi).

Theo ông B, chi Hội người cao tuổi cần được đầu tư thêm về kinh phí để mua sách báo cho NCT đọc, cũng như nội dung hoạt động phù hợp với người cao tuổi trong xã để thu hút được nhiều người cao tuổi của xã tham gia.

Từ chân dung tâm lý của ông B cho thấy, về NCGT nổi lên ở ông B là NC chia sẻ, tâm sự (với người thân, bạn bè), NC nắm bắt thông tin về tình hình kinh tế, chính trị, XH của địa phương, đất nước, NC tâm linh (thờ cúng tổ tiên, ông bà, cha mẹ đã mất). Về đối tượng giao tiếp, ông B thường giao tiếp với người thân trong gia đình và bạn bè ở cùng khu dân cư. Thỉnh thoảng ông có gặp gỡ các bạn bè là đồng ngũ ngày xưa. Về nội dung GT ông B thường quan tâm trao đổi các vấn đề sức khỏe của bản thân, các vấn đề gia đình, cá nhân, tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của địa phương, đất nước. Về hình thức giao tiếp chủ yếu là gặp gỡ trực tiếp mọi người trong gia đình, cộng đồng dân cư và xem tivi để biết tin tức.

Theo ý kiến của ông B, chi Hội người cao tuổi ở xã chưa thực sự thu hút được NNH tham gia sinh hoạt. Chính quyền địa phương cần quan tâm hơn nữa đến hoạt động của tổ chức này để đời sống văn hoá, tinh thần của người cao tuổi ở xã được phong phú hơn.

3.3.2. TRƯỜNG HỢP THỨ HAI BÀ NGUYỄN THỊ T

Bà T, năm nay 67 tuổi, về hưu năm 2002. Bà đã tốt nghiệp Đại học Nông nghiệp. Trước khi nghỉ hưu bà là cán bộ của một cơ quan cấp Bộ. Chồng bà T là bộ đội nghỉ hưu. Hai ông bà hiện đang sống cùng GD cô con gái (có hai cháu nhỏ) ở quận Ba

Đình. Bà T hiện nay đang là Phó bí thư chi bộ của cụm dân cư và hội trưởng chi hội phụ nữ và tổ trưởng dân phố nơi bà đang sống.

Nhu cầu giao tiếp

Qua trò chuyện với bà T chúng tôi thấy, một số NC GT nổi lên ở bà T là:

- NC chia sẻ, tâm sự (với người thân trong GD và bạn bè). GD bà T ít con (hai ông bà chỉ có một cô con gái duy nhất) nên bà rất muốn trò chuyện, chia sẻ với chồng và các con cháu, khi về hưu bà dành phần lớn thời gian của mình cho GD, chăm sóc các con cháu. Được sống bên chồng con những năm tháng bình yên là niềm hạnh phúc tuổi già với bà T. Bên cạnh GD, bà còn rất mong muốn gặp gỡ, tâm sự với bạn bè (là đồng nghiệp cũ, nay đã nghỉ hưu) ở cùng khu phố. Tuổi già, cùng cảnh ngộ, đã rất hiểu nhau cho nên họ dễ dàng chia sẻ với nhau hơn. Được chia sẻ, chuyện trò với chồng con và bạn bè khiến bà T cảm thấy thoải mái, vui vẻ.

- NC sinh hoạt cộng đồng. Do bà T đang đảm nhiệm nhiều công tác XH khác nhau ở địa phương nên bà rất tích cực tham gia các công tác này. Xuất phát từ mong muốn được tiếp tục làm việc, đóng góp công sức cho XH theo khả năng và sức lực của mình nên khi được mọi người tín nhiệm bầu bà đã đảm nhận tất cả các vị trí được giao.

- NC trao đổi thông tin về tình hình kinh tế, chính trị, XH của địa phương, đất nước. Với nhiều cương vị công tác XH khác nhau khi về hưu cho nên bà T phải luôn theo sát tình hình kinh tế, chính trị, XH của đất nước để phổ biến và nói chuyện với mọi người.

Đối tượng giao tiếp

- Đối tượng GT chính của bà T là chồng bà và các con, cháu. Chồng bà T cũng đã nghỉ hưu, hàng ngày ông cùng bà T chăm sóc cháu nhỏ nên hai ông bà có nhiều thời gian trò chuyện cùng nhau. Các con bà T đi làm cả ngày, đến tối mới về nên cả nhà thường quây quần, trò chuyện vào buổi tối. Đây chính là thời điểm mà ông bà và con cái có nhiều thời gian hơn để trò chuyện và trao đổi những việc xảy ra trong ngày.

- Bên cạnh người thân trong GD, bà T cũng có một số bạn bè thân thiết ở cùng khu phố. Trước đây họ công tác cùng bà, nay cũng đã nghỉ hưu, hàng ngày bà và những người bạn thường gặp gỡ vào buổi chiều khi bé cháu đi chơi. Các bà ai cũng bận công việc GD nên chỉ tranh thủ lúc đưa cháu đi chơi mới gặp được nhau. Điều mà bà T cảm thấy quý nhất trong tình bạn này là các bà trước đây công tác cùng nhau, nay về hưu lại ở cùng khu phố, đã hiểu nhau nhiều, nay cùng cảnh ngộ càng thấy hợp nhau hơn, có

chuyện vui buồn trong cuộc sống các bà hay tâm sự cùng nhau, động viên, an ủi nhau. Bà T cho biết, bên cạnh tình cảm GD thì tình cảm mà những người bạn thân dành cho nhau rất đáng quý, khi gặp chuyện buồn vui trong cuộc sống có người để chia sẻ, dãi bày, động viên nhau. Đó là điều không thể thiếu trong cuộc sống của mỗi người.

- Là một người năng nổ, nhiệt tình với công tác XH nên bà T cũng bận rộn với các công việc của một Phó bí thư chi bộ, Hội trưởng chi hội phụ nữ và tổ trưởng dân phố, các công việc này khiến bà được gặp gỡ, tiếp xúc với người khác nhiều hơn. Các công việc này tốn nhiều công sức, thời gian nhưng do bản thân bà T có sức khỏe tốt và ý thức trách nhiệm cùng lòng nhiệt tình nên bà rất vui vẻ đảm nhiệm và hoàn thành tốt các công việc được giao, được mọi người tin nhiệm, tin yêu. Chi bộ nơi bà T làm Phó bí thư sinh hoạt một tháng một lần, đó chính là dịp để NNH ở cùng khu phố gặp gỡ, giao lưu với nhau và thu nhận các thông tin do chi bộ cung cấp. Tại buổi họp chi bộ các NNH hưu trí được phát biểu ý kiến đóng góp cho Đảng về các vấn đề đang xảy ra trên địa bàn phường cũng như một số vấn đề của đất nước. Bà T cho biết, các ý kiến đóng góp tại chi bộ rất đa dạng, bản thân bà nhận thấy, nhiều khi chưa thể giải quyết ngay các câu hỏi, các vấn đề mà nhiều NNH đặt ra. NNH có nhiều vấn đề bức xúc cần đề đạt với Đảng, Nhà nước. Hàng tháng sau khi sinh hoạt chi bộ bà T đều có báo cáo gửi Đảng uỷ phường phản ánh các ý kiến đóng góp và nguyện vọng của các đảng viên cho Đảng uỷ phường biết.

- Bên cạnh tham gia sinh hoạt Đảng, Ông bà T còn tham gia sinh hoạt trong Hội NNH của phường, Hội này họp 3 tháng 1 lần. Riêng bà T còn tham gia sinh hoạt trong chi hội Phụ nữ của cụm, Hội phụ nữ cũng họp 3 tháng 1 lần. Ngoài ra bà còn tham gia trong Hội chữ thập đỏ, Hội khuyến học của phường, nhìn chung các công tác XH khiến bà T khá bận rộn.

Nội dung giao tiếp

- Theo bà T cho biết do chồng bà đã nghỉ hưu, cùng bà chăm sóc các cháu nên hai ông bà có dịp gần gũi trò chuyện cùng nhau hàng ngày, đó cũng chính là người bạn tâm giao của bà, mọi chuyện vui buồn trong cuộc sống hai ông bà đều chia sẻ cùng nhau và chia sẻ cùng các con. Vấn đề mà GD ông bà quan tâm nhất là sức khỏe của hai cháu nhỏ (con của con gái bà) và mọi người trong GD. Con gái và con rể của bà T đều là cán bộ ngân hàng, thu nhập tương đối cao nên GD ông bà không phải lo lắng nhiều về vấn đề kinh tế của GD.

- Bà T cũng cho biết, do giữ nhiều cương vị công tác XH ở địa phương nên bà có nhiều cơ hội để thu nhận các thông tin hơn người khác (tình hình thời sự, chính trị trong nước và quốc tế, các vấn đề đặt ra cho địa phương và đất nước...). Bà cũng tự trang bị kiến thức, thông tin cho mình bằng cách đọc báo, xem tivi, những thông tin thu được qua báo chí, tivi và các tài liệu được cấp phát khiến bà tự tin hơn trong cuộc sống và công việc.

- Bên cạnh GD và công việc thì hàng ngày nhóm bạn của bà còn gặp gỡ nhau để trò chuyện, tâm sự. Những buồn vui, khúc mắc trong cuộc sống thường ngày thường được chia sẻ và nhận được sự động viên từ các bạn của bà, đây là nguồn động viên rất lớn với bà trong cuộc sống.

Hình thức giao tiếp

- GT trực tiếp là hình thức GT chính hàng ngày của bà T, vì những người bà thường GT hàng ngày là chồng, các con cháu và bạn bè ở cùng khu phố nên rất dễ dàng, thuận lợi để họ gặp gỡ, trao đổi hàng ngày.

- Đối với những người ở xa không tiện gặp gỡ trực tiếp thì bà T thường sử dụng điện thoại để liên lạc, điện thoại là phương tiện hỗ trợ bà rất nhiều trong GT và trong công việc. Do sống ở xã quê nên bà cũng thường liên lạc với bà con họ hàng qua điện thoại. Bà T cũng thường GT với bạn bè, người quen ở xa bằng điện thoại.

- Bên cạnh điện thoại, bà T cũng rất tích cực đọc báo, xem tivi, đây là hoạt động hàng ngày bà yêu thích nhất. Một số báo mà bà hay đọc như báo An ninh thủ đô, Công an, Phụ nữ.

- Bà T không đi lễ chùa, bà quan niệm, mình sống hiền lành, nhân đức thì trời Phật chứng cho, không nhất thiết phải đi lễ chùa. Bà cũng rất tin vào yếu tố tâm linh, năng thấp hương thờ cúng tại GD để cầu xin cho mọi thành viên trong GD được khoẻ mạnh, công việc thuận lợi, GD hoà thuận, êm ấm.

Các yếu tố ảnh hưởng đến đặc điểm GT của bà T

- *Yếu tố GD* có ảnh hưởng lớn đến đặc điểm GT của bà T. Vì kinh tế GD tương đối ổn định, các con có thu nhập khá, ngoan ngoãn, kính trọng cha mẹ, chồng bà luôn quan tâm, động viên, hỗ trợ bà khi bà tham gia các công tác XH. Theo bà T, *điều quan trọng nhất trong cuộc sống của bà chính là GD, các con cháu*. Được sống trong tình cảm yêu thương và tôn trọng của con cháu khiến cho ông bà cảm thấy thoải mái, tự tin trong cuộc sống. Trong GD bà mọi người tôn trọng nhau, các cháu đều ngoan ngoãn,

khỏe mạnh, lương hưu của hai ông bà đủ sống, không phải nhờ vả các con nên cuộc sống của GD ông bà nhìn chung rất thoải mái. Ông bà tôn trọng, giúp đỡ các con, ngược lại các con cũng rất kính trọng và thương yêu ông bà. Hàng ngày tuy thời gian con cái dành cho ông bà không nhiều (vì bận công việc và chăm sóc con nhỏ) nhưng ông bà cảm thấy hài lòng về các con bởi trong cách ứng xử hàng ngày họ tỏ ra rất kính trọng ông bà. Bà T cho biết, đối với ông bà, việc con cái chăm sóc ông bà lúc này cũng chưa cần thiết lắm vì ông bà còn đang khỏe mạnh, có thể đỡ đần cho con cái được nhiều việc. Chỉ cần con cái hiểu cha mẹ đã rất thương yêu chúng, trong lời ăn tiếng nói hàng ngày con cái tỏ ra tôn trọng cha mẹ là ông bà vui lòng, nếu thời gian quá bận rộn không trò chuyện được nhiều với cha mẹ cũng không sao, con cái có thể thể hiện tình cảm với cha mẹ bằng nhiều cách, nhưng quan trọng nhất là những lời nói, ứng xử hàng ngày với cha mẹ thể hiện sự thương yêu, kính trọng là được. Khi GD có việc mọi người đều bàn bạc với nhau để đi đến quyết định chung thống nhất, ông bà luôn tôn trọng ý kiến của con cái, không ép con cái, nếu chúng không thích, vì theo bà con cái đã lớn cả rồi. Chính vì những điều này mà GD ông (bà) luôn thuận hoà, yên ả.

- *Cảm nhận của bà T về vai trò, vị thế của bản thân trong GD và XH khi nghỉ hưu*, bà T nhận thức việc nghỉ hưu là quy luật tất yếu và nghỉ hưu bà sẽ có nhiều thời gian để nghỉ ngơi, chăm sóc GD, con cháu. Khi nghỉ hưu cũng là thời gian con gái bà lấy chồng và sinh cháu do đó bà rất bận rộn với việc chăm sóc cháu nhỏ, bản thân bà cũng là người vui vẻ, cởi mở với mọi người xung quanh nên khi nghỉ hưu bà đã nhanh chóng tham gia sinh hoạt trong Chi bộ, Hội NNH và bà còn được bà con dân phố tin nhiệm bầu làm tổ trưởng dân phố, các công tác XH này khiến bà cảm thấy vui vẻ, thoải mái vì được gặp gỡ, sinh hoạt với các bạn đồng trang lứa, cảm thấy mình vẫn được đóng góp công sức cho cộng đồng, XH. Chính thời gian bận rộn với các công việc của GD và XH đã khiến bà T luôn cảm thấy vui, không còn thời gian để suy nghĩ tiêu cực. Bà mong mình luôn được khỏe mạnh để tiếp tục giúp đỡ con cháu và đóng góp công sức cho XH.

- *Đánh giá của bà T về cách thức tổ chức hoạt động của các tổ chức XH dành cho NNH ở cụm dân cư*: Là người giữ nhiều cương vị công tác trong các tổ chức XH ở địa phương, bà T cho rằng “*hoạt động của các tổ chức XH rất cần thiết đối với người về hưu, nó làm bớt đi cảm giác xa rời XH của NNH, họ có dịp để gặp gỡ, giao lưu, trao đổi thông tin với nhau, hoà nhập với đời sống XH*”. Ngay khi mới về hưu bà đã tham

gia làm công tác XH, đến nay đã 6 năm bà vẫn còn tham gia, bà luôn say mê với công tác này, với cảm giác bận rộn, nó làm cho bà không cảm thấy buồn, trống vắng khi về hưu. Nhưng từ thực tế hoạt động bà nhận thấy, *sinh hoạt của các tổ chức XH nhiều khi vẫn còn mang tính hình thức, chưa đáp ứng được yêu cầu của NNH, chưa thu hút được nhiều người tham gia (tham gia cũng được, không tham gia cũng được). Kinh phí cho hoạt động của các tổ chức này không có, NNH muốn tham gia sinh hoạt phải đóng góp phí, điều đó cũng hạn chế sự tham gia của họ.* Thực tế, các tổ chức này chưa thực sự là chỗ dựa tinh thần cho NNH, ngoài việc rất đáng ghi nhận của là luôn có đại diện của tổ chức xuất hiện khi các NNH ốm đau nặng hay về già. Nhưng *trong cuộc sống của nhiều NNH hiện nay cũng còn nhiều khó khăn, cần chia sẻ, giúp đỡ thì các tổ chức này lại chưa giúp NNH được nhiều, mỗi người phải tự lo lắng cho bản thân hay con cháu, gia đình giúp đỡ là chính.*

Đối với bản thân NNH, vì lý do sức khỏe, bận công việc GD hoặc các việc khác khiến nhiều người chưa nhiệt tình tham gia sinh hoạt trong các tổ chức dành cho NNH, điều đó cũng ảnh hưởng đến hoạt động của các tổ chức này.

Theo bà T, *các tổ chức XH cần được đầu tư thêm về kinh phí cũng như nội dung hoạt động để đáp ứng tốt hơn NC của NNH. NNH cần chủ động, tích cực hơn trong việc tham gia sinh hoạt, hoà nhập với XH, cộng đồng.*

Từ chân dung tâm lý của bà T cho thấy, về NC GT nổi lên ở bà T là NC chia sẻ, tâm sự (với người thân, bạn bè), NC sinh hoạt cộng đồng và NC nắm bắt thông tin về tình hình kinh tế, chính trị, XH của địa phương, đất nước. Về đối tượng GT, bà thường tiếp xúc với người thân trong GD và bạn bè là chủ yếu. Bên cạnh đó, bà T còn tích cực tham gia sinh hoạt trong các tổ chức XH ở địa phương (Hội NNH, Hội phụ nữ...). Về nội dung GT, bà T thường quan tâm, trao đổi các vấn đề về sức khỏe, tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của địa phương và đất nước, những vấn đề của cuộc sống gia đình, cá nhân. Hình thức GT của bà T khá phong phú, đa dạng. Bên cạnh việc GT trực tiếp thường xuyên với mọi người, bà T còn tích cực xem tivi, đọc báo và GT với người khác qua điện thoại. Bà T cũng thường xuyên thấp hương cầu nguyện tại gia đình.

Theo đánh giá của bà T, các tổ chức XH chưa thực sự thu hút được NNH tham gia. Cần có sự quan tâm hơn nữa của Nhà nước (về vật chất) để nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức này. GD vẫn là chỗ dựa cả về mặt vật chất và tinh thần của bà T. Bên cạnh đó, tính cách, thái độ sống tích cực của bản thân bà T khi nghỉ hưu cũng góp

phần quan trọng để bà nhanh chóng hoà nhập, thích nghi với cuộc sống mới khi nghỉ hưu, giúp bà sống vui, sống khoẻ.

3.3.3. TRƯỜNG HỢP THỨ BA ÔNG LÊ XUÂN N

Ông Lê Xuân N, 62 tuổi, mới nghỉ hưu được gần 2 năm. Ông đã từng học tại trường đại học Harvard, Mỹ, là Tiến sỹ kinh tế, chuyên gia kinh tế cao cấp. Từ khi nghỉ hưu đến nay ông vẫn là cố vấn kinh tế cho Chính phủ và cố vấn kinh tế cho một số Ngân hàng thương mại ở Việt Nam. Có thể nói ông Lê Xuân N là một trường hợp điển hình cho những NNH ở Hà Nội có chuyên môn cao hiện nay.

Về nhu cầu giao tiếp

- Mặc dù đã nghỉ hưu nhưng ông N có nhu cầu cao về trao đổi thông tin, truyền đạt kiến thức kinh nghiệm, NC chia sẻ tâm sự với người thân, bạn bè và NC tâm linh. Ông không có NC tham gia sinh hoạt trong các tổ chức xã hội dành cho NNH vì ông thấy các tổ chức đó không phù hợp với bản thân.

Do có chuyên môn cao, ông rất mong muốn được giúp đỡ các bạn trẻ trong công việc, ông thường giúp đỡ những người làm luận văn tốt nghiệp, luận văn Thạc sỹ, luận án Tiến sỹ vì theo ông, những thông tin và kiến thức mà ông cung cấp rất hữu ích cho những người này khi viết luận văn, luận án. Mong muốn giúp đỡ, truyền đạt kiến thức, kinh nghiệm của bản thân cho những người trẻ tuổi là mong muốn từ lâu của ông nhưng trước đây do quá bận rộn với công việc, ông không có thời gian để làm việc đó, nay đã nghỉ hưu, bớt bận rộn hơn nên ông sẵn lòng chia sẻ những kiến thức, kinh nghiệm chuyên môn với những ai có NC hiểu biết, nâng cao kiến thức chuyên môn. Tuy đã nghỉ hưu nhưng do có chuyên môn cao nên ông N được các ngân hàng lớn mời làm cố vấn và trả lương rất cao, thời gian hàng ngày của ông vẫn dành nhiều cho công việc, đó là đam mê của ông. Ngoài ra, ông vẫn là cố vấn kinh tế cao cấp của Chính phủ nên NC cập nhật nắm bắt thông tin hàng ngày để phân tích, đưa ra những dự báo, kiến nghị về các vấn đề kinh tế với Chính phủ, thói quen làm việc vẫn duy trì. Điều này khác với số đông NNH hiện nay.

- Hiện nay, tuy đã nghỉ hưu nhưng ông N vẫn rời nhà vào lúc 8h30 sáng và trở về GD lúc 8h tối. Dường như cuộc sống của ông không mấy thay đổi khi đã nghỉ hưu, nhưng như ông nói, khoảng thời gian ông dành cho GD đã nhiều hơn trước kia rất nhiều, buổi tối thay vì đọc tài liệu chuẩn bị cho buổi làm việc ngày mai thì ông có thể nghỉ ngơi, xem tivi và trò chuyện với vợ và các con cháu. Ông nói, bây giờ đã nghỉ hưu,

áp lực công việc giảm, ông cảm thấy thư thái hơn, những buổi tối GD quây quần trò chuyện cùng nhau, không phải lo lắng ngày mai sẽ phải làm gì, khiến ông cảm thấy rất hạnh phúc.

- Ông N cũng là một người sống rất có tình nghĩa với quê hương, họ hàng. Ông rất quan tâm đến vấn đề tâm linh. Ông thích đi lễ các đền, chùa với bạn bè (khi có điều kiện rảnh rỗi). Ông chi tiền xây nhà thờ họ ở quê, giúp đỡ con cháu ở quê ra Hà Nội học. Xuất thân của ông từ một GD nghèo ở tỉnh Nghệ Tĩnh (cũ), nay ông đã là một người thành đạt, có điều kiện về kinh tế, do đó ông muốn giúp đỡ bà con họ hàng ở quê và xây nhà thờ họ ở quê như một sự tri ân với quê cha, đất tổ, “uống nước nhớ nguồn” của một người con xa quê. Ông nói: “Quê tôi nghèo khó, tôi ra Hà Nội công tác và thành đạt ở nơi đây, trong lòng lúc nào cũng nhớ về quê cha, đất tổ. Xây được nhà thờ họ to đẹp ở quê để nơi thờ phụng tổ tiên được đàng hoàng khiến tôi rất phấn khởi”.

Đối tượng giao tiếp

- Theo ông N cho biết. Trước đây còn đi làm đối tượng GT chính của ông là các trí thức (đồng nghiệp). Nay đã nghỉ hưu ông vẫn duy trì sự tiếp xúc với các đồng nghiệp hoặc người có cùng chuyên môn (có liên quan đến công việc ông đang làm), đây vẫn là đối tượng GT chính của ông. Tuy nhiên, mức độ tiếp xúc không nhiều như trước nữa. Có một sự thay đổi trong đối tượng GT của ông N là trước đây ông không có thời gian dành cho bạn bè vì quá bận rộn với công việc. Nay nghỉ hưu ông tiếp xúc với bạn bè cũ nhiều hơn (ông không thích có thêm bạn mới). Việc gặp gỡ, trò chuyện với bạn bè cũ (thời cấp 1, cấp 2, cấp 3), chia sẻ và giúp đỡ họ mang lại cho ông nhiều niềm vui. Hàng ngày, từ sáng đến tối (8h tối) là ông dành cho công việc và bạn bè, đó là niềm vui của ông. Tuy đã nghỉ hưu nhưng ngày nào ông cũng đi ra ngoài để gặp gỡ bạn bè, đồng nghiệp, ngày nào không ra khỏi nhà là ông cảm thấy buồn.

- Do đã nghỉ hưu, áp lực công việc giảm đi nhiều nên ông cũng có nhiều thời gian dành cho GD hơn, ông cũng quan tâm, chăm sóc, chia sẻ với vợ con, các cháu nhiều hơn trước. Vợ ông là một công chức đã nghỉ hưu, nay ở nhà trông cháu nội (con của anh con trai trưởng), hai ông bà thường xuyên trò chuyện cùng các con cháu vào buổi tối. Tuy nhiên ông cũng tâm sự rằng, ông không thể ở nhà quá một ngày để trông cháu như bà được vì công việc này quá mệt mỏi, vất vả, không phù hợp với ông.

Nội dung giao tiếp

- Nội dung GT chính của ông N vẫn là những vấn đề liên quan đến công việc của ông (tình hình kinh tế, chính trị của đất nước và quốc tế) do ông vẫn là cố vấn kinh tế của Chính Phủ và cố vấn kinh tế cho hai ngân hàng thương mại. Tình hình kinh tế, chính trị, XH của đất nước và quốc tế vẫn được ông cập nhật hàng ngày.

- Bên cạnh đó ông cũng rất quan tâm đến các vấn đề về sức khoẻ của bản thân, ông nhận thấy, trước kia do mải công việc, ông không để ý đến sức khoẻ của bản thân, khi nghỉ hưu đi kiểm tra sức khoẻ, ông phát hiện mình cũng có nhiều bệnh trong người, do đó những kinh nghiệm để bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ ông cũng rất quan tâm chia sẻ khi gặp gỡ bạn bè.

- Ông N tâm sự, ông đặc biệt thích trao đổi chuyên môn nghiệp vụ, giúp đỡ với những người trẻ tuổi. Hàng ngày bên cạnh việc trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ với đồng nghiệp, ông vẫn bớt chút thời gian để giúp các bạn trẻ làm luận văn tốt nghiệp hoặc luận án Tiến sỹ, ông cho rằng với những kiến thức, kinh nghiệm mà ông có được trong quá trình công tác của mình, nếu không giúp đỡ các bạn trẻ thì thật là uổng phí, do đó, ông rất sẵn lòng giúp đỡ khi các bạn trẻ gọi điện xin gặp ông để được tư vấn thêm về vấn đề của họ.

- Bên cạnh đó thì buổi tối hàng ngày ông cũng dành nhiều thời gian hơn (so với hồi còn đi làm) để trò chuyện với vợ và các con cháu của mình (Anh con trai trưởng đang ở cùng ông bà). Ông cũng đọc các loại sách tâm lý, sách về nuôi dạy trẻ em để trò chuyện, chia sẻ với bà và các con về cách chăm sóc, dạy dỗ cháu nhỏ, đây cũng là điều mà ông rất yêu thích. Trước đây khi còn đi làm, ông hầu như không có nhiều thời gian để trò chuyện với bà và các con, hàng đêm ông phải thức đến 12h đêm để đọc tài liệu, viết báo cáo để ngày mai báo cáo cho cấp trên. Đôi khi mệt mỏi, căng thẳng, ông thường cáu gắt với vợ con. Nay nghỉ hưu, không còn áp lực công việc, ông thấy cuộc sống thư thái, nhẹ nhàng hơn, ông dành nhiều thời gian hơn để trò chuyện, chăm sóc vợ và con cháu. Điều này khiến mọi người trong GD rất vui vẻ. Theo ông, đây chính là một thay đổi tích cực trong cuộc sống của ông khi nghỉ hưu.

- Ông N tâm sự, ông hầu như ít giao lưu với hàng xóm vì ông không có thời gian. Công việc đã chiếm mất nhiều thời gian của ông và ông thích gặp gỡ bạn bè, đồng nghiệp hơn là hàng xóm. Theo ông có thể do cuộc sống của ông từ trước đến giờ chỉ toàn tâm toàn ý lo cho công việc, tính chất công việc lại quá bận rộn nên ông ít có thời

gian giao lưu, tiếp xúc với hàng xóm, nay về hưu vẫn bận rộn với nhiều công việc, ông cũng chưa có thời gian rảnh để gặp gỡ hàng xóm hàng ngày.

Hình thức giao tiếp

- Theo ông N cho biết, ông vẫn làm việc và xử lý thông tin bằng hình thức gặp gỡ trực tiếp hoặc qua điện thoại. Điện thoại cũng là một trong những hình thức GT chính của ông với mọi người.

- Buổi tối khi về nhà, sau khi ăn tối ông thường xem tivi và đọc sách báo. Những thú vui thư giãn này ông nói, khi đi làm ông hầu như không có thời gian. Ông đặc biệt thích đọc sách, báo. Trước kia khi còn đi làm, ông chỉ dành thời gian để đọc tài liệu vào buổi tối, nay đã nghỉ hưu ông đọc rất nhiều sách, từ tiểu thuyết đến các sách khoa học, tâm lý. Theo ông là để nâng cao hiểu biết của bản thân về các lĩnh vực khác nhau (tự trang bị kiến thức cho bản thân, một thói quen suốt cuộc đời mà ông muốn duy trì). Ông nói, chính việc đọc các sách này giúp ông trò chuyện được với các con nhiều hơn, trao đổi với bạn bè, bà và các con nhiều hơn xoay quanh đề tài nuôi dạy trẻ em như thế nào (cháu nội của ông).

- Hàng ngày, ông vẫn giữ thói quen đánh bóng bàn từ 5h chiều đến 8h tối ở cơ quan cũ với các đồng nghiệp cũ, ngoài thói quen này ông không thích tham gia bất cứ một môn thể thao nào khác. Theo ông, đánh bóng bàn là môn thể thao nhẹ nhàng, phù hợp với ông và giúp ông duy trì sự dẻo dai, khoẻ mạnh của cơ thể và bên cạnh đó thì việc vẫn được gặp gỡ, giao lưu với các bạn đồng nghiệp cũ cũng khiến ông cảm thấy vui vẻ, các đồng nghiệp cũ đều rất yêu quý ông bởi năng lực chuyên môn cao và tính tình vui vẻ, hay giúp đỡ người khác của ông.

- Ông N không thích đi tham quan, du lịch bởi với tính chất công việc trước đây, ông đã đi lại quá nhiều (cả trong nước và ngoài nước), nay nghỉ hưu ông muốn trở về cuộc sống trầm lắng hơn, bớt ồn ào hơn và đọc sách chính là một trong những hình thức thư giãn chủ yếu của ông.

Các yếu tố ảnh hưởng đến giao tiếp của ông N

- *Yếu tố GD*: Theo ông N, một GD hoà thuận, yên ấm, các con ngoan, thành đạt là niềm hạnh phúc lớn nhất của đời ông đến thời điểm này. Chính GD luôn là hậu phương vững chắc của ông, giúp ông có thể toàn tâm, toàn ý dành cho công việc và thanh thoi khi nghỉ hưu. Bà luôn chăm lo chu toàn cho GD, chia sẻ, động viên ông trong cuộc sống, nuôi dạy các con ngoan ngoãn, thành đạt để ông yên tâm công tác. Hai

con ông đều thành đạt, kính trọng bố mẹ. GD ba thế hệ chung sống hoà thuận, giúp ông luôn thoải mái, vui vẻ. Để có được điều này, ông N tâm sự, từ khi còn trẻ ông bà đã luôn đặt vấn đề nuôi dạy con ngoan, học giỏi lên hàng đầu. Đối với ông bên cạnh việc dành công sức cho việc học tập, phấn đấu trên con đường công danh sự nghiệp thì vấn đề nuôi dạy con là một trong những mối quan tâm hàng đầu của hai ông bà, do đó, đến thời điểm hiện nay, các con của ông bà rất kính trọng, yêu thương cha mẹ.

- *Yếu tố nhận thức về vai trò, vị thế trong GD và XH khi nghỉ hưu:* ông N tâm sự, ông hoàn toàn vui vẻ, thoải mái khi nghỉ hưu. Ông cho rằng, bản thân ông khi còn đi làm luôn cố gắng để học tập, rèn luyện, phấn đấu để có một vị trí tốt trong công việc. Khi làm việc, ông được cấp trên và đồng nghiệp tôn trọng do chuyên môn cao và sự làm việc nhiệt tình hết mình của ông. Trước khi nghỉ hưu hai năm, ông đã chuẩn bị tâm thế sẵn sàng cho việc nghỉ hưu, chuẩn bị cả về vật chất và tinh thần, cho nên ông không bị “sốc”. Khi nghỉ hưu ông vẫn được mọi người nể trọng, nhiều nơi mời làm việc, thu nhập còn nhiều hơn khi ông còn đi làm. Ông cho rằng, khi nghỉ hưu mà mình vẫn còn “lửa” tức là còn khoẻ mạnh, có nhiều việc để làm, có bạn bè để gặp gỡ tâm sự, có thu nhập từ việc làm thêm giúp ông có cuộc sống thoải mái cả về vật chất và tinh thần. Điều này làm ông cảm thấy hạnh phúc và càng nỗ lực làm việc, giúp đỡ mọi người hơn. Ông nói “Cuộc sống khi nghỉ hưu buồn nhất là không có gì để làm, không có bạn để chơi, suốt ngày chỉ quanh quẩn trong bốn bức tường”.

- *Yếu tố tính cách và nhận thức của bản thân:* Ông N tự nhận mình là một người vui vẻ, hoà đồng, ham học hỏi, sống chan hoà, yêu thương và hay giúp đỡ mọi người, đồng thời ông cũng không phải là con người có nhiều tham vọng. Mục tiêu mà ông đặt ra trong suốt cuộc đời mình là không ngừng học hỏi, nỗ lực phấn đấu hết mình để hoàn thành tốt các công việc mà mình phụ trách. Danh vọng đối với ông không quá quan trọng. Khi làm bất cứ một việc gì bao giờ ông cũng tự đặt cho mình câu hỏi: “*Để làm gì?*” và ông sẽ trả lời câu hỏi đó, nếu thấy nó không phù hợp với mục tiêu mà ông đề ra, ông sẽ không làm, không theo đuổi. Ông không đặt quá nhiều tâm tư vào các vấn đề chính trị, đơn giản trong cuộc sống ông là một cố vấn kinh tế, ông dồn hết sức lực của mình vào công việc đó và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình, điều đó khiến ông vui vẻ và được mọi người quý mến. Khi chuẩn bị về hưu, ông cũng đã chuẩn bị tư tưởng trước cho mình, chuẩn bị những chỗ để đi làm thêm, do đó, khi có quyết định nghỉ hưu, ông không hẫng hụt mà nhanh chóng chuyển sang một vị trí công việc mới ở

hai ngân hàng thương mại mà ông làm cố vấn. Với nhiều công việc bận rộn ở vị trí mới, thu nhập cao khi đi làm thêm, ông luôn cảm thấy vui vẻ, thoải mái và yêu đời. Khi nghỉ hưu, ông dành tiền để giúp đỡ bạn bè, người thân gặp khó khăn. Quan tâm hơn đến cuộc sống của GD và các con. Điều đó khiến mọi người yêu quý và tôn trọng ông hơn. Theo ông N: *“Để có một cuộc sống vui vẻ, thoải mái sau khi nghỉ hưu, theo tôi điều quan trọng nhất không phải là Nhà nước làm gì cho mình mà chính là bản thân mỗi cá nhân tự xác định một thái độ sống phù hợp cho mình. Khi nghỉ hưu nên buông bỏ những vấn đề chính trị, tập trung chăm sóc GD, con cháu, dành nhiều thời gian thư giãn, chăm sóc sức khỏe cho bản thân, tăng cường gặp gỡ, giao lưu với bạn bè, nếu có công việc để làm thêm thì nên tham gia cho vui”*. Chính thái độ sống tích cực này khiến cuộc sống của ông luôn vui vẻ, hạnh phúc.

Sau khi phỏng vấn sâu một số trường hợp điển hình, tổng hợp lại cho thấy:

Khi về hưu, NC GT của NNH nổi lên là NC chia sẻ, tâm sự với người thân và bạn bè, NC chăm sóc sức khỏe và NC cập nhật thông tin về tình hình kinh tế, chính trị, XH của địa phương, đất nước. Về đối tượng GT, GT với đồng nghiệp giảm đi, họ GT với người thân và bạn bè nhiều hơn. Về nội dung GT, vấn đề được NNH quan tâm là các vấn đề về sức khỏe, các vấn đề về họ hàng, quê hương, tâm linh và các vấn đề trong cuộc sống GD, cá nhân, các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội của địa phương và đất nước. Về hình thức GT, họ thường xuyên GT trực tiếp (gặp gỡ, trò chuyện với người thân, bạn bè) bên cạnh đó những hình thức giao tiếp gián tiếp phổ biến của NNH là GT qua điện thoại, xem tivi, đọc sách báo...

Những yếu tố có ảnh hưởng nhiều nhất đến GT của NNH đó chính là cảm nhận về vai trò, vị thế của họ trong GD và XH khi nghỉ hưu, tính cách của NNH, mối quan hệ trong GD NNH. Trong đó, việc chuẩn bị tâm thế sẵn sàng cho việc nghỉ hưu đóng một vai trò quan trọng cho việc thích nghi của NNH với giai đoạn mới khi nghỉ hưu. Mối quan hệ GD hoà thuận, yên ấm, giúp NNH tự tin hơn trong GT với mọi người. Hoạt động của các tổ chức xã hội dành cho NNH ở cụm dân cư hiện nay nhìn chung chưa thu hút được nhiều NNH tham gia do nội dung và cách thức tổ chức hoạt động chưa hiệu quả.

Quá trình phỏng vấn các trường hợp, chúng tôi phát hiện thấy có một sự khác biệt rõ rệt về GT giữa nam và nữ, giữa những NNH có chức vụ khác nhau trước khi nghỉ hưu. Cụ thể: Những NNH là nữ giới và là công chức khi nghỉ hưu có xu hướng

dành hầu hết thời gian của họ cho GD và chăm sóc các cháu nhỏ. Với nam giới, khi nghỉ hưu bên cạnh việc dành nhiều thời gian hơn cho GD, họ còn dành thời gian của mình để gặp gỡ, giao lưu với các bạn bè, đồng nghiệp cũ. Với những NNH có trình độ chuyên môn cao, khi nghỉ hưu họ vẫn tiếp tục tham gia các công việc khác phù hợp với chuyên môn cao của họ, với những người này, áp lực công việc có giảm đi nhưng họ vẫn thường xuyên trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ, họ vẫn tiếp tục gặp gỡ các đồng nghiệp cũ.

3.4. MỘT SỐ BIỆN PHÁP TÂM LÝ TĂNG CƯỜNG GIAO TIẾP CHO NGƯỜI NGHỈ HƯU Ở HÀ NỘI

Trên cơ sở phân tích những vấn đề lý luận và kết quả nghiên cứu thực tiễn cho thấy, đặc điểm GT của NNH ở Hà Nội chịu tác động của nhiều yếu tố. Trong đó, yếu tố nhận thức của NNH có ảnh hưởng mạnh đến hình thức GT của NNH ở Hà Nội, yếu tố mối quan hệ trong GD người NNH có ảnh hưởng mạnh đến nhu cầu GT và nội dung GT của NNH ở Hà Nội. Vì vậy, việc nâng cao nhận thức, duy trì mối quan hệ hoà thuận trong GD sẽ giúp NNH ở Hà Nội dễ dàng, tích cực hơn trong GT. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu còn cho thấy, yếu tố cách thức tổ chức hoạt động của các tổ chức XH dành cho NNH ở cụm dân cư hiện nay có ảnh hưởng mạnh đến đối tượng GT của NNH ở Hà Nội. Vì vậy, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức xã hội dành cho NNH sẽ thu hút được nhiều NNH ở Hà Nội tham gia các hoạt động xã hội hơn. Để tăng cường giao tiếp cho NNH ở Hà Nội, một trong những vấn đề quan trọng là phải hình thành và phát triển các yếu tố có ảnh hưởng đến nhu cầu, đối tượng, nội dung, hình thức giao tiếp của NNH ở Hà Nội theo chiều hướng thuận lợi.

Trên cơ sở kết hợp với những phân tích về thực trạng đặc điểm giao tiếp của NNH ở Hà Nội, các yếu tố tác động đến đặc điểm GT của NNH ở Hà Nội và mức độ tác động của chúng, nghiên cứu đưa ra một số biện pháp tâm lý nhằm tăng cường GT cho NNH ở Hà Nội. Cụ thể như sau:

3.4.1. BIỆN PHÁP TĂNG CƯỜNG GIAO TIẾP CHO NGƯỜI NGHỈ HƯU THÔNG QUA NHẬN THỨC

Nhận thức có ảnh hưởng đến toàn bộ đời sống tâm lý của cá nhân và là một trong những yếu tố quan trọng chi phối hoạt động của cá nhân đó. Đối với cá nhân, nhận thức đóng vai trò hình thành các mối quan hệ của cá nhân với những người khác và tạo cho cá nhân cách thức xử lý các mối quan hệ trong GD. Trên bình diện cuộc sống XH, nhận

thức đúng giúp cá nhân bình thản đón nhận sự kiện nghỉ hưu từ đó có thái độ sống tích cực sau khi nghỉ hưu. Do đó, việc nâng cao nhận thức cần được thực hiện ngay từ trước thời kỳ nghỉ hưu.

Nghiên cứu thực tiễn đã chỉ rõ, khi có nhận thức đúng giúp NNH tự tin, thoải mái, coi việc nghỉ hưu là điều bình thường và tích cực tham gia hoạt động, GT, tiếp tục đóng góp công sức cho GD và XH.

Dưới đây là các nội dung cụ thể:

- Chuẩn bị tinh thần cho người sắp nghỉ hưu. Việc chuẩn bị này có thể bằng cách giúp họ làm quen với các tổ chức quần chúng dành cho NNH nơi họ cư trú, làm quen với các câu lạc bộ, với các sinh hoạt văn hoá, thể thao, nghệ thuật phù hợp với lứa tuổi. Có sự trợ giúp của các chuyên gia tâm lý, giúp họ hiểu hơn về những đặc điểm tâm lý lứa tuổi, về những thuận lợi và khó khăn trong giai đoạn chuyển tiếp này để họ thích nghi tốt hơn khi nghỉ hưu.

- Cung cấp tài liệu dưới nhiều hình thức (sách báo, tài liệu) về văn hóa, khoa học, pháp luật, chế độ, chính sách... để họ tự nghiên cứu, tìm hiểu nâng cao nhận thức cho bản thân.

- Khuyến khích, động viên, tạo điều kiện để NNH nâng cao trình độ hiểu biết bằng cách tổ chức các lớp học dành cho NNH để họ có thể tham gia ngay sau khi nghỉ hưu theo nhu cầu và sở thích cá nhân (lớp học vẽ, học nấu ăn, học yoga, học khiêu vũ, học tiếng nước ngoài...).

- Cung cấp thông tin về những việc làm tình nguyện phù hợp để NNH có thể được tiếp tục làm việc, hoà nhập và cống hiến cho XH giúp họ tự tin hơn, tránh được cảm giác bị cô lập, tách rời khỏi cuộc sống XH.

3.4.2. BIỆN PHÁP CẢI THIỆN MỐI QUAN HỆ TRONG GIA ĐÌNH

Khi nghỉ hưu, NNH sống gắn bó với GD. GD là nhóm XH gần gũi nhất với NNH, đặc biệt, GD có vai trò rất to lớn trong việc bảo đảm mọi mặt cho toàn bộ cuộc sống của họ. Không khí GD ấm cúng, hòa thuận, sự hiểu biết, chia sẻ, cảm thông của các thành viên trong GD đối với người mới về hưu có vai trò quan trọng trong việc nâng cao thái độ tích cực của họ với cuộc sống. Nghiên cứu thực tiễn đã cho thấy, yếu tố mối quan hệ trong GD NNH có ảnh hưởng đến GT của họ. Mối quan hệ GD hoà thuận, đầm ấm giúp NNH tự tin, vui vẻ trong việc GT với người khác, họ tích cực tham gia hoạt động và giao lưu giúp cuộc sống thể chất và tinh thần của họ khoẻ mạnh hơn. Dưới đây là một số nội dung cụ thể để tạo không khí ấm cúng, hoà thuận trong GD:

- Xây dựng cuộc sống GD hoà thuận, có nền nếp: cha mẹ yêu thương, dạy bảo, truyền đạt cho con cái những kinh nghiệm trong cuộc sống, xã hội, con cái kính trọng,

hỏi ý kiến cha mẹ về những vấn đề cần thiết trong cuộc sống, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của cha mẹ. Các thành viên sống có trách nhiệm với bản thân và GD, cùng nhau góp sức xây dựng cuộc sống vật chất ổn định cho GD mình.

- Cần có sự thông cảm, hiểu biết, tôn trọng lẫn nhau giữa các thành viên trong GD. Các thành viên trong GD cần được giáo dục, trang bị kiến thức để có thể hiểu biết hơn về đặc điểm tâm lý của NCT để cư xử đúng mực, khéo léo hơn với NCT trong GD.

- Tăng cường giao lưu, chia sẻ giữa các thành viên trong gia đình. Việc các thành viên GD thường xuyên nói chuyện, chia sẻ cởi mở, chăm sóc lẫn nhau về vật chất cũng như tinh thần, khi khoẻ mạnh và những lúc ốm đau sẽ giúp mọi người trong GD giải toả được những căng thẳng, vướng mắc trong cuộc sống hàng ngày, giúp họ vui vẻ và khoẻ mạnh hơn.

3.4.3. BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI DÀNH CHO NGƯỜI NGHỈ HƯU

Kết quả nghiên cứu cho thấy, việc tổ chức các hoạt động cộng đồng phong phú chính là tạo điều kiện để NNH có môi trường thuận lợi để tăng cường hoạt động và giao lưu nhằm nâng cao sức khoẻ thể chất và tinh thần cho họ. Các tổ chức XH như Hội NNH, Hội Phụ nữ... là địa chỉ hữu ích cho NNH tham gia sinh hoạt. Để có đông đảo NNH tham gia sinh hoạt, cần tuyên truyền, vận động bằng các hình thức khác nhau, tạo sự cuốn hút bằng chính nội dung sinh hoạt của các tổ chức này. Cụ thể:

- Các tổ chức cần có các hoạt động đa dạng, phong phú như tổ chức các hội thi thơ ca, các lớp học khiêu vũ, học vẽ, thi hát, thăm danh lam thắng cảnh... giúp các thành viên của Hội gần gũi, cởi mở với nhau hơn.

- Xây dựng, tổ chức hàng tuần các buổi thảo luận theo các đề tài khác nhau (như giữ gìn bầu không khí hoà thuận trong GD, những kinh nghiệm, cách thức và biện pháp bảo vệ sức khoẻ...) tại các địa điểm thích hợp, với những người đồng niên để NNH có thể dễ dàng trao đổi, dãi bày, để họ giải toả phần nào những ức chế, căng thẳng trong cuộc sống. Những buổi giao lưu thường xuyên còn có thể nâng cao sự nhận thức, hiểu biết, đem lại hiệu quả tích cực, giúp họ cải thiện các mối quan hệ trong GD, giữ gìn và nâng cao sức khoẻ cho NNH.

- Tạo điều kiện về địa điểm, thời gian và không gian thích hợp để NNH có thể tham gia các hoạt động vui chơi, giải trí. Tổ chức các địa điểm sinh hoạt vui chơi, giải trí phong phú, đa dạng để cuốn hút NNH nói chung và NNH nói riêng cùng sinh hoạt, vui chơi, giải trí tạo cho họ niềm thích thú và nâng cao tính tích cực GT của họ.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Đặc điểm GT của NNH ở Hà Nội được nghiên cứu qua bốn khía cạnh biểu hiện là đặc điểm NC GT, đặc điểm đối tượng GT, đặc điểm nội dung GT, đặc điểm hình thức GT. Trong đó, đặc điểm NCGT của NNH ở Hà Nội trong diện được khảo sát ở mức cao. Đặc điểm đối tượng GT của NNH ở Hà Nội chủ yếu với những người thân trong GD và với những người quen biết cũ (bạn bè, hàng xóm) có tính cách, sở thích phù hợp. Về đặc điểm nội dung GT của NNH ở Hà Nội chủ yếu về các vấn đề sức khỏe, họ hàng, quê hương, tâm linh, cuộc sống GD, cá nhân. Đặc điểm hình thức GT của NNH ở Hà Nội trong diện được khảo sát khá phong phú. Bên cạnh việc thường xuyên GT với người thân trong GD thì NNH ở Hà Nội cũng thường xuyên xem tivi, nghe đài, nói chuyện qua điện thoại. NNH ở Hà Nội thường GT tâm linh với người đã khuất thông qua việc thắp hương cầu nguyện tại GD, họ ít sử dụng phương tiện GT hiện đại như internet.

Trong kết quả khảo sát mức độ tác động của các yếu tố khác nhau đến đặc điểm GT của NNH ở Hà Nội cho thấy, yếu tố cảm nhận của NNH về vai trò, vị thế của họ trong GD và XH là yếu tố có tác động mạnh nhất đến hình thức GT của NNH ở Hà Nội, mối quan hệ trong GD là yếu tố có tác động mạnh nhất đến nội dung GT, nhu cầu GT của NNH ở Hà Nội, cách thức tổ chức hoạt động của các tổ chức XH dành cho NNH ở cụm dân cư hiện nay là yếu tố có tác động mạnh nhất đến đối tượng GT của NNH ở Hà Nội. Sự phối kết hợp giữa các yếu tố chủ quan có sự tác động mạnh nhất đến hình thức GT của NNH ở Hà Nội. Tổng hợp các yếu tố khách quan có tác động mạnh đến nội dung GT, đối tượng GT, nhu cầu GT của NNH ở Hà Nội. Tổng hợp các yếu tố xã hội và cá nhân có tác động mạnh hơn so với ảnh hưởng của từng yếu tố độc lập. Đây là điểm rất cần được lưu ý trong hoạt động của các tổ chức XH để đưa ra những giải pháp đồng bộ, nhằm giúp NNH ở Hà Nội tích cực GT hơn.

Phân tích đặc điểm GT của những người nghỉ hưu ở Hà Nội có nghề nghiệp, trình độ học vấn khác nhau cho thấy, yếu tố chức vụ, nghề nghiệp trước khi nghỉ hưu có ảnh hưởng đến GT của họ khi nghỉ hưu.

Các biện pháp tâm lý để có nhận thức tích cực về việc nghỉ hưu, cải thiện mối quan hệ trong GD, nâng cao nội dung, chất lượng hoạt động của các tổ chức XH dành cho NNH để tăng cường GT cho NNH ở Hà Nội.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1.KẾT LUẬN

1.1. Giao tiếp của NNH ở Hà Nội là sự tiếp xúc tâm lý giữa những người lao động đã đóng góp bảo hiểm XH, không còn tham gia công tác chính thức, hiện đang hưởng chế độ hưu trí ở Hà Nội với người khác nhằm vận hành các quan hệ xã hội, được các chủ thể thực hiện với đối tượng, nhu cầu, mục đích, nội dung, hình thức, phương tiện, điều kiện xác định.

Đặc điểm GT của NNH ở Hà Nội là những nét riêng, đặc trưng, nổi bật của sự tiếp xúc tâm lý giữa những người lao động đã đóng góp bảo hiểm XH, không còn tham gia công tác chính thức, hiện đang hưởng chế độ hưu trí ở Hà Nội với người khác nhằm vận hành các quan hệ xã hội, được các chủ thể thực hiện với đối tượng, nhu cầu, mục đích, nội dung, hình thức, phương tiện, điều kiện xác định.

Đặc điểm GT của NNH ở Hà Nội được phân tích qua bốn khía cạnh biểu hiện: Đặc điểm đối tượng (chủ thể) GT của NNH ở Hà Nội; Đặc điểm nhu cầu GT của NNH ở Hà Nội; Đặc điểm nội dung GT của NNH ở Hà Nội; Đặc điểm hình thức GT của NNH ở Hà Nội ở Hà Nội.

Đặc điểm GT của NNH ở Hà Nội được đánh giá theo tiêu chí tính riêng biệt, đặc trưng, nổi bật trong GT của NNH ở Hà Nội với năm mức độ: Mức rất thấp, mức thấp, mức trung bình, mức khá và mức cao.

Các yếu tố ảnh hưởng đến đặc điểm GT của NNH ở Hà Nội gồm các yếu tố cá nhân (Tính cách (hướng nội, hướng ngoại), cảm nhận của NNH về vai trò, vị thế của họ trong GD và XH), các yếu tố XH (Mối quan hệ trong GD NNH, cách thức tổ chức hoạt động của các tổ chức XH dành cho NNH ở cụm dân cư hiện nay)

1.2. Đặc điểm giao tiếp của người nghỉ hưu ở Hà Nội:

- Về đặc điểm nhu cầu giao tiếp

NCGT của NNH ở Hà Nội ở mức cao, trong đó nổi lên là NC tâm linh, NC trò chuyện, chia sẻ với người thân, NC được tôn trọng, được đóng góp ý kiến và giúp đỡ con cháu, NC được chia sẻ với bạn bè kiến thức để bảo vệ và nâng cao sức khỏe, NC nắm bắt tình hình kinh tế, chính trị, XH của đất nước, NC tham gia công tác xã hội.

- Về đặc điểm đối tượng giao tiếp

Đối tượng GT của NNH ở Hà Nội chủ yếu là với những người thân trong GD và với những người quen biết cũ (bạn bè, hàng xóm) đã hiểu nhau, có tính cách, sở thích phù hợp.

- Về đặc điểm nội dung giao tiếp

Đặc điểm nội dung GT của NNH ở Hà Nội chủ yếu về các vấn đề sức khỏe, họ hàng, quê hương, tâm linh và các vấn đề trong cuộc sống GD, cá nhân.

- Về đặc điểm hình thức giao tiếp

Hình thức GT của NNH trong diện được khảo sát khá phong phú. Bên cạnh việc thường xuyên GT với người thân trong GD thì NNH cũng thường xuyên xem tivi, nghe đài, GT qua điện thoại. Họ cũng thường GT tâm linh với người đã khuất thông qua hình thức thắp hương cầu nguyện tại GD. Phương tiện GT hiện đại như internet ít được NNH ở Hà Nội sử dụng.

Các yếu tố giới tính, thời gian nghỉ hưu, chức vụ trước khi nghỉ hưu, học vấn của NNH có ảnh hưởng đến đặc điểm GT của NNH ở Hà Nội.

1.3. Các biểu hiện của đặc điểm GT của NNH ở Hà Nội có mối tương quan chặt chẽ với các yếu tố cá nhân và XH. Đó là các yếu tố cảm nhận của NNH ở Hà Nội về vai trò, vị thế của họ trong GD và XH, tính cách (hướng nội, hướng ngoại) của NNH, mối quan hệ trong GD NNH, cách thức tổ chức hoạt động của các tổ chức XH dành cho NNH ở cụm dân cư .

Có nhiều yếu tố cá nhân và XH khác nhau ảnh hưởng đến đặc điểm GT của NNH ở Hà Nội. Trong đó, cảm nhận của NNH về vai trò, vị thế của họ trong GD và XH là yếu tố có ảnh hưởng mạnh nhất đến hình thức GT của NNH ở Hà Nội, mối quan hệ trong GD là yếu tố có ảnh hưởng mạnh nhất đến nội dung GT, nhu cầu GT của NNH ở Hà Nội, cách thức tổ chức hoạt động của các tổ chức XH dành cho NNH ở cụm dân cư hiện nay là yếu tố có ảnh hưởng mạnh nhất đến đối tượng GT của NNH ở Hà Nội .

Sự kết hợp của tất cả các yếu tố cá nhân và yếu tố xã hội có khả năng dự báo mức độ thay đổi của các khía cạnh biểu hiện của đặc điểm GT của NNH ở Hà Nội cao hơn so với từng yếu tố riêng lẻ.

1.4. Các biện pháp tâm lý được đề xuất với mục đích nhằm góp phần làm cho NNH ở Hà Nội có những nhận thức tích cực khi nghỉ hưu, tạo mối quan hệ hoà thuận

trong GD NNH, nâng cao nội dung, chất lượng hoạt động của các tổ chức XH dành cho NNH để tăng cường giao tiếp cho NNH ở Hà Nội .

1.5. Các nhiệm vụ nghiên cứu đã được thực hiện và có kết quả khẳng định giả thuyết nghiên cứu đã đề ra.

2. KIẾN NGHỊ

2.1. Đối với Nhà nước

Nghiên cứu chỉ ra rằng, NNH ở Hà Nội thỉnh thoảng mới tham gia sinh hoạt trong các tổ chức XH dành cho NNH do cách thức tổ chức, hoạt động của các tổ chức XH này chưa đáp ứng được NC của NNH ở Hà Nội. Hiện tại, tuy đã nghỉ hưu nhưng NC tham gia công tác XH của NNH của NNH ở Hà Nội vẫn ở mức cao. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến GT của NNH ở Hà Nội nhận thấy, yếu tố cảm nhận của NNH về vai trò, vị thế của họ trong GD và XH có ảnh hưởng mạnh đến hình thức GT của NNH ở Hà Nội, yếu tố cách thức tổ chức hoạt động của các tổ chức XH dành cho NNH ở cụm dân cư hiện nay là yếu tố có ảnh hưởng mạnh nhất đến đối tượng GT của NNH ở Hà Nội. Do đó, để nâng cao tính tích cực GT của NNH ở Hà Nội rất cần có sự quan tâm, đầu tư của Nhà nước. Cụ thể là những việc sau:

- Nhà nước cần có sự quan tâm hơn nữa đến hoạt động của các tổ chức XH dành cho NNH như có một phần kinh phí cho hoạt động, tạo ngân sách xây dựng cơ sở vật chất cho các câu lạc bộ Hưu trí, đa dạng hoá nội dung hoạt động để các tổ chức này hoạt động một cách hiệu quả, thiết thực hơn.

- Cần có sự hỗ trợ chuẩn bị tâm lý cho những người sắp đến tuổi về hưu để họ nhanh chóng hòa nhập với cuộc sống mới khi nghỉ hưu, việc chuẩn bị này có thể bằng cách tạo cơ hội giúp họ làm quen với các tổ chức quần chúng của NNH (tham gia sinh hoạt tại hội Người cao tuổi ở địa phương), có một số chương trình dành cho người sắp nghỉ hưu nhằm trang bị cho người chuẩn bị nghỉ hưu những tri thức và kỹ năng ứng phó với những thay đổi của cuộc sống khi nghỉ hưu như vấn đề chăm sóc thể lực, sức khỏe tuổi già, vấn đề tài chính, quan hệ xã hội... Tạo cơ hội việc làm phù hợp cho NNH cũng là giải pháp tốt để họ bớt cảm giác hụt hẫng, có thêm thu nhập, giúp ích cho GD và XH.

- Để đạt mục tiêu “Người cao tuổi sống vui, sống khỏe, sống có ích” mà đề án xây dựng xã hội học tập ở Việt Nam giai đoạn 2012 – 2020 đã bắt đầu được thực thi (theo quyết định số 89/ QĐ- TTg của Thủ tướng Chính phủ) cần đặt ra vấn đề học tập suốt đời đối với người nghỉ hưu để mỗi người nghỉ hưu đều có thể lựa chọn cho mình một

hình thức học theo nhu cầu riêng để chống lão hoá như: Học để biết, học để làm, học để chung sống và học để hoàn thiện mình.

- Bên cạnh đời sống tinh thần, NNH còn cần những điều kiện tồn tại khác, trước hết là điều kiện vật chất tối thiểu. Để giải quyết điều này cần phải có các chính sách XH thoả đáng đối với NNH để nâng cao đời sống vật chất cho họ, làm cho cuộc sống của họ ngày càng được tốt đẹp hơn.

2.2. Đối với các tổ chức xã hội

Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến GT của NNH ở Hà Nội thấy rằng, yếu tố cách thức tổ chức hoạt động của các tổ chức XH dành cho NNH ở cụm dân cư hiện nay là yếu tố có ảnh hưởng mạnh nhất đến đối tượng GT của NNH ở Hà Nội. Hiện nay, ở nhiều nơi, các tổ chức xã hội dành cho NNH chưa có địa điểm tổ chức sinh hoạt nên phải nhờ địa điểm để sinh hoạt, trang thiết bị phục vụ sinh hoạt thiếu thốn, nội dung sinh hoạt còn nghèo nàn do đó chưa quy tụ được rộng rãi những NNH tham gia. Vì vậy, cần có địa điểm tổ chức sinh hoạt riêng dành cho NNH, cải tiến hình thức, nội dung sinh hoạt cho phù hợp với đặc điểm tâm lý của NNH để lôi cuốn, thu hút đông đảo NNH tham gia giúp họ có môi trường hoạt động và GT tích cực.

Chi hội Người cao tuổi ở địa phương nên khuyến khích, động viên những người sắp nghỉ hưu và người mới nghỉ hưu tham gia các hoạt động của hội Người Cao tuổi ở địa phương (đi tham quan hoặc tham dự buổi lễ kết nạp hội viên mới...) để gần gũi hơn với cộng đồng nơi cư trú, tránh cảm giác hụt hẫng khi nghỉ hưu. Hàng tuần cần có các buổi sinh hoạt, nói chuyện chuyên đề (về vấn đề dinh dưỡng, luyện tập, bảo vệ sức khỏe...) để thu hút được đông đảo người nghỉ hưu tham gia. Sự giao tiếp ấm áp tình người chính là một nhân tố quan trọng giúp người cao tuổi giữ được mối liên hệ mật thiết với xã hội và duy trì trí nhớ, tuổi thọ và hạnh phúc.

2.3. Đối với gia đình

Từ các kết quả nghiên cứu cho thấy, yếu tố GD là một trong những nguyên nhân cơ bản tác động đến NCGT, nội dung GT của NNH ở Hà Nội và đó cũng là môi trường GT chính của họ. GT của NNH ở Hà Nội chủ yếu với người thân trong GD. Để nâng cao tính tích cực GT và hoạt động cộng đồng của NNH ở Hà Nội thì bầu không khí tâm lý trong GD cần luôn hoà thuận. Mỗi thành viên trong GD cần quan tâm, tôn trọng, thông cảm, chia sẻ, động viên NNH, tạo điều kiện để NNH giao lưu, kết bạn. Mỗi người trong GD cần hiểu rõ trách nhiệm, nghĩa vụ của mình trong GD, tăng cường giao

lưu, chia sẻ với NNH để mối quan hệ GD ngày càng gắn bó, để GD luôn là môi trường GT tích cực của NNH.

2.4. Đối với bản thân người nghỉ hưu

Dựa vào phân tích kết quả trong nghiên cứu thì NNH có thái độ sống tích cực, cởi mở là một trong những yếu tố quan trọng để họ sống vui, sống khoẻ.

Về nhận thức, mỗi cá nhân cần xác định về mặt tư tưởng, coi việc nghỉ hưu là quy luật bình thường để họ có tâm trạng thoải mái, thái độ vui vẻ khi nghỉ hưu.

Về hoạt động, NNH không nên sống nhàn rỗi, cả ngày giam mình trong bốn bức tường, chỉ xem tivi hoặc nghe đài, bản thân NNH cần chủ động, tích cực hơn trong việc tiếp xúc với XH, với mọi người, tham gia sinh hoạt tại các tổ chức, hội ở địa phương, các hoạt động XH để đóng góp sức mình xây dựng cộng đồng, cải thiện đời sống tinh thần của chính bản thân họ. Bên cạnh đó cần duy trì một chế độ sinh hoạt về thể lực hợp lý, lựa chọn những môn thể dục phù hợp như: đi bộ, bơi lội, tập dưỡng sinh để duy trì sức khỏe về thể chất. Đồng thời duy trì mối quan hệ tốt đẹp trong gia đình bằng cách sống vị tha, cảm thông để tránh những stress không đáng có, sử dụng chế độ dinh dưỡng hợp lý, khám sức khỏe định kỳ... Tất cả sẽ góp phần nâng cao sức khỏe cho người nghỉ hưu.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ

1. Bùi Thị Vân Anh, *Thực trạng nhu cầu giao tiếp giao tiếp của người nghỉ hưu ở Hà Nội*, Tạp chí Tâm lý học số 2/2013
2. Bùi Thị Vân Anh, *Đối tượng giao tiếp của người nghỉ hưu ở Hà Nội*, Tạp chí Tâm lý học số 5/2013
3. Bùi Thị Vân Anh, *Thực trạng nội dung giao tiếp của người nghỉ hưu ở Hà Nội*, Tạp chí Tâm lý học số 7/2013
4. Bùi Thị Vân Anh, *Thực trạng hình thức giao tiếp của người nghỉ hưu ở Hà Nội*, Tạp chí Tâm lý học số 8/2013
5. Bùi Thị Vân Anh, *Một số đặc điểm tâm sinh lý của người nghỉ hưu hiện nay*, Tạp chí Giáo dục số 7/2013

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu Tiếng Việt

1. Hoàng Anh (chủ biên, 2004) *Giáo trình tâm lý học giao tiếp*. Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
2. Hoàng Anh (chủ biên, 2007), *Hoạt động- Giao tiếp – Nhân cách*. Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
3. Bộ Lao động Thương binh và XH (1999), *Người cao tuổi Việt Nam thực trạng và giải pháp*. Nhà xuất bản lao động XH.
4. Lê Thị Bùng (2005), *Giao tiếp ứng xử tuổi trăng tròn*. Nhà xuất bản Phụ nữ.
5. Nguyễn Liên Châu (1995), *Một số đặc điểm giao tiếp của Hiệu trưởng trường tiểu học*. Luận án Tiến sĩ.
6. Phạm Khắc Chương (2006), *Văn hoá ứng xử trong gia đình*. Nhà xuất bản Thanh niên.
7. Bùi Thế Cường (1999), *Nghiên cứu xã hội về người cao tuổi ở Việt Nam: Thử nhìn lại một chặng đường*. Viện XH học.
8. Nguyễn Xuân Cường, Lê Trung Sơn, *Thực trạng người cao tuổi và các giải pháp nâng cao chất lượng chăm sóc người cao tuổi ở Hà Tây*. Tạp chí dân số và phát triển số 3 năm 2004.
9. Thái Trí Dũng (2003), *Kỹ năng giao tiếp và thương lượng trong kinh doanh*. Nhà xuất bản Thống kê.
10. Vũ Dũng (2003). *Tâm lý học giao tiếp*, Trường Cao đẳng Lao động Xã hội.
11. A.V.Dmitrijev (1980), *Những vấn đề xã hội của lớp người đứng tuổi*. Người dịch Thái Hà, tài liệu lưu trữ tại phòng Thông tin – Tư liệu – thư viện Viện XH học.
12. Nguyễn Văn Đồng (2007), *Một số đặc điểm giao tiếp ngoài giảng đường của sinh viên*, Luận án Tiến sĩ.
13. Nguyễn Văn Đồng (2009), *Tâm lý học giao tiếp (phần lý thuyết)*. Nhà xuất bản Chính trị - Hành chính.
14. Trần Thị Minh Đức (1995), *Giáo trình Tâm lý học xã hội*. Trường Đại học Quốc gia Hà Nội.

15. Điều lệ Bản hiểm xã hội ban hành kèm theo Nghị định 12 CP ngày 26/01/1995 của Chính Phủ.
16. Trần Thị Thanh Hà (2006), *Một số kỹ năng giao tiếp trong vận động quần chúng của Chủ tịch Hội phụ nữ cấp cơ sở*, Luận án Tiến sĩ.
17. Phạm Minh Hạc, Lê Khanh, Trần Trọng Thủy (1988), *Tâm lý học tập 1*. Nhà xuất bản Giáo dục.
18. Phạm Minh Hạc, Phạm Hoàng Gia, Phạm Huy Châu (1989), *Hoạt động, Ý Thức, Nhân cách*. Nhà xuất bản Giáo dục.
19. Phạm Minh Hạc (2002), *Tuyển tập Tâm lý học*. Nhà Xuất bản Giáo dục.
20. Phạm Minh Hạc, Đặng Xuân Hòa, Trần Trọng Thủy (đồng chủ biên 2002), *Hoạt động, giao tiếp và chất lượng giáo dục*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
21. Phùng Thị Hằng (2007), *Một số đặc điểm giao tiếp của học sinh Trung học Phổ thông dân tộc Tày, Nùng*. Luận án Tiến sĩ.
22. Ngô Công Hoàn (1995), *Giao tiếp và ứng xử của cô giáo với trẻ em*. Nhà Xuất bản Đại học Sư phạm Hà Nội.
23. Ngô Công Hoàn (1992), *Một số vấn đề giao tiếp Sư phạm*. Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Hà Nội.
24. Ngô Công Hoàn (1997), *Tâm lý học xã hội trong quản lý*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
25. Lê Văn Hồng (1999), *Người cao tuổi với thể hệ trẻ*, Tạp chí Tâm lý học, số 4 năm 1999.
26. Mai Xuân Huy (2005), *Ngôn ngữ quảng cáo dưới ánh sáng của lý thuyết giao tiếp*. Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
27. Nguyễn Thế Huệ, *Thực trạng sức khỏe và đời sống người cao tuổi tại Hải Dương, Quảng Bình và Đắc Lắc*. Tạp chí dân số và phát triển số 10 năm 2004.
28. Hoàng Mộc Lan (2007), *Động cơ tiếp tục hoạt động lao động của người nghỉ hưu ở Hà Nội*. Tạp chí Tâm lý học số 10 năm 2007.
29. Nguyễn Phương Lan (2000), *Tiếp cận văn hóa người cao tuổi*. Nhà xuất bản văn hóa – Thông tin.
30. Lê Ngọc Lân, Nguyễn Hữu Minh, Trần Quý Long (2011), *Quan hệ giữa người cao tuổi và con cháu trong gia đình*. Tạp chí Nghiên cứu GD và Giới. Số 2 – 2011.

31. Trương Lai, Trịnh Duy Luân, Lê Truyền (1994), *Người cao tuổi và an sinh xã hội*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
32. Nguyễn Văn Lê (1992) *Bài giảng Tâm lý học, Tập VII: Vấn đề giao tiếp*. Trung tâm nghiên cứu trẻ em, NXB giáo dục.
33. Nguyễn Văn Lê (1992), *Vấn đề giao tiếp*, Nhà xuất bản Giáo dục
34. Nguyễn Văn Lê (2006), *Giao tiếp sư phạm*. Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
35. Đặng Vũ Cảnh Linh (2009), *Người cao tuổi và các mô hình chăm sóc người cao tuổi ở Việt nam*. Nhà xuất bản Dân trí.
36. B.Ph.Lomov, *Những vấn đề lý luận và phương pháp luận tâm lý học*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội (2000). Người dịch Nguyễn Đức Hương, Dương Diệu Hoa, Phan Trọng Ngo, Hiệu đính PGS.TS Bùi Văn Huệ.
37. Bế Quỳnh Nga (2000), *Người cao tuổi miền Trung và Nam Bộ Việt nam năm 2000 – Phác thảo từ một số kết quả nghiên cứu định tính*, Tạp chí XH học số 3/2001.
38. Hoàng Thị Bích Ngọc (2002), *Đặc điểm giao tiếp của phạm nhân bị kết án phạt tù về các tội ít nghiêm trọng*, Luận án Tiến sĩ.
39. Hoàng Thị Bích Ngọc (2004), *Giao tiếp và giao tiếp của phạm nhân*. Nhà xuất bản Công an nhân dân.
40. Trần Hoàng Thị Diễm Ngọc (2010), *Tâm trạng của người mới về hưu trên địa bàn Hà Nội*, Luận án Tiến sĩ.
41. Thiện Nhân (2003), *Những mối quan tâm của người cao tuổi* . Tạp chí Tâm lý học số 10.
42. Nguyễn Văn Nhận, Nguyễn Sinh Phúc (2004), *Trắc nghiệm tâm lý lâm sàng*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.
43. Vũ Thị Nho (1999), *Tâm lý học phát triển*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
44. Hoàng Phê (chủ biên,1997), *Từ điển Tiếng Việt*, Nhà xuất bản Đà Nẵng, Trung Tâm từ điển học Hà Nội – Đà Nẵng.
45. Nguyễn Quang (2008), *Giao tiếp phi ngôn từ qua các nền văn hóa*. Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.

46. Nguyễn Đình Tấn – Lê Ngọc Hùng (2004). *XH học hành chính Nghiên cứu giao tiếp và dư luận xã hội trong cải cách hành chính Nhà nước*, Nhà xuất bản Lý luận Chính trị.
47. Nguyễn Thạc, Hoàng Anh (1995). *Luyện giao tiếp sư phạm*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
48. Trần Trọng Thủy, Nguyễn Sinh Huy (2006), *Nhập môn Khoa học Giao tiếp*. Nhà xuất bản Giáo dục.
49. Mạc Văn Tiến (2005), *An sinh xã hội và phát triển nguồn nhân lực*. Nhà xuất bản Lao động XH.
50. Phạm Thị Tuyết (2010), *Kỹ năng giao tiếp của cán bộ giao dịch ngân hàng*. Luận án Tiến sĩ.
51. Từ điển Anh - Việt (1993), Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh
52. Từ điển Nga - Việt (1987), Nhà xuất bản Tiếng Nga, Matxcova.
53. Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên, 2003), *Tâm lý học Đại cương*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
54. Viện XH học (1999), *Chương trình Hội thảo khoa học “Nghiên cứu xã hội ở Việt Nam về người cao tuổi: Lược sử, hiện trạng và triển vọng”*, Tập II.
55. Viện XH học (1994), *Người cao tuổi và an sinh xã hội*. Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.

Tài liệu Tiếng Anh

56. Alan Walker and Catherine Hagan Hennessy (2004), *Growing older-Quality of life in old age*, Open University Press.
57. Ann Bowling (2005), *Ageing Well - Quality of life in old age*, Open University Press.
58. Brent D. Ruben (1984), *Communication and Human Behavior*, Macmillan Publishing Company, New York.
59. Chris Phillipson, Miriam Bernard, Judith Phillips and Jim Ogg (2001), *The family and Community Life of Older people*, Printed and bound in Great Britain by Biddles Ltd, Guildford and King's Lynn.

60. Daisy R.Lemus (2007), *Communication During Retirement Planning: An Information –Seeking Process*, A Dissertation submitted in partial satisfaction of the requirements for the degree of Doctor of Philosophy in Communication, University of California-Santa Barbara
61. E. Olcay Imamoglu, Rikard Kuller, Vacit Imamoglu, Marianne Kuller: *The Social Psychological Worlds of Swedes and Turks in and around Retirement*, Journal of Cross – cultural Psychology Vol.24. No 1. March. 1993. 26 – 41.
62. Frances L.M.Smith, *Life after work: Identity, Communication, and Retirement*, Dissertation for the Degree Doctor of Philosophy.
63. H.E Bracey (1998), *In Retirement-Pensioners in Great Britain and the United States*, Routledge.
64. Herman J Loether, *Problems of aging*, Dickenson Publishing Company, Inc, Belmont, California.
65. Hugo Westerlund, *Retirement reduces tiredness and depression, study finds*, BMJ-British Medical Journal (2010, November 24)
66. James A. Thorson (2008), *Aging in a changing society*, Second Edition, Printed by Edwards Brothers Ann Arbor, MP.
67. Jon F. Nussbaum, Justine Couplan (2004), *Handbook of Communication and aging research*, Lawrence Erlbaum Associates Publishers, London.
68. Micheal J.Leitner, Sara F.Leitner (2004), *Leisure in Later Life*, The Harworth Press.
69. Norman Abeles (1997), *What practitioners should know about working with older adult*. Professional psychology: research and practice (1998). Vol 29, No 5, 413 – 427.
70. Pinquart (2000), Influences of Socioeconomic Status, Social Network and Competence on Subjective Well- Being in Later Life: A Meta – Analysis. *Psychology and Aging*. Volum 15, Number 2.
71. Ray Vicker (1989), *The Dow Jones-IRWIN guide to retirement planning*

72. Robert C. Atchley (2000), *Social forces and aging – An introduction to social gerontology*, ninth edition, Warsworth.
73. Susan Hillier, Georgia M. Barrow (1999), *Aging, the Individual, and Society*, Wad Sworth Publishing Company, An International Thomson Publishing Company.
74. Susan McDaniel, *Survey Highlights Major Canada-US Differences in People in Middle Age*. Canadian Federation for the Humanities and Social Sciences June 2, 2010.
75. Theris A. Touhy and Kathleen F Jett (2012), *Toward – Healthy – Aging*.
76. University of Chicago Press Journals with editorial adaptations by Science Daily staff: *Don't Write Off Seniors: Retirees Are Pursuing Their Life Dreams*.
77. University of New South Wales, with editorial adaptations by Science Daily staff: *Australian Men Risk Being Lonely And Isolated In Retirement*.
78. Vietnam Association of the elderly, UNFPA (1999), *The elderly in Vietnam*, Thế Giới Publishers.

Các trang Web

79. <http://www.gopfp.gov.vn/> Nghiên cứu một số đặc trưng người cao tuổi Việt Nam
80. [http://www.hoinguoicaotui.vn/Công bố điều tra Quốc gia về người cao tuổi Việt Nam](http://www.hoinguoicaotui.vn/Công_bố_điều_tra_Quốc_gia_về_người_cao_tuổi_Việt_Nam)
81. <http://www.isixsigma.com/dictionary/characteristic - 205.htm>
82. <http://www.nia.nih.gov/health/publication/growing/older-america-health-and-retirement> (2011), *Growing older in America*, the Health and Retirement Study.
83. <http://www.suckhoenguoicaotui.vn/baiviet/246.htm/doi> song tinh than cua nguoi cao tuoi o Viet Nam hien nay
84. <http://www.selfknowledge.com/15672.htm>
85. <http://www.share-project.org/> *Survey of Health, Ageing and Retirement in Europe, Tackling the Demographic Challenge*.

- 86.** [http://www.suckhoedoisong.vn/ca khuc ton giao lam giam stress o nguoi cao tuoi](http://www.suckhoedoisong.vn/ca_khuc_ton_giao_lam_giam_stress_o_nguoi_cao_tuoi)
- 87.** <http://suckhoedoisong.vn/200812692925621p0c8/sinh-hoat-giao-tiep-giup-keo-dai-tuoi-tho.htm>
- 88.** <http://www.tamly.com.vn/> đặc điểm tâm lý của người cao tuổi
- 89.** [http://www.viencongnghe.com/2012/12/18/vai tro của sinh hoạt giao tiếp với người cao tuổi](http://www.viencongnghe.com/2012/12/18/vai_tro_cua_sinh_hoat_giao_tiep_voi_nguoi_cao_tuoi)
- 90.** <http://www.retirementreset.com>.

PHỤ LỤC

MỤC LỤC CỦA PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: PHIẾU ĐIỀU TRA.....	177
PHỤ LỤC 2: PHIẾU PHÒNG VẤN SÂU.....	187
PHỤ LỤC 3: BIÊN BẢN PHÒNG VẤN SÂU...NGHIÊN CỨU CHÂN DUNG TÂM LÝ.....	192
PHỤ LỤC 4: ĐỘ TIN CẬY CỦA CÁC THANG ĐO.....	214
PHỤ LỤC 5 : SỐ LIỆU TỔNG THỂ ĐẶC ĐIỂM GIAO TIẾP CỦA NGƯỜI NGHỈ HƯU Ở HÀ NỘI.....	238
PHỤ LỤC 6 : SỐ LIỆU VỀ ĐẶC ĐIỂM GIAO TIẾP CỦA NGƯỜI NGHỈ HƯU TRƯỚC ĐÂY VÀ HIỆN NAY.....	270
PHỤ LỤC 7 : MỐI TƯƠNG QUAN GIỮA ĐẶC ĐIỂM GIAO TIẾP CỦA NGƯỜI NGHỈ HƯU VỚI CÁC YẾU TỐ CÁ NHÂN VÀ XÃ HỘI.....	279

PHỤ LỤC 1

PHIẾU ĐIỀU TRA (Dành cho người nghỉ hưu)

Kính thưa Ông/Bà!

Với mục đích tìm hiểu giao tiếp của người nghỉ hưu trên địa bàn Hà Nội, chúng tôi mong muốn Ông/Bà cùng tham gia nghiên cứu bằng cách trả lời các câu hỏi mà chúng tôi nêu ra dưới đây. Sự tham gia tích cực và hiệu quả của Ông/Bà có ý nghĩa quan trọng đối với sự thành công của nghiên cứu. Rất mong sự hợp tác của Ông/Bà.

Xin chân thành cảm ơn Ông/Bà!

A. ĐỐI TƯỢNG GIAO TIẾP

Câu 1: Xin Ông/Bà cho biết mức độ tiếp xúc, trò chuyện của Ông/Bà với các đối tượng dưới đây? (Ông/Bà hãy chọn và đánh dấu X vào ô mà Ông/Bà cho là phù hợp nhất với bản thân).

<i>Mức độ tiếp xúc, trò chuyện</i>	Trước khi nghỉ hưu (3 đến 5 năm)					Hiện nay				
	Không bao giờ	Rất ít (vài lần 1 năm)	Ít khi (vài lần một tháng)	Thỉnh thoảng (vài lần một tuần)	Thường xuyên (hàng ngày)	Không bao giờ	Rất ít (vài lần 1 năm)	Ít khi (vài lần một tháng)	Thỉnh thoảng (vài lần một tuần)	Thường xuyên (hàng ngày)
Đối tượng										
1. Con trai										
2. Con gái										
3. Con dâu										
4. Con rể										
5. Vợ (chồng)										
6. Các cháu										
7. Bố mẹ										
8. Bà con họ hàng										
9. Những người hàng xóm										
10. Bạn hưu cùng giới										
11. Bạn hưu khác giới										
12. Bạn đồng nghiệp										
13. Bạn đồng hương										
14. Bạn cũ										
15. Những người bạn thân										

Câu 2: Xin ông (bà) cho biết, việc tham gia của ông/ Bà vào những tổ chức, nhóm, hội dưới đây (Ông/bà hãy chọn và đánh dấu (x) vào ô mà ông/bà cho là phù hợp nhất với bản thân

<i>Mức độ tiếp xúc, trò chuyện</i>	Trước khi nghỉ hưu (3 đến 5 năm)					Hiện nay				
	Không bao giờ	Rất ít	Ít khi	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Không bao giờ	Rất ít	Ít khi	Thỉnh thoảng	Thường xuyên
Nhóm										
16. Hội người cao tuổi										
17. Hội Cựu chiến binh										
17. Hội phụ nữ										
19. Chi bộ Đảng										
20. Hội chữ thập đỏ										
21. Câu lạc bộ (nhóm) thơ, văn, nhạc, họa										
22. Tham gia công tác xã hội ở địa phương										
23. Câu lạc bộ (nhóm) thể dục, khiêu vũ, yoga..										

Câu 3: Xin Ông/Bà cho biết, Ông/Bà thích kết bạn và chia sẻ tâm sự với những người có đặc điểm nào dưới đây? (chọn ba phương án phù hợp nhất với Ông/Bà và khoanh tròn vào số trước phương án đó)

1. Có hoàn cảnh và điều kiện sống giống mình
2. Ở gần nhà do tiện đi lại
3. Có tính cách, sở thích phù hợp
4. Quan tâm đến cuộc sống của ông bà và thường chia sẻ với ông (bà)
5. Thường là người quen cũ đã hiểu nhau
6. Là người hiền lành dễ gần

Câu 4: Theo Ông/Bà, đối với người nghỉ hưu ngoài sự quan tâm, chăm sóc của vợ/chồng, con cái và những người thân trong gia đình thì sự đồng cảm của những người bạn có cần thiết không? (Ông/Bà chọn 1 phương án trả lời phù hợp với mình và khoanh tròn vào số trước phương án đó).

1. Rất cần thiết
2. Cần thiết
3. Không cần thiết

Theo Ông/Bà vì sao:

Câu 5: Khi Ông/Bà có chuyện quan trọng hay những băn khoăn muốn chia sẻ thì người mà Ông/Bà thường hay chia sẻ, tâm sự với ai nhất? (chọn 3 người mà Ông/Bà thường chia sẻ nhất).

1. Vợ (chồng)
2. Bố mẹ
3. Con gái
4. Con trai
5. Con dâu
6. Con rể
7. Các cháu
8. Anh chị em
9. Người bạn thân thiết

10. Người họ hàng
rõ):

11. Người hàng xóm

12. Người khác (ghi

B. NHU CẦU GIAO TIẾP

Câu 6: Sau đây là một số mong muốn trong giao tiếp của mỗi người, Ông/Bà hãy đánh dấu (x) vào ô mà Ông/Bà cho là phù hợp với mình nhất).

	Trước khi nghỉ hưu (3 đến 5 năm)					Hiện nay				
	Không đúng (1)	Phần lớn là không đúng (2)	Nửa đúng, nửa không (3)	Phần lớn là đúng (4)	Hoàn toàn đúng (5)	Không đúng (1)	Phần lớn là không đúng (2)	Nửa đúng, nửa không (3)	Phần lớn là đúng (4)	Hoàn toàn đúng (5)
1. Tôi mong muốn được trò chuyện, chia sẻ với các con, cháu										
2. Gặp gỡ, chia sẻ tâm tình với bạn bè là niềm vui và là điều không thể thiếu trong cuộc sống của tôi										
3. Sẽ thật vô nghĩa nếu những buồn, vui không được chia sẻ với người bạn đời (vợ/chồng)										
4. Tôi mong muốn được thường xuyên trò chuyện với bà con họ hàng										
5. Tôi không muốn chia sẻ, tâm sự với hàng xóm, với họ chỉ là giao tiếp xã giao										
6. Tôi thích tâm sự với bạn thân hơn là với người trong gia đình										
7. Tôi chỉ muốn giữ lại nỗi buồn cho riêng mình										
8. Tôi muốn tiếp xúc với những người trẻ tuổi để truyền đạt những kinh nghiệm chuyên môn										
9. Tôi mong muốn chia sẻ với bạn bè kiến thức bảo vệ và nâng cao sức khỏe										
10. Tôi mong muốn được gặp gỡ đồng nghiệp để trò chuyện hoặc chia sẻ kinh nghiệm chuyên môn										
11. Tôi rất quan tâm đến tình hình kinh tế, chính trị, xã hội trong nước										
12. Tình hình kinh tế, chính trị, xã hội quốc tế là mối quan tâm hàng ngày của tôi										
13. Tôi muốn chia sẻ, giúp đỡ các con nuôi dạy các cháu										
14. Đi lễ chùa/nhà thờ là niềm an ủi lớn của tôi										

15. Tôi muốn được tham gia các cuộc họp họ, giỗ họ										
16. Được đóng góp cúng giỗ, chăm sóc, tu tạo phần mộ tổ tiên, ông bà, cha mẹ và người thân đã khuất khiến tôi thấy thoải mái, yên tâm										
17. Tôi muốn được tham gia các công việc của quê hương, dòng họ										
18. Tôi hào hứng và sẵn sàng tham gia các ngày lễ, hội nếu có dịp										
19. Tôi rất thích tham dự lễ, hội ở quê hương										
20. Luyện tập thể dục thể thao hàng ngày là niềm vui trong cuộc sống của tôi										
21. Tôi sẵn sàng tham gia công tác xã hội ở NNHm dân cư										
22. Tôi thấy có ý nghĩa khi tham gia câu lạc bộ thơ, văn, nhạc họa...										
23. Tôi thích đi tham quan, dã ngoại cùng gia đình, người thân hoặc bạn bè										
24. Tôi thấy vui và bổ ích khi được sinh hoạt ở Hội người cao tuổi, Hội nghỉ hưu...										
25. Tôi mong được đóng góp ý kiến cho con cháu										
26. Tôi muốn được con cháu hỏi ý kiến về những vấn đề quan trọng										
27. Tôi muốn những ý kiến của mình được người khác lắng nghe, tiếp thu và vận dụng										
28. Tôi muốn thể hiện tinh thần trách nhiệm hơn là đòi hỏi mọi người										

C. NỘI DUNG GIAO TIẾP

Câu 7: Trong thực tế hàng ngày, khi giao tiếp với mọi người, Ông/Bà đề cập đến các vấn đề sau đây ở mức độ nào? (Ông/Bà hãy chọn và đánh dấu X vào ô mà Ông/Bà cho là phù hợp nhất với bản thân)

<i>Mức độ đề cập</i>	Trước khi nghỉ hưu (3 đến 5 năm)					Hiện nay				
	Không bao giờ	Rất ít (vài lần 1 năm)	Ít khi (vài lần một tháng)	Thỉnh thoảng (vài lần một tuần)	Thường xuyên (hàng ngày)	Không bao giờ	Rất ít (vài lần 1 năm)	Ít khi (vài lần một tháng)	Thỉnh thoảng (vài lần một tuần)	Thường xuyên (hàng ngày)

1. Trao đổi kinh nghiệm luyện tập, ăn uống để duy trì sức khỏe cho bản thân và người khác										
2. Các vấn đề sức khỏe, các bệnh thường gặp ở tuổi già và kinh nghiệm chữa trị										
3. Các vấn đề về sức khỏe của các thành viên trong gia đình										
4. Các dịch bệnh đang xảy ra trong cộng đồng										
5. Chia sẻ tâm tư, tình cảm cá nhân										
6. Chia sẻ các vấn đề kinh tế của gia đình										
7. Chia sẻ những vấn đề thường ngày của cuộc sống gia đình (con cháu học hành, công tác, dạy bảo, chăm sóc con cháu...)										
8. Những băn khoăn, vướng mắc trong cuộc sống gia đình (quan hệ ứng xử với vợ/chồng, con cháu...)										
9. Công việc quê hương, dòng họ										
10. Tình hình người thân, họ hàng ở quê										
11. Duy trì nề nếp gia phong trong gia đình										
12. Cùng cố quan hệ họ hàng thân tộc										
13. Các vấn đề văn hóa, văn nghệ, thể thao trong nước										
14. Các vấn đề văn hóa, văn nghệ, thể thao quốc tế										
15. Vấn đề an ninh trật tự, kinh tế, chính trị đất nước										
16. Vấn đề an ninh trật tự, kinh tế, chính trị thế giới										
17. Học tập mở rộng										

kiến thức bản thân										
18. Tiếp tục sử dụng hoặc trao đổi chuyên môn nghiệp vụ										
19. Trao đổi về các chủ trương, chính sách của Đảng nói chung										
20. Trao đổi về các chế độ chính sách của Nhà nước đối với người cao tuổi và người nghỉ hưu										

D. HÌNH THỨC GIAO TIẾP

Câu 8: Xin Ông/Bà cho biết, Ông/Bà thường có những hoạt động dưới đây ở mức độ nào? (Ông/Bà hãy chọn và đánh dấu X vào ô mà Ông/Bà cho là phù hợp nhất với bản thân).

Mức độ trao đổi	Không bao giờ	Rất ít (vài lần 1 năm)	Ít khi (vài lần 1 tháng)	Thỉnh thoảng (vài lần 1 tuần)	Thường xuyên (hàng ngày)
1. Đi thăm người thân					
2. Tham gia các hoạt động vui chơi, giải trí					
3. Sang hàng xóm chơi					
4. Đi lễ chùa/nhà thờ					
5. Thắp hương cầu nguyện tại gia đình					
6. Đi tham quan, du lịch cùng người thân, gia đình					
7. Đi tham quan, du lịch cùng bạn bè					
8. Về thăm quê hương					
9. Tham gia các hoạt động của dòng họ, quê hương					
10. Nói chuyện qua điện thoại					
11. Xem tivi					
12. Nghe đài					
13. Giao tiếp qua Internet					
14. Đọc tin tức trên Internet					
15. Đọc sách báo					
16. Viết thư					

E. MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC THÀNH VIÊN TRONG GIA ĐÌNH

Câu 9: Dưới đây là một số nhận xét về các quan hệ trong gia đình, Ông/Bà vui lòng đọc kỹ và đánh dấu (x) vào ô mà Ông/Bà cho là phù hợp nhất với bản thân.

Ý kiến của Ông/Bà	Không đúng	Phần lớn là không đúng	Nửa đúng, nửa không đúng	Phần lớn là đúng	Hoàn toàn đúng
1. Tôi luôn được con cháu quan tâm chăm sóc					

chu đáo khi khỏe mạnh cũng như lúc ốm đau					
2. Con cháu tôn trọng, hỏi ý kiến tôi khi quyết định một việc gì đó					
3. Các con cháu luôn dành thời gian gần gũi, trò chuyện với vợ chồng tôi					
4. Các con tôi để ý đến cuộc sống vật chất mà không quan tâm đến đời sống tinh thần của tôi					
5. Các con cháu tôi không hiểu tâm lý người già					
6. Các con cháu thường cản trở tôi quan hệ bạn bè					
7. Các con cháu thường cản trở tôi tham gia các hoạt động xã hội					
8. Các con tôi quá bận rộn với công việc nên không có thời gian trò chuyện với tôi					
9. Tôi thường xuyên quan tâm chăm sóc vợ/chồng mình					
10. Vợ/chồng tôi thường không quan tâm đến tôi					
11. Vợ/chồng tôi thường xuyên trao đổi, chia sẻ tâm tình với nhau, hiểu và yêu thương nhau					
12. Quan hệ vợ chồng tôi thường căng thẳng					
13. Vợ/chồng tôi cản trở tôi quan hệ bạn bè					
14. Vợ/chồng tôi cản trở tôi tham gia các hoạt động xã hội					
15. Có những lúc tôi vui buồn, vợ/chồng tôi cũng không biết					
16. Tôi thường gần gũi với bạn bè, người thân hơn là với vợ/chồng tôi					
17. Họ hàng thăm hỏi, động viên tôi lúc ốm đau					
18. Tôi thăm hỏi, động viên họ hàng lúc khó khăn					
19. Bà con họ hàng chúng tôi thường qua lại thăm hỏi, giúp đỡ nhau					
20. Tôi và bà con họ hàng ít có dịp gần gũi nhau					
21. Bà con họ hàng không quan tâm đến tôi					

F. CẢM NHẬN VỀ VAI TRÒ, VỊ THẾ CỦA BẢN THÂN TRONG GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI

Câu 10: Dưới đây là một số ý kiến đánh giá về cuộc sống sau nghỉ hưu, Ông/Bà vui lòng đọc kỹ và đánh dấu X vào ô mà Ông/Bà cho là phù hợp nhất với cảm nhận của mình.

Ý kiến của Ông/Bà	Hoàn toàn không đúng	Phần lớn là không đúng	Nửa đúng, nửa không đúng	Phần lớn là đúng	Hoàn toàn đúng
1. Về hưu là mình đã già, xã hội không cần mình					

nữ					
2. Mình không được mọi người xung quanh tôn trọng như trước nữa					
3. Hiện nay, xã hội ít quan tâm đến tiếng nói của người nghỉ hưu					
4. Về hưu tôi không còn làm được gì cho xã hội					
5. Về hưu tôi là người thừa, là gánh nặng cho xã hội					
6. Về hưu, tôi là người thừa, gánh nặng cho gia đình, con cháu					
7. Người trong gia đình tôi không hỏi ý kiến tôi như trước khi tôi nghỉ hưu					
8. Về hưu, tôi có thời gian cho quê hương, họ hàng, thân tộc. Điều đó đem lại cho tôi nhiều niềm vui và cảm thấy cuộc sống có ý nghĩa hơn					
9. Vợ/chồng, con cháu tôi vẫn luôn tôn trọng, yêu quý tôi, điều này không phụ thuộc tôi đã nghỉ hưu hay chưa					
10. Nghỉ hưu tôi có nhiều thời gian cho gia đình, con cháu, điều đó khiến các thành viên trong gia đình gần gũi, yêu thương nhau hơn					
11. Tuy đã về hưu, nhưng tôi vẫn làm được nhiều việc cống hiến cho gia đình, xã hội. Điều này khiến tôi vui vẻ					

G. CÁCH THỨC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI DÀNH CHO NGƯỜI NGHỈ HƯU Ở CỤM DÂN CƯ HIỆN NAY

Câu 11: Dưới đây là một số nhận xét về các tổ chức xã hội mà người nghỉ hưu tham gia, Ông/Bà hãy đọc kỹ và đánh dấu X vào ô mà Ông/Bà cho là phù hợp nhất với ý kiến của mình.

Ý kiến của Ông/Bà	Hoàn toàn không đúng	Phần lớn là không đúng	Nửa đúng, nửa không đúng	Phần lớn là đúng	Hoàn toàn đúng
1. Hiện nay, các nhóm xã hội, hoạt động cộng đồng dành cho người về hưu còn quá ít					
2. Hoạt động của các nhóm xã hội dành cho người nghỉ hưu còn đơn điệu về hình thức					
3. Nội dung sinh hoạt của các nhóm xã hội chưa đáp ứng được nhu cầu của người nghỉ hưu					
4. Địa điểm tổ chức sinh hoạt của các tổ chức, nhóm xã hội dành cho người nghỉ hưu chưa phù hợp					
5. Các phương tiện, trang thiết bị phục vụ cho sinh hoạt của các tổ chức xã hội dành cho người nghỉ hưu còn nghèo nàn					
6. Sự hỗ trợ về vật chất và tinh thần của chính quyền đối với các tổ chức, nhóm xã hội dành cho					

người nghỉ hưu chưa nhiều					
---------------------------	--	--	--	--	--

H. TÍNH CÁCH

Câu 12: Dưới đây là một số nhận xét về tính cách của bản thân, Ông/Bà hãy đọc kỹ và đánh dấu X vào ô mà Ông/Bà cho là phù hợp nhất với mình.

Ý kiến của Ông/Bà	Hoàn toàn không đúng	Phần lớn là không đúng	Nửa đúng, nửa không đúng	Phần lớn là đúng	Hoàn toàn đúng
1. Tôi thường xuyên cảm thấy cần phải chia sẻ niềm vui, nỗi buồn với một ai đó					
2. Tôi tiếp xúc, trò chuyện với mọi người một cách dễ dàng, tự nhiên					
3. Tôi cảm thấy bất hạnh nếu trông một ngày mà không được gặp gỡ, trò chuyện với mọi người					
4. Tôi thường có những suy nghĩ giấu kín không muốn cho người khác biết					
5. Tôi thích ngồi một mình suy nghĩ					
6. Tôi là người vui vẻ, dễ hòa đồng với mọi người					
7. Tôi không hào hứng lắm với việc có thêm bạn mới					
8. Tôi thích bày tỏ ý kiến, quan điểm của mình bằng hình thức viết hơn là nói					
9. Tôi thường ngại ngùng khi tham gia liên hoan, tham dự tiệc đông người					
10. Tôi thích thường xuyên gặp các bạn trong nhóm của mình					

I. NGUYỆN VỌNG, MONG MUỐN

Câu 13: Xin Ông/Bà cho biết, để người nghỉ hưu tăng cường giao tiếp với người khác cần phải làm gì?

- Về phía cá nhân:
- Về phía gia đình:
- Về phía Nhà nước:

K. CÁC THÔNG TIN CÁ NHÂN

Câu 14: Xin Ông/Bà vui lòng cho biết một số thông tin về bản thân

- Ông/Bà là: 1. Nam 2. Nữ
- Ông/Bà sinh năm:
- Trình độ học vấn của Ông/Bà:
 - Phổ thông trung học
 - Trung cấp
 - Cao đẳng, đại học
 - Sau đại học
- Nghề nghiệp trước đây của Ông/Bà:
 - Công chức hành chính nhà nước

2. Nghề kỹ thuật (kỹ sư, kiến trúc sư...)
 3. Trí thức (y-bác sỹ, giáo viên, nghiên cứu viên)
 4. Công nhân
 5. Bộ đội, công an
 6. Nghề khác (ghi rõ):
5. Tình trạng hôn nhân hiện nay của Ông/Bà:
1. Vợ (chồng) đang chung sống cùng nhau
 2. Đã ly hôn
 3. Mỗi người ở một nơi (ly thân)
 4. Mỗi người sống một nơi để tiện chăm con cháu
 5. Vợ (chồng) đã chết
6. Trước đây Ông/Bà đã từng giữ cương vị công tác nào sau đây:
1. Lãnh đạo cấp cao của cơ quan (vụ, viện)
 2. Cán bộ quản lý cấp tổ, nhóm, đội
 3. Cán bộ quản lý cấp phòng, ban
 4. Cán bộ, nhân viên bình thường
 5. Công nhân
7. Thời gian Ông/Bà nghỉ hưu:
1. Từ 1 năm đến dưới 3 năm
 2. Từ 3 năm đến 5 năm
 3. Trên 5 năm
8. Gia đình Ông/Bà hiện nay đang chung sống mấy thế hệ?
1. Một thế hệ (ông, bà không ở chung với con cháu)
 2. Hai thế hệ (ở với con nhưng chưa có cháu)
 3. Ba thế hệ (ở cùng con cháu)
 4. Bốn thế hệ (gồm bố mẹ ông bà, ông bà và con cháu ông bà)
9. Xin Ông/Bà cho biết tình hình sức khỏe hiện nay của bản thân:
1. Khỏe mạnh
 2. Bình thường, nhưng có một số bệnh vặt
 3. Có bệnh mãn tính phải điều trị
 4. Yếu

Một lần nữa xin chân thành cảm ơn sự cộng tác của Ông/Bà!

PHỤ LỤC 2

ĐỀ CƯƠNG PHỎNG VẤN SÂU

Thưa ông/ bà, chúng tôi đang tiến hành đề tài nghiên cứu đặc điểm giao tiếp của người nghỉ hưu ở Hà Nội. ông/ bà được mời phỏng vấn là đại diện cho những người nghỉ hưu ở Hà Nội, sự đóng góp ý kiến của ông/bà có ý nghĩa tích cực với nghiên cứu của chúng tôi. Rất mong được sự giúp đỡ của ông/bà.

Xin ông/bà cho biết một số thông tin về cá nhân và giao tiếp hàng ngày của bản thân

Các thông tin cá nhân

Họ và tên:..... Tuổi.....Giới tính.....

Nghề nghiệp trước đây:.....

Trình độ học vấn:.....

Chức vụ trước khi nghỉ hưu:.....

Chỗ ở hiện nay:.....

Ông/bà nghỉ hưu năm:.....

Mức lương hưu hiện nay.....

Sức khoẻ hiện nay:.....

Đối tượng giao tiếp

Xin ông/bà cho biết, từ khi nghỉ hưu đến nay cuộc sống của ông/bà như thế nào (hoạt động hàng ngày như thế nào, có gì khác so với khi còn đi làm...)?

.....
.....

Trong cuộc sống hàng ngày ông/bà thường tiếp xúc, trò chuyện với ai thường xuyên? Ông/bà có thể cho biết vì sao ông/bà thường trò chuyện với người đó?

.....
.....

Từ khi nghỉ hưu đến nay, ông/bà tham gia sinh hoạt tại các tổ chức, nhóm xã hội dành cho người nghỉ hưu nào hoặc ông/bà có tham gia ở các nhóm bạn tự phát nào

(tập thể dục, thơ văn, nhạc, hoạ...). Cảm nhận của ông/bà khi tham gia sinh hoạt tại các nhóm, tổ chức xã hội này (về nội dung sinh hoạt, cơ sở vật chất...)

.....
.....

Ông/bà có giữ mối quan hệ với cơ quan, đồng nghiệp cũ khi nghỉ hưu? Thường gặp gỡ họ vào những dịp nào? Mỗi lần gặp gỡ ông/bà cảm thấy như thế nào? (vui, buồn, dễ chịu hay bức xúc...)

.....
.....

Đối với các tổ chức, nhóm xã hội dành cho người nghỉ hưu, ông bà có ý kiến đóng góp gì để hoạt động của các tổ chức, nhóm xã hội này thu hút được nhiều người nghỉ hưu tham gia hơn và hoạt động có ý nghĩa thiết thực hơn đối với người nghỉ hưu?

.....
.....

Nhu cầu giao tiếp, nội dung giao tiếp

Trong cuộc sống thường ngày hiện nay, xin ông/bà cho biết giao tiếp của ông /bà có gì khác trước không? Ông/bà có mong muốn được giao tiếp, chia sẻ tâm tư, tình cảm với ai nhất?

.....
.....

Xin ông/bà cho biết, trong cuộc sống hàng ngày có khi nào ông/bà cảm thấy có những vấn đề mà ông/bà không biết chia sẻ, tâm sự với ai? Ông/bà có thể chia sẻ đó là những vấn đề gì?

.....
.....

Từ khi nghỉ hưu đến nay, ông/bà thường quan tâm, lo lắng đến vấn đề nào (sức khoẻ của bản thân, các thành viên trong gia đình, tình hình chính trị, thời sự trong nước, quốc tế...)? Vấn đề nào khiến ông/bà quan tâm nhiều nhất? Vì sao ông/bà lại quan

tâm đến vấn đề đó? So với khi ông/bà chưa nghỉ hưu thì có sự khác nhau như thế nào (khi còn đi làm quan tâm đến vấn đề gì? hiện nay quan tâm đến vấn đề gì?)

.....
.....

Ông/bà có thường quan tâm đến vấn đề tâm linh không?(ví dụ như đi lễ chùa, thắp hương cầu nguyện tại gia đình, về quê tu tạo, thắp hương cho phần mộ ông, bà, tổ tiên...) khi đi lễ chùa hay thắp hương cầu nguyện tại gia đình, quê hương đã gọi cho ông/bà điều gì? So với khi ông/bà còn đi làm thì việc này có gì khác?

.....
.....

Từ khi nghỉ hưu đến nay, ông/bà có tham gia làm thêm hoặc làm việc có liên quan đến chuyên môn cũ không? với những kinh nghiệm mà bản thân đã có, ông/bà nghĩ mình có nên chia sẻ với người khác, đặc biệt là những người trẻ không, với hình thức nào? nếu có, xin ông/bà cho biết lý do?

.....
.....

Hiện nay, người ta thường nói, học tập là việc suốt đời đối với mỗi con người, người nghỉ hưu cũng nên học tập để trang bị thêm tri thức mà mình chưa biết và để cuộc sống vui vẻ, thoải mái hơn? Ông/bà nghĩ sao về vấn đề này?

.....
.....

Hình thức giao tiếp

Xin ông/ bà cho biết hàng ngày ông/bà có thường sang nhà hàng xóm chơi? Xin ông/bà cho biết lý do?

.....
.....

Ông/bà có thể cho biết, hàng ngày ông/bà có thường xem tivi, đọc sách báo, nghe đài, vào mạng internet không? Hình thức nào nêu trên khiến ông/bà cảm thấy thích thú nhất? vì sao?

.....

.....
Hàng năm, ông bà có thường về quê, đi chơi xa cùng gia đình, bạn bè? Những lần đi xa đó gọi cho ông/bà điều gì?

Ông/bà có mong muốn gì cho cuộc sống hiện nay của bản thân nói chung và người nghỉ hưu nói riêng ?

.....
.....

.....
Những yếu tố ảnh hưởng

Gia đình

Ông/bà có thể chia sẻ một chút về gia đình mình được không ạ? (về vợ/ chồng, các con, về tình hình học hành, kinh tế, quan hệ giữa các thành viên trong gia đình, các con cháu có quan tâm, chăm sóc ông/bà không? vợ/ chồng ông/ bà có thường xuyên chia sẻ, tâm sự với nhau không?....)

.....
.....

Có nhiều người cảm thấy các quan hệ trong gia đình đã bị thay đổi từ khi nghỉ hưu (do không kiếm được tiền như trước), họ không được vợ/ chồng, con cháu tôn trọng, đối xử như trước? Còn ông/bà nghĩ như thế nào về việc này?

.....
.....

Những điều khiến ông/bà cảm thấy hài lòng, không hài lòng, lo lắng nhất về gia đình mình là gì?

.....
.....

Từ khi nghỉ hưu đến nay, các thành viên gia đình có quan tâm, động viên, khuyến khích hay ngăn cản ông/bà tham gia các hoạt động xã hội, quan hệ giao tiếp với mọi người không?

.....
.....

Cảm nhận về vai trò, vị thế của bản thân trong gia đình và xã hội

Nhiều người suy nghĩ khi về hưu, vị thế xã hội mất đi, các mối quan hệ giao tiếp bị thu hẹp, không còn được như khi còn đi làm, những điều này sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống tinh thần của mỗi người, còn ông/bà cảm thấy vấn đề này như thế nào?

.....
.....

Ông/bà nghĩ như thế nào về vai trò, vị thế của người nghỉ hưu hiện nay trong xã hội? (có được tôn trọng hay không? người nghỉ hưu có còn tiếp tục cống hiến, đóng góp được cho xã hội không? tại sao?)

.....
.....

Tính cách

Nếu tự đánh giá về bản thân, ông/bà tự đánh giá mình là người như thế nào? Vui vẻ, thích tiếp xúc giao lưu hay không? điều này có ảnh hưởng gì đến giao tiếp của ông/bà hay không?

.....
.....

Nếu nói về cuộc sống hiện tại của bản thân hiện nay, ông bà sẽ nói gì (hài lòng hay không hài lòng? Vì sao?)

.....
.....

Theo ông/bà điều gì ảnh hưởng đến cuộc sống hiện nay của bản thân nhất? điều gì khiến ông/bà cảm thấy vui và thoải mái nhất?

.....
.....

Theo ông/bà điều gì khiến cho cuộc sống của ông bà vui vẻ, thoải mái hay không thoải mái như hiện nay (nếu có)?

.....
.....

PHỤ LỤC 3 BIÊN BẢN NGHIÊN CỨU CHÂN DUNG TÂM LÝ

PHỤ LỤC 3.1: BIÊN BẢN NGHIÊN CỨU CHÂN DUNG TÂM LÝ ÔNG ĐỖ VĂN B

Thông tin cá nhân

Họ và tên: Đỗ Văn B

Giới tính: Nam

Tuổi: 70

Học vấn: Trung cấp

Chức vụ trước đây: Đại úy, bộ đội nghỉ hưu

Hoàn cảnh gia đình

Ông B có vợ và 4 người con (người con lớn nhất sinh năm 1977, người con út sinh năm 1983). Hiện nay ông bà B đang ở với người con trai thứ 2 sinh năm 1979 và 2 cháu nội ở Từ Liêm, Hà Nội. Ông B sinh ra, lớn lên và hiện nay vẫn đang sống ở Từ Liêm, Hà Nội.

Nội dung phỏng vấn

Cháu chào bác? Bác ơi bác đã về hưu lâu chưa ạ?

Tôi là công nhân kỹ thuật ở bộ đội sau đó chuyển ngành rồi về hưu. Tôi đi bộ đội, làm kỹ thuật bên đội xe, tháng 8/1985 chuyển ngành sang đội xe sửa công ty vệ sinh. Năm 1990 tôi nghỉ hưu hẳn. Khi mới nghỉ hưu tôi làm thợ điện ở xã, làm vài năm rồi nghỉ. Tôi quê gốc ở đây, sinh ra và khi nghỉ hưu cũng ở đây. Bà nhà tôi làm ở xí nghiệp của xã, sau xí nghiệp phá sản bà ấy về không lương, giờ chẳng có chế độ gì. Tôi lương hưu bộ đội chuyển ngành giờ được gần 3 triệu/ tháng.

Hai bác sinh được mấy anh chị, hiện giờ hai bác có sống với anh chị nào không ạ?

Tôi có 4 đứa con, ba trai một gái, con gái lớn lấy chồng gần nhà, hai thằng đã có gia đình, còn thằng thứ hai chưa có vợ. Hai vợ chồng ở với vợ chồng thằng con

tra lớn và hai đứa cháu nội. Vợ chồng chúng nó (vợ làm may, chồng sửa chữa điện) làm chỉ đủ tiền lo cho con chúng nó ăn học, mình phải nuôi vợ chồng nó đấy, nói chung cuộc sống vất vả vì hai ông bà chỉ có xuất lương hưu của tôi (hơn 2 triệu đồng). Tôi bộ đội chuyển ngành giờ về lương thấp, thiệt thòi lắm, tôi tham gia chiến trường, năm 1968 đã là đại đội phó, mà bây giờ chẳng có chế độ chính sách gì. Tháng thứ hai nó đi làm quảng cáo, mỗi tháng nó cho hai ông bà thêm 1 triệu đồng. Tôi có cái vườn trước cửa, trồng rau cỏ thêm, không phải mua, tiền lương thì mua gạo, thịt qua ngày. Đứa con trai út, vợ nó chơi lô đề, bị vỡ nợ, phải bỏ vào miền Nam sống rồi (đi được 3 năm rồi). Cô con gái lớn thì lấy chồng ở gần nhà tôi, chồng nó làm ăn, tôi phải thế chấp sổ đỏ nhà tôi cho chồng nó lấy tiền làm ăn (450 triệu), bây giờ chưa trả được. Trước kia tôi có xin được mấy miếng đất ở xã, bán đi còn lo cho chúng nó được cái nhà chui ra, chui vào.

Việc anh con trai út bị vỡ nợ nần như vậy có ảnh hưởng gì đến cuộc sống của hai bác không ạ?

Có chứ, lúc nó vỡ nợ, vợ chồng nó cãi nhau, mình cũng căng thẳng, mệt mỏi theo chúng nó, rồi người ta kéo đến nhà đòi nợ, ầm ĩ lên, mình cũng xấu hổ với hàng xóm, có lúc mặc cảm chẳng muốn đến nhà ai cả. Sau chúng nó bỏ vào Nam sinh sống, mình mới đỡ đi đấy, bây giờ cũng đã 3 năm rồi, cuộc sống của nó trong đó cũng tương đối ổn định nhưng vẫn còn khó khăn lắm, năm ngoái nó bị bệnh về mắt, không có tiền chữa, tôi còn ít tiền bán đất phải gửi vào cho nó chữa bệnh đấy, khổ lắm, cũng hết lòng vì con cái thôi. Con vợ nó trước đây còn làm ăn, đi mời thầy về lập 3 cái bàn thờ ở trong nhà, giờ nó bỏ đi, mình vẫn phải hương khói rằm mừng một đấy, có dám bỏ đi đâu.

Vâng, bây giờ cuộc sống, sức khỏe của bác thế nào ạ?

Tôi à, bao nhiêu sức đổ ở chiến trường cả rồi, bây giờ về ốm đau, bệnh tật, bị bệnh gút, phải đi bệnh viện khám lấy thuốc uống đấy. Ngày xưa đi cả Lào, Campuchia đấy, bây giờ ốm đau, chẳng đi được đâu xa, loanh quanh ở làng xóm này thôi. Mình bệnh tật, đau đớn còn chưa đi viện nằm được ngày nào, uống thuốc vớ vẩn vậy thôi. Đi viện phiền phức lắm, tôi chẳng muốn đi. Mấy đứa con nó bảo ông đi viện nằm một thời gian đi, tôi bảo không đi, phiền phức lắm. Bà nhà tôi thì đau

nhức xương suốt, cũng loanh quanh cơm nước ở nhà và chăm hai đứa cháu thôi. Giờ hưu rồi, tuổi già sức yếu, lương thấp, chẳng đi được đâu, làm được gì nữa cô, loanh quanh với mấy ông bạn già trong xóm cho vui thôi. Có mảnh vườn nhỏ trước cửa nhà đấy, sáng ra tưới rau, nhổ cỏ, để có rau sạch ăn, không phải mua.

Vâng, thế bác ơi, hàng ngày bác có thường gặp gỡ bạn bè cũ không ạ?

Tôi thường đạp xe đi gặp gỡ, giao lưu bạn bè hưu ở xã trò chuyện cho đỡ buồn. Chúng tôi cũng chỉ tâm sự chuyện gia đình, nhà cửa, cuộc sống, thời sự trong nước, quốc tế. Chúng tôi vẫn theo dõi tình hình thời sự trong nước. Đấy, dạo này đang nói nhiều đến cái việc bỏ phiếu tín nhiệm đấy, chẳng biết là có thực chất không. Thỉnh thoảng tôi vẫn gặp bạn cũ, có ban liên lạc của trung đoàn, tiểu đoàn để anh em gặp gỡ, động viên lẫn nhau thôi. Các anh em trẻ bây giờ là đại tá rồi, lương cao lắm. Tôi đại úy chuyển ngành lương thấp lắm, thiệt thòi quá. Mình có cả danh hiệu dũng sỹ đấy, thế mà bây giờ về chẳng có chế độ, chính sách gì. Bây giờ người ta bộ đội thời bình, lương cao hơn mình, mình đi chiến dịch, tuổi trẻ đồ cả ở chiến trường giờ về lương không đủ sống.

Vâng, với bệnh tật như hiện nay, hàng ngày bác có luyện tập thể dục gì không bác?

Sáng nào tôi cũng 6h dậy rồi đi bộ, rồi đạp xe vòng quanh làng gặp gỡ bạn bè, ngày nào không đi là mệt lắm, có mảnh vườn đấy, thỉnh thoảng cuốc đất trồng trọt cho đỡ buồn. Cũng đủ rau ăn đấy, không phải đi mua đâu. Sống mà không gặp gỡ bạn bè, trò chuyện thì buồn lắm, mình có còn làm gì nữa đâu, già rồi, gặp nhau trò chuyện cho đỡ buồn thôi.

Bác ơi, hiện nay bác có tham gia sinh hoạt ở tổ chức xã hội nào ở địa phương không ạ?

Tôi chỉ tham gia mỗi Hội Cựu chiến binh và Hội người cao tuổi. Hội Cựu chiến binh bây giờ cũng chán lắm, không có cái “chất” chiến đấu nữa, có ông chẳng tham gia chiến trường ngày nào cũng tham gia Hội. Ba tháng họp một lần. Bây giờ có làm được cái gì đâu, họp thì họp thế thôi. Nghe thông báo tình hình thế thôi.

Hội người cao tuổi thì mình phải tham gia sinh hoạt vì nếu mình tham gia ốm đau mới được thăm hỏi, sau này mình chết mới có các NNH ở Hội đến phúng viếng

chứ còn thực sự Hội người cao tuổi cũng chẳng giúp được gì. Trước đây, hội phải sinh hoạt nhờ ở nhà văn hoá xã, chỉ có mấy cái ghế, sách báo chẳng có, cầu lông, cờ tướng cũng chẳng có, phong trào chẳng có gì, bao nhiêu năm rồi chẳng đại hội bầu bán gì, tài chính không công khai. Năm nay mới xây được cái hội trường dành cho người cao tuổi, chỉ có mấy cái ghế, suốt ngày đóng cửa, có hoạt động gì đâu. Ở xã khác người ta làm tốt lắm, có cờ tướng, báo chí cho các NNH đọc, có người trực để phục vụ các NNH. Ở thôn này có ai làm gì đâu, đóng cửa suốt. Lẽ ra hội NCT phải động viên, tập trung được sức già, phải chăm sóc đời sống văn hoá, tinh thần để cho tuổi già được mát mẻ, vui vẻ, nhưng thực ra ở đây chưa làm được. Quỹ hội chưa minh bạch (thu chi thế nào không ai biết), bàn ghế thiếu, sách vở thì không, 700 hội viên cao tuổi mà hôm nào đi đông nhất được hơn 100 (nói chuyện chuyên đề sức khoẻ), có hoạt động gì đâu mà đi.

Chi bộ Đảng tôi xin nghỉ sinh hoạt rồi, tuổi cao, mà cũng không muốn sinh hoạt nữa. Đảng bây giờ không có tính chiến đấu, chán chẳng sinh hoạt nữa, nói được ai mà sinh hoạt, đảng phải có tính chiến đấu chứ như bây giờ chán chết, toàn đảng viên a dua theo quần chúng.

Hàng ngày không tham gia sinh hoạt gì, còn ở nhà bác có thường xem tivi và đọc sách báo không ạ?

Tôi thường xem Tivi, lúc 7h tối xem tivi, chương trình thời sự, phim truyện buổi tối, ngoài ra tôi còn xem chương trình phổ biến kiến thức trên VTV2. Tôi có cái đài nhỏ để nghe tin tức, ca nhạc.... Sách báo tôi không đọc vì không có tiền mua. Hội người Cao tuổi cũng chẳng có sách báo mà đọc. Thời gian hàng ngày tôi tập trung chăm mảnh vườn để lấy rau ăn, rồi đạp xe quanh làng gặp gỡ bạn hưu thôi. Tối về chỉ có hai ông bà trò chuyện, với hai đứa cháu nữa.

Khi mới nghỉ hưu cảm thấy thế nào? Bây giờ cuộc sống của bác thế nào ạ? Các anh chị có quan tâm, chăm sóc bác không?

Lúc mới về hưu cũng buồn, nhưng bây giờ thì bình thường, cái gì nó cũng đâu vào đấy cả thôi, có nhiều tiêu nhiều, có ít tiêu ít. Con cái nó phá phách, nợ nần như vậy, có mảnh đất cũng phải bán đi cho nó trả nợ (mấy trăm triệu đấy). Nói chung, cũng phiền lòng lắm. Trước thẳng út ở với mình, nó ở với mình nhưng nó đi suốt, nó

có quan tâm gì đến mình đâu, bây giờ nó vợ nọ, nó chạy trốn, vào miền Nam ở, giờ nó ở hẳn trong miền Nam rồi (đã được gần 3 năm). Vợ nó còn lập mấy cái bàn thờ ở nhà, bây giờ vẫn phải thắp hương, thờ cho nó đấy, chẳng dám bỏ đi, khổ thế đấy. Bây giờ tôi ở với vợ chồng thằng lớn, nó ở tầng trên, ông bà ở tầng dưới. Nó cũng chẳng giúp gì được cho mình, chúng nó làm chẳng đủ ăn, làm sao lo lắng cho mình được. Nhưng cũng may là nó cũng không hỗn hào gì, cũng biết điều, thỉnh thoảng cũng thăm hỏi ông bà được vài câu, nó còn lo làm lo ăn, đi tối ngày, mình ở nhà cơm nước đỡ dần cho chúng nó. Con cái chưa giúp được gì cho tôi. Cái thằng chưa có vợ thì nó bảo thôi ông bà cứ lo ăn uống cho đầy đủ, mỗi tháng con cho 1 triệu. Thế là cũng tạm ổn. Nhiều nhà con cái chúng nó còn phá phách hơn nhiều, thằng nhà tôi may cũng tạm ổn rồi. Thôi, cũng mong cho nó an cư, lạc nghiệp là mình mừng rồi, ông bà thì rau cháo nuôi nhau, có cần gì nữa đâu mà đòi hỏi.

Vâng, hiện nay, trông cuộc sống, điều bác quan tâm nhất là gì ạ?

Trong bối cảnh hiện nay, điều tôi quan tâm nhất là con cái có công ăn, việc làm ổn định, các cháu được học hành đến nơi đến chốn, mình thì mặt trời sang bên tây rồi, còn sống được bao nhiêu nữa đâu. Lo là lo cho con cháu thôi. Cứ tình hình thu hồi đất nông nghiệp xây đô thị mới thế này, thanh niên thất nghiệp hết, chẳng có việc gì mà làm đâu.

Tôi là con thứ, vẫn phải cùng với ông trưởng lo lắng mọi việc đấy, họ tộc, mồ mả ông cha ở đây mà. Tâm nguyện bây giờ muốn xây được cái nhà thờ họ cho to đẹp, rầm rùm một hương khói cho tổ tiên, cầu cho dòng họ mọi người có sức khỏe, phát tài. Tâm nguyện thế mà chưa làm được đâu. Còn nhiều vấn đề rắc rối lắm. Bây giờ già rồi chỉ quan tâm đến vấn đề tâm linh, mấy ông ở Trung ương cũng còn quan tâm đến tâm linh nữa là mình.

Bác ơi, bác cảm nhận thế nào về vai trò của người nghỉ hưu ở địa phương ta hiện nay ạ?

Người nghỉ hưu chẳng có tiếng nói gì đâu, nói chẳng ai nghe, xã có nghe đâu mà nói, mấy ông ấy bảo các NNH biết cái gì mà nói. Các NNH hưu không được tham gia gì cả. Xã xây dựng, trùng tu lại khu di tích của xã đấy, ông trưởng ban di tích của xã có ý kiến này nọ kia, xã bảo “ông có muốn làm tiếp nữa hay nghỉ”, đấy,

ý là thế đấy, muốn làm thì im mồm, cãi lại thì nghỉ đi. Thế thì còn gì mà nói nữa. Ai mà ủng hộ các ông ấy làm thì được mời tham gia, có ý kiến này nọ thì không được mời. Các ông ấy không “tập trung dân chủ”. Họ hành mình cũng phát biểu mãi đấy mà có ai nghe đâu. Chán, chẳng nói nữa.

Trong cuộc sống chỉ mong được gặp gỡ bạn bè vui vẻ, anh em họ hàng, gia đình hoà thuận. Có người con cái còn nợ mấy chục tỷ ấy chứ, con mình nợ nần thế nhưng giờ nó cũng tương đối ổn định rồi (nó có nhà có cửa rồi), còn đỡ hơn nhà họ đấy. Bà nhà tôi nói chung còn khoẻ, thỉnh thoảng đau xương, đau cốt thôi, hai ông bà vui vẻ với nhau thôi, sống được bao nhiêu nữa.

Nếu có kiến nghị với Nhà nước, thay mặt cho những người cao tuổi ở địa phương, bác có ý kiến gì không ạ

Giờ chỉ kiến nghị nhà nước tăng lương cho những người như chúng tôi, lương ba cọc, ba đồng, không đủ sống. Quan tâm để Hội người cao tuổi ở xã hoạt động tốt hơn, chăm sóc đời sống tinh thần cho người cao tuổi tốt hơn nữa. Này cô biết không, xã tôi hội người cao tuổi bao nhiêu năm nay chưa đại hội đấy, vì tài chính không minh bạch nên không dám đại hội chứ có gì đâu, mà tôi nói thật, ý kiến thế thôi chứ chẳng làm được gì đâu.

Vâng, chắc là dần dần mọi thứ sẽ thay đổi thôi bác ạ, mình phải tin tưởng thế chứ. Thôi, cháu làm mất thời gian của bác nhiều quá, cháu xin phép bác cháu về ạ. Cháu cảm ơn bác về buổi nói chuyện hôm nay ạ.

PHỤ LỤC 3.2: BIÊN BẢN NGHIÊN CỨU CHÂN DUNG TÂM LÝ BÀ NGUYỄN THỊ T

Thông tin cá nhân

Họ và tên: Nguyễn Thị T

Giới tính: nữ

Tuổi: 63

Học vấn: Đại học

Chức vụ công tác trước đây: Trưởng phòng của một cơ quan cấp Bộ

Hoàn cảnh gia đình: Có 1 con gái đã lấy chồng có 2 con, gia đình con gái hiện đang ở cùng ông bà T ở quận Ba Đình. Chồng bà T đã nghỉ hưu.

Hiện nay bà T là phó bí thư chi bộ ở NNHm dân cư đồng thời là tổ trưởng dân phố, chủ tịch chi hội phụ nữ.

1. Nội dung phỏng vấn

Cháu chào cô! Cháu thấy hàng ngày cô rất bận bịu, mặc dù cô đã nghỉ hưu

Ừ, cô tuy về hưu đấy, nhưng hiện nay bận bịu lắm, còn hơn hồi đi làm. Con gái nó lấy chồng sinh liền một lúc hai đứa, ông bà nội nó ở trong miền Nam, cô đón cả nhà nó về đây ở với cô (cô chỉ có mình nó), bây giờ ở nhà trông cháu, chợ búa, cơm nước rồi việc của tổ dân phố, của chi bộ, của hội phụ nữ, bận bịu suốt ngày cháu ạ. Cháu hẹn mấy lần mới gặp cô vì cô cứ chạy đi chạy lại, việc nọ việc kia suốt.

Cô cho cháu hỏi, hiện nay cô đang tham gia những công tác gì ạ?

Cô tham gia nhiều lắm, từ khi về hưu, tổ dân phố bầu làm tổ trưởng, tham gia sinh hoạt chi bộ thì họ lại bầu làm Phó bí thư. Bên chi hội phụ nữ họ lại bầu mình làm chủ tịch chi hội, rồi bên khuyến học thiếu nhi cũng mời tham gia. Cô đang tính kỳ tới cô xin nghỉ bớt đi một số việc chứ cứ như bây giờ vất vả quá, mà cô cũng thấy mệt rồi vì còn phải chăm sóc hai cháu nhỏ.

Cô thấy cuộc sống của mình từ khi nghỉ hưu đến nay có gì thay đổi không ạ?

Có chứ, trước kia mình làm ở cơ quan, nó có giờ có giấc, hết giờ là nghỉ, giờ tham gia các công tác này cứ bận như con mọt ấy. Nhưng mà cũng vui cháu ạ, không chịu nhiều áp lực như hồi đi làm, mình làm cho vui tuổi già thôi, chả nhẽ về hưu lại ngồi không, làm thì cũng được ít tiền phụ cấp đấy, nhưng cái chính là mình vẫn tham

gia công tác xã hội, tinh thần nó thoải mái. Chứ như mấy NNH bây giờ về hưu cứ kêu chán vì chẳng biết làm gì, quanh quần cơm nước, chăm cháu là hết ngày. Có NNH đi ở với con thì lại không hợp, khổ lắm. Mình làm ở đây, tuy bận nhưng lúc nào thích nghỉ thì nghỉ, tự mình thu xếp mọi việc nó cũng thoải mái, cô trước đây ở cơ quan làm công tác công đoàn nên cũng quen hoạt động rồi. Tính cô lại thích hoạt động, giao lưu nên không thể ngồi yên một chỗ được.

Hàng ngày cô chăm sóc cháu nhỏ và làm công tác xã hội, cô có làm thêm gì nữa không ạ?

Hàng ngày cô chỉ có chăm cháu, làm công tác bên chi bộ, bên dân phố. Sáng ra cơm cháo cho cháu ăn, bố mẹ nó đi làm, chú nhà cô thì đi tập thể dục, cô ở nhà dọn dẹp nhà cửa, đi chợ búa về chuẩn bị cơm nước, thời gian còn lại vừa trông cháu vừa xem tivi, đọc sách báo, tranh thủ chuẩn bị các công việc của phường, gặp gỡ người nọ người kia. Buổi chiều thì bế cháu xuống sân tập thể chơi, gặp gỡ các NNH trong tổ trò chuyện khoảng 30 phút đến một tiếng rồi lại lên nhà chuẩn bị cơm nước, tắm rửa cho cháu. Tối bố mẹ chúng nó về, cơm nước cả nhà ăn xong trả con cho chúng nó rồi hai ông bà mới được xem tivi, các phim chuyện buổi tối hay lắm cháu ạ, cả cô và chú đều thích.

Trong các chương trình tivi, cô thích nhất chương trình nào ạ?

Cô thích xem thời sự, ngày nào cũng phải xem để biết tin tức trong nước và thế giới. Mình về hưu mà không xem tivi, không tham gia hội họp gì thì chẳng biết cái gì đâu, tự mình phải trang bị kiến thức hiểu biết thêm cho mình chứ. Tình hình chính trị, thời sự, kinh tế, giá cả... nói chung là cái gì mình cũng quan tâm. Rồi phim chuyện, bây giờ có truyền hình cáp, xem phim cả ngày cũng được, nhưng nghĩ cũng buồn cười, ông bà già 60 suốt ngày xem phim Hà Quốc các đôi trẻ yêu nhau, khóc lóc sụt sùi, về con cô nó cứ cười trêu cô, bà già thích xem phim thanh niên, nhưng loanh quanh cũng mấy câu chuyện của Hàn Quốc thôi, giá mà có kênh riêng cho người già thì tốt quá.

Cô thường đọc báo gì hàng ngày ạ.

Cô hay mua báo an ninh thế giới, công an, thuốc và sức khỏe, báo phụ nữ để đọc. Mấy báo đó cung cấp nhiều thông tin, mình đọc rồi quen, nghiền đọc lắm. Có khi đi sinh hoạt cô còn mang đi đọc cho các NNH nghe ấy chứ.

Các NNH mà cô gặp gỡ buổi chiều là nhóm bạn hàng ngày thân nhất của cô ạ.

Ừ, nhóm của cô có ba bốn người, cùng ở tổ dân phố cả thôi (trước đây cùng làm với nhau đấy, khu này là tập thể của cơ quan mà), các cô ấy cũng về hưu cả rồi, ở

nhà trông cháu, sáng ra đi chợ gặp nhau chuyện trò một lúc, rồi chiều bé cháu đi chơi lại gặp nhau, ngày nào cũng thế thành quen. Cứ gặp nhau nói chuyện vui vui, chuyện con cháu, chuyện phố phường, văn hoá, thời sự... ngày nào mà không gặp nhau thành ra thấy vắng vắng. Nhưng thời gian gặp gỡ nói chuyện cũng không nhiều đâu cháu ạ, loanh quanh cho cháu ăn uống, ngủ nghỉ, cơm nước là hết ngày, chỉ tranh thủ thời gian lúc đi chợ búa, cho cháu đi chơi là gặp được nhau thôi. Mà cháu bảo bạn thân bây giờ cũng chỉ tâm sự, chia sẻ với nhau thôi chứ tuổi già có làm gì giúp nhau được nhiều đâu. Việc nhà mình mình phải tự lo rồi con cháu nó giúp đỡ mình thôi, nhà nào cũng thế. Các NNH chỉ động viên nhau về tinh thần là chính. Có bạn nói chuyện cho đỡ buồn. Nhưng không có lại thấy thiếu vắng đấy vì tuổi già với nhau dễ nói chuyện, chia sẻ hơn.

Các cô ấy có cùng sinh hoạt Đảng và sinh hoạt trong Hội người cao tuổi, Hội phụ nữ như cô không ạ?

Có người thì tham gia sinh hoạt trong chi bộ với cô, có người thì tham gia trong hội người cao tuổi, có người không tham gia vì họ cũng chưa đến tuổi, hầu hết các cô ấy đều tham gia trong chi hội phụ nữ với cô đấy. Bây giờ về hưu rồi, cháu bảo phải tham gia những Hội đó cho vui, khuấy khoa tuổi già chứ. Mà tham gia trong các hội đó cũng có nhiều tác dụng lắm. Ngoài việc được gặp gỡ, nghe tin tức, tình hình xã hội, bên Hội người cao tuổi mỗi năm còn được phường tổ chức khám bệnh miễn phí 1 lần. Nhưng do nguồn kinh phí không nhiều nên các thành viên của hội hàng năm phải đóng góp phí. Hội người cao tuổi là 50.000đ/ năm, chi hội phụ nữ của các cô là 60.000đ/ năm. Nhưng số tiền này xem ra cũng chưa đủ để hoạt động. Bên chi hội phụ nữ của các cô cần có một tờ báo Phụ nữ để cho chị em đọc cũng không đủ tiền để mua, kinh phí eo hẹp lắm, nên cũng gặp nhiều khó khăn trong hoạt động. Bao giờ có nguồn gì cho nó tăng quỹ hội lên thì hoạt động mới tốt được. Mang tiếng Hội vậy chứ vài tháng mới sinh hoạt một lần, chỉ có đầu năm mấy chị em rủ nhau đi lễ chùa trên Lạng Sơn, đi thì tự túc kinh phí chứ có ai giúp gì đâu.

Đã tham gia sinh hoạt trong tổ chức Đảng, Hội phụ nữ, hội người cao tuổi, cô có ý kiến như thế nào về hoạt động của các tổ chức, hội này ạ?

Cô thấy tốt chứ, mình về hưu rồi mà vẫn có một tổ chức cho mình gắn bó, có các NNH thăm hỏi động viên lúc ốm đau, mừng thọ, hiếu, hi... có bạn để chia sẻ tâm sự, cháu bảo con cái nó đi làm cả ngày, mình cũng phải có bạn già của mình chứ. Các tổ chức, Hội này chỉ giúp đỡ, động viên tinh thần là chính cháu ạ, vật chất thì không có gì lớn, vì nguồn quỹ của Hội cũng không có nhiều. Chủ yếu các NNH gắn kết với tổ dân

phổ nhiều hơn. Chi bộ Đảng một tháng họp một lần để nghe phổ biến tình hình chính trị của đất nước, của phường, rồi đóng góp ý kiến.. nhưng mà các thông tin của chi bộ nặng về báo cáo, gần như của uỷ ban phường, một số vấn đề nổi bật của đất nước thì không thấy phản ánh, thông tin nhiều khi nặng về tuyên truyền. Thành ra các thông tin nóng bỏng các NNH lại đón nhận trên tivi, đài báo là chính. Nhiều vấn đề, quan điểm của Đảng chưa được Đảng uỷ đề cập. Mà cơ sở vật chất (chỗ sinh hoạt của chi bộ) cũng không có, các cô phải sinh hoạt nhờ bên bộ đội đấy, được cái sinh hoạt Chi bộ của các NNH huu đều đặn lắm. Cứ ngày 3 hàng tháng là họp, họp còn đều đặn hơn bên cơ quan cô ngày trước ấy. Các NNH huu họp phát biểu ý kiến sôi nổi lắm. Nhưng có NNH đi sinh hoạt không đều đâu. Thường thì quân số chỉ khoảng 60 – 70%. Đảng phí thì các NNH góp đầy đủ nhưng đi sinh hoạt thì nhiều khi lại ngại, lúc thì ốm đau, lúc thì trời mưa gió, tuổi cao rồi nên ngại, lúc thì bận trông cháu.... Bên Hội Phụ nữ thì thỉnh thoảng họp, nhắc nhở chị em xây dựng nếp sống văn minh, gia đình hạnh phúc, nuôi dạy con cháu.... Các cô mong muốn các Hội này trong sinh hoạt được lồng ghép với các chuyên đề, ví dụ như chăm sóc sức khoẻ cho người cao tuổi như thế nào, rồi các bệnh hay gặp ở người cao tuổi... Cô thấy, sinh hoạt theo chuyên đề bổ ích hơn, sẽ có nhiều NNH tham gia hơn, chứ như hiện nay, việc sinh hoạt nặng về hình thức, cũng hạn chế các NNH tham gia. Mà làm những công việc này cũng phức tạp lắm cháu ạ, các NNH thì nhiều ý kiến, rồi chỉ đạo của trên, để hài hoà trong làm việc cũng mệt đấy. Cô định hết nhiệm kỳ này xin nghỉ, mình làm ít cho nó có việc thôi chứ làm nhiều quá như bây giờ cô thấy vất vả quá.

Theo cô, hoạt động các tổ chức, hội dành cho người nghỉ hưu ở địa phương các tác động gì đến đời sống của người nghỉ hưu không ạ?

Cô thấy, các hội này cũng cần thiết đối với người nghỉ hưu, vì nó giúp cho các NNH nghỉ hưu xích lại gần nhau hơn, có chỗ mà gặp gỡ, làm quen, trò chuyện, nó cho mình cảm giác vẫn còn một tổ chức xã hội để mình gắn bó khi về hưu, nhiều NNH tham gia nhiệt tình lắm. Thế nhưng nhiều người nghỉ hưu lại chưa thực sự gắn bó với các tổ chức này vì như cô đã nói ở trên, chi bộ thì một tháng họp một lần, hội người cao tuổi, hội phụ nữ vài tháng họp một lần, nhiều khi hoạt động còn mang tính hình thức cho nên hiệu quả nó mang lại không lớn lắm, người ta cảm giác có sinh hoạt cũng được, không sinh hoạt cũng chẳng sao, nhất là với các NNH cao tuổi, có NNH chỉ nộp đảng phí rồi nghỉ sinh hoạt ở nhà chăm con cháu. Cô nghĩ, những tổ chức này chưa thực sự là chỗ dựa tinh thần cho người già, ngoài việc rất đáng ghi nhận của là luôn có đại diện

của tổ chức xuất hiện khi các NNH ốm đau nặng hay về già. Nhưng trong cuộc sống của các NNH hiện nay cũng còn nhiều khó khăn, cần chia sẻ, giúp đỡ thì các tổ chức này lại chưa giúp các NNH được nhiều, mỗi người phải tự lo lắng cho bản thân hay con cháu, gia đình giúp đỡ là chính.

Các tổ chức, hội mà cô tham gia có nhiều NNH mới nghỉ hưu không ạ?

Cũng có một số cháu ạ, thường thì khi nghỉ hưu khoảng vài ba tháng họ mới tham gia sinh hoạt, mà lúc đầu cũng chưa thoải mái lắm đâu, nhất là các NNH quan chức mới nghỉ. Họ cũng bị sốc đấy, phải mất một thời gian dài họ không hào hứng đâu, sau khoảng một năm rồi mới quen, mới ổn định thì thoải mái hơn. Theo cô biết, mình cứ chuẩn bị tinh thần trước cho nghỉ hưu thì đến lúc nghỉ đỡ bị sốc, mình hoà nhập ngay được với cuộc sống mới.

Cô cho cháu hỏi, trước đây khi cô mới về hưu, cô có bị sốc không?

Cô không bị sốc, cô đã chuẩn bị tinh thần rồi, năm 2000 cô chuẩn bị về hưu thì ở cơ quan họ giữ lại thêm 2 năm, hết hai năm cô vui về nghỉ hưu, cô mất 3 tháng để chuyển sinh hoạt đảng, sau cô về đây sinh hoạt, các NNH lại cử cô làm phó bí thư, bên dân phố thì mời làm tổ trưởng dân phố, chẳng có lúc nào suy nghĩ quanh nữa. Nhưng nói thật, như cô chẳng quan chức gì, mình nghỉ hưu là mình đã chuẩn bị tinh thần sẵn sàng rồi, không có gì tiếc nuối cả, khi về lại có nhiều việc để làm nên thoải mái lắm. Cô nghĩ chỉ có các NNH có chức quyền, khi nghỉ hưu mới bị sốc thôi, về hưu thì nó cũng ảnh hưởng đến thu nhập mà cháu. Mình thì nghĩ chỉ bị giảm lương đi một chút thôi, không có gì to tát cả, cả cô và chú đều vui về nghỉ. Quan trọng nhất là mình phải chuẩn bị tinh thần cho việc nghỉ hưu thì khi nghỉ hưu mình sẽ vui vẻ, thoải mái.

Khi về hưu, cô chú có tham gia sinh hoạt trong hội thơ văn hay câu lạc bộ gì không ạ?

Làm gì có thời gian mà thơ văn hả cháu, các công việc của tổ dân phố, rồi việc nhà, rồi trông cháu là hết ngày. Văn hoá nghệ thuật gì thì xem trên tivi hết, có hết trên tivi, không phải đi đâu cả. Chỉ có chú nhà cô tham gia trong câu lạc bộ thể dục trên Hồ Tây, chú ấy sáng nào cũng đi bơi đấy, cả đi cả về mất 2 tiếng, không ngày nào là chú ấy không đi, nhưng mà bơi lội nó cũng làm mình khoẻ ra. Cô thì chỉ thỉnh thoảng đi bộ buổi tối thôi, cũng không có thời gian vì hai đứa cháu còn bé quá, cô phải trông chúng nó cho bố mẹ nó nghỉ ngơi, ăn uống, tắm giặt.

Cô có hay đi lễ chùa không ạ?

Cô thỉnh thoảng, rằm, mừng một cô đi. Minh đi kêu cầu cho con cháu nó khoẻ mạnh, làm ăn thuận lợi, có bà ở trong tổ dân phố đây còn ăn chay niệm phật đây cháu ạ, họ bảo họ nặng căn nặng quả, già rồi có thời gian phải ăn năn, sám hối cho nó nhẹ bớt đi. Cô thì cũng không như họ nhưng mình cũng thờ cúng cẩn thận, có thờ có thiêng, có kiêng có lành cháu ạ.

Cháu thấy hai em nhà cô có vẻ rất lễ phép với cô chú, chắc là gia đình cô chung sống vui vẻ thoải mái lắm ạ?

Ừ, may mắn cho cô là cô có mỗi mình nó, chồng nó quê ngoài này nhưng ông bà ấy chuyển vào Nam 10 năm nay rồi, con rể cô nó cũng biết điều lắm, ở nhà nó ngày trước chỉ có nó và bố nó chăm sóc bà nội nó ốm đau đấy, bây giờ vợ nó nhiều khi không phải với cô, nó còn nói vợ nó đấy. Chúng nó về ở với cô ba năm nay rồi, từ khi vợ nó đẻ con bé đầu, không có người chăm, cô vào miền Nam bế cháu, rồi bàn với con gái cô xin chuyển ra ngoài này ở với vợ chồng cô, cô chăm cháu cho, chúng nó đồng ý ra đây với ông bà. Bây giờ cô vẫn nuôi ăn hai đứa đấy. Chúng nó lương cũng khá nhưng cô bảo thôi, không phải đóng góp gì, cứ giữ lại làm vốn riêng, khi nào ông bà già yếu thì ông bà nhờ. Lương cô với lương chú cũng đủ tiền chi tiêu cho gia đình (chú là bộ đội nghỉ hưu được vài năm nay), nhà này được cơ quan phân, cô chú sửa rộng ra cho thêm phòng, cả nhà 6 người sinh hoạt cũng thoải mái. Có con cháu quây quần cho vui. Bây giờ mình già rồi, có nhu cầu gì đâu, chăm con cháu khoẻ mạnh là mừng rồi, cũng may, em nhà cô chúng nó cũng biết thương bố mẹ nên chung sống với nhau cũng vui vẻ, không có gì phải phàn nàn cả.

Buổi tối, khi hai em về đến nhà, gia đình mình quây quần chắc là vui lắm cô nhỉ

Ừ, chúng nó về, bố mẹ con cái léo nhéo cũng vui lắm, nhưng mà các cháu còn nhỏ nên cũng vất vả, chỉ loay hoay cho chúng nó ăn thôi, bữa tối là cả nhà quây quần cùng nhau, trò chuyện, thông báo tình hình hai đứa này ở nhà cho bố mẹ nó biết, tối chúng nó về phòng với bố mẹ cô mới tranh thủ xem phim ảnh được một lúc. Cũng không trò chuyện nhiều đâu cháu ạ, chúng nó đi làm về mệt mỏi lại con cái nữa, chỉ hỏi ông bà vài câu tình hình ở nhà thế nào, cần gì thì chúng nó hỏi chứ nó cũng không có nhiều thời gian trò chuyện. Cô chú cũng thông cảm vì bây giờ chúng nó bận quá mà, cho nó nghỉ ngơi, mai nó còn đi làm.

Cô chú lo hết mọi việc trong gia đình, vậy khi có việc quan trọng cô chú có bàn bạc cùng hai em không ạ?

Có chứ, việc gì quan trọng cô chú cũng bàn với hai đứa nó. Mình tôn trọng chúng mà, tuy là con nhưng chúng cũng làm bố làm mẹ cả rồi, khi nào cũng bàn bạc và cô chú luôn tôn trọng ý kiến của chúng nó, điều gì chúng không thích cô chú không ép, khi nào cả gia đình thống nhất thì cứ thế mà làm, nhưng chúng nó cũng tôn trọng cô chú lắm, không làm trái ý cô chú đâu.

Cô chú và các em có hay cùng nhau đi thăm quan hay về quê thăm họ hàng không ạ.

Chúng nó lấy nhau xong, đẻ liền hai đứa con, chưa có thời gian mà đi đâu cháu ạ, cô thì mới vào Nam chăm cháu, hồi nó mới đẻ đứa đầu. Bây giờ về hưu chẳng đi đâu cả, sau này không biết các cháu nó lớn thì bố mẹ nó có cho đi đâu thì đi. Còn về quê thăm họ hàng thì cô chú cũng thỉnh thoảng giỗ chạp, lễ tết vẫn về đấy, mình bây giờ già mới có điều kiện thăm nom, gắn bó với họ hàng, quê hương chứ trước đây bận đi làm, chăm sóc con cái, cũng không chú ý thăm hỏi họ hàng được thường xuyên đâu. Thỉnh thoảng cô vẫn gọi điện về quê trò chuyện, hỏi thăm mọi người vì đi lại khó khăn mà. Bây giờ còn có sức khỏe, còn thăm hỏi động viên được anh em họ hàng chứ sau này già yếu rồi là chịu đấy.

Thường ngày, các em đi làm hết, chỉ còn cô chú với hai chú nhỏ ở nhà với nhau, hai ông bà lại trò chuyện cùng nhau suốt ngày thì vui lắm phải không cô?

Gia đình cô chú được cái may mắn, cô có 1 em thì nó ngoan, chú nhà cô cũng thuần tính, vợ chồng ít khi to tiếng, cãi vã, chú ấy sáng ra đi tập thể dục về nghỉ ngơi, đọc báo, rồi coi chúng nó cho cô cơm nước. Hàng ngày, chỉ có hai ông bà chuyện trò, chăm sóc cho nhau thôi. Thỉnh thoảng, chú ấy cũng đi thăm bạn bè chú ấy đấy, ông ấy là đàn ông, không ở nhà suốt ngày như mình đâu. Mình thì con cháu là chính, chứ các ông ấy còn bạn nọ, bạn kia, nhưng chú nhà cô được cái thương con, quý cháu lắm, đi thì thôi chứ về đến nhà là ôm ấp, bế cháu đấy. Không rượng chề bê tha như mấy ông khác đâu. Về đời sống tinh thần thì cô không có gì phải phàn nàn, còn về đời sống vật chất thì cô thấy thế là đủ rồi, mình không có mong muốn gì hơn. Vợ chồng, con cái thương yêu nhau là cái mình cần nhất.

Từ khi cô về hưu đến giờ cô có đi làm thêm ở đâu không ạ?

Cô không đi làm ở đâu cả, cô về hưu à tham gia ngay tổ dân phố, chi bộ đảng... mà lương hưu mình cũng đủ sống, con cái thì có mỗi một đứa, có nhu cầu gì nhiều đâu, đi làm thêm thì cũng tốt đấy, nhưng như cô chú nghĩ già rồi ở nhà chăm sóc nhau, chăm

con cháu chứ lại đi làm như ngày trước, về nhà mệt mỏi, chẳng trò chuyện, chăm sóc gì cho nhau thì cũng không được, mình sống được bao nhiêu nữa mà cố hả cháu.

Cô cảm nhận như thế nào về vai trò, vị thế trong gia đình và xã hội của bản thân mình khi nghỉ hưu?

Cô thấy, khi nghỉ hưu ngoài việc giảm đi chút thu nhập thì cuộc sống của mình cũng không có thay đổi nhiều, được cái kinh tế gia đình cô cũng lo lắng từ trước nên tương đối ổn, chú thì hiền lành, các em cũng có công ăn việc làm, ngoan ngoãn nên cuộc sống cũng không có gì thay đổi, mọi người vẫn thương yêu đùm bọc nhau, con cháu nó vẫn kính trọng mình. Cô về hưu cũng tham gia công tác xã hội nhiều, lại đi họp đi hành nên thấy cuộc sống cũng vui vẻ, không có gì đáng phàn nàn.

Theo cô, các NNH nghỉ hưu hiện nay cần những điều gì nhất ạ?

Theo như cô nghĩ, mình đã nghỉ hưu là mình về với gia đình, thì gia đình quan tâm, yêu thương là cái mà các NNH cần nhất. Như bác Mỹ ở khu mình đây này, bác trai mới mất năm ngoái, hai bác ấy cũng có mỗi một cậu con trai, hồi nó lấy vợ, mua cho chúng nó cái nhà ở riêng ở Cầu Giấy, bây giờ bác trai mất, bác gái về ở với chúng nó nhưng cô con dâu thì khiếp lắm, cả ngày nó chẳng nói một câu, thỉnh thoảng nó lại sui chồng nó vay tiền bà, mà chúng nó có thiếu tiền đâu, tiền ăn thì bác ấy góp rồi, nó sợ bác ấy mang đi cho đâu. Bác ấy đến đây nói chuyện với cô mà buồn lắm. Cô bảo bác ấy về nhà mình mà ở, chúng nó đã như vậy thì ở chung làm gì, ở một mình thích ăn gì thì ăn, làm gì thì làm, bao giờ chúng nó lên thăm bà thì lên. Nhưng bác Mỹ nói ở một mình buồn, lên đó còn có con, có cháu, vì nhớ cháu, con mà phải chịu vậy đấy. Chúng nó bây giờ còn trẻ chẳng biết nghĩ, đến khi cha mẹ 2 năm mươi cả rồi mới ân hận.

Nhìn chung các NNH hưu ở khu mình thì về hưu lương hưu cũng đủ sống (tần tiện thôi). Các NNH hầu hết ở với con cháu cả đấy, ở nhà bé cháu, cơm nước, làm ôsin cho chúng nó, chỉ mong chúng nó thương mình, quan tâm, hỏi han là vui rồi, chứ chúng nó không quan tâm, hỏi han gì thì buồn lắm. Có gia đình, NNH ông mất, nhưng NNH bà không phiền não lắm là vì NNH ấy còn có các con chúng nó quan tâm, yêu thương, chăm sóc, động viên là các NNH vui vẻ rồi.

Các NNH cũng mong muốn nhà nước quan tâm đến chỗ sinh hoạt cho các NNH hưu, các NNH có một chỗ chung mà gặp gỡ, giao lưu, hội họp chứ bây giờ cứ phải đi nhờ, nó cũng ảnh hưởng đến chất lượng sinh hoạt. Giá mà có thêm nguồn kinh phí hỗ trợ cho Hội cao tuổi, Hội phụ nữ hoạt động thì hay quá, hay là có cái dự án nào, phù hợp với sức của các NNH để các NNH tham gia làm thêm, có thêm kinh phí cho Hội.

Có lẽ cháu đã làm mất nhiều thời gian của cô rồi, cháu xin phép cô cháu về. Được nói chuyện với cô thật là thú vị, cháu hiểu thêm nhiều về cuộc sống của các NNH nghỉ hưu. Cháu cảm ơn cô về cuộc nói chuyện ngày hôm nay ạ.

Không có gì đâu cháu ạ, thỉnh thoảng có người đến nhà trò chuyện là vui rồi.

PHỤ LỤC 3.3

BIÊN BẢN NGHIÊN CỨU CHÂN DUNG TÂM LÝ ÔNG LÊ XUÂN N

Thông tin cá nhân

Họ và tên: Lê Xuân N

Giới tính: Nam

Tuổi: 62

Học vấn: Tiến sỹ

Chức vụ trước đây: Phó ban Giám sát Tài chính của Chính phủ

Hoàn cảnh gia đình: ông N có vợ và hai con, một trai, một gái. Hiện ông đang ở cùng gia đình con trai.

Nội dung phỏng vấn

Xin anh cho biết những thay đổi trong cuộc sống của anh từ khi nghỉ hưu đến nay?

Cuộc sống thoải mái hơn, hành xử được tự do, thoải mái hơn. Theo anh, sau nghỉ hưu phụ thuộc vào tình trạng của họ trước khi nghỉ hưu. Có 3 vấn đề: Thay đổi quyền lực, thay đổi kinh tế (mất bổng lộc), quan hệ xã hội bị giảm đi. Có một dạng như anh là công chức không có quyền lực (quyền lực hữu hạn), không có bổng lộc (bổng lộc ít), anh có năng lực nên bây giờ nghỉ hưu rồi thu nhập cao hơn khi chưa nghỉ hưu, rất nhiều người mời làm, chỉ nhận lời ở những chỗ bạn bè thân hữu. Bây giờ thu nhập 200tr/ tháng, anh làm cố vấn thương mại cho một số ngân hàng thương mại, trước là 20tr/tháng. Tức là thay đổi theo chiều hướng tích cực. Trước làm việc suốt ngày suốt đêm, không được nghỉ ngơi. Bây giờ những áp lực đó không còn, tinh thần thoải mái hơn, áp lực không còn. Về hưu đối với những người có kinh nghiệm chuyên môn vững chắc thì nghỉ hưu là tích cực. Cái khác biệt lớn nhất đối với một người khi nghỉ hưu là giảm hẳn áp lực. Những người cảm thấy hụt hẫng vì nghỉ hưu mất quyền lực, mất quyền lợi, mất cả các mối quan hệ. Thái độ của người nghỉ hưu phụ thuộc vào cả con mắt của người khác nhìn họ, có người nghỉ hưu không bao giờ quay lại cơ quan, có người thỉnh thoảng. Anh thì lại khác, khi về hưu được mọi người trong cơ quan cũ quý mến, mỗi khi anh đến cơ quan mọi người đều

vui vẻ đón tiếp, từ anh bảo vệ đến nhân viên tạp vụ và cả ông sếp mới, tuy nhiên những người như thế ít. Phần nhiều người nghỉ hưu cảm thấy hụt hẫng, mất mát, còn anh cảm thấy đôi đời.

Anh có thể cho biết, từ khi nghỉ hưu đến nay hàng ngày anh thường tiếp xúc với những ai?

Anh có 4 nguyên tắc : Không bao giờ đặt ra những mục tiêu ngắn hạn, chỉ có mục tiêu dài hơn, nếu mục tiêu ngắn hạn không phù hợp thì vứt bỏ, mục tiêu dài hạn phải đặt ra trên sở trường của anh. Anh chỉ tập trung vào việc học hành.

Nguyên tắc thứ 2: rà soát lại tất cả các quan hệ, chỉ quan hệ với những người cùng chí hướng với mình. Khi đi làm anh chỉ quan hệ với giới trí thức để phục vụ cho công việc của mình. Bây giờ anh muốn gặp lại tất cả, cả bạn bè từ thời cấp 1 cấp 2, không hiểu sao bây giờ lại muốn gặp họ, trước đây không có gì để nói với họ cả. Bây giờ không có mục tiêu gì, không có sự ràng buộc gì với với mục tiêu của mình. Trước đây hay gặp bạn mới liên quan đến công việc, bây giờ lại có xu hướng gặp lại bạn cũ ngày trước

Nguyên tắc thứ 3: Lúc nào cũng tự đặt cho mình câu hỏi “để làm gì?” luôn kiểm tra mình bằng câu hỏi như vậy, cách đây 20 năm mình đã biết là mình có thể trở thành đủ thứ nhưng anh lại nghĩ đến con cái, dường như khi đã thành đạt anh rất chú ý đến con cái, từ việc học hành đến công việc. Anh luôn xác định con cái là mục tiêu của đời mình nên anh đầu tư rất nhiều cho con.

Người có ảnh hưởng lớn nhất đến con cái là vợ anh. Anh luôn tôn trọng vợ khi vợ chăm sóc, nuôi dạy được con cái nên người. Bà ấy là một người sống nguyên tắc, hết lòng vì gia đình, được như bây giờ cũng có công lao lớn của bà ấy. Một tay bà ấy nuôi dạy con cái. Bây giờ lại ở nhà chăm cháu nội, nấu nướng cho nó ăn cả ngày. Anh thử ở nhà chăm cháu nội nhưng không thể chịu đựng nổi, mệt mỏi kinh khủng.

Tính anh vui vẻ, hay giúp đỡ người khác ngay cả khi người ta phản bội mình, đến tuổi này anh chú ý nhiều đến việc giúp đỡ người khác, có những việc không ai dám làm để giúp đỡ người khác còn anh thì dám làm (giúp đỡ những người trẻ tuổi ở cơ quan). Thời làm quan phải giữ ý tứ, phải sợ không nó ảnh hưởng đến ghế của mình. Những người khác khi về hưu không muốn nhảy vào bất kỳ một cuộc phiêu

lưu nào còn anh thì khác, khi chưa về hưu anh làm việc toàn tâm toàn ý không vì bổng lộc, khi về hưu không còn áp lực công việc họ còn sống nhiều :lửa” hơn với đời. Bây giờ anh còn bận rộn hơn, làm việc suốt ngày, từ thứ 2 đến thứ 7 ra khỏi nhà từ 8 giờ về đến nhà 8h tối. Đi họp hành, hội thảo, giúp đỡ bạn bè. Từ xưa đến giờ vẫn đánh bóng bàn từ 5h đến 8h tối. Mọi người rủ anh đi đánh golf, picnic nhưng anh không thích, cuộc sống vẫn bận rộn như xưa.

Các thành viên trong gia đình anh có thái độ thế nào khi anh nghỉ hưu?

Khi anh nghỉ hưu thì vợ anh cảm thấy tốt hơn trước, hạnh phúc hơn vì anh có nhiều thời gian dành cho bà ấy hơn, quan tâm tới bà ấy nhiều hơn. Ít áp lực công việc do đó anh ít cáu giận với bà ấy hơn, bà ấy vui vẻ hơn. Các con thì chúng nó cũng vui vẻ vì khi nghỉ hưu anh đi làm thêm, có tiền anh còn quan tâm đến chúng nó hơn trước vì trước đây mình bận công việc nên cũng chưa quan tâm đến con cái nhiều như bây giờ.

Các con có thường trò chuyện với anh khi nghỉ hưu?

Có chứ, mình có thời gian dành cho chúng nó nhiều hơn, chăm sóc nó hơn, đưa con trai anh hôm nọ mới cho thêm tiền để đổi cái ô tô mới, nó vui lắm. Bố con cũng gần gũi. Con gái anh thì có người yêu rồi, trước đây nó yêu một đứa, mình biết là nhà người yêu nó cũng bình thường thôi, nhưng mình không để ý lắm. Bây giờ về hưu. Nó vẫn yêu cậu đó, nhưng không hiểu sao mình thấy lo lo, hay là do mình về hưu rồi, mình không còn tự tin như trước nên thấy lo lo cho con, nhưng lo thế thôi chứ mình cũng không can thiệp nhiều.

Điều gì khiến anh cảm thấy hài lòng nhất trong cuộc sống hiện nay?

Cái anh cảm thấy hài lòng nhất là không bị áp lực công việc, trước suốt ngày lo công việc cho buổi ngày mai. Bây giờ hoàn toàn chủ động trong công việc của mình, không bị áp lực. Bây giờ buổi tối đi làm về, tối vừa xem tivi vừa ngủ gật, đến 10h tối tỉnh dậy, lên phòng nằm đọc sách, ngày xưa không có thời gian đọc sách, chủ yếu là đọc tài liệu để làm việc. Bây giờ đọc tất cả, cả tiểu thuyết, cả chuyên môn... đọc đến 1 – 2h sáng ngủ, sáng tỉnh dậy thoải mái vì không có áp lực công việc. Trước đây, mỗi tối đi làm về là mở cặp ra bày tất cả tài liệu trên bàn để làm việc, sắp xếp xem làm cái gì trước, cái gì sau, làm đến 12h đêm, rất mệt.

Anh có thể cho biết cuộc sống của gia đình anh và bản thân anh có thay đổi như thế nào khi anh nghỉ hưu?

Thay đổi thu nhập không ảnh hưởng gì đến cuộc sống của gia đình vì một nửa thu nhập là để dành giúp đỡ người khác (con cháu, bạn bè..). Số tiền giúp đỡ này vợ không biết gì.

Khi còn đang làm việc anh là người làm ra tiền, vợ anh không phải quan tâm đến chuyện tiền nong nên đến bây giờ vợ anh anh cảm thấy không có thay đổi gì. Bây giờ về hưu quan tâm đến các con hơn, chiều các con hơn do có điều kiện kinh tế các con cũng cảm thấy vui vẻ hơn

Khi nghỉ hưu có dành thời gian cho quê hương dòng họ hơn, đó là một trong những ưu tiên hàng đầu của anh, năm 2006 anh đã xây một nhà thờ to cho nhà thờ, bây giờ tiếp tục làm những việc nhỏ nhỏ hơn như đường xá, bây giờ đó cũng là một trong những mối quan tâm lớn, mất nhiều tiền của thời gian cho việc này vì dòng họ của anh những người có tiền thì rất ít, mình thành đạt lại xa quê nên khi xây dựng được nhà thờ ở quê mình mừng lắm.

Ngày trước không có thời gian để giúp sinh viên, người làm thực sỹ, nghiên cứu sinh, bây giờ về hưu anh giúp tất, bây giờ anh lại thấy đó là thú vui của mình, giúp hết sức, anh rất yêu thích, hướng dẫn cho chúng nó làm, cung cấp tài liệu, số liệu cho chúng nó. Ngày xưa không có thời gian nên không làm được nhiều, bây giờ mới có thời gian để làm, có đưa làm luận văn tốt nghiệp đại học anh cũng giúp. Anh biết là nếu anh giúp sẽ rất hữu ích cho chúng nó, nếu không giúp thì sẽ rất phí.

Vâng, với người có nhiều kinh nghiệm như anh, được anh giúp đỡ thì thật là quý báu. Anh có thể cho biết, điều gì khiến anh quan tâm nhất trong cuộc sống hiện nay?

Có 3 thứ quan tâm nhất. Thứ nhất là xây dựng gia đình cho con cái, trước đây chỉ nghĩ đến chuyện học hành, bây giờ nghĩ xem con cái yêu đương, dựng vợ, gả chồng như thế nào.. Giờ thấy yếu thế hơn, không chấp nhận rủi ro như trước đây về chuyện dựng vợ gả chồng cho con cái.

Mối quan tâm thứ 2 là sức khoẻ, trước đây không có thời gian nghỉ ngơi, bây giờ nghỉ hưu đi khám thấy mình đủ thứ bệnh, bây giờ uống ít rượu hơn.

Mối quan tâm thứ 3 là giúp đỡ bạn bè, họ hàng, quê hương. Trước đây bạn bè nhờ mà có một chút vướng mắc là anh ngại, bây giờ quan tâm đến bạn bè nhiệt thành hơn, vì bây giờ chẳng còn gì mà phải sợ mất nữa. Họ hàng quê hương con cháu có đứa nào ra đây học nghèo khó cũng phải lo lắng, giúp đỡ cho chúng nó. Rồi xây dựng nhà thờ ở quê, giúp đỡ bà con họ hàng ở quê, quê anh nghèo lắm.

Tình hình kinh tế đất nước anh có quan tâm?

Tình hình kinh tế đất nước anh vẫn rất quan tâm vì bây giờ anh vẫn đang làm cố vấn cho nhiều ngân hàng. Trước đây khối lượng thông tin cần để phục vụ cho công việc gấp 3 lần bây giờ, bây giờ nghỉ hưu, đứng ngoài bộ máy, không được cung cấp thông tin nữa, có tình trạng sẽ bị xa rời tình hình đất nước, tuy nhiên do anh vẫn làm cố vấn cho lãnh đạo cấp cao nên nhiều tài liệu vẫn tiếp cận được. Trước đây một tuần 3,4 báo cáo. Bây giờ một tháng 3 báo cáo (1 cho lãnh đạo cấp cao, hai cho hai ngân hàng anh làm cố vấn). Nghiên cứu, đánh giá, dự báo, kiến nghị là những nội dung phải nêu ra trong báo cáo. Tuy nhiên đây là chuyên môn của tôi nên tôi thấy nhẹ nhàng.

Anh cảm nhận như thế nào về vai trò, vị thế của mình trong gia đình và xã hội khi nghỉ hưu?

Vị thế của một người trước khi nghỉ hưu ảnh hưởng rất lớn đến khi họ nghỉ hưu.. Đối với bản thân mình, do vai trò, vị thế trong gia đình và xã hội không thay đổi nên cuộc sống không thay đổi nhiều, vẫn vui vẻ. Trước đây mình cũng phải làm quan, cũng chẳng có nhiều bổng lộc, giờ về nghỉ vẫn làm việc. Về hưu, thu nhập còn cao hơn trước kia, áp lực công việc giảm nhưng mình lại có nhiều việc khác để làm, nhiều mối quan hệ khác trong công việc nên cuộc sống vẫn vui.

Ông Lê Đức Thuý khi về hưu lương cao nhưng ông ấy không thích tiếp xúc với ai, suốt ngày đi đánh golf, vì đó là đam mê của ông ấy. Nhưng anh vẫn còn nhiều đam mê lắm, nhiều “lửa” lắm, anh chỉ thích chơi bóng bàn vì nó nhẹ nhàng. Vợ anh thích anh ở nhà nhiều hơn, do anh vẫn đi nhiều.

Nhiều người khi nghỉ hưu thích đi chỗ nọ chỗ kia tham quan, anh không thích đi vì trước kia anh đi quá nhiều rồi.

Anh vẫn thích có những việc học búa liên quan đến chuyên môn để làm.

Từ khi nghỉ hưu anh có tham gia sinh hoạt trong các tổ chức xã hội dành cho người nghỉ hưu?

Từ khi nghỉ hưu anh không tham gia gì trong các tổ chức xã hội ở địa phương, anh không thích tham gia. Thời anh đi làm việc thấy mấy người ở các tổ chức đó đến cơ quan anh xin cái nọ cái kia anh không thích. Do tầm thông tin của mình khác xa họ nên không thích tham gia, mình có thể nói cho họ nghe chứ không có thời gian để nghe họ nói được.

Điều gì khiến anh cảm thấy hạnh phúc nhất hiện nay?

Số 1 là con cái phải thành đạt, con cái là một phần quan trọng của cuộc đời, khi nghỉ hưu không còn gì để bầu vịu, những cái danh trong quá khứ cũng trở nên vô nghĩa, cái mà người ta hi vọng để sống chính là con cái. Người nào có con cái thành đạt thì họ vui lắm. Con cái ngoan, thành đạt, tử tế thì vui lắm. Rất may là gia đình mình có được cái đó.

Thứ hai là được mọi người khen là mình vẫn còn phong độ, khi mình về hưu vẫn được mọi người khen là khoẻ mạnh, nhanh nhẹn, hoạt bát, trẻ trung, có nhiều việc để làm. Người ta sợ già. Nếu khoẻ mạnh thì đó là điều tự hào và hạnh phúc lớn lao khi về hưu. Mình vẫn còn “sức mạnh” vẫn còn “lửa” cho cuộc sống

Ngày xưa đi là vất vả, đêm thức khuya, sáng mệt mỏi không ăn, ngày nọ kéo dài ngày kia, bây giờ an ngủ tử tế nên khoẻ hơn, trẻ hơn.

Có nhiều người về hưu là sụp đổ, chẳng chơi bời gì cả, hỏi họ bảo: bây giờ ra đường toàn tai nạn, đọc báo thì cướp, hiếp, giết, chẳng muốn đi đâu. Họ quan tâm đến chính trị, ông nọ ông kia thế nọ thế kia rồi buồn bã chán chường về chuyện đó. Anh thì khác, công việc của anh cái gì anh làm cái đó, không quan tâm đến những chuyện của người khác. Mặc dù biết nhiều thứ nhưng không ném vào đó nhiều tâm tư để buồn bã, kể nó... Quan trọng là thái độ sống của mình. Tập trung “thư giãn” cho bản thân hơn.

Nếu là đại diện cho những người nghỉ hưu, anh có kiến nghị gì với Nhà nước?

Theo anh, thật ra nó liên quan đến cá nhân nhiều hơn là chính thể (nhà nước), người nghỉ hưu nên bớt quan tâm đến những vấn đề ngoài tầm của mình, nên tập trung vào vấn đề của mình như tập thể dục thể thao, nuôi dạy con cho tốt, đi chơi

với bạn bè cho trẻ, khoẻ. Những vấn đề chính trị, đoàn kết nội bộ không nên quá quan tâm mặc dù anh biết đó có thể đó là nhu cầu của nhiều người nghỉ hưu.

Anh chỉ thích đọc sách, đọc tiểu thuyết, đọc cả sách tâm lý trẻ em. Có thể cả những quyển sách ngày xưa chưa đọc kỹ, để thoả mãn nhu cầu giải trí, hiểu biết của mình, mình đọc để nâng cao hiểu biết cho bản thân mình, tổng kết kinh nghiệm quý báu để dạy cho con cái, nói chuyện với bạn bè. Có nhiều thứ trước đây mình bận rộn không thường thức được, bây giờ mình thường thức. Anh không thích đi xem phim ở rạp, chỉ xem phim trên truyền hình (phim chương). Anh thấy người nào sách không thích, bạn bè không có, thu nhập không có thì buồn lắm, họ sẽ mặc cảm tâm lý rất nặng nề.

Em thấy cuộc nói chuyện với anh hôm nay thật thú vị. Nó cho em rất nhiều thông tin. Xin cảm ơn anh!

PHỤ LỤC 4

ĐỘ TIN CẬY CỦA CÁC THANG ĐO

4.1. PHẦN ĐỐI TƯỢNG GIAO TIẾP

4.1.1. Đối tượng giao tiếp trước khi nghỉ hưu 3 đến 5 năm:

4.1.1.1. Những người thân trong gia đình

Độ tin cậy:

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.795	8

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Con trai	27.61	17.863	.534	.767
Con gái	27.41	20.625	.451	.785
Con dâu	27.85	17.132	.522	.771
Con rể	28.07	18.650	.505	.772
Vợ/chồng	29.49	17.565	.584	.759
Các cháu	27.56	19.596	.440	.782
Bố, mẹ	28.17	17.419	.448	.786
Bà con họ hàng	28.80	17.337	.618	.754

4.1.1.2 Các tổ chức, nhóm xã hội dành cho NNH

Đô tin cây:

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.670	9

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Những ng- ời hàng xóm	14.45	38.477	.198	.669
Hội ng- ời cao tuổi	16.63	36.338	.269	.658
Hội cựu chiến binh	16.84	35.996	.346	.643
Hội phụ nữ	16.14	32.800	.346	.645
Chi bộ Đảng	15.69	33.187	.301	.659
Hội chữ thập đỏ	16.75	33.917	.463	.619
CLB th , văn	16.97	35.741	.483	.625
tham gai Công tác XH	16.59	32.361	.501	.607
Tham gia CLB thể dục, thể thao	16.53	35.453	.284	.656

4.1.1.3 Nhóm bạn bè và cộng đồng dân cư khu vực sinh sống

Đô tin cây:

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.784	8

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Bạn h- u cùng giới	19.83	33.934	.685	.727
Bạn h- u khác giới	20.64	37.141	.539	.754
Bạn đồng nghiệp	19.57	36.169	.494	.759
Bạn đồng h- ong	20.35	34.716	.673	.732
Bạn cũ	20.30	39.211	.379	.776
Những ng- ời bạn thân	19.96	36.658	.370	.783
Những ng- ời bạn già	21.76	40.300	.326	.782
Bạn cùng cơ quan	20.01	32.474	.512	.761

4.1.2. Đối tượng giao tiếp hiện nay:

4.1.2.1. Những người thân trong gia đình

Đồ tin cậy:

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.838	8

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Con trai	27.60	22.070	.593	.816
Con gái	27.56	23.787	.547	.824
Con dâu	27.83	21.333	.596	.815
Con rể	27.96	23.694	.446	.833
Vợ/Chồng	29.61	21.081	.629	.811
Các cháu	27.51	25.094	.447	.834
Bố, mẹ	28.24	19.810	.602	.818
Bà con họ hàng	28.89	19.871	.733	.795

4.1.2.2. Các tổ chức, nhóm xã hội dành cho NNH

Đồ tin cậy:

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.700	9

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
hàng xóm	19.24	53.674	.366	.683
Hội ng- ời cao tuổi	20.53	47.712	.371	.676
Hội Cựu chiến binh	20.44	44.605	.536	.640
Hội phụ nữ	20.58	48.854	.271	.700
chi bộ Đảng	21.06	50.745	.253	.699
Hội chữ thập đỏ	21.29	47.726	.388	.672
CLB th , văn	21.89	49.862	.456	.665
tham gia Công tác XH	21.34	44.333	.548	.638
CLB thể dục, thể thao	21.09	50.443	.272	.695

4.1.2.3. Nhóm bạn bè và cộng đồng dân cư khu vực sinh sống

Độ tin cậy:

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.784	8

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Bạn h- u cùng giới	17.05	33.051	.619	.742
Bạn h- u khác giới	17.95	35.578	.441	.768
Bạn đồng nghiệp	19.06	34.976	.349	.783
Bạn đồng h- ong	17.98	32.497	.606	.742
Bạn cũ	17.89	35.345	.454	.766
Những ng- ời bạn thân	19.17	33.189	.517	.755
Những ng- ời bạn già	17.81	29.904	.552	.750
Bạn cùng cơ quan	18.49	32.456	.434	.772

PHẦN 4.2. NHU CẦU GIAO TIẾP

4.2.1. Nhu cầu giao tiếp trước khi nghỉ hưu 3 đến 5 năm:

4.2.1.1. Nhu cầu chia sẻ, tâm sự

Đô tin cậy:

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.627	5

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Trò chuyện, chia sẻ với con cháu	13.34	12.356	.297	.621
Gặp gỡ, chia sẻ tâm tình với bạn	13.65	10.149	.400	.566
Vô nghĩa khi không đ- ọc sẻ chia với vợ/chồng	15.55	7.735	.471	.527
Trò chuyện với bà con họ hàng	13.75	10.252	.432	.555
Chỉ muốn giữ lại nỗi buồn cho riêng mình	15.55	8.387	.391	.579

4.2.1.2 Nhu cầu trao đổi thông tin, truyền đạt kinh nghiệm:

Đô tin cậy:

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.782	6

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Truyền đạt kinh nghiệm cho lớp trẻ	22.28	10.703	.450	.774
Chia sẻ kiến thức về sức khỏe với bạn	22.02	11.549	.475	.762
Chia sẻ KN c/môn với đồng nghiệp	22.11	11.687	.393	.781
Q/tâm đến t/hình KT, CT, XH trong n- ớc	21.98	10.256	.709	.705
Q/tâm đến t/hình KT, CT, XH quốc tế	22.10	9.407	.741	.689
Giúp đỡ con nuôi dạy các cháu	21.81	11.997	.451	.767

4.2.1.3 Nhu cầu tín ngưỡng, tâm linh:

Đô tin cây:

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.853	6

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Niềm an ủi là đi lễ chùa/nh thờ	21.71	15.262	.592	.851
Muốn tham gia họp họ, giỗ họ	21.23	17.439	.625	.831
Đóng góp cúng giỗ, chăm sóc, tu tạo phần mộ tổ tiên...	20.76	18.957	.607	.838
Tham gia công việc quê h- ơng, dòng họ	21.07	17.203	.693	.820
Tham gia các ngày lễ, hội nếu có dịp	21.25	16.602	.687	.820
Thích tham gia lễ, hội ở qu h- ơng	21.11	16.939	.723	.814

4.2.1.4 Nhu cầu hoạt động cộng đồng:

Đô tin cậy:

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.734	5

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Luyện tập thể dục thể thao hàng ngày	15.60	13.471	.559	.673
Tham gia công tác XH ở cụm dân c-	16.13	12.183	.472	.700
Tham gia CLB thơ, văn, nhạc họa...	16.47	10.394	.615	.638
Thích đi tham quan, dã ngoại	15.64	14.264	.430	.712
Vui, bổ ích khi đ-ợc sinh hoạt	15.81	13.525	.444	.707

4.2.1.5 Nhu cầu được đóng góp ý kiến, được tôn trọng:

Đô tin cậy:

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.783	4

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Đóng góp ý kiến cho con cháu	13.11	5.020	.572	.740
Muốn đ-ợc con cháu hỏi ý kiến	13.16	5.260	.534	.758
Muốn ý kiến của mình đ-ợc lắng nghe	13.54	4.322	.602	.726
Thể hiện trách nhiệm hơn là đòi hỏi	13.34	4.173	.666	.688

4.2.2. Nhu cầu giao tiếp hiện nay

4.2.2.1. Nhu cầu chia sẻ, tâm sự:

Đồ tin cậy:

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.584	5

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Trò chuyện, chia sẻ với con cháu	13.75	12.726	.230	.582
Gặp gỡ, chia sẻ với bạn	13.96	11.409	.294	.553
Vô nghĩa khi không được chia sẻ với vợ/chồng	15.66	7.751	.455	.459
Trò chuyện với bà con họ hàng	14.13	11.255	.335	.536
Không giữ lại nỗi buồn cho riêng mình	15.84	8.271	.435	.471

4.2.2.2. Nhu cầu trao đổi thông tin, truyền đạt kinh nghiệm:

Đồ tin cậy:

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.762	6

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Truyền đạt kinh nghiệm cho lớp trẻ	22.30	10.226	.434	.748
Chia sẻ kiến thức về sức khỏe với bạn	21.85	11.403	.415	.748
Chia sẻ KN c/môn với đồng nghiệp	22.30	9.456	.504	.730
Q/tâm đến t/hình KT, CT, XH trong n- ớc	21.92	10.069	.577	.708
Q/tâm đến t/hình KT, CT, XH quốc tế	22.05	8.777	.711	.664
Giúp đỡ con nuôi dạy các cháu	21.75	11.688	.416	.749

4.2.2.3 Nhu cầu tín ngưỡng, tâm linh:

Đô tin cậy:

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.794	6

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Niềm an ủi là đi lễ chùa/nhà thờ	22.62	8.857	.564	.779
Muốn tham gia họp họ, giỗ họ	22.23	11.155	.474	.780
Đóng góp cũng giỗ...	21.73	12.726	.493	.780
Tham gia công việc quê hương, dòng họ	21.88	12.158	.567	.766
Tham gia lễ, hội nếu có dịp	22.13	10.662	.640	.741
Thích tham gia lễ, hội ở quê hương	22.06	10.132	.704	.723

4.2.2.4 Nhu cầu sinh hoạt cộng đồng:

Đô tin cậy:

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.719	5

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Luyện tập thể dục thể thao hàng ngày	16.56	10.458	.537	.649
Tham gia công tác XH ở cụm dân cư	16.72	10.695	.435	.688
Tham gia CLB thơ, văn, nhạc họa...	17.32	8.370	.542	.655
Thích đi tham quan, dã ngoại	16.57	11.943	.388	.704
Vui, bổ ích khi đi học sinh hoạt	16.51	11.376	.555	.655

4.2.2.5 Nhu cầu được đóng góp ý kiến, được tôn trọng:

Độ tin cậy:

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.703	4

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Đóng góp ý kiến cho con cháu	13.07	4.640	.498	.652
Muốn đ- ọc con cháu hỏi ý kiến	13.22	4.565	.382	.699
Muốn ý kiến của mình đ- ọc lắng nghe	13.64	3.448	.499	.641
Thể hiện trách nhiệm hơn là đòi hỏi	13.40	3.155	.635	.535

PHẦN 4.3: NỘI DUNG GIAO TIẾP

4.3.1. Nội dung giao tiếp trước khi nghỉ hưu 3 đến 5 năm

4.3.1.1 Vấn đề sức khỏe:

Đô tin cây:

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.718	4

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Trao đổi kinh nghiệm	12.47	5.085	.597	.615
Vấn đề sức khỏe ở ng- ời già	12.61	4.962	.440	.698
Vấn đề SK của các thành viên GD	12.34	5.172	.526	.649
Các dịch bệnh xảy ra trong CD	12.78	4.321	.504	.668

4.3.1.2 Vấn đề trong cuộc sống gia đình:

Đô tin cây:

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.841	4

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Chia sẻ tâm t- , tình cảm cá nhân	11.49	8.626	.648	.811
Chia sẻ vấn đề KT của GD	11.57	7.858	.713	.782
Chia sẻ vấn đề th- ờng ngày	11.01	9.326	.657	.809
Những băn khoăn, v- ớng mắc trong GD	11.57	8.285	.693	.791

4.3.1.3 Vấn đề họ hàng, quê hương, tâm linh:

Đô tin cây:

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.832	4

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Công việc quê h- ơng, dòng họ	11.70	6.625	.722	.760
Tình hình ng- ời thân, họ hàng	11.68	6.968	.642	.796
Duy trì nề nếp gia phong	11.52	7.257	.586	.820
Củng cố quan hệ họ hàng, thân tộc	11.42	6.514	.696	.772

4.3.1.4 Vấn đề văn hóa, văn nghệ, thể thao, an ninh, chính trị, kinh tế:

Đô tin cây:

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.906	4

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Vấn đề VH, văn nghệ, TT trong n- ớc	10.69	9.261	.799	.874
Vấn đề VH, văn nghệ, TT quốc tế	10.92	8.652	.836	.861
Vấn đề an ninh, KT, CT đất n- ớc	10.27	10.482	.705	.906
Vấn đề an ninh, KT, CT thế giới	10.70	9.146	.820	.866

4.3.1.5 Vấn đề học tập trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ

Đô tin cây:

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.815	4

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Học tập mở rộng kiến thức bản thân	10.84	11.539	.567	.799
Sử dụng, trao đổi c/môn	11.17	9.624	.617	.777
Trao đổi chủ tr- ơng, CS nói chung	11.28	9.012	.747	.710
Trao đổi chế độ CS với NCT, NNH	11.53	9.724	.624	.772

4.3.2. Nội dung giao tiếp hiện nay

4.3.2.1 Vấn đề sức khỏe:

Độ tin cậy:

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.729	4

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Trao đổi kinh nghiệm	12.87	4.316	.594	.629
Vấn đề sức khỏe ở ng- ời già	12.86	4.575	.552	.656
Vấn đề SK của các thành viên GD	12.79	4.651	.478	.691
Các dịch bệnh xảy ra trong CĐ	13.27	3.547	.506	.701

4.3.2.2 Vấn đề trong cuộc sống gia đình:

Độ tin cậy:

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.824	4

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Chia sẻ tâm t-, tình cảm cá nhân	11.80	7.661	.661	.773
Chia sẻ vấn đề KT của GD	11.91	6.887	.664	.775
Chia sẻ vấn đề th- ờng ngày	11.39	8.430	.633	.790
Những băn khoăn, v- ớng mắc trong GD	11.92	7.382	.657	.775

4.3.2.3 Vấn đề họ hàng, quê hương, tâm linh:

Đô tin cậy:

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.761	4

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Công việc quê hương, dòng họ	12.03	5.845	.640	.659
Tình hình ng-ời thân, họ hàng	11.99	6.039	.664	.652
Duy trì nề nếp gia phong	11.57	7.102	.463	.752
Củng cố quan hệ họ hàng, hân tộc	12.15	5.602	.508	.748

4.3.2.4 Vấn đề văn hóa, văn nghệ, thể thao, an ninh, chính trị, kinh tế...:

Đô tin cậy:

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.870	4

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Vấn đề VH, văn nghệ, TT địa ph-ong	10.87	8.821	.741	.827
Vấn đề VH, văn nghệ, TT quốc tế	11.13	8.105	.810	.797
Vấn đề an ninh, KT, CT đất n-ớc	10.36	9.896	.680	.852
Vấn đề an ninh, KT, CT thế giới	10.89	9.345	.672	.854

4.3.2.5 Vấn đề học tập trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ:

Đô tin cây:

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.826	4

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Học tập mở rộng kiến thức bản thân	10.00	11.470	.571	.815
Sử dụng, trao đổi c/môn	10.72	10.036	.660	.778
Trao đổi chủ tr- ơng, CS nói chung	10.28	9.564	.765	.724
Trao đổi chế độ CS với NCT, NNH	10.04	11.647	.622	.795

PHẦN 4.4. HÌNH THỨC GIAO TIẾP

4.4.1. Hình thức giao tiếp trước khi nghỉ hưu 3 đến 5 năm

4.4.1.1. Hình thức giao tiếp trực tiếp

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.861	7

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Đi thăm bà con, họ hàng	26.40	53.490	.755	.834
Vui chơi, giải trí	26.96	54.169	.454	.861
Sang hàng xóm chơi	25.96	58.314	.446	.857
Đi tham quan, DL cùng GD	27.02	55.697	.601	.845
Đi tham quan, DL cùng bạn	27.03	55.581	.584	.846
Về thăm quê h- ơng	26.68	54.207	.591	.846
Tham gia HĐ dòng họ, quê h- ơng	26.58	53.844	.633	.842

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.735	9

4.4.1.2. Hình thức giao tiếp gián tiếp

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Nói chuyện điện thoại	17.31	24.246	.480	.698
Xem tivi	17.79	23.229	.612	.672
Nghe đài	18.09	24.926	.489	.699
Nói chuyện qua Internet	19.32	21.611	.535	.682
Đọc tin tức trên Internet	18.75	20.116	.462	.715
Đọc sách báo	17.16	25.489	.329	.730
Đi lễ chùa/nhà thờ	26.73	53.743	.572	.847
Thắp h- ơng cầu nguyện tại GD	25.56	56.465	.534	.850

Viết th-	19.82	26.560	.325	.729
----------	-------	--------	------	------

4.4.2. Hình thức giao tiếp hiện nay

4.4.2.1. Hình thức giao tiếp trực tiếp

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.880	7

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Đến thăm con cháu, họ hàng	28.73	54.590	.795	.855
Vui chơi, giải trí	28.27	58.717	.508	.875
Sang hàng xóm chơi	28.19	59.788	.495	.876
Đi tham quan, DL cùng GD	29.39	56.587	.651	.865
Đi tham quan, DL cùng bạn	29.66	57.935	.630	.867
Về thăm quê h- ơng	28.97	54.308	.622	.868
Tham gia HĐ dòng họ, quê h- ơng	28.89	55.428	.626	.867

4.4.2.2. Hình thức giao tiếp gián tiếp

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.732	9

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Nói chuyện điện thoại	17.84	24.318	.406	.711
Xem tivi	18.38	21.238	.642	.657
Nghe đài	18.72	22.301	.548	.680
Nói chuyện qua Internet	20.04	20.028	.516	.683
Đọc tin tức trên Internet	19.38	19.714	.405	.728
Đọc sách báo	17.78	24.223	.370	.717
Đi lễ chùa/nhà thờ	28.89	54.339	.614	.869

Thấp h- ong cầu nguyện tại GĐ	27.92	58.465	.561	.872
Viết th-	20.69	25.171	.332	.724

PHẦN 4.5. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG

4.5.1. Các yếu tố khách quan

4.5.1.1 Quan hệ với các thành viên trong gia đình:

Quan hệ với con cháu:

Độ tin cậy:

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.798	8

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Con cháu quan tâm chăm sóc	28.31	27.748	.520	.784
Con cháu tôn trọng, hỏi ý kiến	28.48	27.461	.441	.787
Con cháu gần gũi, trò chuyện	28.56	27.589	.369	.794
Các con để ý VC, không q/tâm TT	29.19	22.321	.525	.777
Con cháu không hiểu tâm lý ng- ời già	29.55	22.038	.623	.756
Con cháu cản trở QH bạn bè	28.42	23.546	.631	.756
Con cháu cản trở tham gia HDXH	28.48	23.441	.660	.752
Các con bận không trò chuyện	29.76	23.209	.451	.792

Quan hệ với vợ/chồng:

Độ tin cậy:

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.867	8

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Quan tâm, chăm sóc vợ/chồng	28.82	40.632	.542	.860
Vợ/chồng không quan tâm đến tôi	29.16	40.766	.603	.852
Vợ/chồng trao đổi, chia sẻ tâm tình với nhau	28.03	43.323	.558	.857
Quan hệ vợ chồng th- ờng cân bằng	28.21	41.482	.642	.848
Vợ/chồng cản trở QH bạn bè	28.18	40.244	.732	.839
Vợ/chồng cản trở tham gia HĐXH	28.25	40.701	.675	.844
Vợ/chồng tôi không biết tôi vui buồn	28.85	41.415	.525	.861
Gần bạn/ng- ời thân hơn vợ/chồng	28.59	38.451	.705	.840

Quan hệ với họ hàng:

Đô tin cậy:

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.848	5

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Họ hàng th- ờng thăm hỏi, động viên khi tôi ốm đau	16.47	17.066	.626	.825
Tôi thăm hỏi, động viên họ hàng khi họ gặp khó khăn	16.45	16.000	.757	.792
Họ hàng chúng tôi th- ờng qua lại thăm hỏi, giúp đỡ nhau	16.51	16.324	.690	.809
Tôi và bà con họ hàng ít có dịp gặp gỡ nhau	17.11	16.078	.597	.835
Bà con họ hàng không quan tâm đến tôi	16.85	15.546	.640	.823

4.5.1.2 Đánh giá về các tổ chức, nhóm, hội:

Đô tin cây:

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.890	6

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Nhóm XH, HĐ cộng đồng cho NNH ít	19.59	22.204	.678	.877
Hình thức HĐ của nhóm XH đơn điệu	19.40	21.859	.783	.859
Nội dung sinh hoạt ch- a đáp ứng nhu cầu	19.37	22.143	.770	.861
Địa điểm tổ chức SH ch- a phù hợp	19.47	22.434	.659	.880
Ph- ơng tiện phục vụ nghèo nàn	19.09	23.344	.733	.868
Hỗ trợ VC, TT của c/quyền ch- a nhiều	19.14	24.343	.645	.881

4.5.2. Các yếu tố chủ quan

4.5.2.1 Cảm nhận về vị thế, vai trò của bản thân trong xã hội:

Đô tin cây

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.808	5

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
XH không cần mình nữa	11.21	18.383	.611	.766
Mọi ng- ời không tôn trọng nh- tr- ớc	11.22	18.251	.634	.759
XH ít quan tâm đến tiếng nói của NNH	9.87	18.237	.586	.773
Không còn làm đ- ợc việc gì cống hiến cho xã hội	9.94	16.882	.654	.751
Là ng- ời thừa, là gánh nặng cho xã hội	10.93	19.127	.490	.802

4.5.2.2 Cảm nhận về vai trò, vị thế của bản thân trong gia đình:

Đô tin cây:

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.781	6

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Là ng- ời thừa, gánh nặng trong GD	7.85	10.534	.439	.771
Không đ- ợc hỏi ý kiến nh- tr- ớc đây	7.65	8.828	.579	.740
Có thời gian cho q/h- ơng, họ hàng	7.64	9.922	.578	.736
GD luôn tôn trọng, yêu quý	7.94	10.573	.613	.735
Có nhiều thời gian dành cho GD	7.91	11.134	.407	.776
Vẫn cống hiến cho GD	7.81	10.069	.615	.729

>Error # 1. Command name: _

>The first word in the line is not recognized as an SPSS command.

>This command not executed.

4.5.2.3. Tính cách (tính hướng nội, hướng ngoại)

Đô tin cậy:

Reliability

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.789	10

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Cân chia sẻ niềm vui, nỗi buồn	54.62	113.520	.427	.775
Tiếp xúc với mọi ng-ời dễ dàng	55.38	115.051	.320	.782
Cảm thấy bất hạnh nếu không gặp mọi ng-ời	54.94	115.145	.354	.780
Có những suy nghĩ giấu kín	55.62	112.224	.408	.776
Thích ngồi một mình suy nghĩ	55.98	113.517	.353	.780
Là ng-ời vui vẻ, hòa đồng	54.25	120.099	.374	.785
Không hào hứng với việc có thêm bạn mới	55.46	113.946	.356	.780
Thích bày tỏ q/điểm bằng viết hơn là nói	55.90	115.177	.328	.782
Ngại ngần khi tham dự tiệc đông ng-ời	55.77	110.199	.501	.769
Tôi thích th-ờng xuyên gặp gỡ các bạn trong nhóm của mình	55.52	112.664	.389	.777

PHỤ LỤC 5

SỐ LIỆU TỔNG THỂ THỰC TRẠNG ĐẶC ĐIỂM GIAO TIẾP CỦA NGƯỜI NGHỈ HỌC Ở HÀ NỘI

PHỤ LỤC 5.1: SỐ LIỆU TỔNG THỂ VỀ ĐỐI TƯỢNG GIAO TIẾP

5.1.1 Những người thân trong gia đình:

Statistics

	Mean	Std. Deviation
Con trai	4.61	.765
Con gái	4.47	.837
Con dâu	4.46	.936
Con rể	4.02	.921
Vợ (chồng)	4.86	.450
Các cháu	4.68	.690
Bố, mẹ	3.99	1.197
Bà con họ hàng	3.54	1.184
ĐTB nhóm người thân (hiện nay)	4.3796	.62221

Con trai

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không bao giờ	3	1.0	1.2	1.2
	Rất ít	5	1.6	2.0	3.1
	ít khi	11	3.6	4.3	7.5
	Thỉnh thoảng	51	16.7	20.0	27.5
	Thường xuyên	185	60.7	72.5	100.0
	Total	255	83.6	100.0	
Missing	System	50	16.4		
Total		305	100.0		

Con gái

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Rất ít	13	4.3	5.0	5.0
	ít khi	19	6.2	7.3	12.4
	Thỉnh thoảng	59	19.3	22.8	35.1
	Th- ờng xuyên	168	55.1	64.9	100.0
	Total	259	84.9	100.0	
Missing	System	46	15.1		
Total		305	100.0		

Con dâu

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không bao giờ	5	1.6	2.6	2.6
	Rất ít	6	2.0	3.1	5.6
	ít khi	13	4.3	6.6	12.2
	Thỉnh thoảng	42	13.8	21.4	33.7
	Th- ờng xuyên	130	42.6	66.3	100.0
	Total	196	64.3	100.0	
Missing	System	109	35.7		
Total		305	100.0		

Con rể

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Rất ít	15	4.9	7.8	7.8
	ít khi	35	11.5	18.1	25.9
	Thỉnh thoảng	75	24.6	38.9	64.8
	Th- ờng xuyên	68	22.3	35.2	100.0
	Total	193	63.3	100.0	
Missing	System	112	36.7		
Total		305	100.0		

Vợ (chồng)

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	ít khi	11	3.6	4.2	4.2
	Thỉnh thoảng	14	4.6	5.3	9.5
	Th- ờng xuyên	238	78.0	90.5	100.0
	Total	263	86.2	100.0	
Missing	System	42	13.8		
Total		305	100.0		

Các cháu

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Rất ít	7	2.3	2.7	2.7
	ít khi	12	3.9	4.6	7.3
	Thỉnh thoảng	39	12.8	15.1	22.4
	Th- ờng xuyên	201	65.9	77.6	100.0
	Total	259	84.9	100.0	
Missing	System	46	15.1		
Total		305	100.0		

Bố, mẹ

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không bao giờ	7	2.3	4.4	4.4
	Rất ít	17	5.6	10.6	15.0
	ít khi	22	7.2	13.8	28.8
	Thỉnh thoảng	39	12.8	24.4	53.1
	Th- ờng xuyên	75	24.6	46.9	100.0
	Total	160	52.5	100.0	
Missing	System	145	47.5		
Total		305	100.0		

Bà con họ hàng

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không bao giờ	7	2.3	2.5	2.5
	Rất ít	57	18.7	20.7	23.3
	ít khi	72	23.6	26.2	49.5
	Thỉnh thoảng	59	19.3	21.5	70.9
	Th- ờng xuyên	80	26.2	29.1	100.0
	Total	275	90.2	100.0	
Missing	System	30	9.8		
Total		305	100.0		

5.1.2. Các tổ chức xã hội mà NNH tham gia

Statistics

	Mean	Std. Deviation
Hội ng- ời cao tuổi	2.94	1.705
Hội cựu chiến binh	2.59	1.833
Hội phụ nữ	2.84	1.868
Chi bộ đảng	2.85	1.922
Hội chữ thập đỏ	2.15	1.656
CLB thơ, văn	1.58	1.253

Công tác XH	2.15	1.694
CLB thể dục, thể thao	2.42	1.666
ĐTB nhóm ng- ời trong CĐ (hiện nay)	2.44	.80006

Hội ng- ời cao tuổi

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không bao giờ	118	38.7	39.5	39.5
	Rất hiếm khi	1	.3	.3	39.8
	Thỉnh thoảng	47	15.4	15.7	55.5
	Khá th- ờng xuyên	46	15.1	15.4	70.9
	Th- ờng xuyên	87	28.5	29.1	100.0
	Total	299	98.0	100.0	
Missing	System	6	2.0		
Total		305	100.0		

Hội cựu chiến binh

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không bao giờ	165	54.1	55.0	55.0
	Thỉnh thoảng	20	6.6	6.7	61.7
	Khá th- ờng xuyên	22	7.2	7.3	69.0
	Th- ờng xuyên	93	30.5	31.0	100.0
	Total	300	98.4	100.0	
Missing	System	5	1.6		
Total		305	100.0		

Chi bộ đảng

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không bao giờ	149	48.9	50.5	50.5
	Rất hiếm khi	4	1.3	1.4	51.9
	Thỉnh thoảng	3	1.0	1.0	52.9
	Khá th- ờng xuyên	21	6.9	7.1	60.0
	Th- ờng xuyên	118	38.7	40.0	100.0
	Total	295	96.7	100.0	
Missing	System	10	3.3		
Total		305	100.0		

Hội chữ thập đỏ

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không bao giờ	193	63.3	64.3	64.3
	Rất hiếm khi	8	2.6	2.7	67.0
	Thỉnh thoảng	19	6.2	6.3	73.3

	Khá th- òng xuyên	21	6.9	7.0	80.3
	Th- òng xuyên	59	19.3	19.7	100.0
	Total	300	98.4	100.0	
Missing	System	5	1.6		
Total		305	100.0		

CLB thơ, văn

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không bao giờ	237	77.7	79.0	79.0
	Rất hiếm khi	11	3.6	3.7	82.7
	Thỉnh thoảng	21	6.9	7.0	89.7
	Khá th- òng xuyên	3	1.0	1.0	90.7
	Th- òng xuyên	28	9.2	9.3	100.0
	Total	300	98.4	100.0	
Missing	System	5	1.6		
Total		305	100.0		

Tham gia Công tác XH

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không bao giờ	197	64.6	65.7	65.7
	Rất hiếm khi	8	2.6	2.7	68.3
	Thỉnh thoảng	16	5.2	5.3	73.7
	Khá th- òng xuyên	12	3.9	4.0	77.7
	Th- òng xuyên	67	22.0	22.3	100.0
	Total	300	98.4	100.0	
Missing	System	5	1.6		
Total		305	100.0		

CLB thể dục, thể thao

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không bao giờ	159	52.1	53.2	53.2
	Rất hiếm khi	11	3.6	3.7	56.9
	Thỉnh thoảng	33	10.8	11.0	67.9
	Khá th- òng xuyên	35	11.5	11.7	79.6
	Th- òng xuyên	61	20.0	20.4	100.0
	Total	299	98.0	100.0	
Missing	System	6	2.0		
Total		305	100.0		

5.1.3 Nhóm bạn bè và những người trong cộng đồng dân cư

Statistics

	Mean	Std. Deviation
Những người hàng xóm	4.19	.915
Bạn học cùng giới	3.86	1.105
Bạn học khác giới	2.82	1.076
Bạn đồng nghiệp	3.14	1.327
Bạn đồng nghiệp	3.00	1.222
Bạn cũ	3.06	1.156
Những người bạn thân	3.08	1.542
ĐTB nhóm bạn và đồng nghiệp (hiện nay)	3.31	.80546
ĐTB Đối tượng giao tiếp hiện nay	3.38	.57730

Những người hàng xóm

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không bao giờ	3	1.0	1.0	1.0
	Rất ít	10	3.3	3.5	4.5
	ít khi	49	16.1	17.1	21.7
	Thỉnh thoảng	91	29.8	31.8	53.5
	Thường xuyên	133	43.6	46.5	100.0
	Total	286	93.8	100.0	
Missing	System	19	6.2		
Total		305	100.0		

Bạn học cùng giới

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không bao giờ	11	3.6	3.7	3.7
	Rất ít	31	10.2	10.3	14.0
	ít khi	48	15.7	15.9	29.9
	Thỉnh thoảng	110	36.1	36.5	66.4
	Thường xuyên	101	33.1	33.6	100.0
	Total	301	98.7	100.0	
Missing	System	4	1.3		
Total		305	100.0		

Bạn h- u khác giới

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không bao giờ	29	9.5	11.1	11.1
	Rất ít	74	24.3	28.4	39.5
	ít khi	92	30.2	35.2	74.7
	Thỉnh thoảng	48	15.7	18.4	93.1
	Th- ờng xuyên	18	5.9	6.9	100.0
	Total	261	85.6	100.0	
Missing	System	44	14.4		
Total		305	100.0		

Bạn đồng nghiệp

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không bao giờ	32	10.5	12.1	12.1
	Rất ít	63	20.7	23.8	35.8
	ít khi	62	20.3	23.4	59.2
	Thỉnh thoảng	51	16.7	19.2	78.5
	Th- ờng xuyên	57	18.7	21.5	100.0
	Total	265	86.9	100.0	
Missing	System	40	13.1		
Total		305	100.0		

Bạn đồng h- ơng

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không bao giờ	27	8.9	10.5	10.5
	Rất ít	76	24.9	29.5	39.9
	ít khi	60	19.7	23.3	63.2
	Thỉnh thoảng	60	19.7	23.3	86.4
	Th- ờng xuyên	35	11.5	13.6	100.0
	Total	258	84.6	100.0	
Missing	System	47	15.4		
Total		305	100.0		

Bạn cũ

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không bao giờ	13	4.3	4.7	4.7
	Rất ít	99	32.5	35.7	40.4
	ít khi	63	20.7	22.7	63.2
	Thỉnh thoảng	63	20.7	22.7	85.9
	Th- ờng xuyên	39	12.8	14.1	100.0
	Total	277	90.8	100.0	
Missing	System	28	9.2		
Total		305	100.0		

Những ng- ời bạn thân

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không bao giờ	85	27.9	28.3	28.3
	Rất hiếm khi	9	3.0	3.0	31.3
	Thỉnh thoảng	82	26.9	27.3	58.7
	Khá th- ờng xuyên	44	14.4	14.7	73.3
	Th- ờng xuyên	80	26.2	26.7	100.0
	Total	300	98.4	100.0	
Missing	System	5	1.6		
Total		305	100.0		

c2 Đặc điểm ng- ời Ông/Bà kết bạn

		Responses		Percent of Cases
		N	Percent	
Những ng- ời Ông/Bà ^a kết bạn:	Giống HC và ĐKS	108	13.7%	35.4%
	Gần nhà tiện đi lại	91	11.5%	29.8%
	TC, sở thích phù hợp	175	22.1%	57.4%
	Quan tâm và chia sẻ	121	15.3%	39.7%
	Ng- ời quen hiểu nhau	180	22.8%	59.0%
	Hiền lành, dễ gần	116	14.7%	38.0%
Total		791	100.0%	259.3%

a. Group

c3. Sự đồng cảm có cần thiết không?

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Rất cần thiết	178	58.4	58.4	58.4
	Cần thiết	120	39.3	39.3	97.7
	Không cần thiết	7	2.3	2.3	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

\$c3b1. Lý do rất cần thiết

		Responses		Percent of Cases
		N	Percent	
Các lý do ^a	1	39	49.4%	52.0%
	3	13	16.5%	17.3%
	6	4	5.1%	5.3%
	8	11	13.9%	14.7%
	9	9	11.4%	12.0%
	10	3	3.8%	4.0%
Total		79	100.0%	105.3%

a. Group

\$c3b2. Lý do cần thiết

		Responses		Percent of Cases
		N	Percent	
Các lý do ^a	1	37	75.5%	84.1%
	3	3	6.1%	6.8%
	6	6	12.2%	13.6%
	8	1	2.0%	2.3%
	10	1	2.0%	2.3%
	11	1	2.0%	2.3%
Total		49	100.0%	111.4%

a. Group

\$c3b3. Lý do không cần thiết

		Responses		Percent of Cases
		N	Percent	
Các lý do ^a	7	3	100.0%	100.0%
Total		3	100.0%	100.0%

a. Group

\$c4. Ng- ời hay chia sẻ nhất

		Responses		Percent of Cases
		N	Percent	
Ng- ời hay chia sẻ nhất	Vợ/chồng	260	30.4%	85.2%
	Bố, mẹ	50	5.9%	16.4%
	Con gái	141	16.5%	46.2%
	Con trai	147	17.2%	48.2%
	Con dâu	29	3.4%	9.5%
	Con rể	5	.6%	1.6%
	Các cháu	9	1.1%	3.0%
	Anh, chị, em	88	10.3%	28.9%
	Bạn thân	111	13.0%	36.4%
	Họ hàng	7	.8%	2.3%
	Hàng xóm	7	.8%	2.3%
Total	854	100.0%	280.0%	

a. Group

PHỤ LỤC 5.2: SỐ LIỆU TỔNG THỂ VỀ NHU CẦU GIAO TIẾP

5.2.1. Nhu cầu chia sẻ, tâm sự:

Statistics

	N		Mean	Std. Deviation
	Valid	Missing		
Trò chuyện với con cháu	305	0	4.68	.562
Gặp gỡ, chia sẻ với bạn	305	0	4.38	1.039
Vô nghĩa, không chia sẻ với bạn đời	302	3	4.32	1.186
Trò chuyện với bà con họ hàng	305	0	4.20	1.012
Không muốn chia sẻ với hàng xóm	305	0	4.13	1.107
Thích tâm sự với bạn thân	305	0	4.30	.963
Giữ lại nỗi buồn cho riêng mình	305	0	2.50	1.550
ĐTB Nhu cầu chia sẻ, tâm sự hiện nay	305	0	4.0724	.57779

Trò chuyện với con cháu

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Phần lớn không đúng	2	.7	.7	.7
	Nửa đúng, nửa không	9	3.0	3.0	3.6
	Phần lớn đúng	73	23.9	23.9	27.5
	Hoàn toàn đúng	221	72.5	72.5	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

Gặp gỡ, chia sẻ với bạn

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không đúng	13	4.3	4.3	4.3
	Phần lớn không đúng	7	2.3	2.3	6.6
	Nửa đúng, nửa không	29	9.5	9.5	16.1
	Phần lớn đúng	58	19.0	19.0	35.1
	Hoàn toàn đúng	198	64.9	64.9	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

Vô nghĩa, không chia sẻ với bạn đời

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không đúng	23	7.5	7.6	7.6
	Phần lớn không đúng	6	2.0	2.0	9.6
	Nửa đúng, nửa không	23	7.5	7.6	17.2
	Phần lớn đúng	50	16.4	16.6	33.8
	Hoàn toàn đúng	200	65.6	66.2	100.0
	Total	302	99.0	100.0	
Missing	System	3	1.0		
Total		305	100.0		

Trò chuyện với bà con họ hàng

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không đúng	12	3.9	3.9	3.9
	Phần lớn không đúng	10	3.3	3.3	7.2
	Nửa đúng, nửa không	29	9.5	9.5	16.7
	Phần lớn đúng	107	35.1	35.1	51.8
	Hoàn toàn đúng	147	48.2	48.2	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

Không muốn chia sẻ với hàng xóm

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không đúng	16	5.2	5.2	5.2
	Phần lớn không đúng	11	3.6	3.6	8.9
	Nửa đúng, nửa không	40	13.1	13.1	22.0
	Phần lớn đúng	88	28.9	28.9	50.8
	Hoàn toàn đúng	150	49.2	49.2	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

Thích tâm sự với bạn thân

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không đúng	7	2.3	2.3	2.3
	Phần lớn không đúng	7	2.3	2.3	4.6
	Nửa đúng, nửa không	46	15.1	15.1	19.7
	Phần lớn đúng	73	23.9	23.9	43.6
	Hoàn toàn đúng	172	56.4	56.4	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

Giữ lại nỗi buồn cho riêng mình

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không đúng	131	43.0	43.0	43.0
	Phần lớn không đúng	35	11.5	11.5	54.4
	Nửa đúng, nửa không	49	16.1	16.1	70.5
	Phần lớn đúng	37	12.1	12.1	82.6
	Hoàn toàn đúng	53	17.4	17.4	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

5.2.2. Nhu cầu trao đổi thông tin, truyền đạt kinh nghiệm:

Statistics

	N		Mean	Std. Deviation
	Valid	Missing		
Tiếp xúc với người trẻ tuổi để truyền đạt KN	305	0	3.75	1.362
Chia sẻ kiến thức về sức khỏe với bạn	305	0	4.58	.761
Chia sẻ KN c/môn với đồng nghiệp	305	0	4.13	1.107
Q/tâm đến t/hình KT, CT, XH trong nước	305	0	4.52	.889
Q/tâm đến t/hình KT, CT, XH quốc tế	305	0	4.39	1.020
Giúp đỡ con nuôi dạy các cháu	305	0	4.69	.688
ĐTB Nhu cầu thông tin hiện nay	305	0	4.3421	.65164

Tiếp xúc với người trẻ tuổi để truyền đạt KN

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không đúng	34	11.1	11.1	11.1
	Phần lớn không đúng	28	9.2	9.2	20.3
	Nửa đúng, nửa không	42	13.8	13.8	34.1
	Phần lớn đúng	78	25.6	25.6	59.7
	Hoàn toàn đúng	123	40.3	40.3	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

Chia sẻ kiến thức về sức khỏe với bạn

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không đúng	3	1.0	1.0	1.0
	Phần lớn không đúng	7	2.3	2.3	3.3
	Nửa đúng, nửa không	12	3.9	3.9	7.2
	Phần lớn đúng	70	23.0	23.0	30.2
	Hoàn toàn đúng	213	69.8	69.8	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

Chia sẻ KN c/môn với đồng nghiệp

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không đúng	16	5.2	5.2	5.2
	Phần lớn không đúng	11	3.6	3.6	8.9
	Nửa đúng, nửa không	40	13.1	13.1	22.0
	Phần lớn đúng	88	28.9	28.9	50.8
	Hoàn toàn đúng	150	49.2	49.2	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

Q/tâm đến t/hình KT, CT, XH trong n- ớc

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không đúng	7	2.3	2.3	2.3
	Phần lớn không đúng	5	1.6	1.6	3.9
	Nửa đúng, nửa không	25	8.2	8.2	12.1
	Phần lớn đúng	54	17.7	17.7	29.8
	Hoàn toàn đúng	214	70.2	70.2	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

Q/tâm đến t/hình KT, CT, XH quốc tế

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không đúng	11	3.6	3.6	3.6
	Phần lớn không đúng	9	3.0	3.0	6.6
	Nửa đúng, nửa không	29	9.5	9.5	16.1
	Phần lớn đúng	58	19.0	19.0	35.1
	Hoàn toàn đúng	198	64.9	64.9	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

Giúp đỡ con nuôi dạy các cháu

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không đúng	4	1.3	1.3	1.3
	Nửa đúng, nửa không	15	4.9	4.9	6.2
	Phần lớn đúng	50	16.4	16.4	22.6
	Hoàn toàn đúng	236	77.4	77.4	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

5.2.3 Nhu cầu tín ngưỡng, tâm linh:

Statistics

	N		Mean	Std. Deviation
	Valid	Missing		
Niềm an ủi là đi lễ chùa/nhà thờ	304	1	3.91	1.338
Muốn tham gia họp họ, giỗ họ	305	0	4.30	.963
Đóng góp cũng giỗ...	305	0	4.80	.587
Tham gia công việc quê h- ơng, dòng họ	305	0	4.65	.648
Tham gia lễ, hội nếu có dịp	305	0	4.40	.883
Thích tham gia lễ, hội ở quê h- ơng	305	0	4.48	.925
ĐTB Nhu cầu tâm linh hiện nay	305	0	4.4228	.64782

Niềm an ủi là đi lễ chùa/nhà thờ

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không đúng	31	10.2	10.2	10.2
	Phần lớn không đúng	18	5.9	5.9	16.1
	Nửa đúng, nửa không	46	15.1	15.1	31.3
	Phần lớn đúng	61	20.0	20.1	51.3
	Hoàn toàn đúng	148	48.5	48.7	100.0
	Total	304	99.7	100.0	
Missing	System	1	.3		
Total		305	100.0		

Muốn tham gia họp họ, giỗ họ

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không đúng	7	2.3	2.3	2.3
	Phần lớn không đúng	7	2.3	2.3	4.6
	Nửa đúng, nửa không	46	15.1	15.1	19.7
	Phần lớn đúng	73	23.9	23.9	43.6
	Hoàn toàn đúng	172	56.4	56.4	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

Đóng góp cũng giỡ...

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không đúng	4	1.3	1.3	1.3
	Nửa đúng, nửa không	4	1.3	1.3	2.6
	Phần lớn đúng	37	12.1	12.1	14.8
	Hoàn toàn đúng	260	85.2	85.2	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

Tham gia công việc quê h- ơng, dòng họ

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không đúng	1	.3	.3	.3
	Phần lớn không đúng	2	.7	.7	1.0
	Nửa đúng, nửa không	17	5.6	5.6	6.6
	Phần lớn đúng	63	20.7	20.7	27.2
	Hoàn toàn đúng	222	72.8	72.8	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

Tham gia lễ, hội nếu có dịp

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không đúng	4	1.3	1.3	1.3
	Phần lớn không đúng	4	1.3	1.3	2.6
	Nửa đúng, nửa không	46	15.1	15.1	17.7
	Phần lớn đúng	63	20.7	20.7	38.4
	Hoàn toàn đúng	188	61.6	61.6	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

Thích tham gia lễ, hội ở quê h- ơng

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không đúng	8	2.6	2.6	2.6
	Phần lớn không đúng	7	2.3	2.3	4.9
	Nửa đúng, nửa không	23	7.5	7.5	12.5
	Phần lớn đúng	61	20.0	20.0	32.5
	Hoàn toàn đúng	206	67.5	67.5	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

5.2.4 Nhu cầu hoạt động cộng đồng:

Statistics

	N		Mean	Std. Deviation
	Valid	Missing		
Luyện tập thể dục thể thao hàng ngày	305	0	4.36	1.089
Tham gia công tác XH ở cụm dân c-	305	0	4.20	1.177
Tham gia CLB thơ, văn, nhạc họa...	305	0	3.60	1.517
Thích đi tham quan, dã ngoại	305	0	4.35	.958
Vui, bổ ích khi đi- ọc sinh hoạt	305	0	4.41	.877
ĐTN Nhu cầu sinh hoạt CĐ hiện nay	305	0	4.1843	.78557

Luyện tập thể dục thể thao hàng ngày

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không đúng	17	5.6	5.6	5.6
	Phần lớn không đúng	3	1.0	1.0	6.6
	Nửa đúng, nửa không	34	11.1	11.1	17.7
	Phần lớn đúng	49	16.1	16.1	33.8
	Hoàn toàn đúng	202	66.2	66.2	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

Tham gia công tác XH ở cụm dân c-

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không đúng	17	5.6	5.6	5.6
	Phần lớn không đúng	13	4.3	4.3	9.8
	Nửa đúng, nửa không	45	14.8	14.8	24.6
	Phần lớn đúng	47	15.4	15.4	40.0
	Hoàn toàn đúng	183	60.0	60.0	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

Tham gia CLB thơ, văn, nhạc họa...

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không đúng	54	17.7	17.7	17.7
	Phần lớn không đúng	20	6.6	6.6	24.3
	Nửa đúng, nửa không	51	16.7	16.7	41.0
	Phần lớn đúng	49	16.1	16.1	57.0
	Hoàn toàn đúng	131	43.0	43.0	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

Thích đi tham quan, dã ngoại

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không đúng	5	1.6	1.6	1.6
	Phần lớn không đúng	15	4.9	4.9	6.6
	Nửa đúng, nửa không	30	9.8	9.8	16.4
	Phần lớn đúng	74	24.3	24.3	40.7
	Hoàn toàn đúng	181	59.3	59.3	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

Vui, bổ ích khi đi- ọc sinh hoạt

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không đúng	4	1.3	1.3	1.3
	Phần lớn không đúng	12	3.9	3.9	5.2
	Nửa đúng, nửa không	20	6.6	6.6	11.8
	Phần lớn đúng	88	28.9	28.9	40.7
	Hoàn toàn đúng	181	59.3	59.3	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

5.2.5 Nhu cầu được tôn trọng, được đóng góp ý kiến:

Statistics

	N		Mean	Std. Deviation
	Valid	Missing		
Đóng góp ý kiến cho con cháu	305	0	4.71	.631
Muốn đ- ọc con cháu hỏi ý kiến	305	0	4.56	.764
Muốn ý kiến của mình đ- ọc lắng nghe	305	0	4.13	1.024
Thể hiện trách nhiệm hơn là đòi hỏi	305	0	4.38	.996
ĐTB Nhu cầu tôn trọng hiện nay	305	0	4.4434	.63210
ĐTB Nhóm nhu cầu giao tiếp hiện nay	305	0	4.2814	.51741

Đóng góp ý kiến cho con cháu

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Phần lớn không đúng	4	1.3	1.3	1.3
	Nửa đúng, nửa không	17	5.6	5.6	6.9
	Phần lớn đúng	43	14.1	14.1	21.0
	Hoàn toàn đúng	241	79.0	79.0	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

Muốn đ- ọc con cháu hỏi ý kiến

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Phần lớn không đúng	9	3.0	3.0	3.0
	Nửa đúng, nửa không	24	7.9	7.9	10.8
	Phần lớn đúng	60	19.7	19.7	30.5
	Hoàn toàn đúng	212	69.5	69.5	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

Muốn ý kiến của mình đ- ọc lắng nghe

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không đúng	13	4.3	4.3	4.3
	Phần lớn không đúng	6	2.0	2.0	6.2
	Nửa đúng, nửa không	46	15.1	15.1	21.3
	Phần lớn đúng	103	33.8	33.8	55.1
	Hoàn toàn đúng	137	44.9	44.9	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

Thể hiện trách nhiệm hơn là đòi hỏi

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không đúng	13	4.3	4.3	4.3
	Phần lớn không đúng	2	.7	.7	4.9
	Nửa đúng, nửa không	31	10.2	10.2	15.1
	Phần lớn đúng	70	23.0	23.0	38.0
	Hoàn toàn đúng	189	62.0	62.0	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

>Error # 1. Command name: _

>The first word in the line is not recognized as an SPSS command.

>This command not executed.

5.3: SỐ LIỆU TỔNG THỂ VỀ NỘI DUNG GIAO TIẾP

5.3.1. Vấn đề sức khỏe:

Statistics

	N		Mean	Std. Deviation
	Valid	Missing		
Trao đổi kinh nghiệm	305	0	4.39	.809
Vấn đề sức khỏe ở người già	305	0	4.41	.764
Vấn đề SK của các thành viên GD	305	0	4.47	.807
Các dịch bệnh xảy ra trong CĐ	305	0	3.99	1.127
ĐTB Nội dung về sức khỏe hiện nay	305	0	4.3164	.65980

Trao đổi kinh nghiệm

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Rất hiếm khi	9	3.0	3.0	3.0
	Thỉnh thoảng	36	11.8	11.8	14.8
	Khá thường xuyên	86	28.2	28.2	43.0
	Thường xuyên	174	57.0	57.0	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

Vấn đề sức khỏe ở người già

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Rất hiếm khi	4	1.3	1.3	1.3
	Thỉnh thoảng	40	13.1	13.1	14.4
	Khá thường xuyên	89	29.2	29.2	43.6
	Thường xuyên	172	56.4	56.4	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

Vấn đề SK của các thành viên GD

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Rất hiếm khi	4	1.3	1.3	1.3
	Thỉnh thoảng	49	16.1	16.1	17.4
	Khá thường xuyên	51	16.7	16.7	34.1
	Thường xuyên	201	65.9	65.9	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

Các dịch bệnh xảy ra trong CĐ

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không bao giờ	13	4.3	4.3	4.3
	Rất hiếm khi	13	4.3	4.3	8.5
	Thỉnh thoảng	77	25.2	25.2	33.8
	Khá th- ờng xuyên	62	20.3	20.3	54.1
	Th- ờng xuyên	140	45.9	45.9	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

5.3.2. Những vấn đề trong cuộc sống gia đình:

Statistics

	N		Mean	Std. Deviation
	Valid	Missing		
Chia sẻ tâm t- , tình cảm cá nhân	305	0	3.88	1.075
Chia sẻ vấn đề KT của GD	305	0	3.76	1.240
Chia sẻ vấn đề th- ờng ngày	305	0	4.29	.936
Những băn khoăn, v- ớng mắc trong GD	305	0	3.75	1.139
ĐTB Nội dung về cuộc sống GD hiện nay	305	0	3.9189	.89255

Chia sẻ tâm t- , tình cảm cá nhân

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không bao giờ	5	1.6	1.6	1.6
	Rất hiếm khi	26	8.5	8.5	10.2
	Thỉnh thoảng	89	29.2	29.2	39.3
	Khá th- ờng xuyên	67	22.0	22.0	61.3
	Th- ờng xuyên	118	38.7	38.7	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

Chia sẻ vấn đề KT của GD

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không bao giờ	13	4.3	4.3	4.3
	Rất hiếm khi	40	13.1	13.1	17.4
	Thỉnh thoảng	81	26.6	26.6	43.9
	Khá th- ờng xuyên	44	14.4	14.4	58.4
	Th- ờng xuyên	127	41.6	41.6	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

Chia sẻ vấn đề th- ờng ngày

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không bao giờ	3	1.0	1.0	1.0
	Rất hiếm khi	11	3.6	3.6	4.6
	Thỉnh thoảng	51	16.7	16.7	21.3
	Khá th- ờng xuyên	71	23.3	23.3	44.6
	Th- ờng xuyên	169	55.4	55.4	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

Những bản khoản, v- ớng mắc trong GD

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không bao giờ	7	2.3	2.3	2.3
	Rất hiếm khi	39	12.8	12.8	15.1
	Thỉnh thoảng	85	27.9	27.9	43.0
	Khá th- ờng xuyên	65	21.3	21.3	64.3
	Th- ờng xuyên	109	35.7	35.7	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

5.3.3. Vấn đề họ hàng, quê hương, tín ngưỡng:

Statistics

	N		Mean	Std. Deviation
	Valid	Missing		
Công việc quê h- ơng, dòng họ	305	0	3.88	1.035
Tình hình ng- ời thân họ hàng	305	0	3.92	.965
Duy trì nề nếp gia phong	305	0	4.34	.897
Củng cố quan hệ họ hàng, thân tộc	305	0	4.16	1.032
ĐTB Nội dung về tâm linh hiện nay	305	0	4.0787	.73306

Công việc quê h- ơng, dòng họ

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không bao giờ	2	.7	.7	.7
	Rất hiếm khi	28	9.2	9.2	9.8
	Thỉnh thoảng	87	28.5	28.5	38.4
	Khá th- ờng xuyên	75	24.6	24.6	63.0
	Th- ờng xuyên	113	37.0	37.0	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

Tình hình ng-ời thân, họ hàng

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không bao giờ	1	.3	.3	.3
	Rất hiếm khi	19	6.2	6.2	6.6
	Thỉnh thoảng	91	29.8	29.8	36.4
	Khá th-ờng xuyên	85	27.9	27.9	64.3
	Th-ờng xuyên	109	35.7	35.7	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

Duy trì nề nếp gia phong

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không bao giờ	2	.7	.7	.7
	Rất hiếm khi	8	2.6	2.6	3.3
	Thỉnh thoảng	52	17.0	17.0	20.3
	Khá th-ờng xuyên	64	21.0	21.0	41.3
	Th-ờng xuyên	179	58.7	58.7	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

Củng cố quan hệ họ hàng, thân tộc

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không bao giờ	7	2.3	2.3	2.3
	Rất hiếm khi	17	5.6	5.6	7.9
	Thỉnh thoảng	48	15.7	15.7	23.6
	Khá th-ờng xuyên	80	26.2	26.2	49.8
	Th-ờng xuyên	153	50.2	50.2	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

5.3.4. Vấn đề văn hóa, văn nghệ...:

Statistics

	N		Mean	Std. Deviation
	Valid	Missing		
Vấn đề VH, văn nghệ, TT địa ph- ơng	305	0	3.55	1.180
Vấn đề VH, văn nghệ, TT quốc tế	305	0	3.29	1.246
Vấn đề an ninh, KT, CT đất n- ớc	305	0	4.05	1.037
Vấn đề an ninh, KT, CT thế giới	305	0	3.53	1.153
ĐTB Nội dung về VH, văn nghệ... hiện nay	305	0	3.6033	.98132

Vấn đề VH, văn nghệ, TT địa ph- ơng

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không bao giờ	23	7.5	7.5	7.5
	Rất hiếm khi	26	8.5	8.5	16.1
	Thỉnh thoảng	96	31.5	31.5	47.5
	Khá th- ờng xuyên	81	26.6	26.6	74.1
	Th- ờng xuyên	79	25.9	25.9	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

Vấn đề VH, văn nghệ, TT quốc tế

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không bao giờ	33	10.8	10.8	10.8
	Rất hiếm khi	37	12.1	12.1	23.0
	Thỉnh thoảng	114	37.4	37.4	60.3
	Khá th- ờng xuyên	52	17.0	17.0	77.4
	Th- ờng xuyên	69	22.6	22.6	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

Vấn đề an ninh, KT, CT đất n- ớc

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không bao giờ	10	3.3	3.3	3.3
	Rất hiếm khi	5	1.6	1.6	4.9
	Thỉnh thoảng	81	26.6	26.6	31.5
	Khá th- ờng xuyên	72	23.6	23.6	55.1
	Th- ờng xuyên	137	44.9	44.9	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

Vấn đề an ninh, KT, CT thế giới

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không bao giờ	19	6.2	6.2	6.2
	Rất hiếm khi	36	11.8	11.8	18.0
	Thỉnh thoảng	86	28.2	28.2	46.2
	Khá thường xuyên	93	30.5	30.5	76.7
	Thường xuyên	71	23.3	23.3	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

5.3.5. Vấn đề học tập, trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ:

Statistics

	N		Mean	Std. Deviation
	Valid	Missing		
Học tập mở rộng kiến thức bản thân	305	0	3.68	1.262
Sử dụng, trao đổi c/môn	305	0	2.95	1.413
Trao đổi chủ tr-ong, CS nói chung	305	0	3.40	1.373
Trao đổi chế độ CS với NCT, NNH	305	0	3.64	1.164
ĐTB Nội dung về học tập hiện nay	305	0	3.4197	1.05896
ĐTB Nhóm nội dung giao tiếp hiện nay	305	0	3.8674	.65955

Học tập mở rộng kiến thức bản thân

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không bao giờ	16	5.2	5.2	5.2
	Rất hiếm khi	45	14.8	14.8	20.0
	Thỉnh thoảng	75	24.6	24.6	44.6
	Khá thường xuyên	53	17.4	17.4	62.0
	Thường xuyên	116	38.0	38.0	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

Sử dụng, trao đổi c/môn

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không bao giờ	65	21.3	21.3	21.3
	Rất hiếm khi	49	16.1	16.1	37.4
	Thỉnh thoảng	93	30.5	30.5	67.9
	Khá thường xuyên	31	10.2	10.2	78.0
	Thường xuyên	67	22.0	22.0	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

Trao đổi chủ tr- ơng, CS nói chung

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không bao giờ	39	12.8	12.8	12.8
	Rất hiếm khi	37	12.1	12.1	24.9
	Thỉnh thoảng	88	28.9	28.9	53.8
	Khá th- ờng xuyên	45	14.8	14.8	68.5
	Th- ờng xuyên	96	31.5	31.5	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

Trao đổi chế độ CS với NCT, NNH

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không bao giờ	14	4.6	4.6	4.6
	Rất hiếm khi	34	11.1	11.1	15.7
	Thỉnh thoảng	94	30.8	30.8	46.6
	Khá th- ờng xuyên	68	22.3	22.3	68.9
	Th- ờng xuyên	95	31.1	31.1	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

5.4: SỐ LIỆU TỔNG THỂ VỀ HÌNH THỨC GIAO TIẾP

5.4.1. Hình thức giao tiếp trực tiếp:

Statistics

	N		Mean	Std. Deviation
	Valid	Missing		
Đi thăm bà con, họ hàng	305	0	3.01	1.107
Vui chơi, giải trí	305	0	3.30	1.543
Sang hàng xóm chơi	305	0	2.73	1.039
Đi tham quan, DL cùng GD	305	0	2.62	1.120
Đi tham quan, DL cùng bạn	305	0	2.65	1.025
Về thăm quê h- ông	305	0	2.37	1.376
Tham gia HĐ dòng họ, quê h- ông	305	0	3.07	1.265
ĐTB Hình thức giao tiếp trực tiếp hiện nay	305	0	3.1003	.84412

Đi thăm bà con họ hàng

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không bao giờ	109	35.7	35.7	35.7
	Rất ít	37	12.1	12.1	47.9
	ít khi	34	11.1	11.1	59.0
	Thỉnh thoảng	76	24.9	24.9	83.9
	Th- ờng xuyên	49	16.1	16.1	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

Vui chơi giải trí

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không bao giờ	8	2.6	2.6	2.6
	Rất ít	80	26.2	26.2	28.9
	ít khi	79	25.9	25.9	54.8
	Thỉnh thoảng	88	28.9	28.9	83.6
	Th- ờng xuyên	50	16.4	16.4	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

Sang nhà hàng xóm chơi

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không bao giờ	155	50.8	50.8	50.8

	Rất ít	18	5.9	5.9	56.7
	ít khi	15	4.9	4.9	61.6
	Thỉnh thoảng	20	6.6	6.6	68.2
	Th- ờng xuyên	97	31.8	31.8	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

Đi tham quan, DL cùng GD

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không bao giờ	27	8.9	8.9	8.9
	Rất ít	161	52.8	52.8	61.6
	ít khi	30	9.8	9.8	71.5
	Thỉnh thoảng	66	21.6	21.6	93.1
	Th- ờng xuyên	21	6.9	6.9	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

Đi tham quan, DL cùng bạn

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không bao giờ	43	14.1	14.1	14.1
	Rất ít	178	58.4	58.4	72.5
	ít khi	19	6.2	6.2	78.7
	Thỉnh thoảng	57	18.7	18.7	97.4
	Th- ờng xuyên	8	2.6	2.6	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

Về thăm quê h- ơng

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không bao giờ	38	12.5	12.5	12.5
	Rất ít	94	30.8	30.8	43.3
	ít khi	52	17.0	17.0	60.3
	Thỉnh thoảng	51	16.7	16.7	77.0
	Th- ờng xuyên	70	23.0	23.0	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

Tham gia HĐ dòng họ, quê h- ơng

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không bao giờ	7	2.3	2.3	2.3
	Rất ít	133	43.6	43.6	45.9
	ít khi	43	14.1	14.1	60.0
	Thỉnh thoảng	52	17.0	17.0	77.0
	Th- ờng xuyên	70	23.0	23.0	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

5.4.2. Hình thức giao tiếp gián tiếp: Statistics

	N		Mean	Std. Deviation
	Valid	Missing		
Nói chuyện qua điện thoại	305	0	4.29	.985
Xem tivi	305	0	4.36	1.133
Nghe đài	305	0	3.77	1.100
Giao tiếp qua Internet	304	1	2.10	1.503
Đọc tin tức trên Internet	305	0	2.77	1.770
Đọc sách báo	305	0	2.77	1.061
Viết th-	304	1	1.45	.946
Đi lễ chùa/nhà thờ	305	0	3.15	1.387
Thăm h- ồng cầu nguyện tại GD	305	0	4.11	1.073
ĐTB Hình thức giao tiếp gián tiếp hiện nay	305	0	3.1653	.77246
ĐTB Nhóm hình thức giao tiếp hiện nay	305	0	3.1328	.70194

Nói chuyện qua điện thoại

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không bao giờ	6	2.0	2.0	2.0
	Rất ít	13	4.3	4.3	6.2
	ít khi	41	13.4	13.4	19.7
	Thỉnh thoảng	71	23.3	23.3	43.0
	Th- ờng xuyên	174	57.0	57.0	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

Xem tivi

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không bao giờ	2	.7	.7	.7
	Rất hiếm khi	8	2.6	2.6	3.3
	Thỉnh thoảng	52	17.0	17.0	20.3
	Khá th- ờng xuyên	64	21.0	21.0	41.3
	Th- ờng xuyên	179	58.7	58.7	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

Nghe đài

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không bao giờ	16	5.2	5.2	5.2
	Rất ít	56	18.4	18.4	23.6
	ít khi	61	20.0	20.0	43.6
	Thỉnh thoảng	129	42.3	42.3	85.9
	Th- ờng xuyên	43	14.1	14.1	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

Giao tiếp qua Internet

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không bao giờ	174	57.0	57.2	57.2
	Rất ít	41	13.4	13.5	70.7
	ít khi	16	5.2	5.3	76.0
	Thỉnh thoảng	32	10.5	10.5	86.5
	Th- ờng xuyên	41	13.4	13.5	100.0
	Total	304	99.7	100.0	
Missing	System	1	.3		
Total		305	100.0		

Đọc tin tức trên Internet

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không bao giờ	130	42.6	42.6	42.6
	Rất ít	34	11.1	11.1	53.8
	ít khi	14	4.6	4.6	58.4
	Thỉnh thoảng	31	10.2	10.2	68.5
	Th- ờng xuyên	96	31.5	31.5	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

Đọc sách báo

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không bao giờ	12	3.9	42.9	3.9
	Rất ít	17	5.6	5.6	9.5
	ít khi	13	4.3	4.2	13.8
	Thỉnh thoảng	71	23.3	13.1	37.0
	Th- ờng xuyên	192	63.0	33.2	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

Viết th-

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không bao giờ	225	73.8	74.0	74.0
	Rất ít	53	17.4	17.4	91.4
	ít khi	5	1.6	1.6	93.1
	Thỉnh thoảng	11	3.6	3.6	96.7
	Th- ờng xuyên	10	3.3	3.3	100.0
	Total	304	99.7	100.0	
Missing	System	1	.3		
Total		305	100.0		

Đi lễ chùa/nhà thờ

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không bao giờ	39	12.8	12.8	12.8
	Rất ít	81	26.6	26.6	39.3
	ít khi	55	18.0	18.0	57.4
	Thỉnh thoảng	55	18.0	18.0	75.4
	Th- ờng xuyên	75	24.6	24.6	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

Thăm h- ơng cầu nguyện tại GD

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không bao giờ	12	3.9	3.9	3.9
	Rất ít	6	2.0	2.0	5.9
	ít khi	70	23.0	23.0	28.9
	Thỉnh thoảng	65	21.3	21.3	50.2
	Th- ờng xuyên	152	49.8	49.8	100.0
	Total	305	100.0	100.0	

>Error # 1. Command name: †
 >The first word in the line is not recognized as an SPSS command.
 >This command not executed.

PHỤ LỤC 6

SỐ LIỆU ĐẶC ĐIỂM GT TRƯỚC ĐÂY VÀ HIỆN NAY

1. Đối tượng giao tiếp

1.1 Những người thân trong gia đình:

Group Statistics

	Nhãm	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean
Con trai	Tr- ớc đây	250	4.61	.820	.052
	Hiện nay	255	4.61	.765	.048
Con gái	Tr- ớc đây	256	4.43	.838	.052
	Hiện nay	259	4.47	.837	.052
Con dâu	Tr- ớc đây	152	4.29	1.120	.091
	Hiện nay	196	4.46	.936	.067
Con rể	Tr- ớc đây	181	3.86	.959	.071
	Hiện nay	193	4.02	.921	.066
Vợ (chồng)	Tr- ớc đây	282	4.78	.604	.036
	Hiện nay	263	4.86	.450	.028
Các cháu	Tr- ớc đây	207	4.43	.911	.063
	Hiện nay	259	4.68	.690	.043
Bố, mẹ	Tr- ớc đây	157	4.04	1.111	.089
	Hiện nay	160	3.99	1.197	.095
Bà con họ hàng	Tr- ớc đây	274	3.34	1.128	.068
	Hiện nay	275	3.54	1.184	.071
ĐTB nhóm ng- ời thân (tr- ớc đây)	Tr- ớc đây	301	4.2500	.68083	.03924
	Hiện nay	301	4.3796	.62221	.03586

1.2 Những người trong cộng đồng dân c-

Group Statistics

	Nhãm	N	Mean	Std. Deviation
Hàng xóm	Tr- ớc đây	300	3.88	1.105
	Hiện nay	301	4.19	0.913
Bạn h- u cùng giới	Tr- ớc đây	227	3.64	1.273
	Hiện nay	301	3.86	1.105
Bạn h- u khác giới	Tr- ớc đây	211	2.65	1.146
	Hiện nay	261	2.82	1.076
Bạn đồng nghiệp	Tr- ớc đây	253	3.81	1.296
	Hiện nay	265	3.14	1.327
Bạn đồng h- ơng	Tr- ớc đây	250	2.89	1.245
	Hiện nay	258	3.00	1.222
Bạn cũ	Tr- ớc đây	268	2.91	1.158
	Hiện nay	277	3.06	1.156
Những ng- ời bạn thân	Tr- ớc đây	304	2.89	1.578
	Hiện nay	300	3.08	1.542
Những ng- ời bạn già	Tr- ớc đây	303	2.18	1.567

	Hiện nay	299	3.07	1.674
Bạn cùng cơ quan	Tr-ớc đây	304	2.61	1.773
	Hiện nay	296	2.41	1.655
ĐTB nhóm bạn và đồng nghiệp (tr-ớc đây)	Tr-ớc đây	305	3.0534	.85303
	Hiện nay	305	3.3100	.80546
ĐTB nhóm đối t-ợng giao tiếp tr-ớc đây	Tr-ớc đây	305	3.0294	.57835
	Hiện nay	305	3.3428	.57730

1.3 Các tổ chức xã hội ng-ời nghỉ h- u tham gia

Group Statistics

Nhãm		N	Mean	Std. Deviation
Hội NCT	Tr-ớc đây	303	1.05	1.396
	Hiện nay	299	2.94	1.705
Hội cựu chiến binh	Tr-ớc đây	304	1.47	1.185
	Hiện nay	300	2.59	1.833
Hội phụ nữ	Tr-ớc đây	162	1.11	1.666
	Hiện nay	165	2.84	1.868
Chi bộ đảng	Tr-ớc đây	300	2.71	1.890
	Hiện nay	295	2.85	1.922
Hội chữ thập đỏ	Tr-ớc đây	303	1.16	1.270
	Hiện nay	300	2.15	1.656
CLB thơ, văn	Tr-ớc đây	304	1.33	.950
	Hiện nay	300	1.58	1.253
Tham gia Công tác XH	Tr-ớc đây	304	1.67	1.358
	Hiện nay	300	2.15	1.694
Những ng-ời trong CLB thể dục, thể thao	Tr-ớc đây	304	1.87	1.494
	Hiện nay	299	2.42	1.666
ĐTB tham gia tổ chức XH (tr-ớc đây)	Tr-ớc đây	305	1.5475	.69500
	Hiện nay	301	2.6282	.80006

2. Nhu cầu giao tiếp

2.1 Nhu cầu chia sẻ, tâm sự:

Group Statistics

	Nhãm	N	Mean	Std. Deviation
Trò chuyện với con cháu	Tr- ớc đây	305	4.62	.601
	Hiện nay	305	4.68	.562
Gặp gỡ, chia sẻ với bạn	Tr- ớc đây	305	4.31	1.059
	Hiện nay	305	4.38	1.039
Vô nghĩa, không chia sẻ với bạn đời	Tr- ớc đây	302	4.35	1.174
	Hiện nay	302	4.32	1.186
Trò chuyện với bà con họ hàng	Tr- ớc đây	305	4.21	.990
	Hiện nay	305	4.20	1.012
Không muốn chia sẻ với hàng xóm	Tr- ớc đây	305	4.35	.937
	Hiện nay	305	4.13	1.107
Thích tâm sự với bạn thân	Tr- ớc đây	305	4.19	1.029
	Hiện nay	305	4.30	.963
Giữ lại nỗi buồn cho riêng mình	Tr- ớc đây	305	2.41	1.511
	Hiện nay	305	2.50	1.550
ĐTB Nhu cầu chia sẻ, tâm sự tr- ớc đây	Tr- ớc đây	305	4.0621	.59368
	Hiện nay	305	4.0724	.57779

2.2 Nhu cầu trao đổi thông tin, truyền đạt kinh nghiệm:

Group Statistics

	Nhãm	N	Mean	Std. Deviation
Tiếp xúc với ng-ời trẻ tuổi để truyền đạt KN	Tr-ớc đây	305	3.75	1.359
	Hiện nay	305	3.75	1.362
Chia sẻ kiến thức về SK	Tr-ớc đây	305	4.44	.864
	Hiện nay	305	4.58	.761
Chia sẻ KN c/môn với đồng nghiệp	Tr-ớc đây	305	4.35	.937
	Hiện nay	305	4.13	1.107
Q/tâm đến t/hình KT, CT, XH trong n-ớc	Tr-ớc đây	305	4.48	.889
	Hiện nay	305	4.52	.889
Q/tâm đến t/hình KT, CT, XH quốc tế	Tr-ớc đây	305	4.36	1.020
	Hiện nay	305	4.39	1.020
Giúp đỡ con nuôi dạy các cháu	Tr-ớc đây	305	4.65	.789
	Hiện nay	305	4.69	.688
ĐTB Nhu cầu thông tin tr-ớc đây	Tr-ớc đây	305	4.3388	.64406
	Hiện nay	305	4.3421	.65164

2.3 Nhu cầu tín ngưỡng tâm linh:

Group Statistics

	Nhãm	N	Mean	Std. Deviation
Niềm an ủi là đi lễ chùa/nhà thờ	Tr-ớc đây	304	3.71	1.424
	Hiện nay	304	3.91	1.338
Muốn tham gia họp họ, giỗ họ	Tr-ớc đây	305	4.19	1.029
	Hiện nay	305	4.30	.963
Đóng góp cúng giỗ...	Tr-ớc đây	305	4.67	.806
	Hiện nay	305	4.80	.587
Tham gia công việc quê h-ơng, dòng họ	Tr-ớc đây	305	4.35	.990
	Hiện nay	305	4.65	.648
Tham gia lễ, hội nếu có dịp	Tr-ớc đây	305	4.18	1.087
	Hiện nay	305	4.40	.883
Thích tham gia lễ, hội ở quê h-ơng	Tr-ớc đây	305	4.32	.998
	Hiện nay	305	4.48	.925
ĐTB Nhu cầu tâm linh tr-ớc đây	Tr-ớc đây	305	4.2392	.81367
	Hiện nay	305	4.4228	.64782

2.4 Nhu cầu sinh hoạt cộng đồng:

Group Statistics

	Nhãm	N	Mean	Std. Deviation
Luyện tập thể dục thể thao hàng ngày	Tr- ớc đây	305	4.31	1.022
	Hiện nay	305	4.36	1.089
Tham gia công tác XH	Tr- ớc đây	305	3.78	1.392
	Hiện nay	305	4.20	1.177
Tham gia CLB thơ, văn, nhạc họa...	Tr- ớc đây	305	3.45	1.517
	Hiện nay	305	3.60	1.517
Thích đi tham quan, dã ngoại	Tr- ớc đây	305	4.27	1.036
	Hiện nay	305	4.35	.958
Vui, bổ ích khi đ- ọc sinh hoạt	Tr- ớc đây	305	4.10	1.168
	Hiện nay	305	4.41	.877
ĐTB Nhu cầu sinh hoạt CĐ tr- ớc đây	Tr- ớc đây	305	3.9823	.86501
	Hiện nay	305	4.1843	.78557

2.5 Nhu cầu được tôn trọng, được đóng góp ý kiến:

Group Statistics

	Nhãm	N	Mean	Std. Deviation
Đóng góp ý kiến cho con cháu	Tr- ớc đây	305	4.61	.817
	Hiện nay	305	4.71	.631
Muốn đ- ọc con cháu hỏi ý kiến	Tr- ớc đây	305	4.56	.781
	Hiện nay	305	4.56	.764
Muốn ý kiến của mình đ- ọc lắng nghe	Tr- ớc đây	305	4.18	.991
	Hiện nay	305	4.13	1.024
Thể hiện trách nhiệm hơn là đòi hỏi	Tr- ớc đây	305	4.38	.976
	Hiện nay	305	4.38	.996
ĐTB Nhu cầu tôn trọng tr- ớc đây	Tr- ớc đây	305	4.4295	.69741
	Hiện nay	305	4.4434	.63210
ĐTB Nhóm nhu cầu giao tiếp tr- ớc đây	Tr- ớc đây	305	4.1937	.59636
	Hiện nay	305	4.2814	.51741

3. Nội dung giao tiếp

3.1 Vấn đề sức khỏe:

Group Statistics

	Nhãm	N	Mean	Std. Deviation
Trao đổi kinh nghiệm	Tr- ớc đây	305	4.27	.814
	Hiện nay	305	4.39	.809
Vấn đề sức khỏe ở ng- ời già	Tr- ớc đây	305	4.12	1.004
	Hiện nay	305	4.41	.764
Vấn đề SK của các thành viên GD	Tr- ớc đây	305	4.40	.853
	Hiện nay	305	4.47	.807
Các dịch bệnh xảy ra trong CD	Tr- ớc đây	305	3.95	1.124
	Hiện nay	305	3.99	1.127
ĐTB Nội dung sức khỏe tr- ớc đây	Tr- ớc đây	305	4.1836	.70441
	Hiện nay	305	4.3164	.65980

3.2 Những vấn đề trong cuộc sống gia đình:

Group Statistics

	Nhãm	N	Mean	Std. Deviation
Chia sẻ tâm t-, tình cảm cá nhân	Tr- ớc đây	305	3.72	1.160
	Hiện nay	305	3.88	1.075
Chia sẻ vấn đề KT của GD	Tr- ớc đây	305	3.65	1.246
	Hiện nay	305	3.76	1.240
Chia sẻ vấn đề th- ờng ngày	Tr- ớc đây	305	4.20	1.009
	Hiện nay	305	4.29	.936
Những băn khoăn, v- ướng mắc trong GD	Tr- ớc đây	305	3.64	1.181
	Hiện nay	305	3.75	1.139
ĐTB nội dung cuộc sống GD	Tr- ớc đây	305	3.8033	.94842
	Hiện nay	305	3.9189	.89255

3.3 Vấn đề họ hàng, quê hương, tín ngưỡng:

Group Statistics

	Nhãm	N	Mean	Std. Deviation
Công việc quê h- ơng, dòng họ	Tr- ớc đây	305	3.74	1.031
	Hiện nay	305	3.88	1.035
Tình hình ng- ời thân, họ hàng	Tr- ớc đây	305	3.76	1.029
	Hiện nay	305	3.92	.965
Duy trì nề nếp gia phong	Tr- ớc đây	305	4.19	.951
	Hiện nay	305	4.34	.897
Củng cố quan hệ họ hàng thân tộc	Tr- ớc đây	305	4.02	1.080
	Hiện nay	305	4.16	1.032
ĐTB Nội dung họ hàng, tâm linh tr- ớc đây	Tr- ớc đây	305	3.5484	1.00549
	Hiện nay	305	4.0787	.73306

3.4 Vấn đề văn hóa, văn nghệ:

Group Statistics

	Nhãm	N	Mean	Std. Deviation
Vấn đề VH, văn nghệ, TT trong n- ớc	Tr- ớc đây	305	3.50	1.150
	Hiện nay	305	3.55	1.180
Vấn đề VH, văn nghệ, TT quốc tế	Tr- ớc đây	305	3.27	1.225
	Hiện nay	305	3.29	1.246
Vấn đề an ninh, KT, CT đất n- ớc	Tr- ớc đây	305	3.92	1.020
	Hiện nay	305	4.05	1.037
Vấn đề an ninh, KT, CT thế giới	Tr- ớc đây	305	3.50	1.150
	Hiện nay	305	3.53	1.153
ĐTB Nội dung vấn đề VH, văn nghệ... tr- ớc đây	Tr- ớc đây	305	3.5484	1.00549
	Hiện nay	305	3.6033	.98132

3.5 Vấn đề học tập, trao đổi chuyên môn, nghiệp

Group Statistics

	Nhãm	N	Mean	Std. Deviation
Học tập mở rộng kiến thức bản thân	Tr- ớc đây	305	4.10	1.052
	Hiện nay	305	3.68	1.262
Sử dụng, trao đổi c/môn	Tr- ớc đây	305	3.77	1.363
	Hiện nay	305	2.95	1.413
Trao đổi chủ tr- ơng, CS nói chung	Tr- ớc đây	305	3.66	1.324
	Hiện nay	305	3.40	1.373
Trao đổi chế độ CS với NCT, NNH	Tr- ớc đây	305	3.41	1.335
	Hiện nay	305	3.64	1.164
ĐTB Nội dung học tập tr- ớc đây	Tr- ớc đây	305	3.7352	1.02165
	Hiện nay	305	3.4197	1.05896
ĐTB Nội dung giao tiếp tr- ớc đây	Tr- ớc đây	305	3.7638	.74871
	Hiện nay	305	3.8674	.65955

4. Hình thức giao tiếp

4.1 Hình thức giao tiếp trực tiếp

Group Statistics

	Nhãm	N	Mean	Std. Deviation
Đến thăm ng- ời thân, họ hàng	Tr- ớc đây	305	3.16	1.092
	Hiện nay	305	3.01	.675
Vui chơi, giải trí	Tr- ớc đây	305	2.59	1.530
	Hiện nay	305	3.30	1.107
Sang hàng xóm chơi	Tr- ớc đây	305	3.59	1.069
	Hiện nay	305	2.73	1.543
Đi tham quan, DL cùng GD	Tr- ớc đây	305	2.53	1.097
	Hiện nay	305	2.62	1.359
Đi tham quan, DL cùng bạn	Tr- ớc đây	305	2.52	1.133
	Hiện nay	305	2.65	1.120
Về thăm quê h- ơng	Tr- ớc đây	305	2.88	1.257
	Hiện nay	305	2.37	1.025
Tham gia HĐ dòng họ, quê h- ơng	Tr- ớc đây	305	2.98	1.226
	Hiện nay	305	3.07	1.376
ĐTB Hình thức giao tiếp trực tiếp tr- ớc đây	Tr- ớc đây	305	2.9554	.81691
	Hiện nay	305	3.1475	1.26486

4.2 Hình thức giao tiếp gián tiếp

Group Statistics

	Nhãm	N	Mean	Std. Deviation
Nói chuyện qua điện thoại	Tr- ớc đây	305	4.06	1.141
	Hiện nay	305	4.29	.844
Xem tivi	Tr- ớc đây	305	3.59	1.103
	Hiện nay	305	4.36	.985
Nghe đài	Tr- ớc đây	305	3.28	1.019
	Hiện nay	305	3.77	1.133
Giao tiếp qua Internet	Tr- ớc đây	304	2.05	1.452
	Hiện nay	305	2.10	1.100
Đọc tin tức trên Internet	Tr- ớc đây	305	2.63	1.817
	Hiện nay	304	2.77	1.503
Đọc sách báo	Tr- ớc đây	305	4.21	1.205
	Hiện nay	305	2.77	1.770
Viết th-	Tr- ớc đây	304	1.56	1.007
	Hiện nay	305	1.45	1.061
Đi lễ chùa/ nhà thờ	Tr- ớc đây	304	2.82	1.336
	Hiện nay	305	3.15	1.039
Thấp h- ơng cầu nguyện tại gia đình	Tr- ớc đây	304	4.00	1.122
	Hiện nay	305	4.11	1.387
ĐTB Hình thức giao tiếp gián tiếp tr- ớc đây	Tr- ớc đây	305	3.0562	.79526
	Hiện nay	304	3.4474	.94600
ĐTB Nhóm hình thức giao tiếp tr- ớc đây	Tr- ớc đây	305	3.168	.67477
	Hiện nay	305	3.1353	.77246

PHỤ LỤC 7

TƯƠNG QUAN

GIỮA CÁC YẾU TỐ CHỦ QUAN VÀ KHÁCH QUAN

VỚI ĐẶC ĐIỂM GIAO TIẾP CỦA NGƯỜI NGHỈ HƯU

Ở HÀ NỘI

		Đối t- ợng GT	Nhu câu GT	Nội dung GT	Hình thức GT	Quan hệ	Cảm nhận	Đánh giá	Tính cách
Đối t- ợng	PC	1	.321(**)	.524(**)	.428(**)	.363(**)	.303(**)	.584(**)	.550(*)
	Sig. (2-t)		.000	.000	.000	.000	.000	.000	.010
	N	305	305	305	305	305	305	305	305
Nhu câu	PC	.321(**)	1	.577(**)	.385(**)	.530(**)	.436(**)	.253(**)	.307(*)
	Sig. (2-t)	.000		.000	.000	.000	.000	.000	.010
	N	305	305	305	305	305	305	305	305
Nội dung	PC	.524(**)	.577(**)	1	.537(**)	.655(**)	.615(**)	.147(**)	.140(**)
	Sig. (2-t)	.000	.000		.000	.000	.000	.000	.000
	N	305	305	305	305	305	305	305	305
Hình thức	PC	.428(**)	.385(**)	.537(**)	1	.397(**)	.319(**)	.204(**)	.163(**)
	Sig. (2-t)	.000	.000	.000		.000	.000	.000	.000
	N	305	305	305	305	305	305	305	305
Quan hệ	PC	.363(**)	.530(**)	.655(**)	.397(**)	1	.509(**)	.040	.392(**)
	Sig. (2-t)	.000	.000	.000	.000		.000	.485	.000
	N	305	305	305	305	305	305	305	305
Cảm nhận	PC	.303(**)	.436(**)	.615(**)	.319(**)	.509(**)	1	.166(**)	.435(**)
	Sig. (2-t)	.001	.000	.000	.000	.000		.004	.000
	N	305	305	305	305	305	305	305	305
Đánh giá	PC	.584(**)	.253(**)	.147(**)	.204(**)	.040	.166(**)	1	.040
	Sig. (2-t)	.000	.000	.000	.000	.485	.004		.486
	N	305	305	305	305	305	305	305	305
Tính cách	PC	.550(**)	.307(**)	.140(**)	.163(**)	.392(**)	.435(**)	.040	1
	Sig. (2-t)	.010	.010	.000	.000	.000	.000	.486	
	N	305	305	305	305	305	305	305	305

** Correlation is significant at the 0.01 level (2-tailed).

* Correlation is significant at the 0.05 level (2-tailed).